làng văn

219
Tháng
11.2001

Nha-sĩ NGUYỄN CHÍNH CƯƠNG
Nha-sĩ VÕ THỊ LAN ĐÀI
Chirurgien Dentiste/Clinique Médicale RACHEL
4298 Rue St-Denis, Montréal, lầu hai, phòng 04
(Métro Mont-Royal hoặc Bus 30) **Tel: (514) 849-1038**

Luật-sư
NGUYỄN XUÂN NGHĨA
CHUYÊN VỀ DI-TRÚ VÀO HOA-KỲ

Văn phòng Cali:
19112 E. Center Ave.
Orange
California 92869
Tel / Fax:
(714) 633-5997

Văn-phòng DC:
6269 Leesburg Pike
Suite #306
Falls Church, VA 22044
Tel: (703) 237-5273
Fax: (703) 532-7453

ALCO
SOLUTION INFORMATIQUE
METRO PLACE-DES-ARTS
95 Ste-Catherine Ouest, Montréal
Tél. (514) 843-3155
www.alco.qc.ca Email: service@alco.qc.ca

Luật su / Avocat
LƯƠNG VĂN TUẤN
1114 Beaubien Est, Suite 206, Montréal
Tél: (514) 272-0503 - Fax: (514) 270-1143

Chuyên viên Tài-chánh & Bảo-hiểm Nhân-mạng
Châu Võ Thành Tường, B.SC., A.V.C.
279 Place de la Poudière, Verdun, Qc., H4G 3K5
(Métro Lasalle) - Tél: **(514) 767-2874**

TIỆM VÀNG - BIJOUTERIE
HOÀNG KIM
Mua bán & sửa chữa nữ trang
VÀNG • CẨM THẠCH • HỘT XOÀN
6700 Côte des Neiges #214 *Tel: (514) 344-5692*
Montréal, Québec H3S-3B2 *Fax: (514) 344-8221*
4300 Steeles East, #A-201 **Tel: (905) 944-1900**
Markham, Ontario L3R 0Y5

CẦN THƯ-MỤC LÀNG VĂN?
Xin xem trên báo Xuân, hoặc vi-báo Làng Văn
www.tapchilangvan.com
MUỐN NGHE NHẠC, ĐỌC TIN MỚI,
BÁO CŨ, THƠ, TRUYỆN CƯỜI,..
Xin đến viếng vi-báo Làng Văn
www.tapchilangvan.com

Luật su **ĐÀO XUÂN HÒA**
(Nguyên Luật-su Tòa Thượng-thẩm Sài-gòn)
7304A St. Denis, Montréal, H2R 2E2
Tel: (514) 279-7540

Văn-phòng Bảo-hiểm và Dịch-vụ
NGUYỄN BÁ DĨNH
4860 Circle Rd., Montréal
Tél: (514) 482-9153

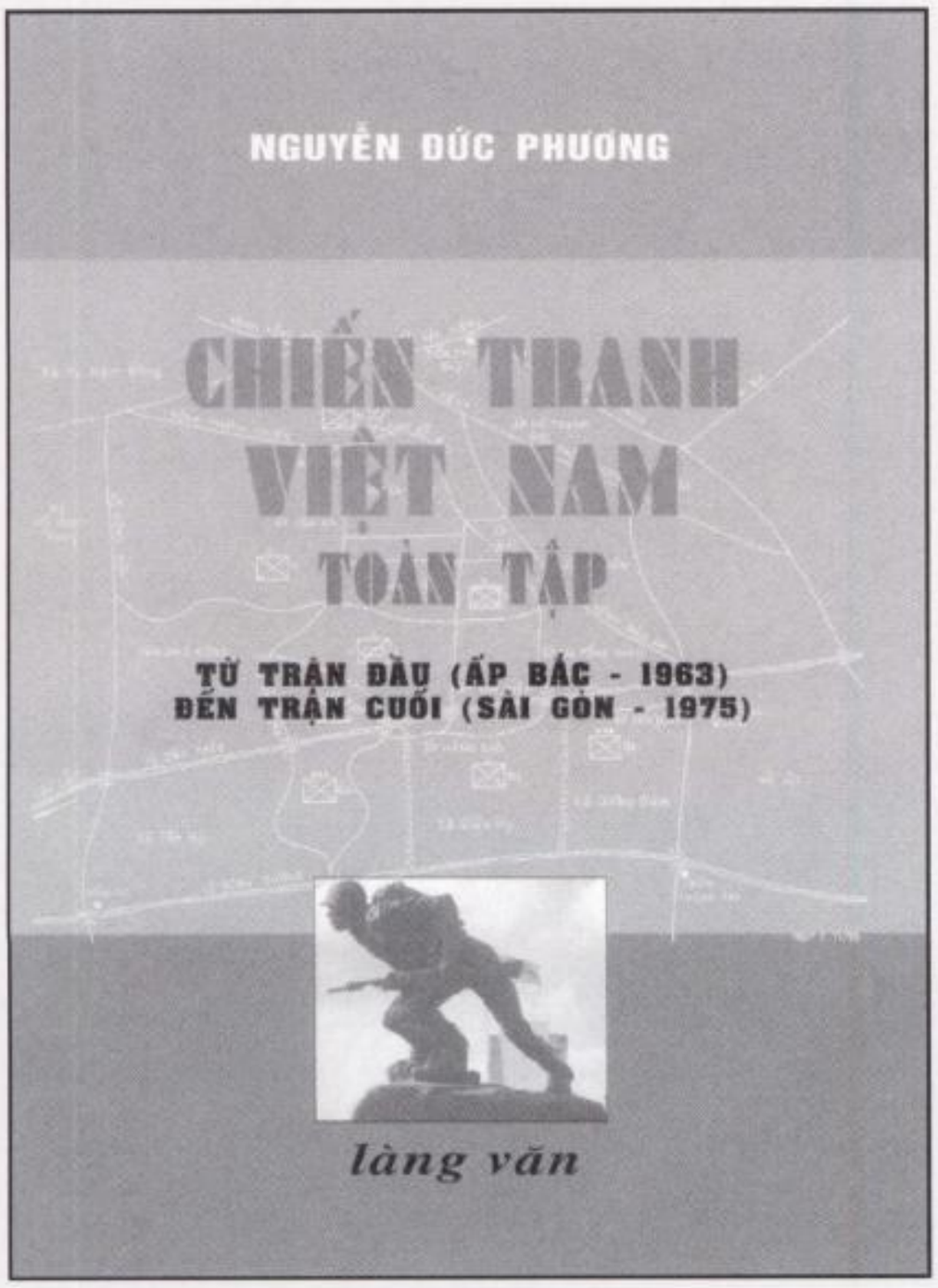

Sách in tuyệt đẹp, trình-bày rõ-ràng, hợp-lý
Dày 960 trang khổ lớn, bìa cứng có jacket
Giá 45 mỹ-kim (72 gia-kim) kể cả cước-phí

Một xuất-phẩm đại-gia-đình cựu quân-nhân QL/VNCH và con em nên có trong nhà:

Cuốn sách viết đầy-đủ, công-bằng và trung-thực nhất về chiến-tranh Việt-nam, qua:

- *53 trận đánh lớn, kèm sơ-đồ, diễn-tiến, kết-quả.*
- *Nhận-định của tác-giả về chiến-tranh VN.*
- *Lịch-sử, tổ-chức, ưu-khuyết-điểm của Quân-lực VNCH*
- *Quân-đội Mỹ tại Việt-nam.*
- *Quân-đội CS Bắc Việt và Việt Cộng*
- *Một số chiến-cụ thông-dụng tại chiến-trường Việt-nam.*
- *Toàn văn Hiệp-định Genève 1954*
- *Toàn văn Hiệp-định Paris 1973*
- *Cựu Trung-tướng Trần Văn Trung, Tổng Cục Trưởng Tổng Cục Chiến-Tranh Chính-Trị đọc và viết lời giới-thiệu.*
- *Với sự giúp-đỡ của 12 cựu tướng-lãnh, 20 cựu đại-tá, 7 cựu trung-tá và 7 cựu thiếu-tá QL/VNCH*

Liên-lạc:
LÀNG VĂN
P.O. Box 218 Station "U"
Toronto, Ontario M8Z 5P1
Canada

làngvăn

tapchilangvan@yahoo.com
www.tapchilangvan.com

P.O. Box 218, Station "U"
Toronto, Ont., M8Z 5P1, Canada
Tel: (905) 607-8010 / Fax: (905) 607-8011

Publications Mail Agreement #461709
Customer Account No: 2042916-99
Printed in Canada - Published 12 times a year
(Publications Class Mail Reg. No: 8040)
ISSN: 0832-1922 - LDN: 310578

Volume XIX - No 219 - November 2001
Năm thứ 18 - Bộ 19 - số 219 - tháng 11 năm 2001

TRONG SỐ NÀY:

Thế-giới 30 ngày qua.....2
Cuộc chiến chống khủng-bố.....4
Tin Việt-nam.....9
Trong làng.....14
Ngoài xã.....16
Hội-thảo tại Nam Cali về lời vu-cáo của tu-sĩ Nhất Hạnh.....23
Khuôn mặt méo của tôn-giáo, Nguyễn Văn Thông.....27
100 năm giải Nobel Văn-học, Hồng Huy.....30
Cuộc đời trước mặt: bệnh than (Anthrax), BS Nguyễn Đức An.....45
Chuyện người chuyện ta: Sân khấu mới, đào kép cũ, Sơn Tùng.....46
Diệt khủng-bố, thơ Phan Long Yên.....48
Cánh rừng ngủ yên, truyện ngắn Hoàng Nga.....50
Tháng chín ôi buồn như tháng giêng, thơ Trần Vấn Lệ.....54
Khi người yêu tôi khóc, truyện ngắn Tôn Nữ.....57
Cụm lục-bình, Thơ Vân Nương.....61
Chúc thư, truyện ngắn Hoàng Du Thuy.....64
Quyển sách ước, thơ Nhí Tiểu Thư.....66
Đày-đọa, thơ BHT.....69
Xóm cũ: Miếu Bà Chúa Xứ, Huy Vũ.....70
Vỗ-về, thơ Phan Thịnh.....73
Thu Hứng, thơ Thảo Chi.....74
Bến Tre xanh thẳm bóng dừa, truyện dài Xuân Vũ.....75
Nhó, thơ Nguyễn Văn Ngọc 76
Vật vờ, truyện dài Nguyễn Hoài Phương.....79
Thực tại, thơ Cao Hoàng Nhân.....82
Tình hận, truyện dài xã-hội đen của Tống Minh Long Quân.....85
Đường lên Ukiah, thơ Phạm Hồng Đậm.....88
Lạnh lùng, thơ Lê Hữu Minh Toán.....91
Độc-giả thắc mắc, Bút Chì.....93
Diễn-đàn: Đọc sách "Tổ quốc ăn năn", Trần Xuân Ninh.....95
Cộng-sự-viên của cố Thủ-tướng Trần Văn Hữu lên tiếng.....102
Tài-liệu: Mohamed và Hồi-giáo, Trương Tuần.....103
Những kẻ biểu-tình phản-chiến nên suy nghĩ lại.....107
Cười chết bỏ, Cả Cười.....109
Thư đi tin lại, Nguyên Hương.....111

Bìa: *Chiều thu*, ảnh Lê Quang Xuân

Chủ-nhiệm, Chủ-bút:
Nguyễn Hữu Nghĩa

Toà-soạn và trị-sự:
Nguyên Hương

Cộng-tác thường-xuyên:
Bùi Hữu Trí - Bút Chì - Cao Hoàng Nhân - Cung Vũ
Diên Khánh - Dương Thị Vành Khuyên
Đào Trường Phúc - Hoàng Nga - Hồng Huy
Hương Giang Thái Văn Kiểm
Khải Chính Phạm Kim Thư - Lãng Nhân Phùng Tất Đắc
Lộc Quy - Lê Hữu Mục - Mõ Làng Văn
Ngô Nguyên Dũng - Nguyên Hương - Nguyên Phong
Nguyễn Duy Tâm - Nguyễn Đăng Tuấn
Nguyễn Hoài Phương - Nguyễn Hữu Nhật
Nguyễn Huy Phước - Nguyễn Nhạn Sơn
Nguyễn Văn Cường - Nguyễn Văn Ngọc
Nguyễn Văn Thông - Phan Các Chiêu Hằng
Phan Long Yên - P. Đan Hà - Phương Liên
Sơn Tùng - Thuý Sơn - Tiểu Đăng - Tuệ Nga - Tự Tình
Tống Minh Long Quân - Trần Ngân Tiêu
Trần Văn Tích - Trần Vấn Lệ - Tuỳ Anh - Vạn Giã
Vạn Lam - Vân Nương - Việt Chi - Việt Phương
Việt Thao Đào Đức Chương - Xuân Tước - Xuân Vũ

Đóng góp bài vở:
Bạch Thái Hà - Bùi Xuân Vũ - Cao Xuân Lý - Diệu Tần
Dương Kim - Đặng Thị Quế Phượng - Đông Nghi
Hải Ngữ - Hoài Việt - Hoàng Chính - Hoàng Du Thụy
Hoàng Hải Thủy - Hồng Ân - Huy Vũ - Huỳnh Liễu Ngạn
Lãm Thúy - Lê Hữu Minh Toán - Minh Đạo
Minh Đức Hoài Trinh - Nam Chi Thượng Nhân
Nam Man Lâm Nam Triều Nghiêu Minh - Ngọc Anh
Ngô Du Trung - Nguyên Hoàng Bảo Việt - Nguyên Khanh
Nguyễn Bá Dĩnh - Nguyễn Hải Hà
Nguyễn Mạnh An Dân - Nguyễn Thị Vinh - Nguyễn Tư
Nguyễn Ước - Nguyễn Xuân Hiến - Nguyệt Cầm
Phan Nguyễn Minh Minh - Phan Thịnh
Phạm Hồng Đậm - Phạm Quang Ngọc - Phạm Tâm Phố
Phạm Thành Châu - Phạm Thăng - Phùng Nhân
Thiên Di - Thúy Trang - Tôn Nữ - Trần Mộng Lâm
Trường Sơn Lê Xuân Nhị - Trường Xuân Triệu
TT Mây Trên Ngàn - Vi Vi - Vy Khâm - Võ Phiến

Minh-hoạ:
Nguyễn Nhật Tân

Góp tranh, ảnh:
Babui - Bùi Mỹ Hoa - Lê Quang Xuân - Minh
Nguyên Khai - Nguyễn Đồng - Nguyễn Thị Hợp
Tăng Sở Dương - Thái Tuấn - T. Nguyễn
Vi Vi - Vũ Thái Hòa

Tri-ân các cộng-tác-viên quá-cố:
Thanh Nam, Trần Cao-Lĩnh, Tử-Vi Lang
Bình Nguyên Lộc, Nguyễn Tất Nhiên
Kinh Tân, Phạm Văn Cương, Lê Thao Chuyên,
An Khê, Ngọc Khôi, Duyên Anh, Trương Ái Minh,
Vi An, Mai Thảo, Tô Giang, Nguyễn Đình Hoà,
Nguyễn Văn Ba, Nguyễn Xuân Lê, Vũ Kiện
Quỳ Hương, E.P. (Lê Kiều Phương),
Đinh Huỳnh, Đan Quế, Huỳnh Hữu Cửu

Giá báo bán lẻ
Gia-nã-đại: 5 gia-kim; Hoa-kỳ: 5 mỹ-kim
Pháp: 50 quan; Úc: 7 úc-kim; Bắc Âu: 50 krones
Nhật: 700 yen; các nước khác: 5 mỹ-kim

Mua báo dài hạn: xem Lẻ Làng trang 119

ĐẠI-DIỆN LÀNG VĂN

. *MONTRÉAL:*
Võ Bá Thiện
ĐT: (514) 766-8323
Fax: (514) 766-8531
Pagette: (514) 202-7256

. *MASSACHUSETTS:*
Hoàng Thị Kim Sinh
ĐT / Fax: (781) 961-3467

. *TEXAS:*
Trương Sĩ Lương
ĐT: (817) 265-6356
Fax: (817) 548-8563

. *LITTLE SAIGON, CALI:*
Ngọc Vân
ĐT: (714) 893-2018

. *LOS ANGELES, CALI:*
Trần Vấn Lệ
ĐT: (213) 250-3731

. *FLORIDA:*
Linh Phương
ĐT: (407) 578-8006

. *PA & NEW YORK:*
Nguyễn Đăng Tuấn
ĐT: (610) 258-1719
Fax: (610) 258-2037

. *NEW JERSEY:*
Nguyễn Huy Phước
ĐT: (609) 665-3654

. *HAWAII:*
Trần Ngọc
ĐT: 808-942-4648

. *HÒA-LAN:*
Hồ Thị Chiến
ĐT: 0229-231-666

. *ĐỨC:*
Dr. Ngô Việt Dũng
Điện-thoại: 2316-56949

. *NA-UY:*
Dương Kim
ĐT / Fax: 9288-8393

. *ÚC:*
Đan Hà Nguyễn Văn Tạ
ĐT: 02-9742-3946

thế-giới 30 ngày qua

Thiệt-hại kinh-tế do vụ khủng bố 11 tháng 9 ở Mỹ đã lan sang nhiều nước khác, nặng nhất là á-châu, nhất là các ngành hàng-không, du-lịch, khách-sạn, chế-tạo xe hơi và phụ-tùng điện-tử. Lượng xe Nhật và Đại Hàn bán sang Mỹ và Âu-châu giảm đi 1/4.

Tại Thụy-sĩ, hãng hàng-không Swissair bị lỗ nặng. Tất cả 77 chiếc phi-cơ của hãng này đã nằm ụ vì không đủ khách để mở các chuyến bay khiến Swissair cần giúp khẩn-cấp 900 triệu mỹ-kim nhưng các ngân-hàng từ chối cho vay. Chính-phủ Thuỵ-sĩ đã giúp 278 triệu mỹ-kim để công-ty này hoạt-động cho hết tháng 10, hy vọng sau đó nhờ dịp Giáng sinh sẽ tái phục hồi.

Tại Ai-nhĩ-lan, hãng hàng-không Air Lingur sa-thải 2500 nhân-viên.

Tại Bỉ, 11 người Cuba tị-nạn đã kiện Fidel Castro ra trước toà án quốc-tế ở Bruxelles về tội chống nhân-loại. Trong số nguyên đơn có một ký-giả 86 tuổi, bị Fidel giam 20 năm, tra tấn bằng điện 14 lần. Theo cáo-trạng, trong 40 năm cầm quyền, Fidel Castro đã sát hại khoảng 100.000 người Cuba. Nếu bị kết tội, Fidel Castro có thể bị lãnh án 30 năm tù.

Tại Nga, xác chiếc tàu ngầm nguyên-tử Kursk nặng 18.000 tấn, đã được kéo về quân-cảng Roslyyakovo ở bán đảo Kola. Tàu này phát nổ và chìm ngày 12.8.2000, khiến 118 thủy-đoàn chết thảm.

Tại Na-uy, Tổ-chức Liên-hiệp-quốc và Tiến sĩ Kofi Annan, 63 tuổi, người Ghana, Tổng Thư-ký, được trao giải Nobel Hoà-bình. Liên Hiệp Quốc được thành-lập năm 1945, hiện có 50.000 nhân-viên.

Ông Kofi Annan, Tổng thư ký thứ bảy của LHQ có công tái-lập hoà-bình ở Phi-châu, và phát-động phong-trào chống bệnh Liệt-kháng.

Giải-thưởng trị giá 943.000 mỹ-kim sẽ được chia đôi, ông

Fidel Castro, 75 tuổi, sát hại 100.000 người Cuba trong 40 năm

TTK Kofi Annan, Nobel Hoà-bình

TTK được phân nửa và LHQ được phân nửa.

Ngoài ra, Na-uy trao giải Nobel Văn-học cho ông Vidiadhar Surajprasad Naipaul, 69 tuổi, nhà văn Anh gốc Ấn, ra đời ở Trinidad. Ông tốt-nghiệp Văn-chương Anh tại Đại-học Oxford và hiện cư-trú ở Anh, được Nữ-hoàng phong tước Hiệp-sĩ (Sir) năm 1990.

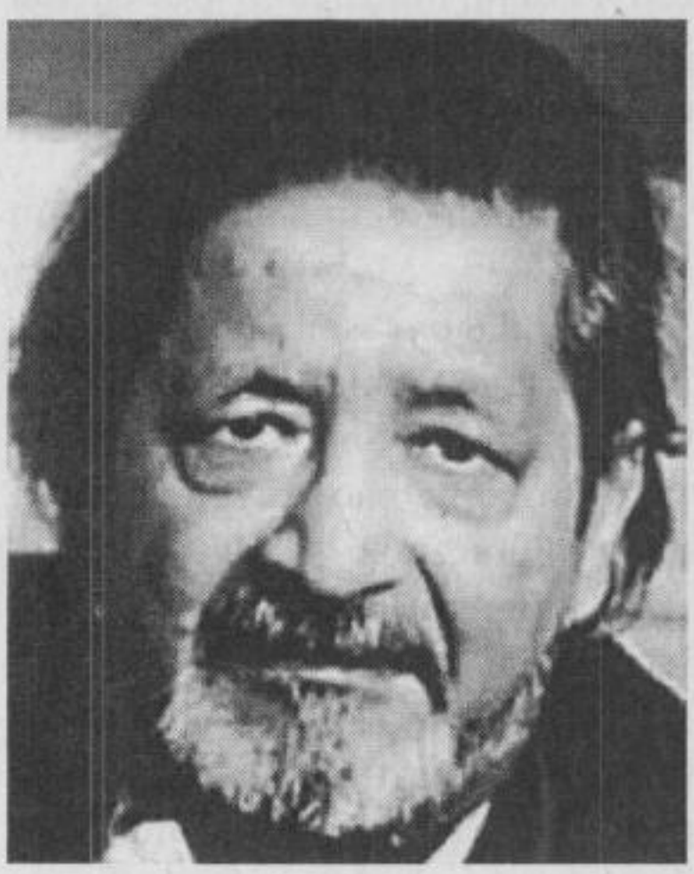

Sir Vidiadhar Surajprasad Naipaul, 69 tuổi, Nobel Văn-học

Tại Trung Đông, hôm 4.10, một chiếc máy bay thuê bao của hãng hàng-không Sibir của Nga trên đường từ Do-thái đến Tây-bá-lợi-á, đã bị hoả-tiễn phòng không của Ô-khắc-lan (Ukrain) bắn hạ vì tai-nạn. Chiếc máy bay nổ tung và rơi xuống gần bờ Hắc hải, 76 người chết, trong đó có 52 hành-khách Do-thái, còn lại là hành-khách và phi-hành-đoàn 12 người Nga. Chính-phủ Ô-khắc-lan đã nhận lỗi sau nhiều lần chối.

Tại Do-thái, biệt-kích Do-thái lần-lượt ám-sát 3 lãnh-tụ của cánh khủng-bố thuộc Mặt trận Bình-dân Giải phóng Palestine (PFLP). Phe này trả đũa, ám-sát ông Zeevi, 75 tuổi, cựu tướng-lãnh, hiện là bộ-trưởng Bộ Du-lịch của Do-thái. Do-thái đổ quân sang chiếm vùng Tây Ngạn và dải Gaza. Ông Yasser Arafat, Chủ-tịch Palestine lên án vụ ám-sát và đặt PFLP "ngoài vòng pháp-luật."

Tại Đông Hồi (Bangladesh), trong cuộc bầu cử Quốc-hội, đảng Quốc-gia của bà cựu thủ-tướng Begum Khaleda Zia chiếm được 185 trong 300 ghế dân-biểu, đánh bại đối-thủ của bà là bà Hasina, cũng là cựu thủ-tướng.

Tại Mã-lai, chính-phủ đã hoàn-tất việc nghiên-cứu kế-hoạch trị giá 2,5 tỉ mỹ-kim, kiến-thiết hệ-thống thiết-lộ dài 1016 cây số xuyên qua 6 nước A-châu: Tân-gia-ba, Mã-lai, Thái-lan, Cao-miên, Việt-nam và Côn-minh (Trung Cộng). Dự-án này sẽ hoàn-tất năm 2006.

Tại Phi-luật-tân, toà đã ra lệnh bắt giam bà Imelda Marcos, cựu đệ nhất phu-nhân, về tội làm chủ 28 triệu mỹ-kim lai-lịch không rõ-ràng, gửi trong một ngân-hàng ở Thuỵ-sĩ.

Toà bắt đóng thế chân 2350 mỹ-kim để được tại ngoại hậu tra. Trước vụ 28 triệu này, ngân-hàng Thuỵ-sĩ đã theo lệnh toà-án địa-phương, phong-toả trương-mục và sau đó trả cho ngân-khố Phi 500 triệu mỹ-kim đứng tên bà Imelda Marcos.

Trước đây, Quốc-hội Phi-luật-tân đã điều-tra và kêu án đương-kim tổng-thống Estrada về tội tham-nhũng.

Quả-phụ Imelda Marcos ra toà vì không chứng-minh được nguồn gốc 28 triệu Mỹ kim bằng

Úc tìm ra xương khủng-long Sauropod, sống cách đây 95 triệu năm. Đây là loại khủng-long ăn cỏ, cao 9 mét, dài 20 mét, nặn từ 20 đến 30 tấn.

Tại Mỹ, tin từ DC cho biết, Interpol đã bắt giữ 225 người, liên-quan đến việc trợ giúp quân khủng-bố, âm-mưu tấn-công 4 cơ-sở Mỹ ở Pháp, Bỉ, Thổ-nhĩ-kỳ và Yemen.

Hãng Motorola cắt giảm 7000 nhân viên vì lỗ-lã.

Cựu tổng-thống Bill Clinton đã bị toà Tối Cao rút giấy phép hành nghề luật-sư hôm 1.10 và cho 40 ngày để kháng án. Hồi tháng 4, Arkansas đã cấm Bill Clinton hành nghề luật-sư ở tiểu-bang này trong 5 năm và phạt 25.000 mỹ-kim.

Tại tiểu bang nắng ấm California, dân-số tiếp-tục tăng đều, thêm 600.000 người mỗi năm, phần lớn do sinh đẻ. Tiểu bang này hiện có tới 34 triệu dân, đông hơn dân-số của quốc-gia rộng thứ nhì thế-giới là Gia-nã-đại.

Tiểu-bang Oklahoma bị bão lốc. Thị-trấn Cordell bị sập 150 nhà, 2 người mất-tích, 7 người bị thương.

Tiểu bang Nebraska cũng bị 6 trận bão lốc, gây thiệt hại cho 4 quận ở miền trung.

Năm 2000, trên toàn quốc nước Mỹ có 50.545 cụ sống trên 100 tuổi, tăng 35% so với 10 năm trước đó. Phần lớn các cụ sống bình-thường, lành mạnh, không hút thuốc lá.

Sau cùng, tin từ thủ-đô Hoa-thịnh-đốn cho biết, 6 người trong đoàn vũ-công cổ-truyền của Cao-miên sang trình-diễn tại Trung-tâm Kennedy, đã xin tị-nạn tập-thể. Lý-do xin tị-nạn là vì, Hoa-kỳ là quốc-gia tôn-trọng tự-do và nhân-quyền. ●

Cuộc Chiến Chống Khủng-Bố

. Tổng-kết của Làng Văn

Liên-kết

Hoa-kỳ và Anh-quốc đã bắt tay nhau, đứng ra vận-động thành-lập Liên-minh quốc-tế chống khủng-bố. Gia-nã-đại, Đức, Pháp, Tây-ban-nha Ấn-độ và Úc đã chính-thức lên tiếng sẵn-sàng gửi quân tham-gia. Nhật không gửi quân tác-chiến, nhưng đã thông qua đạo-luật chống khủng-bố, cho phép Lực-lượng phòng-vệ quốc-gia này (tương-đương với quân-đội, vì Nhật không được phép thành-lập quân-đội) nhận công-tác hậu-phương như tiếp-liệu, y-tế, cứu-cấp, v.v.

Tổng-thống Putin của Nga đã bay sang Bỉ hôm 3.10 để gặp các nhà lãnh-đạo của khối Minh-ước Bắc Đại-tây-dương để có chương-trình hành-động chung. TT Putin cũng đã mật đàm với ông Frank Taylor, Đặc-sứ chống khủng-bố của Mỹ. TT Putin xác-định, biện-pháp quân-sự không đủ để diệt khủng-bố, mà phải áp-dụng song song nhiều phương-thức khác.

Trong bài nói chuyện ở bản doanh Cơ-quan liên-bang quản-trị khẩn-cấp (FEMA) hôm 1.10, TT Mỹ George W. Bush loan báo, các nước đã cùng Hoa-kỳ chặn đứng nguồn tiếp-vận của Osama bin Laden, bằng cách phong-toả 50 chương-mục ngân-hàng của 26 cá-nhân và tổ-chức liên-hệ đến tổ-chức Al Qaeda.

Thủ-tướng Anh Tony Blair sau khi bay sang Mỹ gặp Tổng-thống Hoa-kỳ đã bay sang Nga và các nước chung quanh A-phú-hãn để dàn-xếp dọn đường cho liên-quân vào tấn-công bạo quyền Taliban đang khống-chế A-phú-hãn và nuôi dưỡng quân khủng-bố Osama bin Laden.

Tổng-thống Musharraf của Hồi-quốc và Thủ-tướng Tony Blair của Anh đã họp báo chung hôm 5.10 tại thủ-đô Islamabad. Trong

Thủ-tướng Anh Tony Blair (bên trái) là người tất-tả xuôi-ngược khắp thế-giới để vận-động, kết-hợp mặt trận chống khủng-bố. TT Nga Vladimir Putin, xuất thân trùm KGB, người có nhiều kinh-nghiệm đối-phó với quân Hồi-giáo.

Tướng Pervaez Musharraf, Tổng-thống Hồi-quốc (Pakistan), nước duy-nhất còn bang-giao với bạo-quyền Taliban, và là 2 trong 6 nước chung quanh A-phú-hãn cho phép Mỹ đặt căn-cứ tiếp-vận và cứu-cấp trong cuộc hành quân.

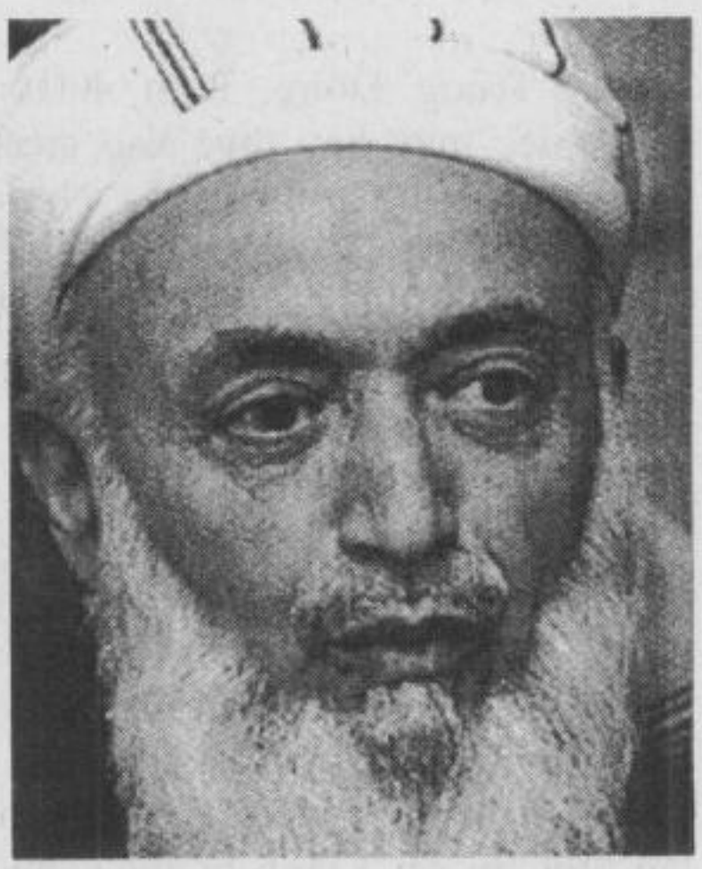

Thi-sĩ Burhanuddin Rabbani, 61 tuổi, Tổng-thống A-phú-hãn, lưu-vong sang Tajiskistan sau khi bị quân Taliban cướp chính-quyền. Cho tới nay, ông Rabbani vẫn được Liên-hiệp-quốc coi là tổng-thống của A-phú-hãn. Ông là thành-viên của Liên minh Bắc quân.

cuộc họp báo này, TT Hồi-quốc tuyên-bố các chứng-cớ buộc tội Bin Laden tấn-công vào Mỹ ngày 11.9 đã đủ vững, và ông tán-thành một chính-phủ mở rộng ở A-phú-hãn sau khi Taliban bị loại. Hồi-quốc xác-định cho phép liên-quân sử-dụng không-phận để tấn-công quân Taliban. Hồi-quốc cũng cho liên-quân sử-dụng một số căn-cứ quân-sự cùng phi-trường của họ trong mục-đích tiếp-tế, tản thương và cứu-trợ nhân-đạo. Anh-quốc viện-trợ cho Hồi-quốc 40 triệu mỹ-kim để cứu-trợ dân tị-nạn A-phú-hãn. Sau Hồi-quốc, Thủ-tướng Blair bay sang Ấn-độ, hội-đàm cùng Thủ-tướng Vajpayee, trước khi bay về Mạc-tư-khoa gặp Tổng-thống Putin của Nga.

Trong khi Thủ-tướng Anh làm việc ở Hồi-quốc thì Tổng-trưởng Quốc-phòng Mỹ, ông Donald Rumsfeld hội-đàm cùng Tổng-thống Kamirov của Cộng-hoà Uzbekistan, một nước láng diềng ở phía Bắc A-phú-hãn. Uzbekistan cho phép Mỹ sử-dụng một phi-trường để phi-cơ vận-tải và trực-thăng sử-dụng trong các công-tác nhân-đạo và tầm cứu. Để bảo-đảm an-ninh cho phi-trường, Mỹ gửi 1000 quân thuộc Sư-đoàn 10 Mountain tới Uzbekistan, và đơn-vị đầu-tiên của Sư-đoàn này đã đổ bộ thành-công, trấn đóng dọc theo biên-giới phía Bắc của A-phú-hãn.

Tại Ý, ông Mohammad Zahir Shah, 86 tuổi, cựu hoàng A-phú-hãn, đã hội-đàm với đại-diện của Liên-minh A-phú-hãn, bàn về việc thành-lập Hội-đồng đoàn-kết tối-cao gồm 120 người để điều-hành quốc-gia, chống lại bạo-quyền Taliban. Cựu hoàng Zahir bị người em chú bác soán ngôi từ năm 1973, phải lưu-vong sang ý. Khoảng 10.000 người Mỹ gốc A-phú-hãn đã liên-lạc nhau, chuẩn-bị trở về tái-thiết xứ sở của họ một khi quân Taliban không còn khống-chế chính-quyền.

Liên-minh A-phú-hãn là tàn quân của chính-phủ thân Nga, bị quân Taliban (do Mỹ yểm-trợ) đẩy lùi lên tận biên-giới phía Bắc, chỉ kiểm-soát được 5% lãnh-thổ quốc-gia. Hiện Liên-minh A-phú-hãn được cả Mỹ lẫn Nga giúp để chống lại Taliban, và dần dần đã kiểm-soát được 20% lãnh-thổ.

Ngoại-trưởng Jaswant Singh của Ấn-độ xác-nhận: lập-trường của Ấn-độ là đứng về phía cộng-đồng quốc-tế để chống khủng-bố.

Nữ Tổng-thống Megawati của Nam-dương cũng lên tiếng ủng-hộ cuộc đấu-tranh chống khủng-bố, và Quốc-hội Nam-dương ủng-hộ lập-trường của bà. Chính-phủ Nam-dương cử cả một lực-lượng cảnh-sát khổng-lồ 5000 người để bảo-vệ tòa đại-sứ Mỹ ở Jakarta.

Chủ-tịch Giang Trạch Dân của Trung Cộng đã lên tiếng trực-tiếp với TT Gerge W. Bush tại hội-nghị APEC ở Thượng-hải hôm 20.10, rằng Trung-quốc ủng-hộ cuộc chiến chống khủng-bố.

Úc cũng đã tập-trung xong 1550 biệt-kích-quân, 4 chiến-đấu-cơ, 3 khinh-tốc-đỉnh và 2 phi-cơ tiếp xăng trên không, sẵn-sàng gửi sang A-phú-hãn để trợ-lực Anh và Mỹ.

Trong khi đó tại A-phú-hãn, nội-tình quân Taliban có vẻ rối loạn. Lực-lượng cảnh-sát tôn-giáo không còn tuần-hành trên đường phố Kabul và thành-phố Kandahar, trọng địa của Taliban. Làn sóng đào-ngũ đã lan rộng, một số chạy lên miền Bắc đầu hàng Liên-minh A-phú-hãn, một số chạy sang Hồi-quốc. Nhóm đầu thú tuyên-bố, họ không muốn chết cho lãnh-tụ Omar hay thủ-lãnh Osama. Họ tin chắc rằng Omar sẽ không giao nộp Osamar và chiến-tranh sẽ bùng nổ. Dù vậy, Taliban đã cho lùng sục khắp mọi nhà để bắt lính từ 12 tuổi trở lên.

Tại miền Bắc, Liên-minh A-phú-hãn đã chọn phó tướng Braba Ghan lên thay vị tổng tư-lệnh của họ đã bị Taliban giết chết bằng bom tự-sát hồi đầu tháng 9 vừa qua. Ông Ghan đã hội-đàm với các viên chức tiền phương của Mỹ. Ngoại trưởng Abdullah của Liên minh cũng đã bay sang họp kín với các nhà lãnh-đạo của Tajikistan. Liên-quân chuẩn-bị tái-chiếm thủ-đô Kabul.

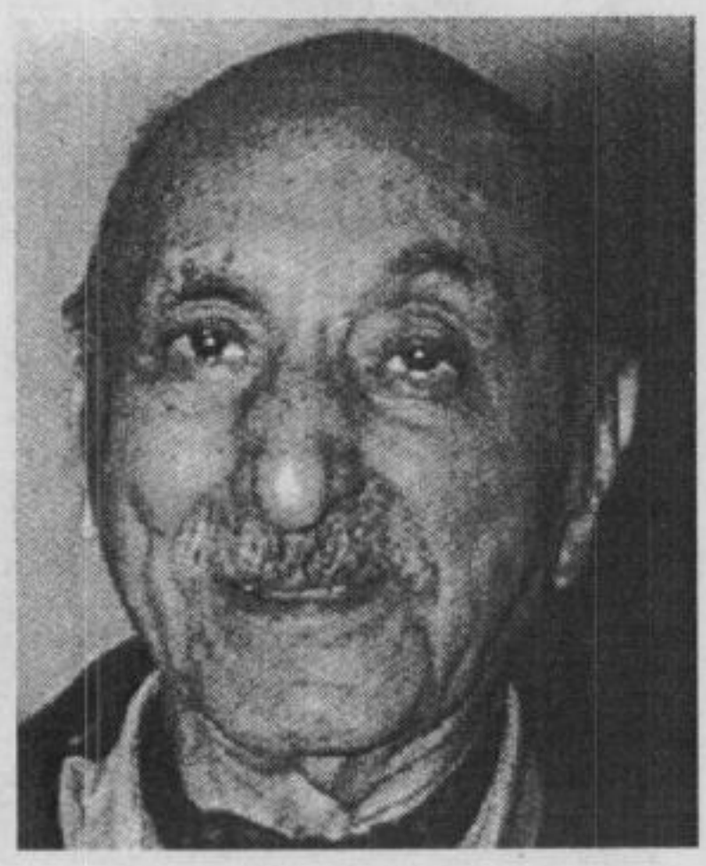

Cựu hoàng A-phú-hãn Mohammad Zahir Shah, 86 tuổi, bị soán ngôi năm 1973, hiện lưu-vong tại Ý.

Ismail Khan, 54 tuổi, anh-hùng chống Nga của Taliban, hiện chiến-đấu trong hàng-ngũ Liên-minh Bắc quân.

Phản chiến, phản quốc và phản đạo

Mặt khác, về phía các chính-phủ, trừ Iraq, hầu như không một quốc-gia Hồi-giáo nào chính-thức lên tiếng phản-đối Liên-minh chống khủng-bố. Tuy-nhiên về phía dân-chúng, hơn 2/3 dân Hồi-giáo phản-đối việc Anh-Mỹ chuẩn-bị tấn-công vào A-phú-hãn. Tại Islamabad, thủ đô Hồi quốc (Pakistan) các vụ biểu-tình đốt hình nộm TT Bush, đốt cờ Mỹ, tung-hô Osama bin Laden xảy ra hàng ngày. Tại tỉnh Waziristan, hàng ngàn người biểu-tình, hát quốc-ca Taliban, thề bảo-vệ thủ-lãnh Bin Laden. Lãnh-tụ đảng-bộ Jamiat Ulema Islam tuyên-chiến với Liên-minh chống khủng-bố, và cho biết có thể tập-trung được 150.000 chí-nguyện quân Hồi-quốc để kéo sang A-phú-hãn đánh Mỹ. Tại Kenya, Libya, Nam-dương và Mã-lai, phong-trào chống Mỹ, ủng-hộ Bin Laden, cũng lên cao. Các cuộc biểu-tình đốt cờ Mỹ diễn ra hầu như hàng ngày trước các toà đại-sứ Mỹ tại hai quốc-gia này. Nhiều biểu-ngữ tố-cáo Do-thái nhúng tay vào vụ tấn-công ngày 11.9 tại Mỹ. Thủ-tướng Mã-lai Mahathir Mahamad tuyên-bố, sẽ không có giải-pháp cho vấn-đề khủng-bố, nếu Palestine còn bị đàn-áp. Tại Nam-dương, 10.000 tín-đồ Hồi-giáo phất cờ Taliban, biểu-tình suốt tháng 10, với bài hát thánh chiến *"Dòng máu ta đang sôi"*, đốt cờ Anh Mỹ cùng hình nộm Thủ-tướng Blair và TT Bush.

Ngay trên đất Mỹ, nhiều cuộc biểu-tình phản-chiến cũng đã diễn ra tại New York và thủ-đô Hoa-thịnh-đốn, tuy không đốt cờ Mỹ và chưng ảnh Osama bin Laden như hoạt-cảnh diễn-ra hàng ngày tại các nước Hồi-giáo. Howard Zinn, Bill Leary, Machael Borlson, tu-sĩ Nhất Hạnh,.. những khuôn mặt phản chiến thời chiến-tranh VN, một lần nữa cũng đã ra mặt thuyết-phục công-chúng Mỹ "tha-thứ" và đừng truy-nã quân khủng-bố. Tuy-nhiên, tình-hình đã thay-đổi. Quần-chúng Mỹ đã nhìn rõ thực tướng những tay múa rối này, và gọi họ là những kẻ "phản-bội", thay vì "phản-chiến." Một nhóm sinh-viên New York đứng nhìn đám đông 100 người biểu-tình chống chiến-tranh, nhận-định rằng nhóm người kia đã phản quốc, phản-đạo khi họ chống lại quốc-gia của họ, và cố-tình cắt nghĩa sai lạc những tín-điều mà các tôn-giáo dạy cho họ.

Trong khi đó, trên các diễn-đàn quốc-tế, nhiều nhóm Hồi-giáo đã lên tiếng: "Hồi-giáo là đạo hoà-bình. Quân khủng-bố là trái giáo-điều, và là những kẻ phản đạo. Osama bin Laden chẳng liên-quan gì đến Thượng-đế Al-lah. Thượng-đế sẽ trừng-phạt anh ta và quân Taliban về tội dùng danh-hiệu của Ngài để thực-hiện và kêu-gọi hành-động ác-đức."

Trận chiến bom đạn tại A-phú-hãn

Mỹ đã tập trung 4 hạm đội tại vùng vịnh, dùng các hàng-không mẫu hạm làm tuyến xuất-phát và đổ quân A-phú-hãn bằng cách nhảy dù, vì tuy ủng-hộ chống khủng-bố nhưng không một quốc-gia nào chung quanh A-phú-hãn cho phép Đồng-minh đặt căn-cứ

Các tổ Taliban ở Hồi-quốc biểu-tình đốt cờ Mỹ và "xử tử" hình nộm Thủ-tướng Anh Tony Blair

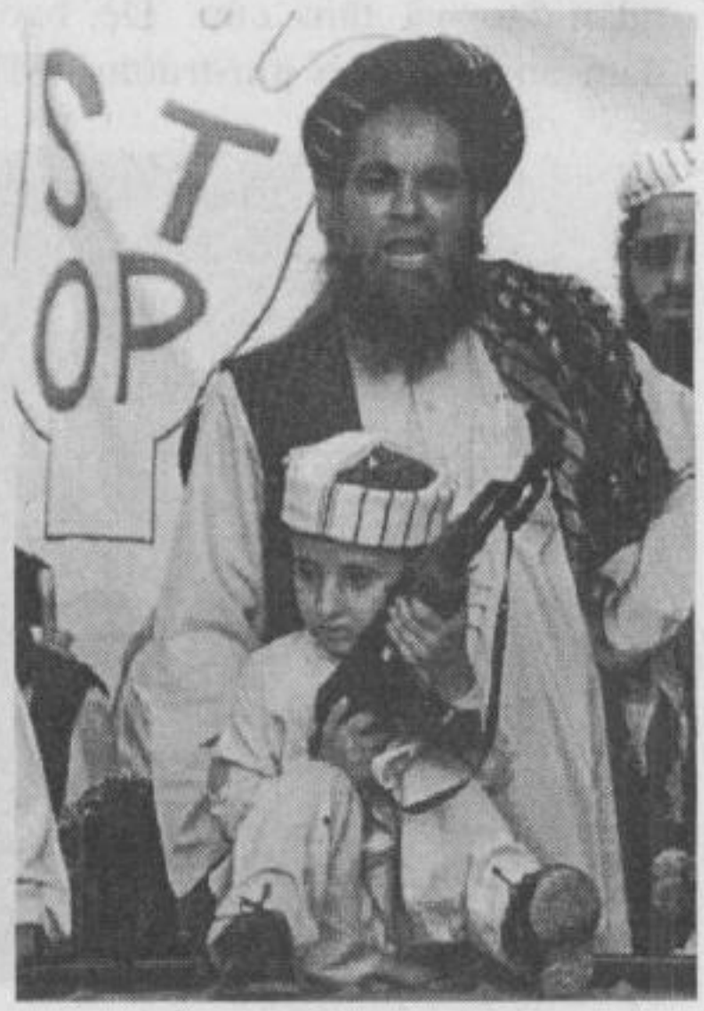

Trẻ con Taliban được dạy: "giết sạch bọn Tây trắng"

quân-sự trên đất họ, trừ Pakistan và Uzbekistan cho các máy bay tiếp-vận và cứu-cấp được sử-dụng phi-đạo. Oanh-tạc-cơ B2 mỗi khi hành quân phải bay từ San Diego, qua nửa vòng trái đất, ném bom xong bay trở về Mỹ.

Biệt-kích-quân và lực-lượng đặc-biệt của Anh, Mỹ và Pháp đã lọt vào nội-địa A-phú-hãn với các nhiệm-vụ tuần-thám, xác-định các mục-tiêu tấn-công và ước-lượng thiệt-hại của Taliban.

Máy bay thám-sát không người lái của Mỹ đã thu hình toàn bộ A-phú-hãn từ thành-phố cho đến thôn quê và rừng núi.

Mở đầu cuộc chiến, liên quân Anh và Mỹ đã mở cuộc không-tập đầu-tiên từ 8 giờ 30 tối Chủ-nhật 7.10 (giờ địa-phương), tấn-công bốn vị-trí của Taliban bằng 50 hoả-tiễn Tomahawk và dội bom bằng phi-cơ B-1, B-2 và B-52. Cuộc không-tập tiếp-tục diễn ra 24 giờ một ngày, bắt đầu từ 7 tháng 10, với các loại bom từ 250 kí đến 5 tấn.

Một toán 8 quân-nhân Mỹ đã bắt đầu làm việc bênh cạnh bộ chỉ-huy Liên-quân A-phú-hãn ở miền Bắc. Liên-quân đã tập trung một sư-đoàn, chuẩn-bị tấn-công phòng tuyến Taliban ở Mazar-i-Sharif.

Hoa-kỳ đã đổ 1000 quân đầu-tiên vào miền Nam Uzbekistan, sát biên-giới phía Bắc của A-phú-hãn.

Ngày 19.10, Hoa-kỳ cho khoảng 100 biệt-kích-quân nhảy dù xuống đột-kích và lục-soát hai căn-cứ của Taliban. Cả hai cánh quân đột-kích sau đó được bốc về hậu-cứ an-toàn.

Ngày 20.10, Mỹ bắt đầu oanh-kích phòng tuyến của Taliban ở phía Bắc Kabul. Ngoại trưởng Collin Powell tuyên-bố: Liên-quân sắc-tộc thiểu-số A-phú-hãn ở miền Bắc chỉ chiếm 15% dân-số, không đủ khả-năng quyết-định vận-mạng cho toàn-thể quốc-gia này, mà phải hợp-tác với sắc-tộc khác để lập chính-phủ.

Trận chiến vi-trùng ở các nước Đồng-minh

Tin nóng nhất trong tháng qua là việc quân-khủng-bố dùng hệ-thống bưu-điện quốc-tế, tung bào-khuẩn bệnh than (Anthrax) trong các chất bột trắng, tấn công nhiều nước tây-phương.

- Tại Ý, cảnh-sát khám-phá và tịch-thu một số phong-bì và bưu-phẩm có bào-khuẩn Anthrax tại các thành-phố Naples, Turin và Palermo.

- Tại Anh, một trung-tâm phân loại thư phải di-tản.

- Tại Gia-nã-đại, 2 nhân-viên văn-phòng bị ngứa dữ-dội ở tay sau khi mở thư, một bưu-trạm ở Toronto tạm đóng cửa chờ khảo-nghiệm.

- Tại Đức, một số bưu-phẩm có bột trắng bị khám-phá ở văn-phòng Tể-tướng. Hai bưu-trạm tạm đóng cửa.

- Tại Mỹ, công ty truyền thông American Media ở Florida, cơ-sở truyền-hình NBC News, văn-phòng Chủ-tịch Thượng-viện và văn-phòng Hạ-viện đều bị nhiễm trùng.

Cơ-quan tình-báo trung-ương (CIA) nghi Iraq là thủ-phạm tung bào-khuẩn Anthrax vào Hoa-kỳ. Theo tin tình-báo CIA, Iraq chế-tạo vi-trùng Anthrax trong các hang động ở A-phú-hãn. Cả Ba-tư (Iran) cũng có khả-năng chế-tạo loại bào-khuẩn này, và đứng thứ ba trong danh-sách tình-nghi, sau Al Qaeda của Osama bin Ladin. Ông Richard Butler, nguyên trưởng toán Thanh-tra vũ-khí của KLHQ tại Iraq xác-nhận đã thấy dấu vết sản xuất bào khuẩn bệnh than ở Iraq trước đây.

Bưu-điện Mỹ đã đưa ra các lời khuyên sau đây để công-chúng ngăn-ngừa thiệt-hại: Đừng mở các phong-bì, bưu-phẩm khả-nghi; báo ngay cho cấp trên và chính-quyền khi tình-nghi có chất độc trong phong-bì; cô-lập vật tình-nghi, không để người khác đụng tới; những người đã chạm vào vật tình-nghi phải rửa tay hay tắm ngay bằng xà-bông và nước; liệt-kê danh-sách tất cả những người đã chạm vào vật tình-nghi; đặt tất cả những thứ chạm với vật tình-nghi vào bao nhựa và giao cho cảnh-sát; nếu được cho thuốc uống, phải uống ngay và uống đủ liều lượng.

Danh-sách những thư-từ và bưu-phẩm tình-nghi: Không địa-chỉ người gửi, hoặc địa-chỉ không đầy-đủ; địa-chỉ người gửi không phù-hợp với nhật ấn bưu-điện (thí-dụ địa-chỉ nơi gửi ở chỗ này, nhật ấn lại thuộc chỗ khác); không biết người gửi, hoặc công-ty gửi là ai; dán quá nhiều tem;

Trực-thăng vận đổ bộ biệt-kích tấn-công quân Taliban

Bào-khuẩn Anthrax tấn-công các nước Đồng-minh

đề địa-chỉ không đúng cách, so với nơi gửi là một văn-phòng hay một công-ty; đề gửi cho một chức vị và không có tên của người mang chức vị ấy (thí-dụ, To: Mr. Manager) và không ghi chữ "riêng" (personal) hay "kín" (confidential); có dây, nhợ thò ra ngoài, trông cồm-cộm, hoặc dán không đều, hoặc gói buộc quá chặt bằng băng keo hay dây; có mùi lạ, vết dầu mỡ, phai màu, ọc nước hay bột ra ngoài; loại phong bì, bao hay gói khác thường, dễ vỡ.

Cho đến nay, bệnh than đã có khá nhiều loại thuốc chữa, và Nga đã cung-cấp cho Mỹ công-thức điều-chế thuốc chủng ngừa.

Xáo-trộn kinh-tế

Thung-lũng điện-tử từ San Jose lên San Francisco vốn đang suy-sụp vì khủng-hoảng chứng-khoán, nay cộng thêm vụ khủng-bố, khiến 100 công-ty bị lỗ tổng-cộng 70 tỉ mỹ-kim. Công-ty lỗ nặng nhất là JDS Unipahse ở SDan Jose, lỗ 50,6 tỉ mỹ-kim.

Kỹ-nghệ xe hơi Mỹ sa-sút trầm-trọng. Sau vụ khủng-bố, số bán xe du-lịch giảm 10%, xe pick-up truck giảm 7%. Công-ty GM đã đề ra việc bán xe trả góp không lời, áp-dụng cho tất cả các loại xe. Hai hãng Ford và Chrysler theo sát nút. Cuối cùng, các hãng xe Nhật lắp ráp trên đất Mỹ cũng phải theo để bảo-vệ thị-trường.

Xáo-trộn an-ninh

Tại Mỹ, xáo-trộn về an-ninh diễn ra sau vụ khủng-hộ 11 tháng 9. Tờ *Wahington Post* loan tin, Trung-ương Tình-báo, Văn-phòng điều-tra liên-bang và cục Quân-báo Mỹ đã cảnh-giác Quốc-hội về một vụ tấn-công lớn của quân khủng-bố ngay trên nội-địa Hoa-kỳ, căn-cứ vào các tin-tức thu-thập được từ Anh, Đức, Hồi-quốc và A-phú-hãn. Thành-phần khủng-bố gồm các phần-tử A-rập, Somalia, Hồi-quốc và Al Qaeda của Osama bin Laden.

Hiện nay Vệ-binh quốc-gia được gửi tới canh phòng các phi-trường lớn nhỏ, giúp kiểm-soát hành-lý.

Về số người mất-tích tại Trung-tâm mậu-dịch thế-giới (WTC) được điều-chỉnh là 5.000, số người đã được xác-định chết là 380. Thiệt hại tại WTC 6,7 tỉ mỹ-kim về kiến-trúc, 12 tỉ mỹ-kim về điện-toán và trang-bị văn-phòng.

Về thiệt-hại kinh-tế, khoảng 115.000 nhân-viên bị sa-thải vì thiếu việc, nhiều công-ty gặp nguy-cơ phá-sản. Nạn thất-nghiệp vọt lên cao nhất so với 9 năm vừa qua.

Trong khi quốc-gia gặp khủng-hoảng vì bị tấn-công, 28.000 công-chức ở tiểu-bang Minnesota đã làm cho nội-tình trầm-trọng thêm bằng cách đình-công đòi tăng lương và quyền-lợi y-tế. Thống-đốc tiểu-bang đã phải điều-động 1000 vệ-binh quốc-gia tới điều-hành một số công-sở và viện dưỡng-lão.

Tại Tennessee, một nam hành-khách khoảng 35 tuổi đã dùng cùng một loại dao của các tên không-tặc tấn-công các phi-hành-đoàn trong vụ khủng-bố ngày 11 tháng 9, cứa cổ tài-xế của chiếc xe đò Greyhound đang chạy trên xa-lộ 24 gần Nashville. Chiếc xe lật xuống mương sâu. Hung-phạm và 5 hành-khách khác tử thương, 32 người khác, trong đó có tài-xế sống sót, nhưng đều bị thương.

Một hình-thức xáo-trộn khác, là khoảng 1000 vụ tấn-công vì kỳ-thị dân A-rập đã diễn ra trong hai tháng qua.

Hôm 12.10, chính-phủ Mỹ đã phong-toả thêm 39 chương-mục ngân-hàng liên-quan đến Al Qaeda. Số tiền bị phong-toả hiện nay lên tới 24 triệu mỹ-kim.

Có 102 quốc-gia đồng ý tham-gia chống khủng-bố và 62 nước đã phong-toả tài-sản liên-quan đến Al Qaeda và Taliban.

Trong tháng 10, Mỹ đã truy-tố 4 tên khủng-bố thuộc hạ của Osama bin Laden, liên-quan nhiều vụ khủng-bố trước đây. Cả bốn lãnh án chung thân, không khoan-hồng.

Hôm 21.10, Quî6c-hội Mỹ chuẩn-chi cho CIA 1 tỉ mỹ-kim dùng vào kế-hoạch bắt giữ hoặc hạ-sát Osama bin Laden.

APEC tuyên chiến với quân khủng-bố

Tại Hội-nghị Thượng-hải ngày 21.10 vừa qua, 19 lãnh-tụ quốc-gia và lãnh-địa thành-viên của APEC đã tuyên-chiến với quân khủng-bố quốc-tế.

Trong diễn-văn khai-mạc, Chủ-tịch Trung Cộng Giang Trạch-Dân tuyên-bố: "Vụ tấn-công vào Trung-tâm mậu-dịch Thế-giới ngày 11 tháng 9 cho chúng ta thấy rằng, khủng-bố gây là sự nguy-hiểm chung của công-chúng trên toàn thế-giới. Chúng ta đang chiến-đấu trên mặt trận chống khủng-bố."

Các nhà lãnh-đạo quốc-gia, thành-viên APEC cùng đưa ra lời kêu gọi sự hợp-tác toàn cầu để chống lại quân khủng-bố quốc-tế.

APEC (Asia-Pacific Economic Cooperation, Hợp-tác Kinh-tế Á-châu và các nước Thái-bình-dương) hiện nay gồm 20 thành-viên, trong đó có Mỹ, Nga, Trung Cộng, Đài-loan, Hương-cảng, Nam Hàn, Nhật, Phi-luật-tân, CSVN, Brunei, Nam-dương, Mã-lai, Tân-gia-ba, Thái-lan, Papua Guinea, Úc, Tân Tây-lan, Peru, Mễ tây-cơ, Gia-nã-đại. Đài-loan tẩy-chay Đại-hội Thượng-hải vừa qua. ●

tin việt-nam

LM Nguyễn Văn Lý
bị CSVN xử 15 năm tù

Theo tin AP và các nguồn khác, Linh mục Tađêo Nguyễn Văn Lý, 54 tuổi, Quản-nhiệm giáo xứ An-Truyền (cách Huế 7 cây số về phía đông) đã bị CSVN kêu án 15 năm tù hôm 19 tháng 10 vừa qua.

Đây là lần thứ ba ngài bị kết án tù trong chế độ Cộng sản.Tất cả đều một tội duy nhất: đòi tự do tôn giáo thực sự.

Trong phiên xử kín, không có luật-sư biện-hộ và ngay cả "bị cáo" cũng không được quyền tự bào-chữa, LM Nguyễn Văn Lý bị kêu án 15 năm tù về hai tội danh: 'không thi hành lệnh quản chế của nhà nước' (2 năm tù) và 'phá hoại đoàn kết dân tộc' (13 năm). Sau khi thụ án, ngài sẽ bị quản-chế thêm 5 năm. LM Nguyễn Văn Lý sẽ bị đưa ra Hà-nội giam-giữ.

CSVN đã từ chối lời yêu cầu của chính phủ George W. Bush cũng như của Nghị Viện Châu Âu và nhiều tổ chức nhân quyền quốc tế, cùng nhiều nghị sĩ, dân biểu Mỹ, chẳng những đã không thả, còn kêu án nặng để dằn mặt những người kêu nài giùm cho nhà tu này.

Trước đây, trong bản điều trần gửi Ủy Ban Nhân Quyền của quốc hội Hoa Kỳ, LM Nguyễn Văn Lý đã đề nghị họ đừng thông qua Thương ước cho tới khi CSVN tôn trọng nhân quyền và tự do tôn giáo. Trong khoảng thời gian từ cuối năm ngoái đến khi ngài bị bắt, ngài cho phổ biến liên tiếp 9 bản "Lời chứng" nổi tiếng khắp thế giới, và tất cả đã được in thành sách.

CSVN đã đưa một đoạn video thu lại phiên xử lên vi-báo *"Nhân Dân"*, qua đó, LM Nguyễn Văn Lý rất gầy, mệt mỏi và thường nhắm mắt trong suốt phiên xử.

Chưa thấy tòa đại sứ Mỹ tại Hà Nội và chính phủ Hoa Kỳ có phản ứng gì. Thượng, Hạ viện Mỹ đã cho thông qua bản Thương ước VC-Mỹ và Tổng thống Bush đã phê chuẩn.

Du lịch VN: Thiếu du khách

Kỹ nghệ du lịch VN chịu ảnh hưởng nặng của biến cố 11-9 sau hơn 5 năm nỗ lực quảng cáo để phát triển ngành du lịch.

Ông Stephen O'Grady, Tổng Quản Đốc khách sạn Caravelle, nói "trước vụ 9-11, chúng tôi phát triển từ 15% đến 20% hàng tháng so với năm trước, riêng trong tháng này, chúng tôi mất 800 phòng/đêm, tương đương 700 ngàn mỹ kim, không kể những trường hợp đặt phòng bị dời lại - đáng lý chúng tôi phải nhận được lệnh đặt phòng rất nhiều trong mùa này".

Ông Dương văn Thọ, giám đốc công ty du lịch Sing Caphê, cho biết phải trả lại tiền một số khách hủy bỏ các chuyến du ngoạn vì họ muốn về nước, khoảng 100 du khách đã cắt ngắn chương trình du lịch ngay sau vụ 911. Nhiều người không tới vì không biết chuyện gì sẽ xảy ra. Ông Thọ nói có nghe ở các công ty du lịch lớn, cũng có nhiều tour bị hủy bỏ, riêng thành phần "Tây ba-lô" vẫn đến VN.

Theo thống kê chính thức của Hà Nội, tính đến ngày 11.9, năm nay là thời gian phát triển du lịch mạnh nhất, đón 1 triệu 580 ngàn du khách trong 8 tháng, tăng 8.1% hàng tháng.

VN hứa cứu đói giảm nghèo

Chương trình xoá đói giảm nghèo của nhà cầm quyền CSVN công bố ngày 27-9 đề ra chỉ tiêu giảm nghèo 1.5 đến 2% hàng năm trong 5 năm tới, và hàng năm phải tạo ra gần 1 triệu rưỡi việc làm, kinh phí huy động 22500 tỉ đồng. Với kế hoạch này, đến năm 2005, tỉ lệ đói nghèo hạ thấp xuống mức dưới 10%.

Trong chương trình này, các gia đình xếp hạng nghèo sẽ được miễn thuế sử dụng đất, trợ cấp y tế, nông cụ và 1 số kĩ năng. Theo thông tấn xã CSVN, tỉ lệ thất nghiệp sẽ được hạ thấp xuống dưới 6%.

Giúp 6 tỉnh nghèo nhất chăn nuôi

Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn loan báo đã lập kế hoạch giúp 6 tỉnh nghèo nhất miền Bắc phát triển chăn nuôi,

tăng các đàn gia súc trên dưới 5% trong 5 năm tới.

Chỉ tiêu do Bộ này đề ra là 804 ngàn con trâu, 420 ngàn con bò kể cả 5000 con bò sữa, và 14 triệu con gà, cung cấp trên 85 ngàn tấn thị hàng năm vào năm 2005. Năm ngoái, gia súc và gia cầm chiếm 25% tổng trị giá nông sản của 6 tỉnh.

Dân số cao niên tăng 34%

Trong thập niên 1990, thành phần cao niên trong dân số VN tăng 34%, gấp đôi tỉ lệ gia tăng dân số. Theo thống kê Tháng tư 1999, VN có 3695 cụ trên 100 tuổi, gồm 855 cụ ông, và 17 cụ trên 120 tuổi.

CSVN bị cáo giác xử án không đúng luật

Nhà cầm quyền CSVN đã phản bác những cáo giác của Human Rights Watch (trụ sở New York) và Amnesty International (trụ sở London) về việc họ đã dùng những phiên toà kín để kết án nặng 14 người thiểu số.

Những người này bị quy tội tổ chức phản kháng hồi Tháng 2 vừa qua để đòi thành lập 1 quốc gia độc lập và 1 giáo hội Tin Lành riêng. Hàng trăm người thiểu số cao nguyên Trung Việt bỏ trốn sáng Cambodia, 38 người đã được tái định cư tại Hoa Kỳ, gây giận dữ cho Hà Nội.

Human Rights Watch và Amnesty International quan ngại về việc chỉ có những cáo trạng được công bố mà không có các nhà ngoại giao và báo chí ngoại quốc dự thính. Hai tổ chức tranh đấu nhân quyền nói "các phiên toà chính trị thường không công bằng, các bị can không được phép gọi nhân chứng ra hầu toà, và vai trò của luật sư chỉ được hạn chế vào việc xin khoan hồng".

8 người Thượng bị dân Miên bắt, bán cho CSVN

Đã có thêm 67 người Thượng nữa tới đất Cam Bốt xin tị nạn chính trị từ ngày 3 tháng 9 đến nay, nâng tổng số người Thượng tị nạn lên con số 503, kể cả 176 trẻ em. Theo nhật báo *Cambodia Daily* tại Nam Vang, có 8 đồng bào Thượng Việt Nam tìm cách đi vào các trại tạm cư ở Ratanakiri đã bị những người dân địa phương và CSVN chận bắt trong một cuộc phục kích tại quận Andong Meas.

Tờ *Cambodia Daily* cho biết những người Khmer địa phương khi giao nộp 8 người Thượng cho chính quyền Việt Nam, họ được trả 300 mỹ kim.

Xa lộ Hồ Chí Minh: xa- lộ chết người

Bom chưa nổ còn lại từ cuộc chiến tranh trước 1975 gây thiệt mạng 1 sĩ quan CSVN trong lúc tháo gỡ bom để mở đường cho công trình xây dựng xa lộ Hồ chí Minh, tại 1 đoạn đường trên địa phận tỉnh Quảng Bình. Dự án này khởi công năm ngoái. Theo truyền thông chính thức, từ Tháng 5 đến Tháng 10-2000 công tác thu dọn bom mìn đã tháo gỡ 18,513 món đủ loại, trong số này gồm 84 quả bom lớn.

Dịch AIDS: mức lây bệnh ở Sài-gòn tăng 20%

Phúc trình do LHQ bảo trợ cho biết châu A sẽ là nạn nhân của sự bùng nổ một trận dịch bệnh AIDS lây lan từ gái mại dâm. Ông Peter Piot, giám đốc cơ quan phòng chống AIDS của LHQ, nói "Chúng ta gặp một thách thức song hành là giữ cho người chưa bị lây nhiễm sẽ không bị lây nhiễm, trong khi tổ chức cứu chữa những người đã bị lây nhiễm".

Theo ước lượng, có khoảng 6 triệu rưỡi người mắc bệnh AIDS tại châu A và vùng Thái Bình Dương. Ở tỉnh Quảng Tây của Trung Quốc, 9.9% gái điếm lây nhiễm HIV theo kết quả khảo sát trong tam cá nguyệt thứ nhì năm ngoái. Hồi tháng 8 vừa qua, Bắc Kinh thừa nhận tình trạng lây lan bệnh AIDS là nghiêm trọng. Tại Saigon, số người lây nhiễm tăng hơn 20% trong thời gian từ năm 1996 đến năm 2000. Tại Nam Dương, tỉ lệ nhiễm HIV trong giới bán dâm là 26%. Nam Phi có đến 4 triệu 700 ngàn người nhiễm HIV, bằng 1/9 dân số, tỉ lệ cao nhất thế giới.

5 di hài MIA hồi hương

Trong tháng qua, 5 quan tài nhôm phủ cờ Mỹ đựng di cốt quân nhân Mỹ mất tích đã được hồi hương theo lễ nghi quân cách ở phi trường Nội Bài. Những quan tài này được chở tới Hawaii để giảo nghiệm xem có đúng là thuộc số 1473 người trong danh cách mất tích hay không. Ông Gary Flanagan, chuyên viên tại trụ sở Hà Nội của đơn vị đặc nhiệm tìm người mất tích, cho biết những di cốt chuyển về Mỹ này là kết quả tìm kiếm ở 5 tỉnh, gồm 4 nơi phi cơ rơi, vụ sau cùng là tháng 11-1967.

Nghị Viện Châu Âu đòi VN phải cho tự do báo chí

Nghị Viện Châu Âu ngày 4-10-2001 đã thông qua nghị quyết liên quan đến Việt Nam, kêu gọi Hà Nội cho phép người dân thành lập các cơ quan báo chí độc lập với nhà nước cũng như các tổ

chức quốc gia theo dõi tình hình nhân quyền, đồng thời yêu cầu Việt Nam mở cửa để các tổ chức quốc tế bảo vệ nhân quyền được hoạt động tự do tại Việt Nam.

Theo Nghị Viện Châu Âu, tự do tư tưởng và tự do báo chí là những điều kiện cần thiết để giúp Việt Nam phát triển kinh tế và xã hội.

Hãng Mỹ sản xuất mũ an toàn tại VN

Công ty Thiết Bị An Toàn VSPEC của Hoa Kỳ đã khởi công xây dựng xưởng sản xuất nón nhựa cho người lái xe gắn máy, thích hợp với điều kiện khí hậu VN. Công suất của xưởng này là 1 triệu rưỡi nón nhựa trẻ em trong 5 năm, 750 ngàn chiếc ngay trong năm đầu. Kinh phí của dự án là 1 triệu 900 ngàn mỹ kim. Cơ sở tại ngoại ô Hà Nội sẽ thu dụng 90 công nhân. Công ty VSPEC đang xem xét việc lập 2 xưởng sản xuất tương tự ở Saigon và Đà Nẵng.

Trong 5 năm, 4000 hãng quốc doanh sẽ bị khai tử

Theo Vina Conet, trong 10 năm "tái phối trí" hệ thống các Công ty Quốc doanh (SOE), con số Công ty Quốc doanh đã giảm từ 7.100 xuống còn 5991 vào đầu năm 2000. Vấn đề hiện tại là đến năm 2003, con số SOE phải giảm xuống còn 3000 và đến năm 2005 phải giảm xuống còn 2000. Theo chỉ tiêu trên, mỗi năm CSVN sẽ phải khai tử 980 quốc doanh, mỗi tháng phải khai tử 81. Trung bình mỗi ngày làm việc sẽ có hơn 3 quốc doanh bị khai tử. Chính phủ CSVN đã đầu tư 41,5 tỷ đồng VN vào các Công ty Quốc doanh trong 10 năm qua, trong cùng thời gian số nợ của các SOE đã lên đến 160% của tổng số vốn chính phủ bỏ ra. Chỉ có 79% SOE là có lời, 20% SOE lỗ nặng.

Để giải quyết vấn đề, những điểm sau đây cần được lưu ý. Trước tiên, ba thành phần gồm chính phủ, công ty và ngân hàng cần phải có phương cách giải quyết riêng biệt. Thứ hai, những máy móc hạng nặng, dụng cụ sản xuất, dụng cụ chuyên chở cần phải được thay đổi nếu đã quá cũ. Thứ ba, gánh nặng của nhân công đối với những điều kiện lỗi thời. Thứ tư, trong môi trường kinh tế với sự cạnh tranh quốc nội lẫn quốc ngoại, SOE sẽ phải đối diện với những rủi ro cần đến sự hậu thuẫn tài chánh. Thứ năm, chuyển những SOE có 100% vốn đầu tư của chính phủ sang những công ty hữu hạn có vốn đầu tư bởi chính phủ và tư nhân, đăng bộ và buôn bán theo luật định.

Chợ Sài Gòn tiêu điều: tiểu thương bỏ sạp

Theo Sở Thương mại Thành phố, chỉ riêng 4 chợ lớn là An Đông, Soái Kình Lâm, Bình Tây, Nhật Tảo, đã có hơn 1.500 tiểu thương ngưng kinh doanh, trong đó gần 70% là ngừng không thời hạn. Theo tin báo *Tiền Phong*, hiện nay, tình trạng kinh doanh ngoài lòng chợ, ở lề đường đang rộ lên; các cơ quan chức năng như Công an, Quản lý thị trường chưa có cách gì ngăn chặn. Tình trạng này là do người bán không phải nộp các khoản thuế cho Nhà nước, lại đón đầu được các khách hàng có tâm lý không muốn gửi xe hoặc mất thời gian vào chợ. Một lý do khác là giá bán thấp hơn hẳn so với các hộ kinh doanh trong quầy sạp, nên thu hút được nhiều người tiêu dùng. Để được sở hữu 1 sạp trong lòng chợ, tiểu thương phải bỏ ra 15-40 triệu đồng ở chợ lớn và từ 3 đến 10 triệu đồng đối với các chợ nhỏ. Ngoài ra, kinh doanh tại các sạp, tiểu thương còn phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước như nộp thuế môn bài và thuế doanh thu hàng tháng. Cho đến nay chưa thấy phản ứng chính thức của chính quyền về hiện tượng bi đát này.

Hà Nội đi dây giữa Mỹ và quân Khủng Bố

Theo Pháp Tấn Xã, CSVN đang đi dây trong vụ Hoa Kỳ không tập A Phú Hãn. Mặc dù nhà cầm quyền CSVN đã đưa ra sự ủng hộ chưa từng có dành cho liên minh chống khủng bố do Hoa Kỳ lãnh đạo, nhưng vẫn tìm cách trấn an phe thủ cựu rằng họ chưa từ bỏ chủ trương chống lại sự can thiệp của Tây phương. Cả Thủ tướng Phan văn Khải và phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao đều bày tỏ sự ủng hộ dè dặt đối với các trận không tập A Phú Hãn, chấm dứt nhiều năm chống đối các hoạt động quân sự của Tây Phương từ Iraq tới Nam Tư. Trong khi đó, truyền thông nhà nước CS tường thuật sôi nổi các cuộc biểu tình đòi hoà bình khắp thế giới, và phát thanh lời chống đối của cựu Bộ trưởng Quốc phòng Văn Tiến Dũng. Trả lời phỏng vấn của báo *Thanh Niên* tại Saigon, Văn Tiến Dũng cho biết ông ủng hộ cuộc chiến đấu chống khủng bố, nhưng không phải là bằng tất cả mọi phương tiện, và chắc chắn không phải bằng 1 cuộc chiến tranh mà thường dân vô tội bị thương tổn. Ông Tướng già 84 tuổi của CSVN nói, ông biết chắc các cuộc không tập sẽ thất bại.

Hà-nội đòi Mỹ ngưng chiến tranh chống khủng bố

Bên ngoài nước có tu-sĩ Nhất

Hạnh, bên trong nước có báo *Nhân Dân*. Cả hai mặt đã giáp công tuyên-truyền, đòi Mỹ phải chấm dứt ngay cuộc tấn công vào A-phú-hãn. Theo bài báo, "tấn công vào một quốc gia có chủ quyền không phải là phương cách chống khủng bố." Hà-nội giả-vờ quên rằng, chủ-quyền A-phú-hãn không nằm trong tay quân phiến-loạn Taliban, mà vẫn do Tổng-thống lưu vong Rabbani chấp-chưởng, với sự đồng thuận của Liên Hiệp Quốc. TT Rabbani không hề lên tiếng phản-đối!

Theo tin của Tân Hoa Xã, báo báo viết: "Nhân dân Việt Nam hết sức quan ngại đến việc Hoa Kỳ tấn công vào Afghanistan, một vị trí chiến lược và là một vùng nhạy cảm tại Tây Nam Á".

Báo *Nhân Dân* viết y như lời tu-sĩ nguỵ hoà Thích Nhất Hạnh đưa ra tại New York trước đây: "kêu gọi nhân loại giải quyết các vấn đề quốc tế bằng các phương tiện hòa bình."

Sau khi lặp lại sự ủng hộ việc diệt trừ khủng bố trong "khuôn khổ Hiến Chương LHQ để bảo vệ hòa bình thế giới," báo này nhắc rằng "kinh nghiệm quá khứ cho thấy bạo lực không giải quyết được các mâu thuẫn trong thế giới hiện nay." Báo này thêm, "vẫn chưa quá trễ cho nhân loại để có nỗ lực chung nhằm kết thúc việc leo thang và mở rộng chiến tranh vốn gắn liền với các hậu quả khó tiên liệu."

Kinh tế VN báo nguy: sản xuất nhiều, bán được ít

Nhiều chỉ tiêu đã đề ra khó thực hiện được trong kế hoạch phát triển kinh tế năm nay, theo kết luận của các viên chức cao cấp CSVN. Tỉ lệ tăng trưởng kinh tế 7.5% và tỉ lệ gia tăng trị giá xuất cảng 20% có thể không đạt tới được vào cuối năm nay, theo tin thông tấn xã CSVN.

Một viên chức của Bộ Thương Mại cho biết nguyên nhân hãm chậm đà tăng trưởng kinh tế là "cung mạnh hơn cầu", sức mua trong nước không tăng, trong khi các mặt hàng xuất cảng chủ lực là giày dép, quần áo, nông hải sản gặp khó khăn trong việc cạnh tranh ở ngoại quốc. Mặt khác, các biện pháp tài chánh kích thích đầu tư đã thất bại. Gần đây, Bộ Thương Mại đề nghị giảm thuế nhập cảng phân bón, thuốc trừ sâu, miễn tính tiền lời cho dân thiểu số cao nguyên Trung Việt vay tiền và thưởng các nhà xuất cảng trong kế hoạch phát triển những tháng còn lại của năm nay.

Lãnh tụ Hà Nội ve vuốt đạo Cao Đài

Theo thông tấn xã CSVN, ông Phạm Thế Duyệt, chủ tịch Ủy Ban Trung Ương của Mặt Trận Tổ Quốc đã tiếp các vị chức sắc Cao Đài của tỉnh Tiền Giang và huyện Tam Quan trong chuyến viếng thăm thủ đô Hà Nội. Ông Duyệt kêu gọi các cộng đồng Cao Đài củng cố tình đoàn kết và phát triển sự thịnh vượng của giáo dân.

Bị cướp đất, xây khu giải trí, các linh mục cản xe gạch

Theo bản tin về cuộc đấu tranh cho tự do tôn giáo tại Huế ngày 9.10.2001, sau khi báo cáo láo với trung ương rằng vùng đất Thiên An & Thủy Tiên là vô chủ, chính quyền Thừa Thiên Huế đã có giấy phép từ Thủ tướng Phan Văn Khải cho trưng thu 102ha (trên 107 mẫu tây) đất của đan viện Thiên An và đã ngang nhiên làm lễ động thổ ngày 27-3-2001 để khởi công xây dựng một công trình "hợp ý đảng, phản lòng dân" là Trung Tâm Vui Chơi Giải Trí, một đàng nhằm kiếm tiền bỏ túi, đằng khác là triệt hạ một trung tâm văn hóa lẫn tinh thần của đạo Công giáo tại vùng đất Thần Kinh.

Các tu sĩ trước và sau đó đã liên tục làm nhiều đơn gởi lên các cấp nhà nước, ra đến tận Hà Nội gặp Thủ tướng hầu trình bày và kháng nghị. Để hỗ trợ cho việc đòi công lý này, linh mục đoàn Huế đã làm đơn thông hiệp và tố cáo "chính quyền xâm phạm quyền tư hữu và làm sai luật pháp" (Thư hiệp thông của 40 linh mục Huế ký ngày 29-4-2001). Sau đó thì mọi sự trở nên im ắng. Người ta tưởng những kẻ cướp tài sản nhân dân đã hồi tâm suy nghĩ và chấm dứt việc xây dựng bất hợp pháp khu vui chơi mà các đan sĩ biết là trong đó có những động mãi dâm trá hình.

Thế nhưng đến ngày 24.9, tại hiện trường đã có một ngôi nhà xây móng từ lúc nào không hay và công nhân đang chuẩn bị đổ bê tông 4 trụ sắt. Cạnh đó là một đường hào dài khoảng 400m. Nổi lên giữa quang cảnh là vài linh mục và tu sĩ Thiên An đang chặn mũi một xe gạch vừa mới trờ tới cũng như ngăn không cho đổ bê-tông. Đội thi công cho biết họ chỉ được thuê làm, chẳng hề hay rằng đây là đất đai của các đan sĩ. Sự kiện các tu sĩ đan viện phát hiện chậm trễ như vậy chứng tỏ đây là một việc làm chùng lén, chủ yếu vào ban đêm. Từ đấy, sáng chiều đều có hai thầy mặc áo dòng, tay cầm chuỗi lần hạt, ngồi ngay bên trạm điện xây lở dở để cố thủ. Hiện nay thì email của đan viện đã bị phá, hộp thư của các đan sĩ tại Bưu điện Huế bị kiểm soát hay bị tịch thu thư từ.

Tưởng cũng nên nói thêm là sau khi có báo động của đan viện, có thư hiệp thông của 3 linh mục

rồi của 40 linh mục Huế, có sự van vỉ nhiều phen của các đan sĩ, người ta trông mong sẽ xuất hiện một kháng thư kiểu kháng thư của vị bản quyền Sài gòn về vụ trường Bình Phước (31-8-2001). Thế nhưng vẫn là một sự im lặng nặng nề khó hiểu! Phải chăng vì thế mà lũ cướp ngày cứ lộng hành?

Đại học Mỹ chiêu dụ du sinh Việt

Khoảng 30 trường Đại học Hoa Kỳ đã mở cuộc triển lãm tại Hà nội tuần qua để giới thiệu hướng dẫn về 11 thị trường A Châu với mục đích gia tăng số sinh viên tại đây. Chương trình Triển lãm Học vấn Hoa Kỳ 2001 đã được khách sạn Horison tại Hà nội, cơ quan phát triển học vấn Hoa Kỳ International Institute of Education, trường Cao đẳng Kỹ thuật Hà nội và Viện Đại học Sài gòn đồng tổ chức.

Những người tổ chức hy vọng sẽ đẩy mạnh cơ hội cho sinh viên Việt Nam tại 3600 trường Đại học trên toàn Hoa Kỳ, với chương trình học của trên 600 ngành. Con số sinh viên Việt Nam tại Hoa Kỳ là 2266 trong tổng số hơn 500.000 sinh viên du học trên toàn nước Mỹ cho niên khoá 1999-2000, tăng 43% so với niên khoá trước. Dầu vậy, con số này quá khiêm nhường so với những quốc gia khác. Việt Nam đứng hàng thứ 43 với số sinh viên du học tại Hoa Kỳ. Một bản nghiên cứu cho thấy phần lớn sinh viên Việt Nam (65%) phải tự túc cho việc học tại Hoa Kỳ, một số (20%) được hưởng một phần trợ cấp và một số rất ít (12%) được học bổng toàn phần.

Cà phê VN lâm nguy

Để cứu vãn tình trạng phá giá cà phê, Lương Văn Tự, phụ tá Bộ trưởng Thương mại, đã đề nghị các công ty sản xuất cà phê tại Việt Nam nên hợp tác với đồng nghiệp của họ ở ngoại quốc để tránh sự lỗ lã trong hoàn cảnh kinh tế trì trệ trên toàn thế giới. Lương Văn Tự nói rằng chỉ có những quốc gia nhập cảng cà phê, những công ty phân phối và những tiệm bán lẻ cà phê là được hưởng lợi trong tình trạng hiện nay. Vì vậy, sự hợp tác giữa các công ty cà phê tại Việt Nam và các công ty tại những quốc gia A Châu có nguồn cà phê chính như Ấn Độ và Nam Dương là thượng sách.

Việt Nam có hơn 100 công ty sản xuất cà phê nhưng sự hợp tác của họ rất yếu. Mặc dầu nhiều công ty đã phát triển, nhưng phần lớn thiếu kinh nghiệm trao đổi, vì vậy họ thường bị thiệt hại và lỗ nặng khi giá cà phê trên thị trường thế giới tuột giảm. Lương Văn Tự cũng đề nghị hai nghiệp đoàn Việt Nam Coffee và Vicofa đưa ra những bài học về tranh tụng và thua kiện để cho những hội viên học hỏi. Trong tài khoá 2000-2001, Việt Nam đã xuất cảng số lượng cà phê lớn nhất chưa từng thấy, 874,676 tấn, nhưng chỉ thu về được 382 triệu Mỹ kim, thấp nhất so với nhiều năm qua, và lợi nhuận đã giảm 29% so với năm ngoái, theo như Vicofa cho biết. Giá xuất cảng chỉ bằng 53.1% của năm trước, trung bình chỉ có 436.6 mỹ kim một tấn. Cho đến ngày hôm qua, giá cà phê xuống đến mức 285 mỹ kim một tấn, xuống 15 mỹ kim so với tuần trước. Giá cà phê tại Luân Đôn tuột xuống mức thấp nhất trong 30 năm, 380 mỹ kim một tấn, kéo theo giá cà phê tại Daklak xuống theo tới mức 4000 đồng Việt Nam một ký lô, bằng phân nửa giá vốn sản xuất. Chính sách giữ 60,000 tấn của chính phủ lần đầu đã giúp giá cà phê tăng một chút, nhưng lần thứ hai, giữ thêm 90,000 tấn chỉ giúp giá cà phê không bị hoàn toàn rơi thẳng xuống đất.

Vicofa dự đoán là mức sản xuất của họ cho tài khoá 2001-2002 sẽ giảm 15% từ 900,000 tấn năm ngoái. Lý do là một diện tích cây cà phê đã phải bị chặt bỏ để trồng thứ khác có lời hơn. Những công ty Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăng trong tài khoá 2001-2002 vì vậy họ phải nâng cao phẩm lượng, áp dụng những phương pháp sản xuất tân tiến, và hợp tác chặt chẽ với những công ty đồng nghiệp tại ngoại quốc. Họ cũng nên bắt đầu trồng thêm những loại khác có lợi hơn và chuyển sang trồng cà phê Ả Rập. Thêm vào đó, các công ty phải có những biện pháp để nâng cao số cà phê bán trong nước từ 30,000 tấn lên 60,000 tấn mỗi năm. Hơn nữa, điều quan trọng là nâng cao lượng xuất cảng sang những quốc gia thuộc khối Liên sô cũ và Âu châu vì thị
trường ở đó còn nhiều triển vọng.

40 triệu phú Mỹ du lịch VN

Một đoàn 40 du khách triệu phú Mỹ đã tới VN để du ngoạn Saigon, Cần Thơ và Tây Ninh trong 4 ngày. Saigon Tourist cho biết nhóm du khách Mỹ này từ Úc tới ở chặng thứ nhì trong chuyến đi vòng quanh thế giới. Ngoài ra, Saigon Tourist đã thắng 1 hợp đồng phục vụ 1238 du khách Hoa Kỳ sắp tới bằng tàu American Norweyian để du ngoạn Saigon, Nha Trang và Đà Nẵng.

Xây sân vận động cho SEA games

Dự án xây 8 vận động trường

và tu bổ 17 cơ sở thi đấu tại khu vực Saigon, để đón tiếp Đông Nam A Vận Hội 2003, tốn phí 300 tỉ đồng VN, đang được xem xét. Trong kế hoạch này, ngân sách quốc gia sẽ dành 144 tỉ 500 triệu đồng cho 1 vận động trường đa dụng. Theo thông tấn xã nhà nước CS, tại khu vực huyện Từ Liêm, (ngoại thành Hà Nội), 1 khu thể thao liên hợp 247 hecta, gồm 1 sân vận động sức chứa 40 ngàn khán giả, sẽ được xây cất với kinh phí 2.200 tỉ đồng.

CSVN-IRAN
hợp tác hàng không

VN vừa ký hiệp ước hợp tác hàng không với Iran, đại diện là người đứng đầu ngành hàng không dân sự 2 nước. Đây là thỏa ước thứ 52 về hàng không mà Hà Nội đã ký kết với ngoại quốc. Theo hiệp ước ký kết tại Hà Nội, hai bên cho phép bên kia thăm dò và khai thác các đường bay, quyền cấp giấy phép và rút giấy phép các công ty hàng không thương mại.

Lụt

Cơ quan phòng chống bão lụt Miền Nam cho biết tính đến ngày 4-10, trận lụt gần 2 tháng qua tại 6 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long gây thiệt mạng 200 trẻ em và 181 người lớn. Thiệt hại vật chất ước lượng 613 tỉ đồng. Các địa phương bị lụt đã di tản 24.000 gia đình, đã cấp phát lương thực cho 37.000 gia đình, cấp xuồng và lưới đánh cá cho 1000 gia đình. Theo tin thông tấn xã CSVN, hiện có 187.000 gia đình cần được cứu trợ, 44.000 gia đình cần di tản tới nơi cao ráo.

Nước còn dâng cao đến cuối tháng 11 mới rút, nếu không có bão tố gì thêm. Trận lụt năm nay cũng khiến 265 ngàn căn nhà của hơn 1 triệu 300 dân bị ngập nước, hơn 122 ngàn người phải di tản đến vùng cao an toàn hơn và 935 ngàn người cần được cứu trợ. Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp Quốc kêu gọi đóng góp 392 triệu mỹ-kima, Hội Hồng Thập Tự Quốc Tế và Hội Hồng Thập Tự Việt Nam kêu gọi góp 500 ngàn mỹ-kim và vật phẩm cứu trợ.

trong làng

Ra mắt sách "Tiếng nói Đoàn Thị Điểm trong Chinh-phụ ngâm khúc"

GS Phạm Thị Nhung đã từ Pháp sang Hoa-kỳ và Gia-nã-đại để ra mắt cuốn *Tiếng nói Đoàn Thị Điểm trong Chinh Phụ ngâm khúc*, do bà và GS nôm học Lê Hữu Mục hợp soạn.

Tất cả có bốn buổi ra mắt, tại Nam Cali, Bắc Cali, Virginia và Toronto, tất cả đều do các hội Cựu Nữ-sinh Gia Long tổ-chức.

Buổi đầu tiên tổ-chức tại Nam Cali ngày 30.9. GS Lưu Trung Khảo giới-thiệu tác-phẩm. Hội trưởng Gia Long, bà Kim Đức, giới-thiệu tác-giả. GS Phạm Thị Nhung trình-bày đề-tài *Tình-yêu trong Chinh-phụ ngâm khúc*.

Phần văn-nghệ có sự đóng-góp của Bích Ty, Lệ Hằng, Vân Phương, Hồ Liễu, nhóm Hùng Sử Việt, Bích Thuận, Phi Loan và ban hợp ca Gia-long.

Buổi sinh-hoạt ra mắt sách tại Toronto ngày 14.10 còn có sự tham-gia của GS Lê Hữu Mục. GS Lê Khắc Ngọc Quỳnh giới-thiệu tác-phẩm. Nha-sĩ Lệ Ba ngâm thơ Chinh-phụ qua các điệu sa-mạc, bồng-mạc, ru con, ngâm và

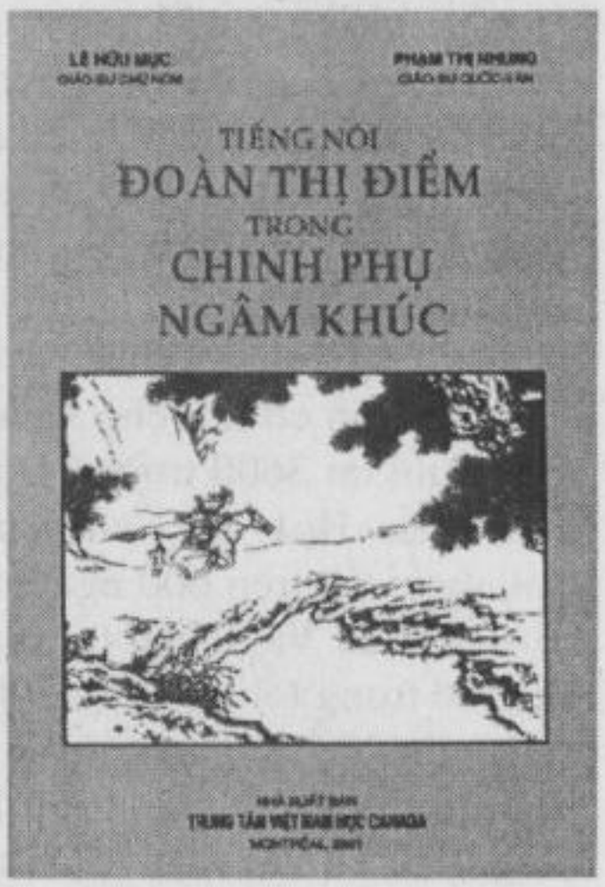

GS Phạm Thi Nhung trong buổi ra mắt sách tại Nam California. Trong khung: GS Lê Hữu Mục tại Toronto

lấy.

Buổi sinh-hoạt diễn ra trong không-khí ấm-cúng, thân-mật. .

Sách mới của Làng Văn

Nhà xuất-bản Làng Văn vừa trình làng đợt sách mùa thu 2001, gồm các ấn-phẩm kể sau:

Tình Hận, truyện dài xã-hội, của Tống Minh Long Quân.

Quí độc-giả đã đọc *Tình Hận* trên Làng Văn, muốn đọc lại từ đầu đến cuối một lần cho "đã", hoặc mua tặng bạn bè làm quà Tết, Noel, xin "mại dô!"

Sách dày 416 trang, giá 19 mỹ-kim (30,50 gia-kim) cả cước-phí. Độc-giả dài hạn Làng Văn được bớt như thường-lệ.

Cười là thang thuốc bổ, cuốn sách cười thứ mười, Cả Cười sưu-tập, dịch hoặc viết lại hoặc nhuận-sắc. Quí bạn đã đọc và đã cười với Cả Cười, không thể bỏ qua cuốn sách cù-léc đại bổ này.

Sách dày 128 trang, giá 7 mỹ-kim (11,50 gia-kim) cả cước-phí. Liên-lạc: Làng Văn.

Báo Làng Văn đóng tập, từ số 1, tháng 9.1984 đến số 208, tháng 12 năm 2000, bìa cứng màu huyết-dụ, chữ mạ vàng. Quí bạn sưu-tập sách báo, và các thư-viện tư-nhân không thể thiếu bộ sưu-tập này. Giá 17 bộ: 1360 mỹ-kim (2175 gia-kim) cả cước-phí. Độc-giả dài hạn có mã-số được bớt 25%. Liên-lạc Làng Văn (số ấn-bản có hạn).

Năm con rồng Á-châu, biên-khảo và nhận-định kinh-tế của Đỗ Đức Thống, Từ Nguyên viết lời giới-thiệu.

Năm "con rồng" kinh-tế trong sách là Nam Hàn, Đài-loan, Hương-cảng, Nhật-bản và Tân-gia-ba.

Tác-giả Đỗ Đức Thống sinh năm 1946 tại Ninh-bình, biên-tập-viên *Dân-chúa* Âu-châu, hội-viên Văn Bút VNHN, Trung-tâm Âu-châu.

Sách dày 240 trang, giá 12 mỹ-kim (19,50 gia-kim) cả cước-phí. Liên-lạc: Làng Văn.

Nhà văn Đỗ Đức Thống

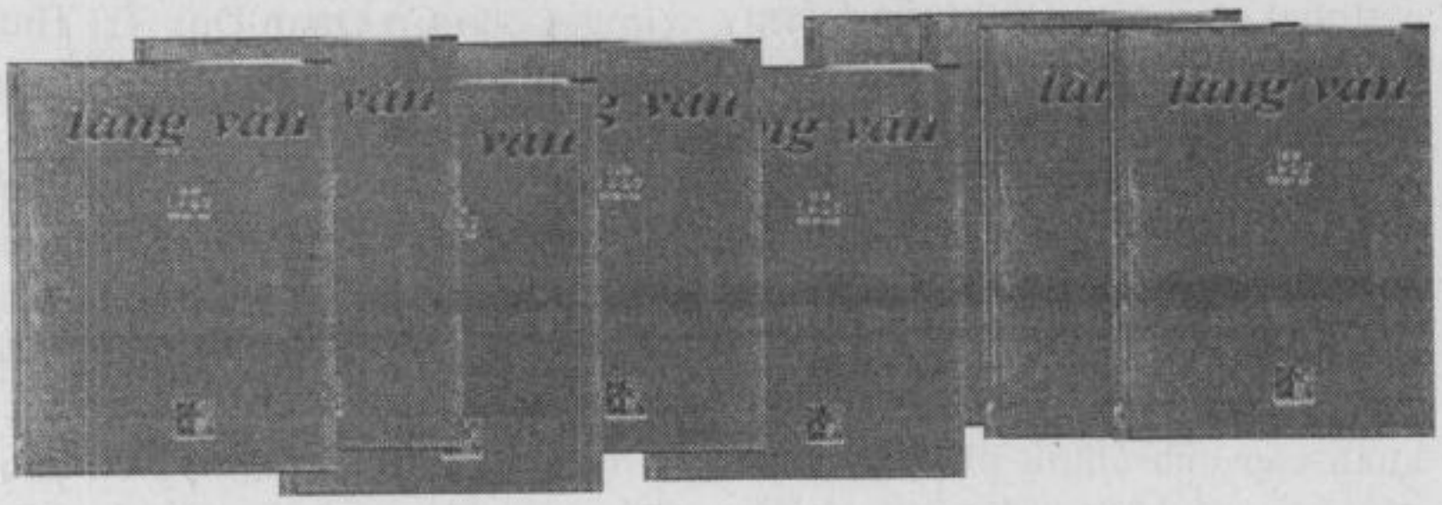

17 bộ Làng Văn đóng tập 1984-2000, bìa cứng, chữ mạ vàng, giá 1360MK

Nhạc sĩ Ngọc Bích qua đời

Nhạc sĩ Ngọc Bích, viên ngọc bích của làng nhạc Việt Nam từ thời tiền chiến, đã qua đời đêm 15.10, tại Bệnh viện Los Angeles, Nam California, vì bị đứng tim, thọ 76 tuổi.

Ông được nhớ đến qua các ca-khúc *Trở về bến mơ, Khúc nhạc chiều mơ, Mộng chiều Xuân, Giấc mơ ngàn,..* và cả bài *Suy tôn Ngô Tổng-thống* (lời Thanh Nam).

Lúc còn trẻ, nhạc sĩ Ngọc Bích đi kháng chiến ở liên khu 3. Ông là người khép kín, không lập gia đình.

Sau 1954, ông di cư vào Nam, làm việc tại các đài phát thanh Quân-đội, Sài-gòn và Mẹ Việt Nam. Năm 1975, đã theo đài Mẹ VN này di tản sang Mỹ.

Văn Bút VN Ontario họp Đại-hội

Trung-tâm VB Việt-nam Ontario họp Đại-hội hôm 28.10 tại Toronto để bầu tân Ban Chấp-hành nhiệm-kỳ 2001-2003.

Ontario là một trong 11 trung-tâm chính-thức của Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại (duy nhất), được thành-lập từ 1987, với số hội-viên lúc đông nhất là 65 và lúc ít nhất là 12, hội-viên cao-niên nhất hiện nay 78 tuổi, và hội viên trẻ nhất 26 tuổi.

Trung-tâm này đã trải qua nhiều cơn sóng-gió của cả tổ-chức, và luôn luôn đứng vững trong mọi trường-hợp.

Linh-mục, và cũng là tiểu-luận-gia, Nguyễn Văn Lý là hội-viên danh-dự đầu-tiên của Trung-tâm Văn Bút VN Ontario. ●

ngoài xã

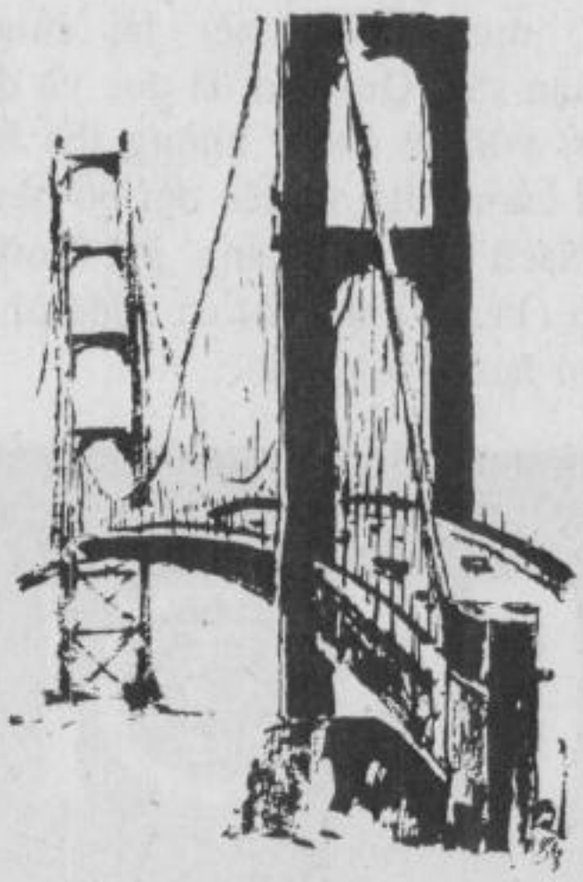

Chương trình cứu giúp các nạn nhân khủng bố

Vụ khủng bố ngày 11 tháng 9 vừa qua không những đã gây tổn hại về sinh mạng mà đang có những tác hại lâu dài đến nền kinh tế Hoa Kỳ. Nhiều người Việt bị ảnh hưởng lây.

Riêng trong khu vực Hoa Thịnh Đốn có khoảng 200 người Việt, đa số làm việc tại các khách sạn, đã mất việc. Khi mất việc họ cũng mất cả bảo hiểm. Số lượng người Việt tại vùng Bắc Virginia mất việc có thể còn cao hơn thế vì rất nhiều người Việt làm việc không những ở các khách sạn mà còn ở hai phi trường Reagan National Airport và Dulles International Airport. Có trường hợp nhiều người cùng một gia đình đều mất việc một lúc, tạo tổn thất rất lớn về tài chánh cho gia đình.

Vì trở ngại ngôn ngữ và vì lạ nước lạ cái nhiều gia đình Việt đã không biết cách thức để ghi danh vào các chương trình trợ giúp khẩn cấp của chính phủ hay của các hội từ thiện. Mặc dù nhiều nhóm, nhiều đoàn thể Việt đã đứng ra gây quỹ cứu trợ nạn nhân khủng bố, nhưng các khoản đóng góp lại được chuyển thẳng cho các tổ chức Hoa Kỳ. Trong khi đó, số người Việt cần giúp đỡ lại lúng túng không biết cách xin sự trợ giúp từ các tổ chức này nên bị thiệt thòi.

Để đối phó với tình trạng này, Uỷ Ban Cứu Người Vượt Biển đã họp khẩn với các chính quyền và các tổ chức từ thiện ở Hoa Thịnh Đốn và Bắc Virginia và tiến hành các nỗ lực sau đây để giúp đỡ đồng hương. Chúng tôi sẽ cung cấp phần dịch thuật nếu cần thiết.

. Tại Hoa Thịnh Đốn: Hướng dẫn đồng hương trong việc ghi danh cho các chương trình này. Những ai mất việc do vụ khủng bố có thể xin bồi thường thất nghiệp theo một thể thức cấp tốc. Đơn nộp tại 625 H Street, NE từ 8 giờ sáng đến 3 rưỡi chiều từ thứ Hai đến thứ Sáu. Đặc biệt mỗi thứ Tư, văn phòng mở thêm giờ từ 5 đến 7 giờ chiều. Quý vị cần cầm theo đơn W-2 hoặc ngân phiếu tiền lương cuối cùng, giấy báo nghỉ việc, và thẻ căn cước (I.D.)

Trong trường hợp bị chấn động nội tâm hay bị khủng hoảng tinh thần do hậu quả của cuộc khủng bố, xin liên lạc với Bộ Sức Khoẻ Tâm Thần tại số miễn phí 888-793-4357. Quý vị cũng có thể tham gia các buổi nói chuyện do UBCNVB tổ chức tại Hoa Thịnh Đốn, Maryland và Virginia.

Nếu muốn xin Food Stamp, xin gọi cho Cơ Quan Duy Trì Thu Nhập thuộc Bộ Xã Hội tại số điện thoại 202-724-5506.

Nếu bị kỳ thị vì lý do chủng tộc, tôn giáo, màu da, hay giới tính, xin liên lạc với Uỷ Hội Dân Quyền thuộc Bộ Tư Pháp tại số 866-768-7227.

Quý vị nào hiện không có bảo hiểm sức khoẻ, chúng tôi sẽ giúp

quý vị trong vấn đề xin bảo hiểm sức khoẻ miễn phí theo chương trình của chính phủ Hoa Thịnh Đốn.

. Tại Quận Fairfax

Kể từ ngày 22 tháng 10, Uỷ Ban sẽ phối hợp với Quận Fairfax để cử 5 liên lạc viên cộng đồng tiếp xúc với mọi thành phần trong cộng đồng Việt để thu thập ý kiến về nhu cầu và hướng dẫn cũng như giúp đỡ cho đồng hương trong việc tham gia vào các chương trình trợ giúp của chính phủ hay của tư nhân.

Để biết thêm tin tức hay để được giúp đỡ, xin liên lạc với chúng tôi tại các số điện thoại: 202-257-4627 (Hoa Thịnh Đốn) hay 703-538-2190 (Quận Fairfax).

Làng Việt Nam tại Palawan rút trợ cấp của các học sinh được học bổng

Ban Chấp Hành Cộng Đồng Người Việt Tự Do Liên Bang Úc Châu (CĐNVTD/UC) và nhóm Hands For Hope - Góp Một Bàn Tay (GMBT) - đã yêu cầu Sơ Lê Thị Tríu ở Phi Luật Tân xét lại quyết định rút lại tiền trợ cấp của 4 học sinh tị nạn cư ngụ trong Làng Việt Nam vừa được nhận Học Bổng Pam Baker.

Trong số 12 em được học bổng Pam Baker, có 5 em sống tại các vùng lân cận Manila và 7 em sống trong hoặc gần Làng Việt Nam trên đảo Palawan. Ngày 12 tháng 8 vừa qua tại Palawan, số 7 em trên được trao tặng Học Bổng Pam Baker. 5 em còn lại nhận học bổng trong một buổi lễ tại toà Đại sứ Úc ở Manila vào ngày 11 tháng 8.2001. 4 em học sinh bị cắt trợ cấp kể trên, trong lứa tuổi 11 đến 14, là con cháu của người Việt tị nạn sống trong Làng Việt Nam dưới sự điều hành của Ban Quản Trị làng. Tiền trợ cấp do cơ quan CADP (Centre for Assistance to Displaced Persons), thuộc quyền Sơ Tríu, điều hành.

Sau khi các trại tị nạn đóng cửa vào năm 1996 và chính quyền Phi quyết định không cưỡng bách thuyền nhân hồi hương, Sơ Tríu nhận các khoản tiền do các cộng đồng người Việt ở hải ngoại gởi tặng thuyền nhân, hơn 2 triệu Mỹ Kim (hơn 4 triệu Úc Kim). Sơ Tríu dùng một phần số tiền này để thành lập Làng Việt Nam. Dân số Làng hiện nay khoảng 200 người, trong số hơn 2000 người Việt sống rải rác khắp nước Phi. Trong Làng, Sơ Tríu là người có quyền quyết định tối cao, và cũng là người đã ra lịnh cho CADP và Ban Quản Trị rút lại tiền trợ cấp như kể trên.

Vì thế, ngày 14.9 Ban Chấp Hành CĐNVTD/UC và nhóm GMBT đã gởi thư yêu cầu Sơ Tríu xét lại quyết định trên. Cho đến ngày nay, Sơ Tríu vẫn không trả lời.

Học Bổng Pam Baker nhằm khuyến thưởng và khích lệ việc chăm chỉ học hành, giúp các em cố gắng trong việc học, và để ghi nhớ công ơn mà nữ Luật Sư Pam Baker đã giúp đỡ thuyền nhân Việt Nam ở Hồng Kông trong thập niên 90. Các em là những học sinh xuất sắc trong số 84 em đã gởi đơn về.

Ban Quản Trị Làng Việt Nam và CADP đã xác nhận rằng họ đã quyết định rút lại tiền trợ cấp nói trên. Lý do, theo họ là, vì học Bổng Pam Baker đã trang trải phí tổn học của các em, do đó Ban Quản Trị tạm rút lại tiền trợ cấp để dành dùng cho các em sau này. Trong thư gởi Sơ Tríu, CĐNVTD/UC và GMBT nói rằng lý do này không đứng vững vì quyết định rút trợ cấp đã phá hủy mục đích nói trên của Học Bổng Pam Baker mà Sơ Tríu đã chấp nhận, đó là nhằm khen thưởng và khuyến khích các em chăm học hành. Lá thư nói rằng ít nhất, nếu muốn lý do kể trên được coi là đáng tin, thì Ban Quản -Trị cần phải để riêng số tiền trợ cấp này ra một bên và bảo đảm sẽ trao số tiền cho các em sau khi số tiền Học Bổng đã dùng hết. Ngoài ra, Sơ Tríu và Ban Quản Trị đã quyết định một cách toàn diện mà không xét đến hoàn cảnh tài chánh của từng em, và không cho phụ huynh được quyền có ý kiến. Không những thế, quyết định này đã đi ngược lại với những gì mà Sơ Tríu đã tuyên bố với Nhóm GMBT khi nhóm này liên lạc với Sơ từ tháng 5 để tham khảo và thông báo về việc cấp Học Bổng này.

Ngoài ra, theo tin mới nhận được từ một phụ huynh trong làng, thì 2 người em nhỏ của một trong các em bị rút trợ cấp, cũng bị rút trợ cấp, mặc dù 2 em này không được lãnh học bổng Pam Baker, và tất cả các em này đều bị Ban Quản Trị Làng đối đãi như kẻ thù.

Học Bổng Pam Baker, trị giá 250 úc kim cho mỗi em học sinh tiểu học và 500 úc kim cho mỗi em học sinh trung học, được thành lập đầu năm 2001 do nhóm GMBT điều hành với sự hỗ trợ tài chánh và tinh thần từ CĐNVTD/UC.

Bị bắt vì tội đặt bom sứ quán CSVN tại Thái

Ông Võ Văn Đức, 41 tuổi, nguyên sinh viên ngành kiến trúc và thầu xây dựng, cư ngụ tại Baldwin Park, Nam California, đã bị các nhân viên FBI bắt ngay lúc vừa bước xuống chuyến bay từ Seattle đến phi trường John Wayne. Ông Đức bị kết tội sử dụng vũ khí

có sức tàn phá lớn, dính líu đến mưu toan đặt bom toà Đại sứ CSVN tại Thái Lan ngày 19.6. Phát ngôn nhân FBI, bà Cheryl Mimura cho biết ông Đức có thể bị truy tố thêm tội danh khác. Chính phủ Thái Lan đã bắt được 3 người chung vụ và ra lệnh truy nã đối với ông Đức, được cho là chủ mưu. Cảnh sát Thái Lan tin rằng, mưu toan đặt bom toà Đại sứ là hành động trả đũa sau khi 37 người hoạt động chính trị được tổ chức "Chính phủ Việt Nam Tự Do" hỗ trợ, bị lực lượng an ninh CS Việt Nam lên án vì những hoạt động chống Chính phủ.

Cộng-đồng VN cứu-trợ Mỹ

Cộng đồng VN đã góp hơn 3 triệu mỹ-kim giúp các nạn-nhân bị khủng-bố.

. Đại Nhạc Hội Tương trợ New York 911 đã thành công rực rỡ trước sự tham dự của hơn 5000 đồng hương và đầy đủ chức sắc đại diện các tôn giáo tại phim trường của Trung Tâm Thế Giới Nghệ Thuật số 4906 W. 1 St Thành phố Santa Ana.

Với sự góp mặt của hơn 60 anh chị em nghệ sĩ, sự ủng hộ của 12 cơ sở truyền thanh, 15 tờ báo, 8 trung tâm băng nhạc cùng nhiều mạnh thường quân và cơ sở thương mãi, chỉ trong khoảng 5 giờ đồng hồ, ban tổ chức đã thu được số tiền gần 60 ngàn mỹ kim.

. Tiệm bánh mì Lee's Sandwich đã in giấy dán cờ Mỹ để tặng các thân chủ và nhận tiền đóng góp. Số tiền lên đến 20,000 Mỹ kim.

. Từ khu phố Bolsa tại Nam California, khu thương xá Lion King tại San Jose, Bắc California cho đến khu phố Bellaire tại Houston, Texas, cộng đồng người Việt đã cùng nhau đóng góp gần 1 triệu mỹ kim dành cho các nạn nhân trong vụ khủng bố 11 tháng 9.

. Tại Nam California, đài Little Saigon Radio đã mở cuộc vận động trong tháng qua, thu nhận trên 416,000 mỹ kim.

. Đài Radio Bolsa quyên góp được 60,000 mỹ kim qua một chương trình văn nghệ gây quỹ.

Trong buổi lễ trao tiền tại Quận Cam, nữ Dân Biểu Liên Bang Loretta Sanchez đã gọi điện thoại từ Hoa Thịnh Đốn, ca ngợi sự đóng góp quí báu của người Việt tị nạn. Các viên chức đại diện cho Hội Hồng Thập Tự đều đã có mặt tại buổi lễ trao tiền.

. Tại Texas đài Little Saigon Radio Houston cũng đã mở một cuộc quyên góp tương tự. Tuy không lớn bằng cộng đồng tại California, người Việt ở Houston đã đóng góp gần 445,000 mỹ kim. Trong buổi lễ trao tiền cho hội Hồng Thập Tự tại Houston ngày 11-10-2001, đúng một tháng kể từ ngày xảy ra vụ tấn công, Thị Trưởng Lee Brown nói rằng ông chưa thấy một cộng đồng di dân nào phát triển mau chóng và có khả năng đóng góp lớn như cộng đồng người Việt.

. Hơn 400 con em và đồng hương Hội ái Hữu Tương Tế Sóc Trăng đã tham dự buổi họp mặt truyền thống hàng năm tại nhà hàng Sea Food World vào lúc 7:30 chiều ngày 28.9.2001.

Sau phần nghi thức, ông hội trưởng Trần Dũ kêu gọi mọi người tích cực đóng góp tài chánh cũng như hiến máu để giúp các nạn nhân của vụ khủng bố 11 tháng 9 tại New York. Kết quả thu được 25,310. mỹ kim, trong đó riêng phần của ông phó chủ tịch hội Sóc Trăng Trần Đình Quang là 10,000 mỹ kim. Tất cả đã trao cho đại diện hội Hồng Thập Tự Bob Mc Clain.

. Tại tiểu bang New York, một gia đình Việt tị nạn rất giàu có đã tặng 2 triệu mỹ kim.

. Tại vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn, một đêm thắp nến tưởng niệm các nạn nhân vụ khủng bố 11.9 được tổ chức vào lúc 7 giờ tối ngày 7.10.01 tại Trung tâm thương mại Eden thành phố Falls Church thuộc tiểu bang Virginia. Kết thúc chương trình thắp nến là phần công bố tổng số tiền lạc quyên được trong thời gian qua. Ông Lê Quyền, Chủ tịch Hội Đồng Chấp hành Cộng Đồng Việt Nam Vùng Hoa Thịnh Đốn đã mời bà Linda Mathes đại diện hội Hồng Thập Tự National Capital Chapter lên nhận chi phiếu 52.075 đô la từ tay cụ Giáp Ngọc Phúc.

Tân Đại Sứ CSVN tại Mỹ

Đại sứ CSVN Nguyễn Tâm Chiến đã được TT George W. Bush tiếp kiến sau lễ trình ủy nhiệm thư. Theo tường thuật của thông tấn xã CSVN, vị lãnh đạo Hoa Kỳ tuyên bố rằng hiệp ước thương mại Việt Mỹ là một dấu ấn quan trọng trong tiến trình bình thường hoá các quan hệ kinh tế giữa 2 nước. Ông nói: cần tiếp tục đối thoại về những vấn đề bất đồng, và tỏ ý tin tưởng rằng một nước VN phồn thịnh sẽ góp phần vào sự ổn định và hoà bình của thế giới. Nhân dịp này, tân Đại Sứ CSVN phát biểu rằng điều quan trọng hiện nay là xúc tiến những bước nối tiếp để thi hành hiệp định, đem lại phúc lợi cho hai bên.

Phan Văn Khải bị ném trứng

Nhằm vận động đầu tư quốc tế, Thủ tướng CSVN Phan Văn Khải đã đến Đức vào ngày 9.10.2001 và được Thủ tướng Đức Gerhard Schroeder tiếp kiến vào sáng hôm sau. Cuộc gặp gỡ diễn ra trong

một không khí tẻ nhạt khoảng 30 phút. Trong khi đó phía bên ngoài đồng bào ta đã biểu tình với cờ vàng, biểu ngữ và hô khẩu hiệu đòi Tự do cho Việt Nam, Nhân quyền cho Việt Nam, Tự do tôn giáo cho Việt Nam...

Ngoài ra Ủy Ban Điều Hợp Công tác Đấu Tranh tại Đức đã tổ chức một buổi biểu tình vào lúc 3 giờ chiều ngày 10.10 trước tòa nhà kinh tế của Đức quốc là địa điểm Phan Văn Khải có một buổi chiêu dụ thương gia Đức đầu tư vào VN. Cuộc biểu tình có hàng trăm đồng bào tham dự với đầy khí thế cùng hàng rừng cờ và biểu ngữ, truyền đơn... Khi chiếc xe chở Khải chạy đến khúc quanh của con đường dẫn vào tòa nhà kinh tế, người biểu tình đã ném hàng loạt trứng vào xe. Lúc Khải bước xuống xe, đoàn biểu tình đã hô to những khẩu hiệu... vang dội khu phố, tạo sự chú ý của khách ngoại quốc, khiến Khải ê chề lầm lũi đi vào phòng tổ chức. Đoàn biểu tình vẫn kiên quyết bao vây bên ngoài phòng họp. Đến 16 giờ, khi Khải rời hội trường, lại bị đón nhận những lời hô đả đảo vang lừng. Buổi họp chỉ kéo dài 30 phút và không đem lại kết quả nào. Sau khi chấm dứt buổi biểu tình, đại diện Ủy Ban gồm các ông Phạm Công Hoàng và Trần Văn Các đã đến Bộ Ngoại Giao Đức để trao Thỉnh Nguyện Thư của cộng đồng đến Bộ Trưởng Ngoại giao Fischer. Sau khi rời Đức, Phan Văn Khải sẽ đi Hòa Lan, và cộng đồng người Việt tại đây đã chuẩn bị ngăn chặn âm mưu tuyên truyền của cộng sản Việt Nam.

Sinh viên VN vùng Hoa Thịnh Đốn và Phụ Cận tổ chức trại Kết Đoàn 2001

Với một ban tổ chức gồm 5 Hội Sinh Viên Việt Nam thuộc các đại học University of Maryland at College Park, Univerisity of Maryland at Baltimore County, Catholic University, Johns Hopskins University và University of Virginia, Trại Kết Đoàn - United We Stand - đã tổ chức thành công vào ngày 6-7 tháng 10, 2001 tại Highway Program Center tiểu bang Virginia, đánh dấu một giai đoạn lớn mạnh trong sinh hoạt liên trường của các ban chấp hành sinh viên Việt Nam tại vùng Hoa Thịnh Đốn và phụ cận.

Theo ban tổ chức, Trại Kết Đoàn đã đạt được tất cả các mục đích mong muốn. Ngoài sự quen biết và làm bạn với nhiều bạn qua các Hội Sinh Viên khác trường, các trại sinh đã hiểu biết thêm nhiều về nền văn hóa Việt Nam và đồng thời cũng học hỏi được những phương cách sinh hoạt tập thể ngoài trời. Dựa theo những tờ "evaluation", tất cả trại sinh đều rất thích kỳ trại Kết Đoàn. Một trăm phần trăm trại sinh quyết định sẽ tham gia Trại Kết Đoàn II vào năm 2002.

Xin cho tù cải tạo dưới 3 năm vào Mỹ theo diện H.O.

Cộng đồng Việt đang mở chiến dịch vận động xin Quốc Hội Mỹ mở rộng chương trình HO cho các quân nhân VNCH ở tù CS dưới 3 năm, cũng như miễn thi mà vẫn được nhập tịch Hoa Kỳ sau 5 năm cư trú tại Hoa Kỳ.

Phái đoàn người Việt do ông Nguyễn Đạt Thành, Tổng Hội trưởng Tổng Hội H.O., Houston, Texas, hướng dẫn đã có mặt tại Rayburn Office Building thuộc Hạ Viện Hoa Kỳ vào sáng ngày 9 tháng 10 năm 2001 để tham dự buổi điều trần đệ trình dự luật do nữ dân biểu Sheila Jackson-Lee (D-TX) bảo trợ nhằm mục đích kêu gọi Quốc hội Hoa kỳ chấp thuận 2 vấn đề: 1/ Các cựu quân nhân thuộc Quân lực VNCH bị giam trong các trại tù Cộng sản dưới 3 năm được đi định cư tại Hoa Kỳ theo diện H.O. 2/ Các cựu tù nhân chính trị đã sang Hoa Kỳ định cư 5 năm trở lên được miễn thi vào quốc tịch Mỹ hoặc được thi bằng Việt Ngữ.

Cựu Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu qua đời

Chỉ hơn 1 tháng sau cái chết của Dương Văn Minh, vị Tổng thống cuối cùng của VNCH, Cựu Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã qua đời vì tai biến mạch máu não tại tư gia ở Boston ngày 29 tháng 9 năm 2001, thọ 78 tuổi. Lễ an táng và hoả thiêu cử hành ngày 6.10.2001 theo lễ nghi quân cách dành cho một cựu quân nhân.

Ông Nguyễn Văn Thiệu sinh ngày 5 tháng 4 năm 1923 tại Phan Rang, nguồn gốc đạo Phật nhưng theo đạo Công giáo khi kết hôn với bà Nguyễn thị Mai Anh. Ông có 3 người con, 2 trai 1 gái. Năm 1948 ông tốt nghiệp khoá 1 trường Võ Bị Quốc Gia (khoá Bảo Đại), tu nghiệp về Bộ binh tại trường Coetquidan Infantry, Pháp năm 1949 và sau đó tại các trường Chỉ huy và Tham mưu Hà Nội (1952), Hoa kỳ (1957), Okinawa (1959), trở lại Hoa kỳ thụ huấn về các loại vũ khí mới tại Fort Bliss (1960).

Về các chức vụ trong quân đội: Năm 1956 làm chỉ huy trưởng trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt. Sau đó ông lần lượt giữ các chức vụ như Tham mưu trưởng bộ Tư lệnh Hành quân dưới quyền tướng Dương Văn Minh; Tư lệnh Sư đoàn 1 Bộ binh tại Huế; Tư lệnh Sư đoàn 5 tại Quân khu III (Biên Hoà); Tham mưu trưởng Liên quân tại bộ Tổng tham mưu; tham

chánh với tư cách Bộ trưởng Quốc phòng trong chính phủ của Bác sĩ Phan Huy Quát. Năm 1965, khi quân đội nắm chính quyền, ông được đề cử làm Chủ tịch Uỷ ban Lãnh đạo Quốc gia (tương đương với chức vụ Quốc trưởng). Năm 1967, ông đắc cử trong cuộc tuyển cử tổng thống đầu tiên của nền đệ nhị cộng hoà với ông Nguyễn Cao Kỳ làm phó. Năm 1971, ông tái ứng cử với ứng viên phó tổng thống là cụ Trần Văn Hương.

Năm 1975, sau một loạt triệt thoái khỏi các tỉnh miền Trung, ông Thiệu bị Cộng sản áp lực phải từ chức vì họ chỉ chịu thương thuyết với một chính quyền trung lập. Tối 21.4.1975, ông Thiệu từ chức; 25.4, ông được Hoa kỳ bí mật đưa ra khỏi Sài gòn vào ngày 21 tháng 4 năm 1975. Ông lưu lại tại Đài Bắc một thời gian ngắn trước khi sang Anh tị nạn chính trị. Đến đầu thập niên 80, ông di cư sang Mỹ để ở gần các con.

Tang lễ của cố Trung tướng QLVNCH, nguyên Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu đã được diễn ra một cách long trọng, trang nghiêm với 10 cựu tướng lãnh, một số sĩ quan các cấp đại diện các Quân, Binh chủng trong QLVNCH thay phiên nhau hầu tá Quân Quốc Kỳ và linh cữu trong suốt thời gian tại nhà quàn ở thành phố Newton, tiểu bang Massachusetts với khoảng trên 500 người hiện diện.

Thành phần cựu Tướng lãnh QLVNCH về tham dự gồm có cựu Trung tướng Phạm Quốc Thuần, cựu Trung tướng Ngô Quang Trưởng, cựu Thiếu tướng Trần Bá Di, cựu Thiếu tướng Văn Thành Cao, cựu Thiếu tướng Lê Minh Đảo, cựu Chuẩn tướng Đào Duy Ân, cựu Chuẩn tướng Phan Hòa Hiệp, cựu Đề đốc Lâm Nguơn Tánh, cựu Chuẩn tướng Mạch Văn Trường và cựu Chuẩn tướng CSQG Trang Sĩ Tấn. Về phía hành pháp thì có nguyên Chủ tịch Hạ viện, nguyên Thủ tướng Chính phủ VNCH Nguyễn Bá Cẩn.

CSVN giải giao cho FBI 1 nghi can cướp nhà băng

Công an CSVN vừa bàn giao cho Sở Điều Tra Liên Bang Hoa Kỳ (FBI) tội phạm Vũ Viết Đẩu, 50 tuổi, công dân Mỹ sinh sống tại tiểu bang Florida.

Vào tháng 3 năm 2001, nhà chức trách Hoa Kỳ gửi một lệnh truy nã sang VN, nhờ truy bắt Đẩu về 10 tội danh, liên quan đến 1 vụ cướp ngân hàng gần 300 ngàn mỹ kim. Đẩu còn làm môi giới địa ốc, lừa đảo nhiều người trước khi bỏ trốn về VN, tạm trú tại Phường 10, quận Gò Vấp, sử dụng căn cước giả tên Nguyễn Tấn Lộc.

Thượng viện Mỹ thông qua Thương Ước Việt-Mỹ

Thượng Viện Mỹ đã bỏ phiếu với tỉ lệ 88-12 để chấp thuận bản thương ước lịch sử Việt-Mỹ. Bản văn sẽ được trình lên TT Bush, để được ký và trở thành luật. Hạ Viện đã chấp thuận thương ước hồi tháng trước.

Như vậy là tiến trình 10 năm hòa giải đã hoàn tất. Bản văn thương thuyết do chính phủ Clinton đưa ra, được ký năm ngoái ở Hà Nội. Khi ký thương ước, các lãnh tụ CSVN đã đánh cuộc tương lai của họ vào quan hệ chặt chẽ với Hoa Kỳ, mục đích để giải thoát dân VN ra khỏi xiềng xích của cô lập quốc tế và nền kinh tế hoạch định.

VN là 1 trong vài nước chưa có mậu dịch bình thường với Mỹ. Cho nên thuế quan Mỹ trên các hàng hóa VN là trung bình 40% - gấp 10 lần mức thuế cho các nước khác.

Trong khi tranh luận, TNS Cộng hoà Robert Smith ngỏ ý tiếc là Thượng Viện sẽ không bỏ phiếu về Luật Nhân Quyền Việt-nam mà dự thảo đã được Hạ Viện chấp thuận với tỉ lệ phiếu 410-1 nhằm nối kết viện trợ ngoài nhân đạo với các tiến bộ về nhân quyền. Smith nói là nhiều TNS đã "bí mật nhận chìm" dự luật nhân quyền, không đưa ra thảo luận. Smith nói, "Chúng ta nên mong đợi VN cải thiện nhân quyền, nếu chúng ta giao thương với họ. Thế mới thấy cái cực kỳ vô lý [của việc chìm xuồng]:"

Dự luật Nhân Quyền Cho Việt-nam bị dìm tại Thượng Viện Hoa kỳ

Sáng ngày 3.10.2001, Thượng Nghị Sĩ George Allen thuộc Tiểu bang Virginia đã thông báo cho BS Nguyễn Quốc Quân là Dự Luật cho Nhân Quyền Việt Nam 2001 đã chính thức bị TNS John Kerrey, Chủ tịch Tiểu ban Đông Bộ A Châu và Thái Bình Dương thuộc Uỷ Ban Ngoại Giao Thượng Viện cản trở không đưa ra biểu quyết cùng một lúc với Thương Ước Mỹ Việt trong khóa họp vào buổi chiều cùng ngày.

Trong cuộc tranh luận trước khi bỏ phiếu cho Thương Ước Mỹ Việt, TNS Allen đã đưa ra lời phát biểu với những điểm chính: Ông ủng hộ thương ước Mỹ Việt vì ông tin rằng thương ước này sẽ giúp thay đổi nền kinh tế ở Việt Nam, một nền kinh tế tự do và mang cơ hội cho dân chúng Viet Nam cũng như giúp cho sự cải tiến của xã hội Việt Nam. Đồng thời ông cũng nhấn mạnh và ngợi khen nỗ lực của TNS Bob Smith trong việc cố gắng vận động cho Dự Luật Nhân Quyền được cứu xét. TNS Smith đã làm một việc rất đúng:

cả hai thương ước và Dự Luật về Nhân Quyền cần phải đi đôi với nhau. TNS Allen kêu gọi chính phủ Việt Nam hãy chọn con đường tôn trọng các nhân quyền căn bản của dân chúng Việt Nam. Ông cho rằng Việt Nam hiện đang có những quyết định lịch sử quan trọng cần phải chọn lựa: chọn lựa giữa tự do, tôn trọng nhân quyền và chậm tiến, vô sản độc tài.

Cá Việt đè bẹp cá Mỹ

Tình hình cá Việt Nam đang đè bẹp cá Mỹ nguy tới nỗi Thống đốc Mississippi dự tính họp khẩn nghị viện tiểu bang để đối phó.

Các chủ trại nuôi cá đang tranh chấp dữ dội với các hãng nhập cảng cá Việt Nam trong nỗ lực tranh quyền kiểm soát thị trường cá bông lau (catfish) Hoa Kỳ. Các chủ trại nuôi cá Hoa Kỳ đang vất vả kiếm tiền từ sản phẩm của họ, bởi vì cá nhập cảng giá rẻ mạt, theo lời Hugh Warren, phó chủ tịch hội Catfish Farmers of America, bản doanh ở Indianola. Ông nói là có tới 20% thị trường filet cá đông lạnh đã bị mất vào tay hàng nhập cảng mà ông gọi là thứ cá rẻ, kém phẩm chất. "Sự kiện là những sản phẩm tương đối rẻ này đang kéo sụt giá thị trường cá bông lau nuôi ở các trại Hoa Kỳ. Cá Việt Nam thiệt sự cũng không lân cận gì với cá bông lau cả."

Các nhà sản xuất nói là có tới 1 triệu pounds cá bông lau VN nhập cảng vào Mỹ mỗi tháng. Cá VN được bán ở Mỹ là thuộc dòng họ Pangasiidae. Còn cá bông lau nuôi ở các trại Hoa Kỳ thuộc dòng họ Ictalariidae.

Một doanh gia nhập cảng cá VN nói là những người nuôi cá bông lau Hoa Kỳ phải chịu trách nhiệm các gian nan của họ vì đã bán cá nội địa trong vài tiểu bang. "Thất bại của họ là đã không tiếp thị thích đáng sản phẩm của họ hiệu quả trên khắp Hoa Kỳ," theo lời Andrew Forman, chủ tịch hãng Infinity Seafood LLC, bản doanh ở Boston.

Kỹ nghệ cá nội địa có thương vụ hơn 500 triệu đô, với tập trung lớn nhất là các trại cá ở Mississippi, Arkansas và Louisiana. Có hơn 150,000 mẫu hồ cá bông lau tại Hoa Kỳ, trong đó có 91,000 mẫu ở Mississippi.

Phong Trào Tự-Do Tôn-Giáo và Nhân-quyền VN vận-động Thượng-viện Mỹ

Phong-trào Tự-do Tôn-giáo và Nhân-quyền Việt-nam (Movement for Religios Freedom and Human Rights in Vietnam - trụ-sở 9315 Bolsa Ave., Suite 302, Westminster, California) hôm 20.10 đã cho phổ-biến rộng-rãi trên liên-mạng thông-tin một mẫu Thỉnh-Nguyện-Thư để đồng-bào chép, ký tên và gửi tới từng nghị-sĩ Mỹ trong tiểu-bang mình cư-trú.

Nội-dung Thỉnh Nguyện Thư như sau:

Petition for Vietnam Human Rights Bill, HR 2833 and Freedom for Rev. Thadues Nguyen Van Ly Now!

October 20, 2001
Dear Honorable Senator....

We, the concerned American citizens for the issue of religious freedom and human rights in Vietnam respectfully ask. youtoday to sponsor the Vietnam Human Rights Bill, HR 2833 promoting freedom and democracy in Vietnam and request Sen. John Kerry (D-MA) to release this Bill so it can be free to go to the floor for a fair debate and vote.Â In addition we ask you to vote 'Yes' on HR2833 and demand Communist Vietnam to release Catholic Priest Thadues Nguyen Van Ly now for the following reasons. The House of Representatives overwhelmingly approved this Bill with only one opposing vote (410-01) on September 06.

Whereas:

While our whole nation is suffering from the terrorist attacks on WTC and Pentagon killing over 6,000 thousands of innocent people in violation of our freedom and national security; yet, Vietnam's official media, Communist Party mouthpiece, People Army Daily News (Quan Doi Nhan Dan) condemned America and blamed the U.S. foreign policy for the terrorist attacks on September 11,Â â œif Americans had not pursued isolationism and chauvinism, and if they had not insisted on imposing their values on others in their own subjective manner, then perhaps the twin towers would still be standing together¦ (Deutsche Presse-Agentur, 09/13/01, BC Cycle, â œU.S. foreign policy to blame for tragedy, says Vietnam media. http://vietpage.com/archive_news/politics/2001/Sep/20/0018.html

After the House of Representatives approved the Bilateral Trade Pact for Communist Vietnam, its official media did not appreciate but condemned the U.S., 'passing of the document on human rights in Viet Nam is a blatant distortion of reality and a gross interference in the nation's internal affairs. Invaders and war criminals (U.S.) are not qualified to teach human rights lessons to other nations. However, we cannot help but condemn those who brazenly violated the Vietnamese people's human rights through their brutal war of aggression and now pass themselves off as judges on human rights in Viet Nam.'(Nhan Dan (People) newspaper, 'Trade

ties cannot be linked to unacceptable political conditions', http://vietnamnews.vnagency.com.vn/2001-09/10/Stories/11.htm

According to Deusche Presse-Agentur's article 'Many Vietnamese happy with attacks on U.S.â by Michael Mathes dpa on September 13 that many people and high-ranking officers of Communist Vietnam were happy with the terrorist attacks on America. They considered these attacks as an act of heroism and America deserved this tragedy. Many other Communist Vietnam's Officers have praised this act of war and condemned Americans with very abusive language via E-mail. (E-mails are available for your information and record)

http://vietpage.com/archive_news/politics/2001/Sep/18/0142.html

http://vietpage.c\ om/archive_news/politics/2001/Sep/21/0157.html

http://vietpage.com/archive_news/politics/2001/Sep/17/0146.html

http://vietpage.com/archive_news/politics/2001/Sep/13/0303.html

http://vietpage.com/archive_news/politics/2001/Sep/24/0037.html

Venerable Thich Nhat Hanh, an anti-war and phony peace activist, nominated for Nobel Peace Prize by Rev. Martin Luther King during Vietnam War. On 9/25 with his pro-Communist Vietnam's Buddhist Nuns conducted an anti-Indefinite Justice Operation Public Talk in New York challenging America to forgive terrorists and accusing an American airplane of destroying the City of Ben Tre of 300,000 people during Vietnam War, which is an evident distortion of the truth in order to falsely defend and support terrorist attacks on WTC and Pentagon. (NewYork Times â œEmbracing Anger, an evening of peace and healing with Thich Nhat Hanh' Thursday, September 25.

http://vietpage.com/archive_news/politics/2001/Oct/4/att-0127/03-TNH_Public_Talk4Forgiveness.bmp

http://vietpage.com/archive_news/politics/2001/Oct/2/0121.html

http://www.spiritwalk.org/thichnhathanh.htm

http://www.plumvillage.org/

http://vietpage.com/archive_news/politics/2001/Sep/23/0186.html

Vietnam has continually mistreated and imprisoned many Montagnard (mountain people) dissidents who were supported by American troops against Communist forces during Vietnam War and forcibly sterilized minority women due to their peaceful demonstration against land confiscation, discrimination and religious persecution by authorities causing hundreds of minority people to flee the crackdown to Cambodia and become refugees and homeless. (Hanoi— Sept 28 Reuters 'Vietnamese government imposes harsh sentences on 7 more Montagnard protesters')

http://www.montagnards.org/Cambodia/carlsreport.html

http://www.montagnards.org/Crisis_Crisis_U.S._Montagnards_demonstrate.html

Instead of respecting a U.S. request for the release of Catholic Priest Thadeus Nguyen Van Ly, Vietnam sentenced Rev. Ly on Friday, October 19th to 15 years in prison on charges he undermined the country's unity and violated a detention order urging U.S. to delay the Trade Agreement with Vietnam. (Hanoi -- Associated Press , October19 'Vietnam Sentences a Catholic Priest' (Copy and paste this link at your Internet Browser search box)

http://wire.ap.org/APnews/main.html?FRONTID=ASIA&STORYID=APIS7F83E600.

Vietnam also keeps detaining and persecuting Patriarch Thich Huyen Quang; the Most Venerable Thich Quang Do, Heads of the Unified Buddhist Church of Vietnam; Elder Le Quang Liem, President of Vietnamese Hoa Hao Buddhist Congregation and several other religious leaders under house arrest without trial while state-appointing religious leaders, controlling religious activities, and confiscating church's properties.

Therefore, it is a waste of American taxpayers' money to subsidize business investments that support Communist Vietnam's corruption, bribery, national mismanagement and human rights violations in order to prolong its dictatorship on the people of Vietnam.

Trading with Vietnam despite of religious persecution, human rights violations and terrorism by its Ha Noi's regime is a disservice to 58,000 American soldiers and million soldiers of the Republic Forces whose original missions was to defend freedom and democracy for Vietnam. This is also a violation of Vietnamese people's human rights. Again, we sincerely urge you and all other Senators to sponsorthe Vietnam Human Rights Bill, HR 2833 today, vote 'Yes' on this Bill and demand Communist Vietnam to release Rev. Thadeus Nguyen Van Ly now. We pledge to support our American Indefinite Justice Operation against terrorists worldwide. May God bless your leadership and America!

Signature(s):.....

Name of Petioner (s):.....

Hội-Thảo tại Nam California về Lời Của Tu-sĩ Nhất Hạnh

. Tổng-kết của Làng Văn

Sau vụ khủng-bố ngày 11 tháng 9, và sau khi chính-phủ Mỹ cùng Đồng-minh quyết-định tấn-công lực-lượng Taliban cùng sào-huyệt Al Qaeda tại A-phú-hãn, tu-sĩ Thích Nhất Hạnh đã ra mặt kêu-gọi "hoà-bình" tại New York. Để chuẩn-bị cho buổi thuyết giảng, tu-sĩ Thích Nhất Hạnh cho đăng trên vi-báo Làng Mai <www.plumvillage.org> và hai lần đăng quảng-cáo trên tờ *New York Times* một thư mời, trong đó nêu lên sự kiện "Mỹ đã ném bom huỷ diệt thành phố 300.000 dân Bến Tre" trong chiến tranh Việt-nam.

Sự kiện và con số do tu-sĩ phản-chiến này đưa ra đã khiến nhiều người gốc Bến Tre hay từng phục-vụ ở Bến Tre, đi từ ngạc-nhiên đến phẫn-nộ, nhất là khi sau đó, trong bài giảng nói trước 4000 người Mỹ, tu-sĩ Nhất Hạnh đã bình-thản xác-định một lần nữa.

Sự thật ở đâu?

Hội Ký-giả Việt-nam hải-ngoại, với sự tham-dự của Hội ái-hữu Bến Tre, đã tổ-chức buổi họp báo *"Họp mặt cho sự thật"* tại Westminster, Nam California, hôm 14.10 vừa qua, để tìm hiểu vấn-đề và trả lại sự thật cho sự thật.

Buổi họp báo có đông-đủ giới truyền-thông ở địa-phương, cùng đại-diện các đoàn-thể, con số người dự lên tới 600; Làng Mai và tu-sĩ Thích Nhất Hạnh không cử đại-diện tham-dự.

Để tránh va-chạm tôn-giáo, ông Đỗ Sơn, Chủ-tịch Hội Ký-giả VNHN, trong phần mở đầu đã minh-định rằng "việc này chỉ liên-hệ đến thiền-sư Nhất Hạnh" và câu nói "xuyên-tạc sự thật" không liên-hệ tới bất-kỳ tôn-giáo nào hay chùa nào.

Ông Đỗ Sơn nói, "Các nhóm phản-chiến nguỵ-hoà đã dùng chuyện bịa-đặt 30 năm trước để trói tay chính-phủ Mỹ trong cuộc chiến VN, làm cho Miền Nam thất-thủ, và bây giờ ông Nhất Hạnh lại dùng chuyện đó để khoá tay nỗ-lực chống khủng-bố của Hoa-kỳ hiện nay."

Ông Đỗ Sơn xác-định, "Ông Nhất Hạnh đã đăng quảng-cáo 1/4 trang trên tờ *New York Times*, và sau đó quảng-cáo nguyên trang trên tờ này, để mời cư-dân NY đến nghe ông thuyết giảng. Trong quảng cáo có đăng bài thơ với phần ghi-chú rằng, Bến Tre, thị-xã 300.000 dân, đã bị phá-huỷ chỉ vì 7 du-kích bắn vu-vơ. Trong quảng-cáo lần thứ nhì, con số "7" bị rút đi.

Ông Đỗ Sơn cho biết thêm, "khi trả lời phỏng-vấn của ký-giả Mỹ trên website <beliefnet.com>, ông Nhất Hạnh nói rằng 300.000 căn nhà ở Bến Tre bị tiêu-huỷ. Trong bài giảng "Embracing Anger", ông Nhất Hạnh nhắc lại việc Mỹ "cần tiêu-huỷ Bến Tre để cứu nó", nhưng không nói là ngày nào, tháng nào, năm nào; nhưng điều này được ám-chỉ cuộc Tổng Công Kích Tết Mậu Thân 1968, khi VC lật-lọng, huỷ-bỏ cuộc ngưng bắn dịp Tết, mà ông Nhất Hạnh không nói gì tới nhiều mồ chôn tập-thể nhiều ngàn nạn-nhân của VC. Ông chỉ dựa vào tin của ký-giả Mỹ Peter Arnett ghi lời một sĩ-quan Không-quân Mỹ ở Bến Tre, nhưng đã tránh né thời điểm, vì trận Tết Mậu Thân không hề có chuyện 7 du-kích VC vào Bến Tre mà phải là nhiều ngàn quân. Sĩ-quan Hải-quân Mỹ, ông Doldsmith trong trận đẩy lui VC ra khỏi Bến Tre đã nói: VC đông gấp 5 lần quân VNCH tại Bến Tre."

Để kết-luận, ông Đỗ Sơn cho biết, "Hội Ký-giả sẽ tường-thuật buổi họp báo, dịch ra tiếng Mỹ và sẽ gửi tới tất cả các báo Mỹ, vì tôn-trọng sự thật, vì an-nguy của người Mỹ, trong đó có người Mỹ gốc Việt, trước mặt trận chống khủng-bố."

Tiếp theo, ông Nguyễn Ngọc Chấn trưng bằng cớ, gồm hai mẫu quảng-cáo của Làng Mai đăng trên tờ *New York Times* hai ngày 24.9 (1/4 trang) và 25.9 (nguyên trang).

Sau đó, nhiều nhân-vật cộng-đồng, hoặc gốc Bến Tre, hoặc từng phục-vụ tại Bến Tre, đã lần-lượt lên diễn-đàn, xác-định vụ "Mỹ phá-huỷ thành-phố 300.000 dân Bến Tre" là không đúng sự thật.

Hội ái-hữu Bến Tre trước đó đã họp khẩn tại Anaheim và đưa ra một bản thông-cáo, được đọc trong buổi họp báo, nội-dung ghi rằng, "Tỉnh-lỵ An-hội của Bến Tre chỉ có khoảng 80.000 dân; Hoà-thượng Nhất Hạnh nói 'phá-huỷ Bến Tre nơi có 300.000 người' là sai sự thật."

Buổi họp báo còn có phần phát-biểu của ông Trần Huỳnh

Châu, cựu Tỉnh-trưởng Kiến-hoà (tức Bến Tre), ông Bùi Văn Truyền, cựu Xã-trưởng An-hội (tức tỉnh-lỵ Bến Tre), ông Châu Văn Để (đại-diện Hội ái-hữu Bến Tre), Ông Đặng Trần Vũ (thiếu-tá VNCH phục-vụ tại Bến Tre thập-niên 60), ông Nguyễn Đôn (đồn Quân-cảnh Bến Tre), ông Đinh Viết Chính (đại-úy Trung-đoàn 10 bảo-vệ Bến Tre), ông Nguyễn Văn Tất (cựu Chủ-tịch Hội-đồng tỉnh Kiến-hoà), ông Huỳnh Hữu Thuận (cựu Giang-đoàn trưởng Tiểu-khu Kiến-hoà).

Trong phần phát-biểu của công-chúng, GS Lưu Trung Khảo xác-định, "Phải có ranh giới giữa thế-quyền và thần-quyền. Chính-trị là chuyện của công-dân. Tu-sĩ có nhiệm-vụ hướng-dẫn tín-đồ vào con đường lương-hảo. Khi bước vào lãnh-vực chính-trị, tu-sĩ sẽ phải chịu sự phán-xét như một công dân. Vụ 300.000 dân (hay nhà) bị huỷ-diệt là sai sự thật."

Cư-sĩ Minh Thuần tuyên-bố, "Tôi khâm-phục tài văn-thơ của thầy Nhất Hạnh; tuy-nhiên lần này, thầy bênh-vực khủng-bố, thầy sai quá nhiều."

Tin bên lề cho biết, sau khi tu-sĩ Thích Nhất Hạnh đưa ra dữ-kiện sai-lạc về chiến-tranh Việt-nam để mong hướng-dẫn người Mỹ đi vào kế-hoạch của ông ta, cộng-đồng Việt-nam ở hải-ngoại đã phản-ứng mạnh. Tại Nam Cali, đồng-bào đã liên-tiếp gọi điện-thoại tới những chùa từng mời tu-sĩ Nhất Hạnh tới thuyết-pháp, để trách-móc. Thậm chí, nhiều chùa đã phải cho đăng quảng-cáo trên một số báo ở địa-phương nói rằng, "Hoà-thượng Nhất Hạnh nói vì là việc của thầy, không liên-hệ gì đến các thầy hay các chùa khác, xin đừng gọi phone tới la mắng..."

*
* *

Trở lại với 2 mẫu quảng-cáo bài giảng của tu-sĩ Nhất Hạnh ở New York ngày 25 tháng 9 vừa qua, chúng tôi nhận thấy có các điểm cần lưu ý, và xin đưa ra các tài-liệu kể sau:

1) Mỹ có ném bom không?

Trong chiến-tranh Việt-nam, việc sử-dụng không-lực (Mỹ và Việt) để yểm-trợ bộ-binh là thường-sự. Tuy-nhiên ném bom để huỷ-diệt cả một thành-phố 300.000 (ba trăm ngàn) nhà hay 300.000 dân thì không hề có.

2) Mỹ ném bom Bến Tre lúc nào?

Năm Mậu Thân, khi chống lại vụ tổng-công-kích của VC. Vào năm này, VC vi-phạm ngưng bắn, xâm-nhập 13 tỉnh-lỵ VNCH, trong đó có Bến Tre . Có thể tu-sĩ Nhất Hạnh muốn đề-cập trận này, nhưng không tiện nhắc tới mấy chữ "Tết Mậu Thân" nên lờ đi, vì đã nói tới "Tết Mậu Thân" tất phải nói tới việc VC vi-phạm ngưng bắn và VC chôn sống 5500 dân Huế.

3) Có bao nhiêu VC bắn máy bay?

Trong mẫu quảng cáo trên website <www.plumvillage.org>, tu-sĩ Nhất Hạnh đưa ra con số "có 7 du-kích-quân bắn không trúng máy bay".

Trong mẫu quảng cáo trên trang A-22 tờ New York Times, tu-sĩ Nhất Hạnh nói "seven guerillas".

Trong bài giảng ngày 25.9 tại New York cho 4000 người Mỹ nghe, tu-sĩ Nhất Hạnh nói và đăng lại bài giảng trên <www.plumvillage.org>, rằng: "One time I learned that the city of Ben Tre, a city of three hundred thousand people, was bombarded by American aviation just because some guerillas came to the city and tried to shoot down American aircrafts. The guerillas did not suceed, and after that they went away. And the city was destroyed. And the military man who was responsible for that declared later that he had to destroy the city of Ben Tre to save it."

Tu-sĩ Nhất Hạnh nói rất rõ-ràng, mạch-lạc, có lớp-lang:

- Chỉ có "7" hoặc "vài" du-kích quân vào thành-phố.
- Du-kích-quân bắn máy bay Mỹ, không trúng.
- Du-kích-quân rút đi.
- Mỹ ném bom huỷ-diệt thành-phố 300.000 dân Bến Tre.
- Viên chức Mỹ tuyên-bố: hủy-diệt thành-phố Bến Tre để cứu nó.

Chúng tôi xin phân-tích:

- Muốn bắn máy bay phải dùng súng phòng-không. Súng phòng-không nhỏ nhất của VC là đại-liên 12,7 ly (họ thường nói vống lên là 12,8 ly). Đơn-vị nhỏ nhất để di-chuyển, tải đạn và bảo-vệ một khẩu đại-liên 12,7 ly là cấp tiểu-đoàn, với quân-số tác-chiến trung bình 200 quân. VC chỉ vào được nhiều thành-phố của VNCH trong vụ vi-phạm thỏa-thuận ngưng bắn Tết Mậu Thân 1968; và vào năm 1968, chỉ có quân chính-qui của CS Bắc Việt xâm-nhập mới có đại-liên 12,7 ly, du-kích-quân không được trang-bị vũ-khí nặng này.

Như vậy, không phải "7" hay "vài" du-kích-quân bắn máy bay Mỹ ở Bến Tre, mà ít nhất là 1 tiểu-đoàn chính-qui của CSBV (theo tài liệu, quân VC tấn-công Bến Tre đông gấp 5 lần quân VNCH trú đóng).

4) Mỹ ném bom lúc Bến Tre bị VC chiếm-đóng hay sau khi VC "bắn không trúng máy bay và đã rút đi"?

Theo thứ tự thời-gian trong lời kể của tu-sĩ Nhất Hạnh, Mỹ đã "ném bom hủy-diệt Bến Tre" sau khi VC đã rút đi, điều này không

đúng. Chính tu-sĩ Nhất Hạnh ngay trong câu sau đó đã nhắc lại lời một sĩ-quan Mỹ: "Chúng tôi phải huỷ-diệt thành phố Bến Tre để cứu nó", chứng-tỏ lúc đó Bến Tre đang bị VC chiếm giữ và chúng không hề rút đi.

5) Bến Tre có bao nhiêu dân?

Trong bài giảng ngày 25.9 và đăng lại trên website Làng Mai, tu-sĩ Nhất Hạnh bảo, thành-phố Bến Tre có 300.000 dân.

Trong bài trả lời phỏng-vấn *"Tôi sẽ nói gì với Osama bin Laden"* đăng trên <www.beliefnet.com/story/88/story_8872_2.html>, tu-sĩ Nhất Hạnh bảo, thành-phố Bến Tre có 300.000 nhà (hiểu ngầm từ nửa triệu tới 1 triệu dân!)

Theo tài-liệu của Sư-đoàn 8 Bộ-binh Mỹ đăng trên <www.oldreliable.org/octofoil/v2_n3/p17.html>, năm 1968-1969, tỉnh-lỵ Bến Tre có 30.000 dân.

Tài-liệu của Kenneth Wimmel trong *"Under Fire at Ben Tre"* cũng nói, dân-số thị-xã Bến Tre khoảng 30.000 người, và nói rõ, "thị-xã 30.000 dân ở VN nhỏ hơn thị-trấn 30.000 dân ở Mỹ rất nhiều."

Tài-liệu *The Mouth of the Dragon* <www.oldreliable.org/octofoil/v2_n3/p17.html> nói, "Ben Tre boasts a population of 30,000, the largest populated center in the province."

Các con số này đều nhỏ hơn 10 lần so với con số do tu-sĩ Nhất Hạnh đưa ra.

6) Bao nhiêu người Mỹ và Việt chết ở Bến Tre trong vụ Tết Mậu Thân?

Tờ *New York Times* ngày 6 tháng 2, 1968 đưa ra con số "2500 chết và bị thương." Con số này thật thấp so với con số 300.000 của tu-sĩ Nhất Hạnh lấp-lửng nhắc tới.

Tài-liệu của Kenneth Wimmel trong *"Under Fire at Ben Tre"* cũng nói, khoảng "2500 dân ở bên trong và chung quanh thị-xã Bến Tre chết hoặc bị thương" trong vụ tổng công-kích của VC năm Mậu Thân. Phía Mỹ, có từ 70 tới 80 quân nhân tử thương (tu-sĩ Nhất Hạnh nói, vài du-kích-quân VC bắn "không trúng" rồi rút đi!)

7) Ý-kiến công-chúng về lời tu-sĩ Nhất Hạnh ra sao?

- Pháp-sư Giác Đức: "Tôi rất ngạc-nhiên. Theo tôi thành-phố Bến Tre không đông như vậy!"

- Ký giả Tôn nữ Như Không (VoV): "Thiền-sư Nhất Hạnh lại làm thêm một chuyện động trời. Chúng ta biết đây là một bịa đặt ác ý, bởi một vị lãnh-đạo tinh-thần Việt-nam."

- Ký giả Tú Gàn (Sài-gòn nhỏ): "Nhất Hạnh, lá bài hai mặt."

- BĐQ Nguyễn Phương Hùng (Cali): "Chuyện Thích Nhất Hạnh không phải mới; nhưng sư ông này đã che đậy quá kỹ mà thôi!"

- Ông Băng Sơn (NM): "Tôi là nhân-chứng ở đất Bến Tre. Tôi sẵn sàng đối chất."

- Ông Nguyễn Hưng (Toronto): "Không nên oán hận người Mỹ. Nếu Mỹ không bảo-vệ thế-giới tự-do thì tai-hoạ đến với chúng ta như thế nào?"

- Cư-sĩ Minh Hưng (pháp): "Phải chăng thầy Nhất Hạnh không "embrace" được lòng sân-hận, thù ghét Mỹ?"

- Phật tử LMT (Montréal): "Thời chiến-tranh Việt-nam, Miền Nam bị Miền Bắc xâm-lăng. sư ông Nhất Hạnh không có một lời

EMBRACING ANGER

an evening of
Peace and Healing
with

THICH NHAT HANH

Vietnamese poet, Zen master and peacemaker.

FOR WARMTH

I hold my face in my two hands.
No, I am not crying.
I hold my face in my two hands,
to keep my loneliness warm
two hands protecting,
two hands nourishing,
two hands preventing
my soul from leaving me in anger.

A PUBLIC TALK

with musician Paul Winter
and singer Joan Collins

Tuesday, September 25th at 7pm

Riverside Church, New York City
91 Claremont Avenue
Manhattan's Upper West Side

Free admission

I wrote this poem during the Vietnam War after I heard about the bombing of Ben Tre city. The city of 300,000 was destroyed because seven guerrillas shot several rounds of unsuccessful anti-aircraft gunfire and then left. My pain was profound.

I have the conviction that America possesses enough wisdom and courage to perform an act of forgiveness and compassion, and I know that such an act can bring great relief to America and to the world right away.

Day and night I am deeply concerned with how to heal and transform this national and global tragedy.

I and many others will fast from September 21st to the 30th in order to support all who have died and all who are suffering. This is my prayer in action.

Unified Buddhist Church - www.plumvillage.org/

Đây, tang-chứng của lời vu-cáo của một nhà tu, đăng hai lần trên New York Times, nhật-báo lớn nhất của Hoa-kỳ, với chi-phí quảng-cáo không dưới 45 ngàn mỹ-kim.

Cộng-đồng Việt-nam hải-ngoại đã lên tiếng từ 25 tháng 9 đến nay, tu-sĩ Nhất Hạnh và Làng Mai không hề có một lời cải-chính hay xin lỗi.

nào chỉ-trích kẻ xâm-lăng, mà chỉ đòi Miền Nam có hành động hoà bình (tức buông súng vô điều-kiện). Tại sao vậy?"

- Cư-sĩ Huệ Liên (San Jose): "Thấy cọp vồ người, người chống cọp, thầy Nhất Hạnh khuyên: đừng chống nữa! Không chống nữa thì ... ra sao? Tuệ nhãn của thầy để đâu mà không nhìn thấy?"

- "Một độc-giả": "Thầy Nhất Hạnh là bồ-tát. Lời thầy nói là chân-lý, chúng ta phải tin theo. Thầy coi trọng ông Osama Bin Laden vì ông Bin Laden cũng là bồ-tát của đạo Islam."

- Ông Nguyễn Thái Bình (Úc): "Khi sư-cụ kêu-gọi người ta chống Mỹ, không nên đánh bỏ mẹ ba cái thằng chơi trò khủng bố kia đi, chính là sư cụ muốn bọn VC 'luộc' hết các thầy Huyền Quang, Quảng Độ và những người yêu hoà-bình, tự-do dân-tộc đi cho nó êm chuyện, để mai kia mốt nọ chỉ còn mỗi một mình sư-cụ thôi thì sư-bà bảo nhỏ thế nào cũng được."

- BS Lê Văn Sắc (San Jose): "Muốn biết Thích Nhất Hạnh là ai, cứ hỏi Thích Trí Quang, Chủ-tịch Hội Phật-học cứu quốc tỉnh Quảng-bình là biết rõ."

- D Quinn (Mõ USA): "Tôi rất kinh ngạc! ý nghĩ đầu-tiên đến với tôi là ông ta bị tẩu hoả nhập ma, một reaction về tâm-linh của những người tu thiền không giữ giới. Nếu cách đây 4 tháng, ông ta kéo bầu đoàn thê tử qua Mayan, Afghanistan để biểu-tình chống lại bọn Taliban dùng chất nổ phát các tượng Phật cổ; hay kéo bầy đệ-tử về VN biểu-tình đòi tự-do cho HT Thích Quảng Độ, HT Thích Huyền Quang,.. thì chính danh biết bao!"

- Cô Nguyễn Thị Lan (Texas): "Ông Tú Gàn cho biết, tiền quảng cáo của thầy Nhất Hạnh trả cho tờ *New York Times* khoảng bốn mươi lăm ngàn mỹ-kim. Làng Mai không giàu, Phật-giáo Mỹ không giàu, chỉ có Bin Laden là giàu và sẵn sàng tung tiền qua cửa sổ để làm khó dễ Mỹ. Thầy Nhất Hạnh nên công-khai-hoá xuất xứ món tiền lớn-lao này!"

- Ông Nguyễn Văn Định (Hoa-kỳ): Có nhiều báo gọi sư Nhất Hạnh là sư quốc doanh. Vì sự rao giảng bừa-bãi của nhà sư, một số người đã từ chối không đi chùa để nghe sư thuyết-pháp."

- TS Tăng Quyền Vinh (Ottawa): "Nhớ người Mỹ nào đó nói: You can't stop the terrorists from killing by being nice. Chí lý thay! Vatican sáng nay (25.9) cũng tuyên-bố: người Mỹ có quyền tự-vệ."

- Ông David Đông Nhạc (Hoa-kỳ): "Để có một cái nhìn đứng-đắn về thầy Nhất Hạnh, xin quí vị tìm đọc các tác-phẩm của thầy hơn là nghe các lời đồn-đại do sự suy diễn cá nhân. Thầy Thích Nhất Hạnh đứng ngoài chính-kiến, là con người thực sự đau xót cho hoàn-cảnh đất nước, và cũng là một thiền-sư đã ngộ mà người Việt chúng ta có may mắn có được trong kiếp này."

- Cô Anna Trần (New York): "Tôi nghe thấy người Mỹ đi ngang qua chỗ thiền-sư Nhất Hạnh thuyết giảng, hô lên *'Vietnamese Go Home!'* mà muốn độn thổ!"

- Ông Nguyễn Công Dũng (Hoa-kỳ): Chủ-trương của quân khủng-bố Hồi-giáo là muốn huỷ-diệt nền văn-minh hiện-đại rồi tiến tới thanh-toán các đạo khác. Việc chính-phủ Taliban huỷ diệt các tượng Phật là chứng-cớ... Mỹ và thế-giới bảo-vệ nền ăn-minh hiện-đại là một điều cần-thiết cho sự sinh-tồn của nhân-loại và các tôn-giáo."

- Ông Trương Phong (Toronto): Sư Nhất Hạnh có thật sự là một vị chân tu không? Hay chỉ là người trốn trách-nhiệm với quốc-gia và xã-hội, núp bóng sống cho cá-nhân."

- Ông Vũ Hữu Dũng (Hoa-kỳ): "Vụ bỏ bom đó là để đánh đuổi VC ra khỏi thị-xã. VC là nguyên-nhân dẫn tới vụ bỏ bom, tại sao tu-sĩ Nhất Hạnh quay lại buộc tội phía tự-vệ mà không buộc tội phía vi-phạm lệnh ngưng bắn, tấn-công bất ngờ? Cũng vậy, tại sao tu-sĩ Nhất Hạnh không chỉ-trích Al Qaeda và Osama bin Laden mà ngăn cản người Mỹ chống khủng-bố?"

- GS Trần Đức Thanh Phong (Hoa-kỳ): "Tháng 12 năm 1970 tôi được dự-thính International Conference on Peace and Religion tại Kyoto, Nhật-bản, với đại-diện 60 quốc-gia. Nhà tu-hành Thích Nhất Hạnh đã sử-dụng diễn-đàn để tấn-công, mạt sát Miền Nam và 'đế-quốc Mỹ xâm-lăng'. Ông ăn nói quá-quắt đến nỗi đại-diện của Thuỵ-sĩ đã phải lên diễn-đàn đặt vấn-đề: tại sao CS Bắc Việt xâm-lăng Miền Nam mà ông ta không nói tới."

- Nhà báo Võ Văn Sĩ (Đại-nghĩa): "Trong cuộc chiến Việt-nam trước 1975, biết bao lương dân phải bỏ mạng vì những kẻ bất lương lợi-dụng chiếc áo nhà tu để giúp cho bọn cướp CSVN đánh chiếm miền Nam tự-do. Chúng ta nhất quyết không để cho những kẻ đánh mất lương-tâm tiếp-tục đánh lận con đen như trước nữa."

- BS Tôn Thất Sơn (Na-uy): "Là phật tử không có nghĩa là bất cứ sư quốc-doanh hay sư hổ-mang nào cũng 'bạch thầy' và xưng 'con', và thầy bảo sao nghe/làm vậy được!"

- Nhà văn Sơn Tùng: "Ông Thích Nhất Hạnh cần làm sáng tỏ việc này với công-luận, và với các đệ-tử của ông." ●

Khuôn Mặt Méo của Tôn-Giáo

Nguyễn Văn Thông

*T*rong những ngày tháng chúng ta đang sống, tôn-giáo bỗng trở nên một thứ hàng đa dụng, thời-thượng, hàng thật và hàng giả lẫn-lộn. Khối người Việt tranh-đấu cho Tự-Do Tôn-Giáo (TDTG), dùng niềm tin như sức-mạnh và mối dây đoàn-kết để giành lại tự-do và nhân-quyền cho quê-hương. Nhóm Hồi-giáo quá-khích nhân danh Đấng Allah để phá-hủy phần thế-giới và nền văn-minh của nhân-loại không mang niềm tin của họ. Nước Mỹ, một nước đứng đầu thế-giới trong nền văn-minh dân-chủ và kỹ-thuật cao độ, thì cùng nhau thắp nến cầu cùng Thượng-Đế bằng những lời thống-thiết, chân-thành tin-tưởng nhất. Tu-sĩ Nhất Hạnh, đứng đầu một giáo-phái Phật-giáo, cùng với một tổ-chức ngụy hòa có thế-lực bỏ ra rất nhiều tiền để quảng-cáo cho buổi cầu-nguyện kêu-gọi xóa bỏ hận-thù, trưng-dẫn Kinh Phật và Thánh Kinh ra để chống cuộc chiến đối đầu quân khủng-bố...

Tất cả đều vì tôn-giáo, nhờ tôn-giáo, vì niềm tin, vì Thiên Chúa, vì Allah, vì Thượng Đế. Tất cả niềm tin lại tạo cho con người hoang-mang, mất niềm tin. Tôn-giáo vốn cao-quí bỗng trở thành những món hàng với cách quảng-cáo riêng. Người lữ-hành là chúng ta trên dòng cuộc đời bỗng hoa cả mắt, biết chọn món hàng nào đây. Thái-độ hay nhất có lẽ là không nên chọn món nào cả. Thế nhưng khi ta tiếp-tục bước đi trên cuộc lữ-hành, nhìn quanh chỉ thấy những bờ vực thẳm, chỗ nào đặt bàn chân được thì lại thấy âm-u, gai nhọn, và đá sắc. Nhìn lên, không thấy sao Bắc Đẩu, chỉ thấy những đốm sáng nhấp-nháy mờ ảo, rất có thể là những vệ-tinh nhân-tạo. Lúc ấy ta lại khao-khát hơn bao giờ hết một sự đưa lối, dẫn đường. Ta ước-mong có một chân-thiện-mỹ tinh-tuyền làm cột sáng để ta nhắm tới. Chân-Thiện-Mỹ ấy mới có thể làm thoả-mãn nỗi khao-khát của chúng ta, là chỗ dựa an-tâm tột-cùng của chúng ta. Chân-Thiện-Mỹ ấy muốn được - hay bị - gọi tên là gì cũng không sao, chỉ cần trong-suốt, tinh-tuyền, không cần tô-phết, không cần quảng-cáo.

Ta tưởng như mình vừa thấy được cột sáng ấy rồi, ta chỉ việc gắn chặt đôi mắt mình vào đấy mà tiến tới. Nhưng không, vấn-đề còn lại vẫn là chính ta phải đi tìm nguồn sáng ấy. Ai lên tiếng chỉ cho ta lúc này biết đâu chỉ là những tay quảng-cáo, những tay buôn lành nghề? Tôi rỉ-rón với bạn về thứ chân-thiện-mỹ của tôi, bạn cứ thẳng thừng bảo tôi rằng, tôi cũng là một tay lái buôn chứ hơn gì! Tôi dám nói với bạn như thế vì tôi muốn trở lại căn-bản con đường tôi đã đi, chúng ta đã đi. Phải có một chỗ bắt đầu nào đó, phải có một điểm khởi-hành nào đó. Chúng ta hãy quay về từ chỗ bắt đầu xem sao.

Chắc có bạn liên-tưởng giống tôi về điểm khởi-hành của Descartes, khi ông ta đặt câu hỏi: "Tôi có hay không?", nói cho có vẻ triết-học là: "Tôi có hiện-hữu hay không?". Nói gì thì nói, nói có hay như phun châu nhả ngọc, có làm cho rắn chui ra miệng lỗ thì người ta cũng có thể đặt một nghi-vấn: "Có thật hay không?". Cứ đặt câu hỏi ấy cho tới tận cùng, cho tới khi người bị hỏi phát khùng thì sẽ tới chỗ phải hỏi: "Thế ta có thật hay không?" hay tất cả chỉ là một giấc mơ vĩ-đại?

Trả lời được câu hỏi này là chúng ta gần bằng Đại Triết-gia Descartes rồi đó. Ta bảo, úi dào, phải suy-tư thế nào thì khó chứ trả lời câu này nhất định được. Một là trả lời được ngay, hai là chỉ cần vài ngày suy-nghĩ thế nào cũng tìm ra câu trả lời rất ác-ôn. Giải mấy bài toán luyện thi tú-tài hồi xưa khó như thế nào mà làm cách này cũng ra nữa là! Đây, chúng ta tìm được đáp số cho bài toán "Tôi có hiện-hữu không?", rất

gọn, rất sáng: "Có, tôi hiện-hữu, tôi có thực." Này nhé, nghi-ngờ chuyện gì thì cứ tha-hồ, nhưng có một chuyện bạn không thể nghi được là phải có bạn trước đã thì bạn mới nghi gì thì nghi. Nếu tôi không hiện-hữu, nếu không có tôi thì ai đặt câu hỏi, ai nghi vấn về chính tội? Vậy thì phải có tôi, tôi phải hiện-hữu. *Cogito ergo sum.* Tôi nghĩ, vậy thì tôi có. Chắc như bắp.

Có tôi và những cái tôi khác trên cuộc đời này không những là một điều chắc-chắn mà còn là một căn-bản cho mọi sự xây-dựng của nhân-loại. Tôi và người khác, tôi và tha-nhân, không là những đơn-vị con người đứng bên cạnh nhau, nhưng cả những liên-hệ hỗ-tương giữa họ. Tất cả đều có thực và căn-bản. Vì có những con người và sự liên-hệ giữa họ mà mới có xã-hội và văn-hóa. Tôn-giáo là mức-độ văn-hóa cao nhất của con người khi phần tâm-linh con người tiếp-xúc được với một thứ nguồn sáng của sự thật và sự thiện-hảo mà chúng ta gọi là chân-thiện-mỹ. Gọi là "một thứ" vì nguồn sáng mà con người đạt được kia không phải toàn-phần, cũng không toàn-bích. Nguồn sáng Chân-Thiện-Mỹ mà ta mong-mỏi thì toàn bích và tuyệt-đối, nhưng con người trên cuộc lữ-hành chỉ mới thấy được phiến-diện.

Vậy từ khởi-điểm con người, ta thấy tôn-giáo dù có siêu vượt con người nhưng không thể tách rời con người. Tôn-giáo phải cho con người, hướng-dẫn con người, vì hạnh-phúc và phẩm-giá của con người, đưa con người tới chân-thiện-mỹ, chứ không thể đày-đọa con người, tiêu-diệt con người được. Nhưng cũng từ khởi-điểm con người này, con người lữ-hành hướng về những mặt khác nhau của một nguồn sáng Chân-Thiện-Mỹ, mà con người bắt đầu chạm trán với nhau, đánh nhau bể đầu, giết nhau hàng loạt nhân danh tôn-giáo. Tôn-giáo trở thành thứ khí-giới trang-bị kỹ-càng nhất, sâu-xa nhất, mạnh-mẽ nhất mà không thứ đối-thủ nào lấy đi được.

Thí-dụ, Do-thái giáo tôn-thờ một Thiên Chúa với nhiều phẩm-tính tuyệt-vời, nhưng nổi bật vẫn là một Thiên Chúa của sự công-chính, của lẽ công-bằng. Thế cho nên, giới-luật "răng đền răng, mắt đền mắt" nhất-định không thể nhượng-bộ cho những giới-luật khác được. Trong khi đó, Hồi-giáo tôn-thờ Đấng Allah tuyệt-đối thánh, thánh đến độ không thể chấp-nhận sự khác-biệt chứ đừng kể đến tội. Vì vậy, Giáo-Hội Hồi-giáo không chấp-nhận sự bỏ đạo, không chấp-nhận ngay cả cho tín-đồ đọc báo-chí của các đạo khác, vi-phạm là bị tử hình. Kẻ thù của họ chắc-chắn phải chết. Giết kẻ thù là một hành-vi thánh của đạo. *"Các con hãy tắm kẻ thù trong máu của chúng"* là một lời kinh. Thế là hai dân-tộc nhân-danh hai tôn-giáo đánh nhau liên-tục, chính-thức từ khi nước Israel trở về quê cha đất tổ lập quốc năm 1946 đến giờ. Họ đánh nhau tối ngày và đều nhân-danh một Đấng Thượng-Đế cao-cả.

Nhận-xét về họ, chúng ta đừng vội chê cười. Chút nữa, chúng ta sẽ thấy mình cũng buồn cười lắm. Họ nhìn về Đấng Thượng-Đế cao-cả với tất-cả phẩm-tính tuyệt-vời và tuyệt-đối, nhưng cái nhìn bị bó-gọn trong những phạm-trù cụ-thể và hạn-hẹp. Họ như những người mù sờ voi. Họ nhất-định cho rằng cái họ sờ được là con voi, và con voi chỉ có thế. Mỗi người không sai, nhưng cũng không đúng. Có lẽ cái rắc-rối của con người nhân-danh tôn-giáo để mà xử sự với nhau nằm ở chỗ ấy.

Vậy muốn hết rắc-rối thì phải làm sao? Không lẽ bảo anh nào cũng phải, vì tất cả các anh mù sờ được chỗ nào, nói ra, kết-hợp lại thì thành con voi chứ gì? Không, cái đó chỉ là một phần, và con voi chỉ là một thí-dụ, chứ Thượng-Đế đâu phải là con voi. Tuy nhiên, cái phần đúng kia nằm ở chỗ, mỗi người hãy mở rộng, hãy tiếp-nhận nhau, tôn-trọng giá-trị khám-phá Thượng-Đế của nhau. Phần mình, hãy sờ cho kỹ hơn, khám-phá kỹ hơn, để khi trình-bày cho người anh em mình thì đừng trình-bày sai.

Tôi xin cử ra vài cái sai gần-gũi với chúng ta. Xin nói trước, nói về một số tín-đồ của Do-thái-giáo và Hồi-giáo xử sự một cách phiến-diện chỉ là cái nhìn tiêu-biểu. Có vô-số cách xử-sự ở mức-độ và hình-thái khác nhau nơi các tôn-giáo, mà không những đóng-góp sai-lầm cho cách trình-bày về Thượng-Đế của mình, mà còn làm cho tôn-giáo hay giáo-phái của mình bị méo-mó, bị nghi-ngờ.

Khi tu-sĩ Nhất Hạnh kêu gọi chống chiến-tranh tiêu-diệt khủng-bố, ông trưng-dẫn cái Bi của Kinh Phật mà bỏ mất cái Trí và Dũng. Ông trưng luôn một câu Thánh Kinh Kitô-giáo cho mạnh mà không cần biết đến toàn-bộ không những Thánh Kinh mà còn bộ Giáo-lý và giáo-huấn của Công Đồng. Ông đã làm méo mó Kinh Phật đến độ vọng-ngữ trong câu chuyện không thật về tỉnh Bến Tre. Ông đã làm cho người Mỹ hiểu lầm về cộng-đồng người Việt khi họ giương tấm bảng: *"Vietnamese, Go home!" (Người Việt cút về đi!).* Trước nỗi đau-đớn kinh-hoàng về cuộc khủng-bố man-rợ ngày 11.9, phóng-viên Mỹ ở Việt Nam đi thu-góp những phản-ứng của những cán-bộ cộng-sản, những sinh-viên hồ-hởi mừng vì Mỹ bị nạn. Không thiếu người

hiểu được rằng, bản-chất của cộng-sản cũng là khủng-bố, nên cộng-sản Việt Nam đứng về phe khủng-bố Ả-Rập là điều dễ hiểu. Nhưng khối người Việt tị-nạn cộng-sản cũng bị coi có cùng bản-chất đó thì quá bất-công và nhục-nhã. Ai chịu trách-nhiệm về việc này? Kinh Phật đời nào đứng về phe tội ác hủy-diệt con người.

Quay về với cuộc tranh-đấu cho TDTG tại Việt Nam. Giữa các tôn-giáo lớn ở Việt Nam, Giáo-hội Công-giáo đã hiển-nhiên trở thành một vấn-nạn trong khi một con số đông-đảo linh-mục và giáo-dân ủng-hộ tiếp tay cho việc tranh-đấu thì hàng lãnh-đạo là Hội-Đồng Giám-Mục (HĐGM) VN chuyển từ thái-độ im-lặng sang sự bóng-gió phê-bình. Giả như sự-kiện được hành-sử minh-bạch thì khác, đàng này lại lưng-chừng bảo rằng, việc tranh-đấu là tốt, HĐGM cũng đã tranh-đấu, nhưng thế này, nhưng thế nọ. Kết cục, việc tranh-đấu cho TDTG không còn ở chỗ nên hay không nên, mà lại biến thành cuộc tranh-luận nên hay không nên đụng-chạm tới HĐGM. Vấn-đề trở nên giống như đi chữa cháy một căn nhà mà phải tranh-luận xem ai xách thùng, ai bưng chậu mới được tạt nước vào ngọn lửa, hoặc phải chạy làm sao để không được đụng-chạm tới vị này hay vị khác!

Cháy nhà ra mặt chuột. Có cấm đạo mới thấy ai là người can-đảm xưng đức tin. Khi giáo-hội bị đàn-áp mới thấy vị lãnh-đạo nào là người chủ chiên lành sẵn-sàng chết vì chiên, mới thấy tín-đồ nào là thánh-thiện. Giảng lời Thánh Kinh mà không có thực-tế và việc làm để chứng-minh và thử-thách thì ai giảng mà chả được. Có khi những lời giảng ấy lại trở thành một thứ che-đậy. Khi một giám-mục xác-định: "Giám mục là niềm hy vọng, là sự đáp lại những ước vọng của mọi người. Bởi thế giám mục có trách nhiệm lắng nghe những ước-vọng của con người" (VietCatholic News. Sunday 7.10.2001) thì người ta tự hỏi vị ấy có lắng nghe gì về 600 công-an vũ-trang xông vào bắt linh-mục Nguyễn Văn Lý hay không? Vị ấy có nghe giáo-dân An-Truyền và Nguyệt Biều bị đánh-đập vì đi tìm cha Lý hay không? Những con chiên ấy tìm được hy-vọng gì nơi ngài? Một vị giám-mục khác còn ngang-nhiên tuyên-dương: "Đảng Cộng-sản luôn nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, và nói rõ sự thật". Khi một lãnh-đạo tôn-giáo tin vào sự thật của đảng Cộng-sản đến như vậy thì giáo-dân phải tự hỏi, thế giáo-huấn của Giáo-Hội về chủ-nghĩa cộng-sản vô-thần có còn là sự thật hay đã mất? Phải tin đạo hay tin đảng Cộng-sản bây giờ đây?

Khuôn mặt của Giáo-Hội Công-Giáo đã biến dạng rồi chăng? Có phải vì chính-sách tôn-giáo của bạo-quyền cộng-sản như chiếc dây thòng-lọng xiết vào cổ Giáo-Hội khiến nó phải biến dạng hay vì một lí-do khác? Nếu tôn-giáo "không biết tự mình khẳng định giá trị siêu việt và cứu độ của mình trước Lịch Sử, trước Dân Tộc, trước cộng đồng nhân loại, thì sớm muộn gì, tôn giáo ấy cũng đánh mất bản chất của chính mình, làm nản lòng mọi tâm hồn thiện chí muốn hướng về tôn giáo ấy như là Ánh Sáng soi đường, sẽ bị coi khinh và cuối cùng sẽ bị đào thải trong lịch sử." (LM Nguyễn Văn Lý, Lời Kêu Gọi 3).

Lời kêu gọi này đã vang ra toàn thế-giới, nhưng được những ai nghe lại là chuyện khác. ●

Mái Ấm Thiên Ân Cám Ơn

Tháng 9 và tháng 10 MATA nhận được quà của:

Anh chị Thao X. Huynh, Randolph, MA $10.00

Chị Lê Thị Yến, Miami, FL $100.00

Anh chị Tô V. Minh & Tô Thị Hoa, Monterey Park, CA $125.00

Anh chị Phước Võ & Sương, Randolph, MA $10.00

Trong khi bao nhiêu đồng-bào đang bị lụt, hoặc trong nhiều hoàn-cảnh phải chịu đày-đọa về thể-chất và tinh-thần mà thầy trò mũ của MATA được sự thương-mến hết sức đặc-biệt của các cụ, các ông bà và các anh chị độc-giả và thân-hữu của báo Làng Văn, MATA chỉ biết chân-thành ghi-ơn, đặc-biệt trong dịp Lễ Tạ-Ơn của nước Mỹ. Từ nay đến Tết, MATA sẽ có bài tường-trình về một số sinh-hoạt mà những thành-quả là do biết bao tình thương-mến MATA tiếp-nhận được. (Nguyễn Văn Thông)

Chú-thích của toà-soạn:

1) Xin xem lại bài *Người đau-khổ tạ ơn* của Nguyễn Văn Thông, Làng Văn số 207, trang 30.

2) Chi-phiếu giúp Mái Ấm Thiên Ân xin đề trả cho "Nguyễn Văn Thông" và gửi về: 42 Himoor Circle, Randolph, MA 02368, USA. Người đại-diện của MATA sẽ đúc-kết và thông-báo cảm tạ trên Làng Văn.

100 Năm Giải Nobel Văn-Học và Các Nhà Thơ

Hồng Huy

*T*rước khi nói riêng về Nobel Văn-Học, tôi nhắc lại đôi điều có tính cách chung cho cả các ngành khác cũng thuộc giải Nobel.

Alfred Nobel (1833-1896), trước khi qua đời, đã làm di chúc giao phần lớn tài sản cho một ủy ban quản thác, để hằng năm cấp giải thưởng cho những người được coi là có thành tựu cao hơn hết trong những lãnh vực hữu ích cho nhân loại. Di chúc qui định 5 ngành: Vật lý học, Hóa học, Sinh vật học hoặc Y học, Văn học, Hoà bình. Đến năm 1968, Ngân Hàng Thụy Điển (tức Ủy Ban Quản Thác di sản của Nobel) thiết lập thêm một giải thưởng nữa cho ngành Kinh tế học. Giải cho những ngành kia bắt đầu phát từ năm 1901. Riêng giải Kinh tế học bắt đầu phát từ 1969.

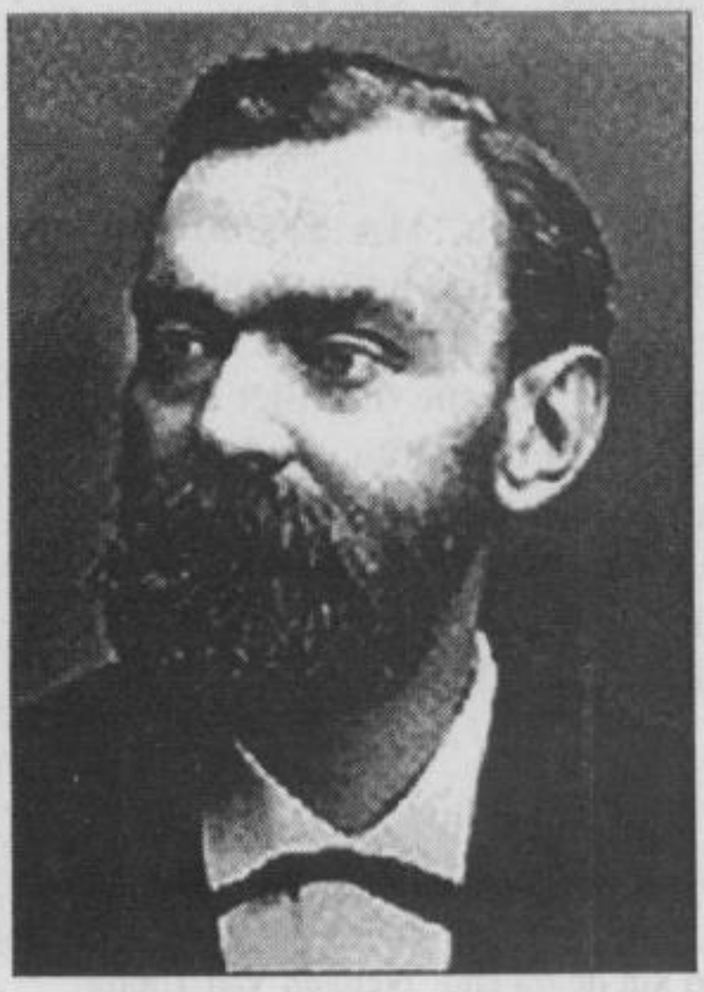

Alfred Nobel (1833-1896), người Thụy-điển, phát-minh ra cốt mìn (dynamite) và cũng là cha đẻ của Giải Nobel.

Hội đồng chấm giải là: Hàn-Lâm-Viện Hoàng-Gia Khoa-Học Thụy-Điển (Royal Swedish Academy of Sciences) chấm ba giải Vật-lý, Hóa-học, và Kinh-tế-học; Học-Viện Hoàng-Gia Caroline Y-Khoa và Phẫu-Thuật (Royal Caroline Medico-Chirurgical Institute) chấm giải Sinh-vật hoặc Y-học; Hàn-Lâm-Viện Thụy-Điển (Swedish Academy) chấm giải Văn-học. Chấm giải Hòa-bình là Ủy-Ban Na-Uy Giải Nobel (Norwegian Nobel Committee) do Quốc-Hội Na-Uy đề cử.

Năm nào cũng vậy, lễ phát giải thưởng được tổ chức đúng vào ngày giỗ của Nobel, 10 tháng 12; tại Oslo (thủ đô Na-Uy) cho giải Hòa bình; và tại Stockholm (thủ đô Thụy-Điển) cho tất cả những giải kia.

Giải thưởng dành cho ngành nào cũng gồm một cấp bằng, một huy chương và một số tiền. Số tiền này thay đổi hằng năm, tùy theo lợi tức thu được do sự kinh doanh của Ủy Ban Quản Thác di sản của Nobel. Và số tiền cũng tăng lên theo khuynh hướng mất giá tự nhiên của đồng bạc. Thí dụ, khoảng đầu thế kỷ, mỗi giải được chừng dưới mười ngàn mỹ-kim; khoảng cuối thế kỷ, đã tăng lên đến trên dưới một triệu mỹ-kim.

Giải dành các ngành kia đều được cấp cho cá nhân. Riêng giải Hoà-Bình có thể được cấp cho cá nhân, hội đoàn, hoặc tổ chức quốc tế. Có năm, một giải được cấp cho hai người, hoặc ba người. Và một người, hoặc một tổ chức, có thể được cấp giải nhiều lần, cùng một ngành, hoặc nhiều ngành khác nhau. Trong thực tế, đã có mấy người và mấy tổ chức được như vậy. Trên nguyên tắc, giải chỉ được cấp cho người còn sống. Nhưng nếu sau khi danh sách trúng giải được công bố rồi, đương sự mới qua đời, thì thân nhân vẫn được nhận. Đương sự có thể tự mình đi nhận giải, hoặc ủy quyền. Người được giải có thể khước từ, không nhận giải. Và trong thực tế, chuyện này cũng đã từng xảy ra.

Theo nguyên tắc, giải Nobel năm nào cũng được phát. Nhưng trong thực tế, có năm giải không được phát. Lý do là vì tình trạng

Boris Leonidovich Pasternak (1890-1960), thi-sĩ Nga, Nobel Văn-học 1958 (không được phép đi lãnh)

chiến tranh, các hội đồng chấm giải không đủ điều kiện làm việc; hoặc năm ấy, không có ai xứng đáng. Với lý do thứ hai, giải Hòa-bình có nhiều năm không phát hơn cả. Trong Đệ-Nhất Thế-Chiến, riêng giải Hóa-Học và Văn-Học có bị ngưng vài năm. Trong Đệ-Nhị Thế-Chiến, các hội đồng chấm giải đã ngưng hoạt động trong 3 năm, 1940, 1941 và 1942; năm 1943, hoạt động lại, nhưng giải Văn-Học vẫn không được phát.

Các hội đồng chấm giải làm việc theo tinh thần dân chủ, vô tư. Nhưng trách nhiệm là chọn một, hai người (mà họ chủ quan coi là) xuất sắc, trong một danh sách có khi khá dài, nên kết quả thường không tránh khỏi dị nghị. Chịu nhiều điều tiếng hơn hết trong lịch sử 100 năm của giải Nobel, là hai giải Hòa-Bình và Văn-Học. Đứng đầu là giải Hòa-Bình.

Tới đây, tôi xin nói riêng về giải Nobel Văn-Học.

Trước hết, xin trở lại một chút với cái tên. Tiếng Anh gọi giải thưởng này là Nobel Prize for Literature; tiếng Pháp gọi là Prix Nobel de Littérature. Trên sách báo tiếng Việt, nhiều người đã gọi là giải Nobel Văn-chương. Tôi nghĩ rằng gọi như thế không được ổn, vì giải được cấp cả cho những bộ môn không thuộc "văn chương", như diễn thuyết, làm báo, viết sử. Cho nên, tôi dùng chữ "văn-học". Tuy nhiên, nếu các bạn cho rằng số trường hợp không phải là "văn chương" như tôi vừa nói, chỉ là số ít, thì xin cứ dùng chữ "văn-chương".

Trong thế kỷ vừa qua, có 7 năm, giải Nobel Văn-Học không được phát. Trong 93 năm còn lại, có 97 người được giải. Trong số đó, có 3 người không nhận giải: Năm 1958, Boris Pasternak, tiểu thuyết gia kiêm nhà thơ, Liên-xô (bị chính quyền Cộng sản cấm đi nhận giải); năm 1964, Jean-Paul Sartre, triết gia kiêm kịch tác gia, Pháp; Alexandre Soljenitsyne, tiểu thuyết gia, Liên-xô (bị chính quyền cộng sản cấm đi nhận giải).

Giải Nobel Văn-Học được cấp cho các bộ môn sau đây: Tiểu thuyết, Thơ, Kịch, Triết, Sử, Tiểu luận, Phê bình, Diễn thuyết, Báo chí. Trong số đó, tiểu thuyết thường được cấp giải nhiều nhất, thứ nhì là thơ. Có người được giải với nhiều tư cách, chẳng hạn vừa là tiểu thuyết gia, vừa là kịch tác gia, vừa là nhà thơ. Tất nhiên, trong thực tế, một người cầm bút chuyên nghiệp được gọi là kịch tác gia, vẫn có thể có một vài thi tập, nhưng được gọi như thế chỉ vì so với những vở kịch, thì tác phẩm bằng thơ không quan trọng bằng. Nói cách khác, người cầm bút thường viết nhiều thể loại, nhưng khi cấp giải thưởng, hội đồng chấm giải đã cụ thể nhắm vào một hoặc hai thể loại vượt trội của đương sự. Và một khi giới văn học đã gọi người được giải với tư cách gì, thì chính những tác phẩm trong lãnh vực ấy đã đem lại vinh dự cho tác giả.

Trong 97 người được giải Nobel Văn-Học trong 100 năm qua, có 29 nhà thơ.

Phần sau, là danh sách những nhà thơ ấy, trình bày theo thứ tự năm được giải. Bên cạnh tiểu sử, sẽ có những chi tiết đặc biệt liên hệ đến cuộc đời hoặc văn nghiệp của đương sự, cùng một ít thơ trích.

Năm 1901, Sully Prudhomme: Tên thật là René-François-Armand

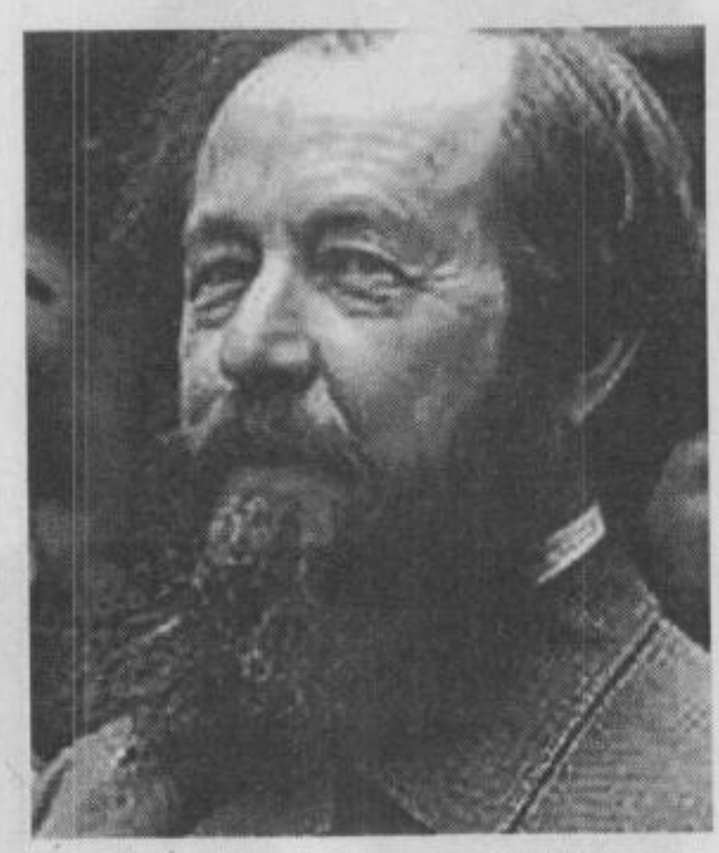

Elexandre Soljenitsyne (1918), tiểu-thuyết-gia Nga, Nobel Văn-học 1970 (không được phép đi lãnh giải.)

Jean Paul Sartre (1905-1980), triết-gia, kịch-tác-gia Marxist Pháp, Nobel Văn-học 1964, từ-chối nhận giải.

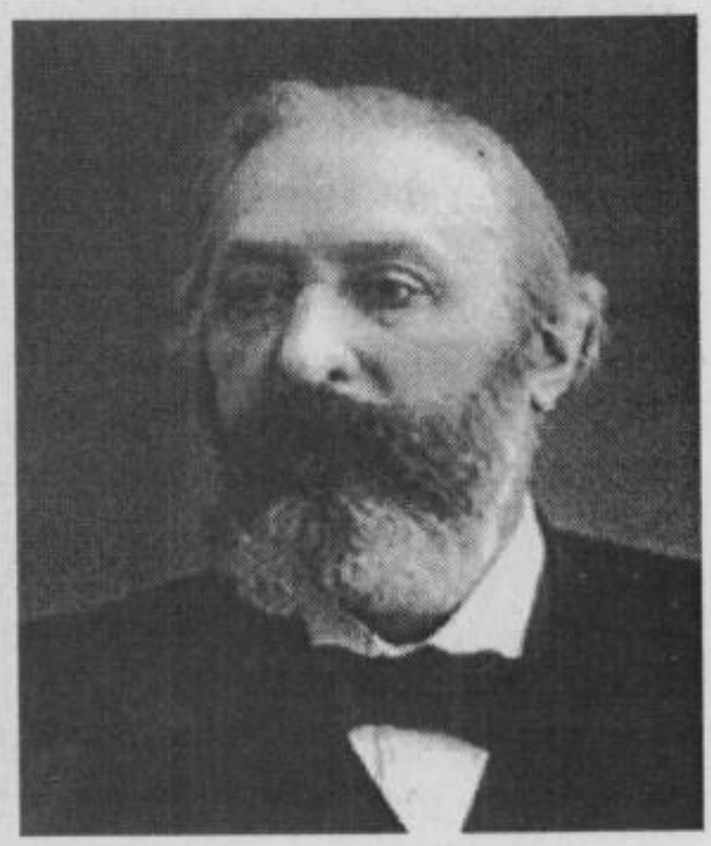

Sully Pruhomme (1839-1907), tên thật René-François-Armand Prudhomme, thi-sĩ Pháp, Nobel văn-học 1901.

Prudhomme; người Pháp; sinh năm 1839, mất năm 1907; cha mẹ là chủ hiệu buôn; thiếu thời có cuộc sống vật chất thong thả; ban đầu, ông học kỹ thuật và muốn trở thành kỹ sư, nhưng sau vì bị đau mắt, phải bỏ; sau chuyển qua học luật, nhưng cũng không thành công; cuối cùng, ông dành trọn thì giờ cho sở thích, là thi ca.

Năm 1865, ông xuất bản tập thơ đầu tiên, *Stances et Poèmes* (Những bài thơ), được nhà phê bình thời danh của tờ Globe (Pháp) là Sainte-Beuve nồng nhiệt ngợi khen, và bắt đầu nổi tiếng từ đó. Bài *Le Vase brisé* (Cái bình bể), bài thơ được nhiều người biết, thuộc tập thơ này. Nối theo, là những tập thơ sau đây: *Les épreuves* (Thử thách, 1866); *Les Solitudes* (Cô đơn, 1869); *Les Vaines Tendresses* (Yêu đương vô vọng, 1875). Đây là những tập thơ tình cảm của ông. Về sau, ông chuyển sang thơ triết lý: *La Justice* (Công lý, 1878); *Le Bonheur* (Hạnh phúc, 1888). Đó chỉ là kể những tập quan trọng. Và ngoài thơ, ông còn viết nhiều tác phẩm tản văn về văn chương, triết học, và tôn giáo.

Ông được bầu vào Hàn-Lâm-Viện Pháp-Quốc năm 1881.

Khi quyết định cấp giải Nobel Văn-Học cho Sully Prudhomme, Hàn-Lâm-Viện Thụy-Điển gọi ông là thi sĩ kiêm triết gia. Về phẩm chất thơ, họ nhận định: "Thơ của ông, những bài có tính cách trừu tượng hoặc giáo dục của ông, không thu hút chúng tôi bằng những bài nhỏ hơn, có tính cách trữ tình. Đây là những bài thơ đầy xúc cảm và trầm tư, chúng mê hoặc người đọc bằng phong cách cao thượng và bằng sự giao hoà chưa từng thấy giữa nội tâm và ngoại cảnh". Và họ xưng tụng ông là "nhà thơ lớn của thời đại".

Đến ngày phát giải, Sully Prudhomme bị bệnh không đi Thụy-Điển để nhận giải được. Đại sứ Pháp là ông Marchand phải đến nhận thay. Trong bữa tiệc mừng, C.D. af Wirsén, đại diện Hàn-Lâm-Viện Thụy-Điển, nhờ đại sứ Pháp chuyển đến nhà thơ được giải ý chính của lời xưng tụng: Sully Prudhomme là "đã kết hợp tâm hồn và trí tuệ đến mức tuyệt vời".

Dưới đây, tôi xin chép trọn bài Le vase brisé. Đây là trường hợp đầu tiên trong lịch sử giải Nobel Văn-Học, vả lại bài thơ cũng ngắn. Bài thơ này, tại Việt-Nam thời tiền chiến, học sinh trung học phần đông đều biết:

Le vase où meurt cette verveine,
D'un coup d'éventail fut fêlé.
Le coup dut l'effeurer à peine,
Aucun bruit ne l'a révélé.

Mais la légère meurtrissure,
Mordant le cristal chaque jour,
D'une marche invisible et sure.
En a fait lentement le tour.

Son eau fraiche a fui goutte à goutte,
Le suc des fleurs s'est épuisé.
Personne encore ne s'en doute:
N'y touchez pas, il est brisé.

Souvent aussi la main qu'on aime,
Effleurant le coeur, le meurtrit.
Puis, le coeur se fend lui-même;
La fleur de son amour périt.

Toujours intact aux yeux du monde,
Il sent croitre et pleurer tout bas.
Sa blessure fine et profonde!
Il est brisé, n'y touchez pas.

(Cành hoa mã-tiên trong bình đã héo. Cây quạt chỉ chạm nhẹ, không gây tiếng động, mà chiếc bình lại nứt. Nhưng vết nứt nhỏ cứ ngày ngày nhấm chất pha-lê, chầm chậm lan giáp vòng, không ai nhìn thấy nhưng chắc chắn. Nước mát trong bình từng giọt rỉ ra, và nhựa hoa khô đi. Sự việc không ai ngờ. Đừng chạm vào bình, nó đã bể. Thường khi, một bàn tay thân mến chạm nhẹ một trái tim, làm tim chết. Rồi tim nứt ra, và đoá hoa tình yêu của tim cũng khô héo. Trước mắt người đời, tim vẫn nguyên vẹn. Nhưng tim cảm biết vết thương của mình lớn dần, và tim khóc thầm. Vết thương của tim khó nhìn thấy nhưng sâu sắc. Tim đã nứt rồi, xin đừng chạm vào).

Năm 1904, Frédéric Mistral: Giải Nobel Văn-Học năm này được cấp cho 2 người. Người thứ hai là José Echegaray Y Eizaguirre, kịch tác gia người Tây-Ban-Nha.

Mistral là người Pháp, sinh năm 1830, mất năm 1914; xuất thân từ một gia đình điền chủ giàu có, có đủ điều kiện để sống theo sở thích; sau khi tốt nghiệp trường luật, dành hết thì giờ cho hoạt động văn học; sinh trưởng ở Bouches-du-Rhône (miền nam nước Pháp) và có lòng thiết tha yêu

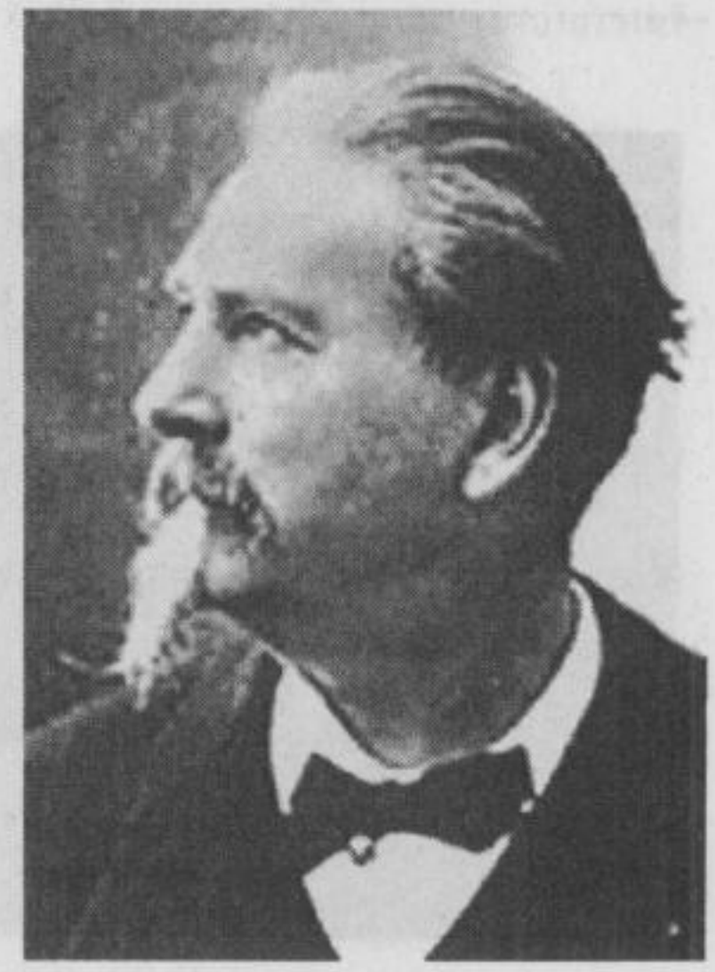

Thi-sĩ Pháp Frédéric Mistral (1830-1914), đồng giải Nobel văn-học 1904

mến quê hương, nên đã đưa hình ảnh và ngôn ngữ của quê hương vào tác phẩm; lại được một giáo sư văn chương là thi sĩ Joseph Roumanille (1818-1891), cũng là người miền nam, hết sức khuyến khích trong sự nghiệp phục hưng nền "Văn-học Miền-nam" (Littérature provencale).

Vào thời Mistral (thế kỷ 19), "langue d'oc" (ngôn ngữ miền nam nước Pháp) cũng như "langue d'oil" (ngôn ngữ miền bắc nước Pháp) chẳng những đã trở thành một thứ địa phương ngữ, không thông dụng trên toàn quốc đã đành, mà còn là thứ tiếng cổ đối với người trong miền. Nhưng Mistral nặng lòng với quê hương, đã nhìn thấy những nét đẹp của tiếng địa phương. Ông không chỉ làm thơ và viết văn bằng "langue occitale" (tiếng miền nam), mà còn bỏ tiền riêng ra lập "hiệp hội" và "viện bảo tàng" để duy trì và chấn hưng ngôn ngữ, phong tục của quê mình.

Mistral để lại nhiều thi phẩm giá trị, nhưng nổi tiếng hơn cả là trường ca *Mirèlo* (tiếng Pháp là Mireille), xuất bản năm 1859, có kèm bản tiếng Pháp do chính ông dịch. Khúc thơ dài này kể lại câu chuyện tình bi thảm giữa một thanh niên nghèo làm nghề đan rổ và một thiếu nữ con nhà điền chủ. Tác phẩm này đã được Lamartine (1790-1869) khen ngợi, đem tác giả so sánh với Homère. Về sau, nhiều kịch tác gia chuyển khúc thơ này thành những vở kịch rất ăn khách.

Bên cạnh những tác phẩm bằng văn vần và văn xuôi, Mistral còn để lại một cuốn tự điển tiếng miền nam. Đây là một công trình đồ sộ mà ông đã bỏ ra 20 năm mới hoàn tất.

Trong buổi lễ phát giải thưởng, đại diện Hàn-Lâm-Viện Thụy-Điển đã kết luận về Mistral: Những tác phẩm của Mistral là những toà lâu đài cao ngất trong nền văn học của miền Provence yêu quí của ông.

Mistral đã dùng số tiền được thưởng vào việc tăng cường cái thư viện tại quê ông.

Năm 1906, Giosuè Carducci: Người Ý, sinh năm 1835, mất năm 1907; xuất thân từ một gia đình khá giả, cha làm thầy thuốc; được học hành đầy đủ; sau khi tốt nghiệp, dạy trung học ít lâu, rồi trở thành giáo sư chuyên dạy văn chương tại đại học Bologne, trong 44 năm. Cùng với những hoạt động giáo dục và văn học, Carducci cũng tích cực hoạt động chính trị, và đã từng là dân biểu, nghị sĩ.

Trong lãnh vực văn học, Carducci vừa là nhà thơ, vừa là nhà phê bình. Bắt đầu làm thơ từ hồi còn nhỏ, lớn lên ông thích thi ca Hi-La, có những công trình thâm cứu về hai nền văn học này. Nhưng ông không hoàn toàn mô phỏng cổ nhân, mà có sắc thái riêng trong khi chủ trương chống lại phong trào lãng mạn. Về tư tưởng, ông chống lại giới tăng lữ trong thi tập *Inno a Satana* (Ca tụng Sa-tăng,1863). Bên cạnh những thi tập tình cảm, như *Rime* (Vần điệu, 1857), *Levia Gravia* (Thơ vui và thơ nghiêm, 1868), và nhiều tác phẩm giá trị khác, ông còn có một tác phẩm châm biếm chính trị, *Giambi ed epodi* (Biếm thi và thời đại, 1882). Về nghiên cứu, ông để lại hai tác phẩm lớn: *Studi letterari* (Nghiên cứu văn học, 1874), và *Bozetti critici e discorsi letterari* (Phê bình và thảo luận văn học, 1876). Những tác phẩm tản văn của Carducci cũng có giá trị như những thi phẩm của ông.

Năm 1907, Rudyard Kipling: Người Anh, sinh năm 1865, mất năm 1936; cha mẹ là người Anh, sang làm việc bên Ấn-Độ, và sinh Kipling tại đây. Lúc bấy giờ, Ấn-Độ là thuộc địa của đế quốc Anh. Cha Kipling là họa sĩ kiêm học giả, đang làm giám đốc viện bảo tàng Lahore. Về sau, các nhà nghiên cứu văn học nhận định rằng Kipling chịu nhiều ảnh hưởng của thân phụ trong sự nghiệp văn chương. Đến 6 tuổi, Kipling được

Kịch-tác-gia Tây-ban-nha José Echegaray Y Eizaguirre (1832-1916), đồng giải Nobel văn-học 1904

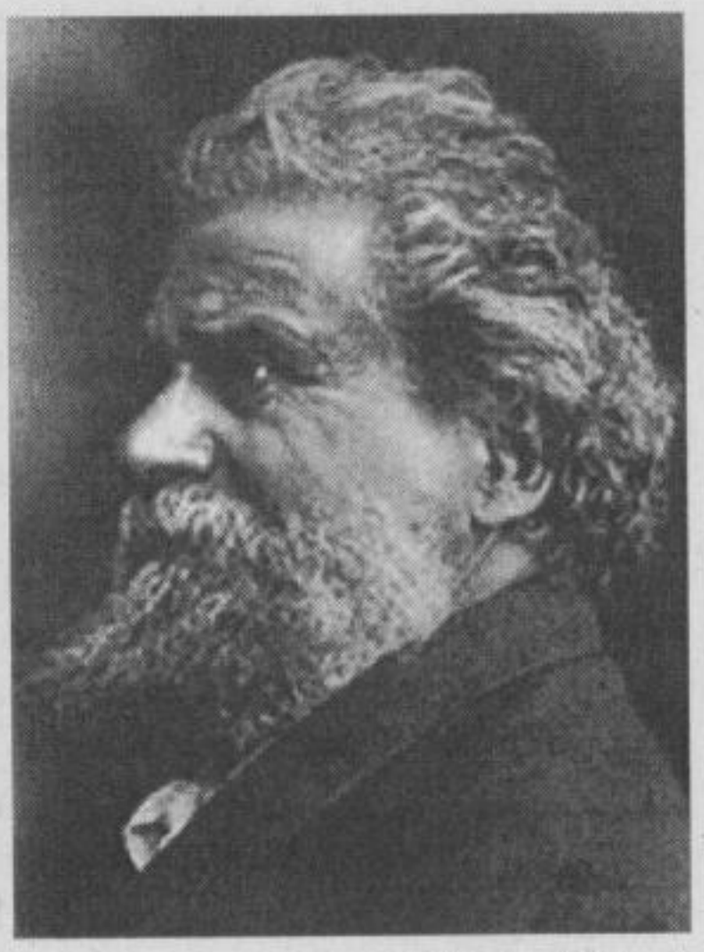

Thi-sĩ kiêm phê-bình-gia Ý-đại-lợi Giosuè Carduuci (1835-1907), Nobel Văn-học 1906.

gia đình cho trở về Anh học cho đến tuổi 17. Theo Kipling, những ngày tháng sống nương nhờ người khác ở quê nhà, là những ngày bất hạnh nhất trong đời của ông.

Sau khi trở lại Ấn-Độ, Kipling bắt đầu kiếm sống bằng nghề viết báo. Ông làm nghề này trong 7 năm, đồng thời làm thơ, viết tiểu thuyết và truyện ngắn. Những thi phẩm đầu tiên của ông phần nhiều là thơ trào phúng. Trong thời gian này, ông nổi tiếng nhờ những truyện ngắn có kết cấu tuyệt khéo. Đến tuổi trung niên, ông mới được mọi người công nhận là một nhà thơ kiêm tiểu thuyết gia có tài.

Kipling đi du lịch rất nhiều (Trung-Quốc, Nhật-Bản, Úc-châu và Phi-châu), do đó kiến thức của ông rất rộng. Thơ văn của ông hay là nhờ lịch lãm. Bao nhiêu tình tiết kỳ thú trong câu chuyện đều là những điều ông đã từng tai nghe mắt thấy. Những truyện du ký của ông là những câu truyện thật của một người có nhận xét tinh tế.

Nhưng Kipling cũng đã bị nhiều người chê là có đầu óc "thực dân". Điều này không phải là vô cớ. Rải rác đó đây trong tác phẩm, Kipling đã cổ vũ cho thuyết "người da trắng phải thực hành sứ mạng khai hoá cho những giống dân lạc hậu". Mà đối với các đế quốc thời bấy giờ, "khai hoá" chỉ là chiêu bài, mà khai thác tài nguyên mới là thực ý.

Rudyard Kipling (1865-1936)

Văn nghiệp của Kipling hết sức đồ sộ, số tác phẩm dù chỉ ghi nhan đề và năm xuất bản, thì cũng chiếm hết vài trang giấy. Vì vậy, ở đây tôi chỉ trích dẫn một vài chi tiết đặc biệt, mà tôi nghĩ là có nhiều người Việt biết.

Về tư tưởng, xưa nay người ta vẫn cho rằng Kipling chủ trương phân cách "Đông" và "Tây". Định kiến này phát xuất từ câu thơ mở đầu bài *"A Ballad of East and West"* (Khúc hát Đông-Tây) của ông:

Oh, East is East, and West is West, and never the twain shall meet ... (Ô, Đông là Đông, và Tây là Tây, và chẳng bao giờ hai cái này gặp nhau ...).

Kipling để lại rất nhiều thơ, nhưng đối với độc giả người Pháp, cũng như độc giả người Việt, có một bài được rất nhiều người biết, và coi như là một kiệt tác. Những tuyển tập thơ Kipling có dẫn bài thơ này đã đành, nhiều từ điển thông dụng (không phải từ điển văn học) của những ngôn ngữ châu Âu, cũng có trích dẫn nữa. Riêng từ điển tiếng Pháp, *Larousse du vingtième siècle*, và *Petit Robert*, cũng có những ấn bản in trọn bài, hoặc trích dẫn những câu đặc sắc. Trường hợp này cũng giống trường hợp bài *Sonnet* của nhà thơ Pháp Alexis Félix Arvers, với câu mở đầu: *Mon âme a son secret, ma vie a son mystère.*

Đây là bài *If* (Nếu). Bài thơ khá dài, không tiện chép trọn, mà ý nghĩa chia đều cho cả bài, trích một vài câu dù là hay nhất, thì cũng không đủ. Chỉ có thể nêu một nhận xét: Sở dĩ bài thơ được truyền tụng, không phải chỉ vì hay về hình thức, mà còn sâu sắc về ý nghĩa. Bài thơ đề cao một phong cách sống cho phải đạo làm người. Bài thơ này được phổ biến ở Pháp, nhờ bản dịch của André Maurois, nhan đề là "Si"; và ở Việt-Nam, nhờ bản dịch của Lãng-Nhân, nhan đề là "Ví".

Năm 1910, Paul von Heyse (Johann Judwig Heyse Heyse): Người Đức, sinh năm 1830, mất năm 1914; cha là người Đức, dạy đại học, mẹ là người Do-Thái; thiếu thời được học hành đầy đủ, và được nâng đỡ trong công việc nghiên cứu văn học; sau một năm du học ở Ý trở về, được Maximilian II, quốc vương Bavaria, triệu về Munich, làm hội trưởng hiệp hội các nhà văn.

Heyse được giải Nobel Văn-Học với nhiều tư cách: Làm thơ, viết tiểu thuyết, và viết kịch. Nhưng thi phẩm của ông có phần trội hơn, một phần cũng nhờ ông dịch thơ của thi sĩ Ý Giacomo Leopardi, và mấy nhà thơ người Ý khác. Ngoài ra, ông cũng có dịch một số tiểu thuyết và truyện ngắn Ý sang tiếng Đức. Các nhà

Paul von Heyse (1830-1914)

phê bình đương thời đã coi Heyse là người dẫn đầu trong việc giới thiệu văn chương Y với độc giả người Đức.

Heyse để lại rất nhiều tác phẩm, về thơ, kịch, và truyện ngắn. Theo các nhà phê bình, thì Heyse là: Nhà thơ trữ tình quan trọng hơn cả trong nền thi ca hiện đại của Đức; Người tạo ra phong trào tân truyện tâm lý hiện đại; Người viết kịch có sức sáng tác dồi dào. Thật ra, kịch của Heyse nhiều, nhưng kiểm lại thì số vở hay không được nhiều.

Nhưng có một điều đặc biệt ít nhà văn có: Heyse nổi tiếng ở Đức và cả ở Y nữa, mặc dù ông không viết bằng tiếng Y.

Năm 1913, Rabindranath Tagore: Người Ấn-Độ, sinh năm 1861, mất năm 1941; xuất thân từ một gia đình quí tộc Bà-La-Môn giàu có, đông anh em mà người nào cũng được giáo dục thành nghệ sĩ hoặc người hoạt động xã hội có thành tích. Riêng Tagore chỉ được học ở nhà với cha (vốn là một nhà hoạt động tôn giáo kiêm hiền triết), đến lúc gần trưởng thành mới được sang Anh học, nhưng cũng không thành đạt với học đường. Có thể nói khả năng văn chương của Tagore là thiên phú, và tư tưởng của ông là do truyền thống gia đình cộng với lịch lãm.

Rabindranath Tagore (1861-1941)

Tagore sinh trưởng tại Calcutta (thuộc miền Bengal, Ấn-Độ), viết bằng tiếng Bengali, rồi tự mình dịch một phần ra tiếng Anh. Ông viết nhiều thể loại, thơ, tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch. Ông là một nhà soạn nhạc, đã phổ nhạc hàng trăm bài thơ của chính ông và của người khác. Ông cũng là một trong số họa sĩ tiền phong của Ấn-Độ.

Tagore để lại trên 50 tập thơ, nhiều tiểu thuyết và kịch. Ông nổi tiếng hơn cả trong lãnh vực thơ. Gây chú ý cho Hàn-Lâm-Viện Thụy-Điển là tập thơ *Gitanjali* (tựa tiếng Anh là *Song Offering*: Khúc hát hiến dâng), xuất bản năm 1910. Sau đó, tập thơ đã được chính tác giả dịch ra văn xuôi tiếng Anh. Nhận định của hội đồng chấm giải căn cứ trên bản tiếng Anh này. Năm 1915, Tagore được vương triều Anh phong tước, nhưng đến năm 1919, ông tuyên bố từ bỏ tước vị, để phản đối vụ quân đội Anh tàn sát dân Amritsar (Ấn-Độ) và nền thống trị của Anh trên xứ sở của ông. Ông được Gandhi, lãnh tụ phong trào vận động giải phóng Ấn-Độ, rất tôn sùng.

Tagore đi nhiều cũng như viết. Có lẽ văn thơ ông xuất sắc, một phần cũng nhờ kinh nghiệm thu thập từ những chuyến đi. Ở những nơi ông đến thăm, người ta thường mời ông diễn thuyết về những vấn đề tư tưởng liên hệ đến nhân sinh. Ông đã đặt chân tới nhiều nước châu Âu, châu Mỹ. Riêng châu Á, ông đã ghé Trung-Quốc, Nhật-Bản, Mã-Lai. Ông đến Việt-Nam năm 1929.

Năm 1916, Carl Gustaf Verner von Heidenstam: Người Thụy-Điển, sinh năm 1859, mất năm 1940; xuất thân từ một gia đình quí tộc; hồi còn trẻ, có ý định trở thành họa sĩ, đã sang Paris sống một thời gian để học vẽ; vì bẩm sinh không được khoẻ mạnh, nên phải xuống sống ở những vùng gần Địa-Trung-Hải, do đó trong thơ văn có màu sắc của những địa phương này.

Heidenstam bắt đầu làm thơ, rồi sau mới viết văn. Tập thơ đầu tiên của ông, *Wallfart och vandringsar* (Những năm tháng hành hương và lang thang, 1888) vừa phát hành thì lập tức được độc giả Thụy-Điển hân hoan đón nhận. Thi tập này chứa đầy những ngụ ngôn xuất xứ từ phía nam và những triết lý từ phương đông. Sau tác phẩm đầu tay này, ông còn cho ra đời nhiều tập thơ khác nữa. Nhưng quan trọng hơn cả là hai tập: *Dikter* (Thơ, 1895), và *Nya dikter* (Thơ mới, 1915).

Bên cạnh những tập thơ, Heidenstam còn để lại nhiều tiểu thuyết, quan trọng nhất là những cuốn tiểu thuyết lịch sử.

Năm 1889, Heidenstam viết tiểu luận *Renassans* (Phục hưng) với phong cách bút chiến, công

Carl Gustaf Verner von Heidenstam (1859-1940)

khai chống lại khuynh hướng Tự-Nhiên và Hiện-Thực trong nền thi ca Thụy-Điển. Lúc bấy giờ, trong nước ai cũng coi ông là lãnh tụ của nền văn học hiện đại.

Heidenstam viết được khá nhiều, nhưng sau thi phẩm "Thơ mới" (1915), thì không có tác phẩm nào quan trọng. Ông sống khá thọ (hơn 80 tuổi), nhưng trong 25 năm cuối đời, gần như ông ông viết được gì đáng kể nữa. Các nhà xuất bản Thụy-Điển đã gom tất cả những gì ông viết thành một bộ "toàn tập" gồm 23 cuốn, xuất bản từ 1943 đến 1945 mới xong.

Năm 1919, Carl Spitteler: Người Thụy-Sĩ, sinh năm 1845, mất năm 1924; sinh ra trong một gia đình không sung túc, nhưng cũng được đi học đầy đủ; sau khi tốt nghiệp đại học, phải đi làm gia sư để kiếm sống ở Nga và ở Phần-Lan nhiều năm; bắt đầu làm thơ trong thời gian này; sau khi trở về Thụy-Sĩ, cũng phải đi dạy học; một thời gian sau, mới chuyên tâm vào việc sáng tác.

Spitteler viết bằng tiếng Đức. Nhiều tác phẩm của ông được dịch sang tiếng Anh, tiếng Pháp.

Tác phẩm văn xuôi của Spitteler ít, thi phẩm của ông nhiều hơn gấp bội. Nhưng những tập giá trị cao không được nhiều. Tác phẩm đã đem giải Nobel Văn-Học đến cho ông, là tập thơ thứ hai, viết trong thời gian 1900-1905, rồi chữa lại năm 1910. Đây là tập anh hùng ca *Der olympische Fruhling* (Mùa xuân Olympia).

Trong các nhà thơ châu Âu, Spitteler là người nổi tiếng viết kỹ. Chắc không đến nỗi "thôi xao" như Giả Đảo đời Đường, nhưng không có tác phẩm nào không được ông sửa đi sửa lại nhiều lần. Trước khi qua đời, ông còn dành thì giờ chữa lại tập thơ đầu tiên viết trong những năm sống ở Nga và Phần-Lan.

Năm 1923, William Butler Yeats: Người Ai-Nhĩ-Lan, sinh năm 1865, mất năm 1939; từ nhỏ, đã được giáo dục để sau này trở thành người phụng sự nghệ thuật; cha là luật sư, nhưng cũng là một họa sĩ chân dung có tài, đã có nhiều ảnh hưởng với con trai trong lãnh vực nghệ thuật và lòng yêu nước; theo học trường mỹ thuật, nên học vấn đã chuẩn bị cho những bước đầu đi vào thơ văn.

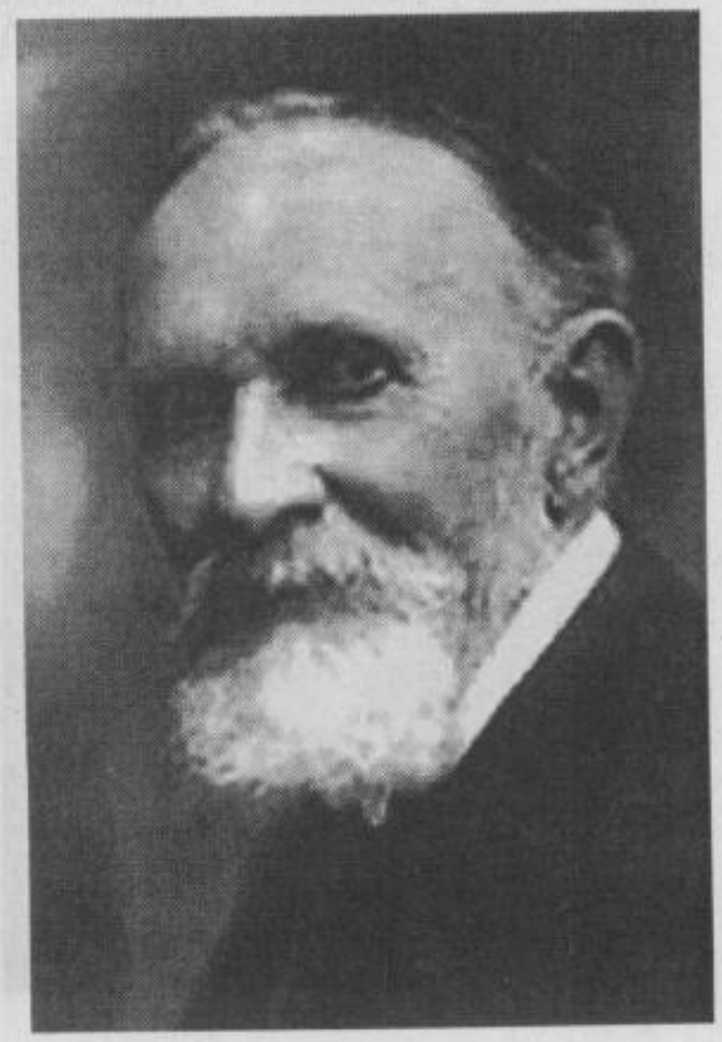

Carl Spitteler (1845-1924)

William Butler Yeats (1865-1939)

Yeats viết sớm, và viết rất nhiều. Ông viết ba thể loại: Thơ, kịch, và truyện, loại nào cũng nhiều và cũng thành công. Ông được giải Nobel Văn-Học là do tập thơ *The Wild Swans at Coole* (Những con thiên nga hoang ở Coole), và người ta vẫn thường gọi ông là nhà thơ. Nhưng thật ra, so tác phẩm của ông với nhau về cả lượng lẫn phẩm, kịch có phần trội hơn. Tuy nhiên, vì kịch của ông cũng có nhiều vở viết bằng thơ, nên ông cũng là nhà thơ viết kịch.

Khi đem những nhà văn, nhà thơ được giải Nobel Văn-Học ra so sánh với nhau, người ta nhận thấy một điểm đặc biệt chỉ có ở trường hợp Yeats: Phần nhiều những người khác đều không viết được gì quan trọng sau khi được giải. Họ "ngủ yên trên cành nguyệt quế", các nhà phê bình đã nói như vậy. Nhưng với Yeats, thì không. Sau năm được giải, ông vẫn sáng tác mạnh, cho ra nhiều tập thơ và vở kịch, còn hay hơn tác phẩm đã gây chú ý cho hội đồng chấm giải trrước kia.

Khuynh hướng và chủ trương trong văn thơ của Yeats là "nghệ thuật, quốc gia, và thần bí". Có người nghĩ ông chống tôn giáo. Nhưng hình như tất cả chỉ do một đặc tính trong tính tình của Yeats: Ông chỉ tin vào những điều do chính ông nghĩ ra.

Yeats là một trong những sáng lập viên có nhiều ảnh hưởng của phong trào Văn-học Phục-hưng và Trường phái kịch Abbey ở Ai-Nhĩ-Lan. Ông cũng là một người hoạt động xã hội và chính trị tích cực. Đến năm 1922, ông được bầu vào thượng viện và làm nghị sĩ trong 6 năm.

Các nhà nghiên cứu văn học đều đồng ý xếp Yeats vào số

những nhà thơ lớn nhất viết bằng tiếng Anh của thế kỷ XX.

Năm 1931, Erik Axel Karlfeldt: Người Thụy-Điển, sinh năm 1864, mất năm 1931; sinh ra trong một gia đình không mấy khá giả ở nông thôn, nhưng cũng học xong đại học; trong khi đi học, phải đi dạy tư và giúp việc cho một tờ báo; sau khi tốt nghiệp đại học, mới kiếm được những công việc có liên hệ đến việc sáng tác.

Trước hết, Karlfeldt xin được việc làm tại mấy thư viện lớn ở thủ đô Stockholm. Ông bắt đầu làm thơ trong thời gian này. Đến năm 1904, ông được bầu vào Hàn-Lâm-Viện Thụy-Điển; năm 1907, vào Ủy-Ban Nobel; năm 1912, làm thư ký thường trực của Hàn-Lâm-Viện, đồng thời vẫn là thành viên của Ủy-Ban Nobel.

Năm 1918, Karlfeldt được cấp giải Nobel Văn-Học, nhưng ông từ chối, viện lẽ thơ của mình không được độc giả bên ngoài nước Thụy-Điển thưởng thức. Điều này đúng: Đến năm 1938, thơ của ông mới được dịch ra tiếng Anh và phổ biến ở nước ngoài. Đến năm 1931, khi ông đã qua đời, Ủy-Ban Nobel đã quyết định trao giải thưởng cho thân nhân của ông.

Thơ của Karlfeldt có tính cách thuần "đồng quê và địa phương". Ông ca ngợi đời sống, phong tục, và nét đẹp của quê hương (tỉnh Dalekarlia) của ông. Người ta cũng dễ dàng nhận thấy ảnh hưởng của dân ca trong thơ của ông. Tác phẩm quan trọng nhất của ông có tên "Những khúc hát của núi rừng và tình yêu". Có nhà phê bình, trong khi khen thơ của ông hay, vẫn cho rằng ông đã dành quá nhiều tâm huyết cho một nền văn hóa đang suy tàn của một địa phương.

Năm 1945, Gabriela Mistral: Người Chí-Lợi, tên thật là Lucila Godoy y Alcayaga, sinh năm 1889, mất năm 1957; cha là giáo viên trường làng, rất thích làm thơ; mười lăm tuổi đã phải đi dạy để kiếm sống và bắt đầu làm thơ; sau một chuyện tình thơ mộng với một người công chức sở hỏa xa, rồi người yêu tự tử, nguyện ở vậy suốt đời với thơ và mối tình hoài niệm; những tập thơ đầu là tiếng nói của tình yêu, của kỷ niệm đau thương; những tập thơ tiếp theo chuyển chủ đề sang tình thương đối với trẻ em, người bị đàn áp, và tình mẹ.

Bút hiệu của nhà thơ nữ này được ghép từ tên của hai nhà thơ nổi danh trước, mà bà kính phục: Chữ Gabriela lấy từ tên của nhà thơ người Y Gabriele D' Annunzio (1863-1938); chữ Mistral lấy từ tên của nhà thơ người Pháp Frédéric Mistral (1830-1914).

Gabriela Mistral học ở trường không được bao nhiêu, nhưng sự tự học của bà rất bền bỉ, nên về sau có kiến thức rất rộng về nhiều mặt, nhất là văn hóa và xã hội. Bà đã từng làm giáo sư tại nhiều đại học danh tiếng của Hoa-Kỳ, làm bộ trưởng văn hoá của Chí-Lợi, làm lãnh sự tại Tây-Ban-Nha, Bồ-Đào-Nha, Y, làm đại sứ tại Hội Quốc-Liên và Liên Hiệp Quốc.

Với cuộc sống năng động như thế, nhưng Gabriela Mistral vẫn sáng tác được nhiều. Bà viết bằng tiếng Tây-Ban-Nha. Quyết định cấp giải thưởng của Hàn-Lâm-Viện Thụy-Điển không căn cứ trên riêng tập thơ nào, mà trên toàn bộ tác phẩm của bà.

Năm 1948, Thomas Stearns Eliot: Thường viết T. S. Eliot; người Mỹ gốc Anh, sinh năm 1888, mất năm 1965; cha là người làm ăn, nhưng mẹ là một nhà thơ sáng tác nhiều và khá nổi tiếng;

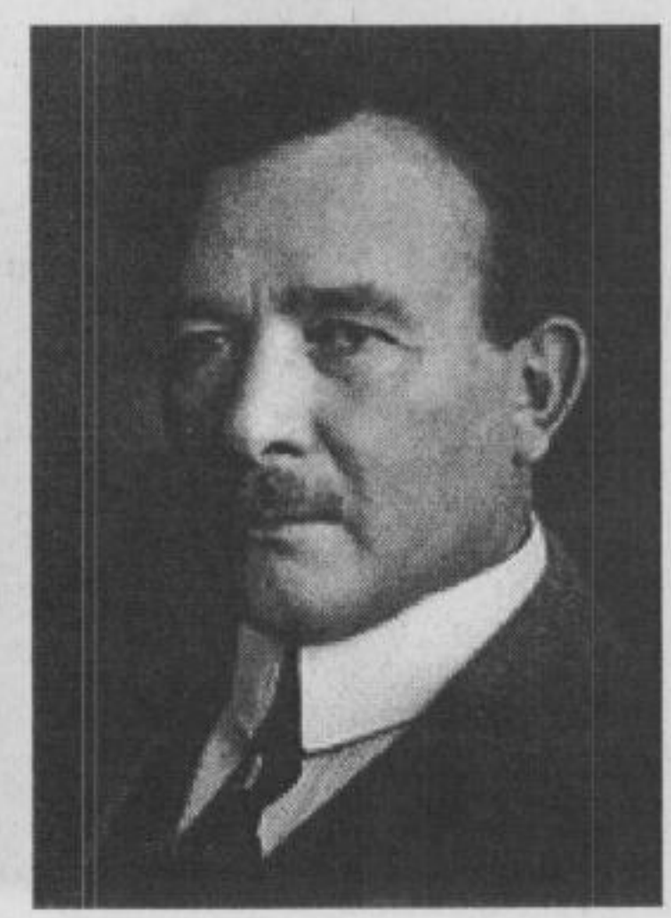

Erik Axel Karlfeldt (1864-1931)

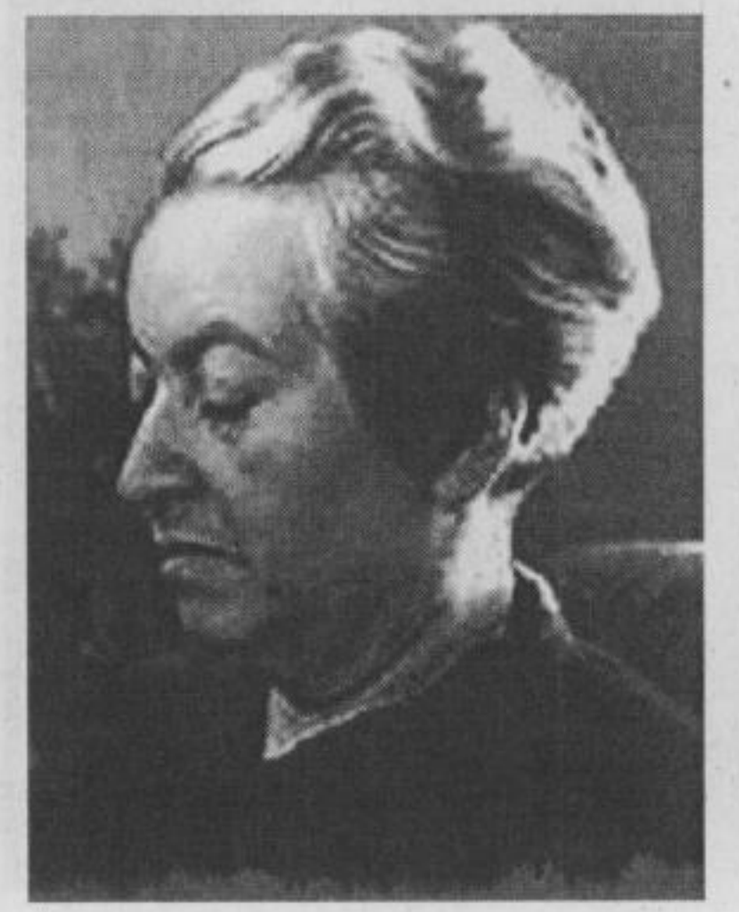

Gabriela Mistral (1889-1957)

Thomas Stearns Eliot (1888-1965)

có trình độ học vấn cao, đã từng tòng học tại những đại học danh tiếng nhất thế giới, như Harvard, Oxford, Sorbonne, và đã từng là giáo sư triết tại đại học Harvard; viết nhiều và đều đặn về cả ba lãnh vực, thơ, kịch và phê bình.

Như đã nói, Eliot làm thơ, soạn kịch, và viết phê bình, thể loại nào cũng nhiều và hay. Về thơ, có trên 20 tập có giá trị; về kịch, có trên 10 vở hay, có vở về sau được chuyển thành phim; về phê bình, thì rất nhiều, phê bình cả hai mặt văn học, và xã hội, cũng có những tác phẩm thuần là phê bình chính trị.

Trong danh sách những nhà văn đoạt giải Nobel Văn-Học, Eliot được ghi là "nhà thơ". Nhưng thật ra, hội đồng chấm giải đã bị thu hút bởi những tác phẩm phê bình của ông nhiều hơn. Vả lại, thơ của ông cũng chứa đựng những ý phê bình xã hội thật xác đáng. Đúng là "thi trung hữu bình", như nhiều nhà nghiên cứu về văn nghiệp của ông đã nhận định khi đọc tập thơ *The Waste Land* (Đất hoang, 1922).

Riêng về phong cách diễn đạt trong thơ, Eliot có khuynh hướng "tượng trưng".

Eliot có rất nhiều ảnh hưởng trong nền văn học tiếng Anh, do tài năng, mà cũng do thế lực trong nhiều năm làm giám đốc văn chương cho nhà xuất bản Faber. Tác phẩm của ông quá nhiều, lại đa dạng về đề tài và phong phú về nội dung, sinh hoạt văn học lại vượt ra ngoài việc sáng tác, nên đã có hơn 20 cuốn tiểu sử viết về ông, mà có người vẫn còn muốn viết thêm.

Năm 1956, Juan Ramón Jiménez: Người Tây-Ban-Nha, sinh năm 1881, mất năm 1958; học chưa xong đại học, bỏ học để dành trọn thì giờ cho thơ; được sự nâng đỡ của nhà thơ Ruben Dario (người Nicaragua, 1867-1916), người cải cách nền thi ca Tây-Ban-Nha, trong việc xuất bản những tác phẩm đầu tiên ở Madrid; khi đã có danh vọng, được nhiều trường đại học danh tiếng mời làm giảng sư.

Buổi đầu, thơ của Jiménez chịu ảnh hưởng của phong trào lãng mạn Đức và phong trào tượng trưng Pháp. Về sau, thơ ông đổi phong cách sang giản dị và chính xác. Đối với ông, thơ là tất cả; là một thứ "tôn giáo nội tại, không cần tín điều". Ông có ảnh hưởng rất lớn đối với những thế hệ nhà thơ đi sau.

Năm 1959, Salvatore Quasimodo: Người Ý, sinh năm 1901, mất năm 1968; vì nhà nghèo, chưa tốt nghiệp đại học, đã phải đi làm; nhưng ông lại được học kỹ về cổ ngữ La-Hi; về sau, ông dịch sang tiếng Y nhiều tác phẩm cổ của Hi-Lạp và La-Mã.

Quasimodo là lãnh tụ phong trào "thơ bí hiểm" của Y thời bấy giờ. Ông bắt đầu sáng tác mạnh khi thôi không làm công chức nữa, chuyển sang dạy văn chương Y cho nhạc viện Milan.

Thơ của Quasimodo cũng có màu sắc chính trị. Trong thơ, ông thường nhắc lại những bất công của chế độ Phát-Xít, những tai họa của chiến tranh, và những tội lỗi của nước Y.

Năm 1960, Saint-John Perse: Tên thật là Alxis Léger; người Pháp, sinh năm 1887, mất năm 1975; thuộc một dòng họ đã sang

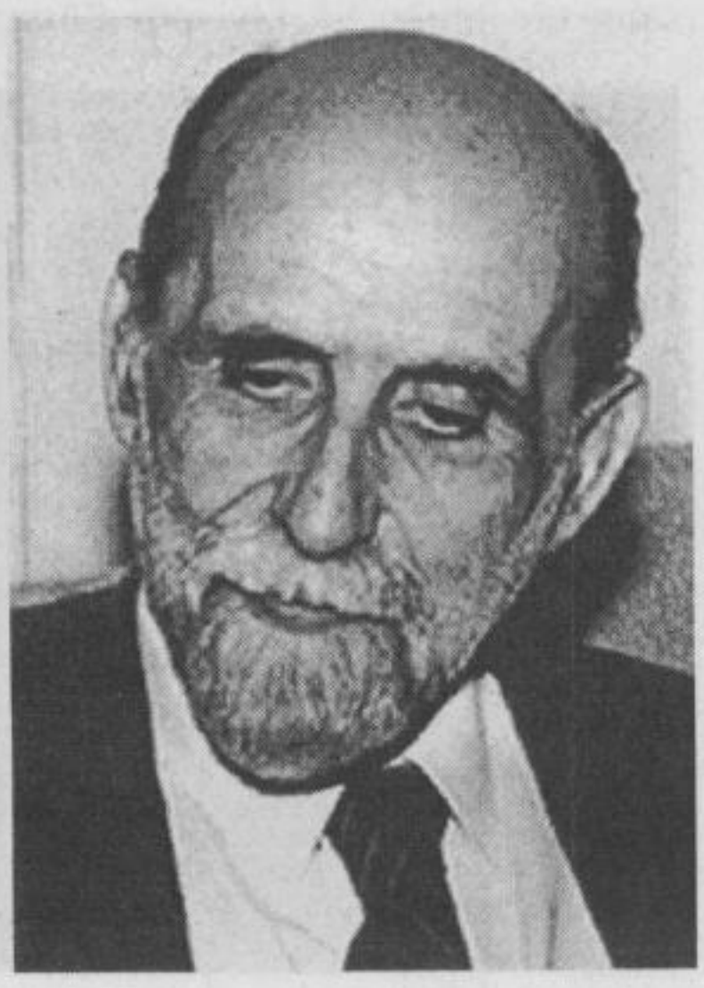

Juan Ramón Jiménez (1881-1958)

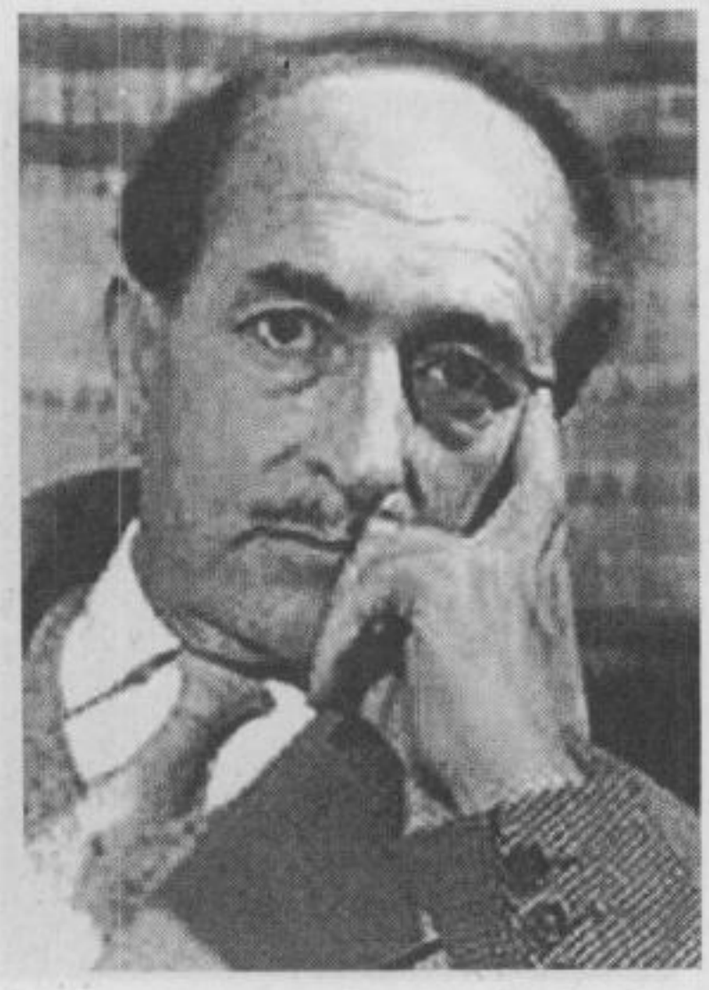

Salvatore Quasimodo (1901-1968)

Saint-John Perse (1887-1975)

lập nghiệp tại quần đảo Antilles từ lâu đời; cảnh trí nơi sinh trưởng cũng có ảnh hưởng đến tính tình và thơ ca; là người đa tài, đa năng, hiếu học, và rất năng động.

Có thể nói ở nhà thơ này có 2 con người khác nhau, mà cũng giống nhau: Saint-John Perse là nhà thơ, mà tác phẩm chứa cả hai tính chất thần bí và đam mê. Cái đam mê khó giải thích trộn lẫn trong niềm vui chiến thắng của con người đối với vũ trụ, và đối với chính bản thân. Một nhà thơ có những bài thơ gồm những câu ngắn chỉ có một chữ, và những câu dài đến mấy hàng, đọc lên nghe âm vang như những câu thần chú ... Alexis Léger là một nhà ngoại giao đã từng thành công trong những chức vụ tại Đông-Phương, và tại trung ương; là một triết gia, một sử gia, một nhà địa chất, một nhà tự nhiên và nhân chủng học; lại say mê nghiên cứu âm nhạc và khảo cổ ... Trong lãnh vực nào, cũng say mê như làm thơ.

Thi phẩm của Saint-John Perse khá nhiều, nhưng những tập có giá trị cao đều được viết trong những năm ông sống lưu vong. Đây cũng là một trường hợp "tái ông thất mã". Năm 1940, sau khi bị chính phủ Vichy cách chức, ông sang tị nạn tại Hoa-Kỳ. Từ đó cho đến năm trở về Pháp (1959), ông làm cố vấn văn học cho thư viện Library of Congress của Hoa-Kỳ tại thủ đô Hoa-Thịnh-Đốn. Đây là thời kỳ ông sáng tác được nhiều hơn cả.

Sau khi trở về Pháp sống với danh vị chính trị "đại sứ hồi hưu", rồi với danh vị văn học "nhà thơ đoạt giải Nobel", Saint-John Perse không sáng tác được gì nữa, trong 15 năm cuối đời. Có người cho rằng ông "ngủ yên trên cành nguyệt quế", nhưng tôi nghĩ chỉ vì tuổi già. Khi trở về Pháp, ông đã 74 tuổi.

Năm 1963, Giorgos Seferis: Người Hi-Lạp, sinh năm 1900, mất năm 1971; cũng giống như Saint-John Perse, vừa là nhà thơ vừa là nhà ngoại giao; trước Thế-Chiến II, làm việc tại Anh và Albanie; sau, làm việc tại nhiều nước ở Trung-Đông, rồi giữ chức đại sứ tại Luân-Đôn (1957-1962).

Seferis viết không được nhiều. Về thơ, chưa đến mười tập; về luận văn, một cuốn; về dịch thuật, ông dịch nhiều tác phẩm của T.S. Eliot, và nhiều thi phẩm của Mỹ, Anh, và Pháp.

Seferis viết ít, nhưng có ảnh hưởng lớn đối với nền văn học bản xứ. Ông được người đương thời tôn xưng với nhiều danh hiệu: Là "thi sĩ của tương lai"; là "nhà thơ lỗi lạc hơn hết của thập niên 1930"; là "người du nhập chủ nghĩa tượng trưng vào thi ca Hi-Lạp". Năm 1947, ông được Hàn-Lâm-Viện Nhã-Điển vinh danh.

Năm 1966, Nelly Sachs: Năm này, giải thưởng được cấp cho 2 người: Tiểu thuyết gia Shmuel Yosef Agnon, người Do-Thái, và nhà thơ nữ Nelly Sachs.

Nelly Sachs tên thật là Leonie Sachs; vốn người Đức gốc Do-Thái, về sau lấy quốc tịch Thụy-Điển; sinh năm 1891 tại Berlin, mất năm 1970 tại Stockholm; xuất thân từ một gia đình Do-Thái giàu có, đã phải chịu nhiều ngược đãi của chế độ Phát-Xít; cùng mẹ trốn sang sống ở Thụy-Điển từ năm 1940 cho đến khi qua đời.

Sachs viết bằng tiếng Đức. Bà bắt đầu làm thơ khá sớm, nhưng chỉ có tác phẩm xuất bản từ sau ngày sang sống ở Thụy-Điển. Tập thơ đầu tiên của bà, tập *In den Wohnungen des Todes* (Ở những nơi cư trú của cái chết) xuất bản năm 1946, chứa đầy kinh hoàng của những trại tập trung. Những bài thơ trong những tập xuất bản về sau có phong cách giản dị, nhẹ nhàng, nhưng đôi khi cũng nhuộm màu thần bí với ảm hưởng của Cựu-Ước.

Sachs cũng có viết kịch, nhưng chỉ được vài vở có giá trị. Về thơ, sức sáng tác của bà cũng không phong phú. Hội đồng chấm giải chọn bà có lẽ chỉ vì thơ của bà nói lên thân phận của con người

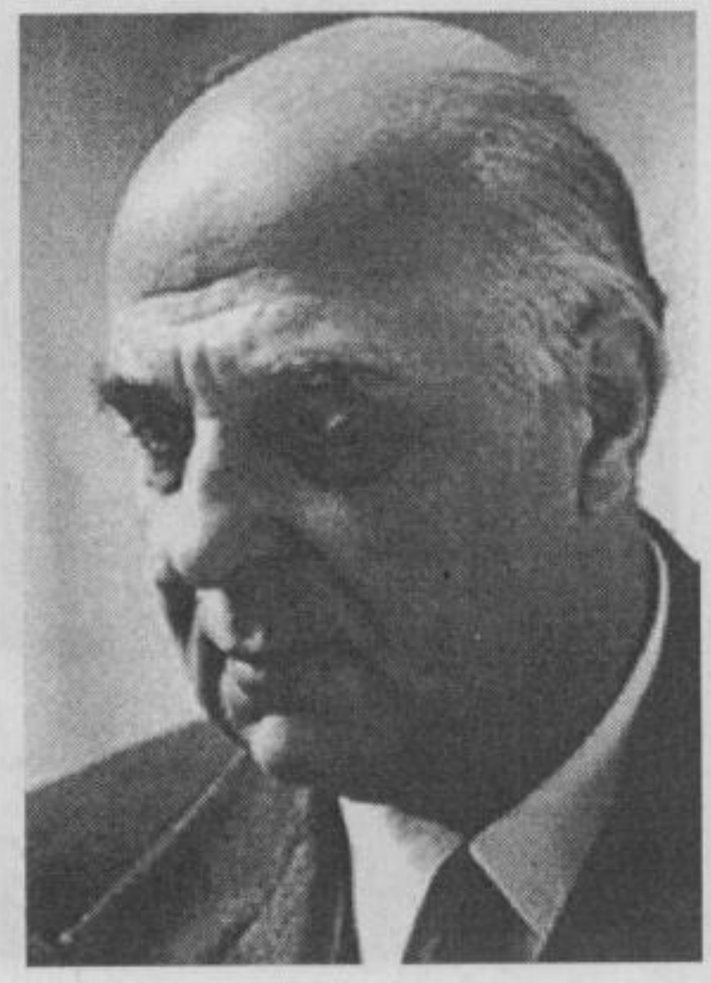

Giorgos Seferis (1900-1971)

Nelly Sachs (1891-1970)

trong một chế độ chính trị hà khắc do chính con người tự nghĩ ra.

Năm 1971, Pablo Neruda: Tên thật là Neftali Ricardo Reyes Basoalto; người Chí-Lợi; sinh năm 1904, mất năm 1973; mồ côi mẹ rất sớm, cha làm công chức; có cuộc sống năng động về chính trị; đi rất nhiều do chức vụ ngoại giao.

Pablo Neruda viết bằng tiếng Tây-Ban-Nha. Ông làm thơ khi còn học tiểu học; rồi đến năm 20 tuổi, với 2 tập thơ xuất bản đầu tiên, ông trở thành nhà thơ Chí-Lợi nổi tiếng nhất.

Sự nghiệp chính trị của ông cũng bắt đầu rất sớm. Chỉ mới 23 tuổi, ông đã được cử làm lãnh sự ở Miến-Điện rồi tiếp theo, là lãnh sự ở nhiều nước A-Châu, Âu-Châu, và Nam-Mỹ. Năm ngoài 40 tuổi, ông trở thành nghị sĩ thượng viện. It lâu sau, ông gia nhập đảng Cộng-Sản Chí-Lợi. Khi đảng này bị tuyên bố bất hợp pháp, ông phải trốn ra nước ngoài.

Pablo Neruda sáng tác nhiều, mà dịch thuật cũng nhiều. Đếm thì cũng phải đến non 40 cuốn. Về chất thơ, nhiều nhà phê bình đã nhận xét: Trí tưởng tượng mạnh và chất trữ tình tế nhị. Nhiều tập thơ của ông đã được dịch ra tiếng ngoại quốc.

Năm 1975, Eugenio Montale: Người Ý, sinh năm 1896, mất năm 1981; đang học đại học thì phải bỏ để tòng quân trong Thế-Chiến I; sau Thế-Chiến II, tích cực chống Phát-Xít; ngoài 70 tuổi, trở thành thượng nghị sĩ trọn đời của nước Y.

Montale sáng tác nhiều, mà dịch cũng nhiều. Ngoài thơ, ông còn viết văn, và viết chuyên mục cho các tạp chí. Về thơ, ông thuộc trường phái "bí-hiểm" (hermeticism) trong hai thập niên 1930, 1940 ở Y, và chịu ảnh hưởng trường phái "tượng-trưng" (symbolism) của Pháp, nhất là ảnh hưởng của ba nhà thơ Mallarmé, Rimbaud và Valéry. Trong trường phái của ông, Montale còn có hai nhà cùng khuynh hướng là Quasimodo và Ungaretti. Nhưng ông vẫn thường được người đồng thời coi là thủ lãnh. Tuy nhiên, càng về sau, nhất là những bài thơ viết sau năm 1960, thi tứ của ông đã được diễn đạt trực tiếp bằng những lời tương đối đơn giản.

Ngoài giải Nobel Văn-Học, Montale còn được nhiều giải thưởng quốc gia về văn chương.

Năm 1977, Vicente Aleixandre: Người Tây-Ban-Nha, sinh năm 1898, mất năm 1984; xuất thân từ một gia đình khá giả; đã tốt nghiệp đại học về luật; làm thơ khá sớm, nhưng phải đợi đến khi một tập thơ quan trọng được giải thưởng, mới nổi tiếng.

Aleixandre viết không được nhiều, hầu hết đều là thơ. Tập thơ quan trọng được giải thưởng văn chương toàn quốc năm 1933, là tập *La destrucción o el amor* (Phá hủy hay tình yêu). Từ tập thơ ấy cho đến tập viết sau cùng (1974), ông còn có trên 10 tập khác nữa. Còn tản văn thì chỉ có một cuốn xuất bản năm 1958, gồm những ghi nhận về các nhà văn đồng thời.

Thơ của Aleixandre là thơ tự do, đầy dẫy ẩn dụ được dùng bằng một kỹ thuật tuyệt hảo. Về khuynh hướng, có nhà phê bình cho rằng thơ của Aleixandre có nhiều chất siêu thực, nhiều chất đam mê, nhiều chất lãng mạn, nhưng nhân bản. Có lẽ cái "nhiều chất" này đã giúp cho Aleixandre gây được nhiều ảnh hưởng đối với lớp nhà

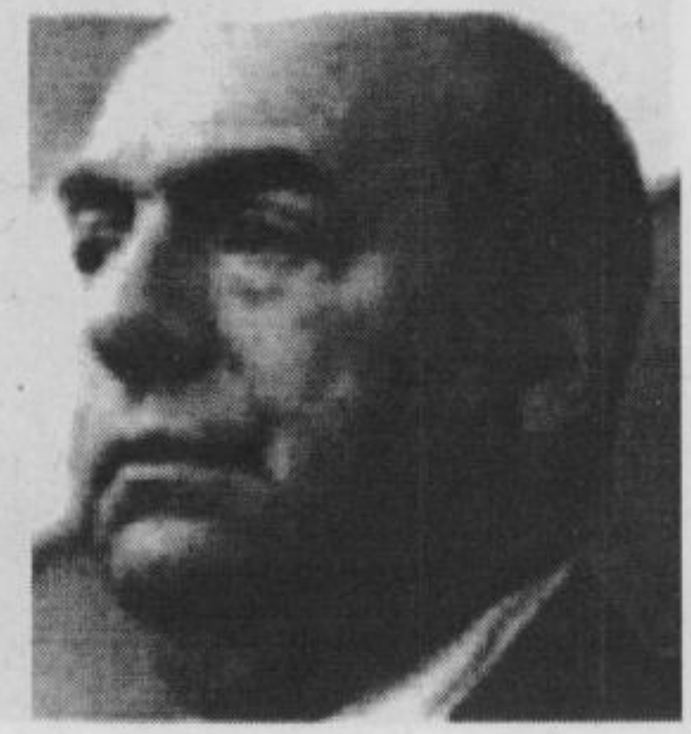

Pablo Neruda (1904-1973)

Eugenio Montale (1896-1981)

Vincente Aleixandre (1898-1984)

thơ trẻ sau này của Tây-Ban-Nha.

Năm 1979, Odysseus Elytis: Tên thật là Odyssyus Alepoudhieis; người Hi-Lạp, sinh năm 1911, mất năm 1996; xuất thân từ một gia đình doanh gia giàu có, nhờ tiền gia đình để ăn học thành tài, nhưng lại không muốn sự nghiệp văn chương dính líu đến nghề làm xà-phòng của gia đình, nên đổi họ.

Odysseus Elytis viết không được nhiều lắm. Thơ của ông chịu ảnh hưởng của trường phái "siêu thực" (surrealism) của Pháp, đặc biệt là của nhà thơ Paul éluart. Nhưng mặt khác, ông nổi tiếng với những bài thơ nêu cao tinh thần chiến đấu cho tự do và hoà bình. Một bài thơ của ông với nhan đề "Khúc hùng ca bi tráng hát cho người thiếu úy tử trận trong chiến dịch An-ba-ni", được coi là một bản quân ca trong quân đội Hi-Lạp thời bấy giờ.

Năm 1980, Czeslaw Milosz: Người Ba-Lan, sau nhập tịch Mỹ; sinh năm 1911; xuất thân từ một gia đình khá giả; học xong đại học tại Ba-Lan; có thơ xuất bản khá sớm; năng động và có chủ kiến về xã hội và chính trị.

Milosz viết không được nhiều. Ngoài thơ, ông còn viết về văn học, về lịch sử (cũng được gọi là sử gia), và phê bình. Năm 1933, ông xuất bản tập thơ đầu tiên với nhan đề "Thơ của thờ kỳ đông lạnh". Lúc bấy giờ, ông có xu hướng xã hội, và đang là thủ lãnh của nhóm thi sĩ "Thảm-Họa" (Catastrophist Group). Họ tự xưng như vậy, vì tiên đoán thảm họa chiến tranh sẽ xảy ra trên toàn thế giới. Trong những năm Ba-Lan bị Đức Quốc-Xã xâm chiếm, Milosz tích cực tham gia kháng chiến với những hoạt động bí mật về sách báo. Khi Ba-Lan trở thành nước cộng-sản, ông có một tập thơ được xuất bản ở trong nước, với nhan đề "Cứu vớt", và được nhà nước cộng sản tưởng thưởng bằng cách bổ nhiệm ông vào những chức vụ ngoại giao. Ông được cử sang Hoa-Thịnh-Đốn làm tùy viên văn hoá, rồi sang Ba-Lê làm đệ nhất tham vụ. Thừa dịp, ông xin tị nạn chính trị tại đây vào năm 1951. Đến năm 1960, ông di cư sang Mỹ, dạy đại học tại California, rồi trở thành công dân Mỹ năm 1970.

Thơ của Milosz có sắc màu cổ điển, và chứa nhiều ưu tư về nhân sinh và chính trị. Về lý luận, ông có một tập tiểu luận lấy tựa là "Trí tuệ giam cầm", xuất bản trong thời kỳ ông sống lưu vong tại Pháp, nội dung lên án những nhà trí thức Ba-Lan đã xu phụ theo chế độ cộng sản.

Milosz được coi là nhà thơ, và khi cấp giải Nobel Văn-Học, hội đồng chấm giải, trên hình thức, cũng nghĩ như vậy. Nhưng xét theo thực chất, giá trị của Milosz chính ở chỗ ông là một người cầm bút tự do, đã đào tị chế độ cộng sản. Cũng giống như trường hợp Nobel Solzhenitsyn năm 1970, và Nobel Cao Hành Kiện năm 2000.

Năm 1984, Jaroslav Seifert: Người Tiệp-Khắc, sinh năm 1901, mất năm 1986; nhà nghèo, phải lăn lộn kiếm sống từ khi còn nhỏ; khi trưởng thành, nghề chính là viết báo.

Năm 1920, Seifert xuất bản tập thơ đầu, nhan đề là "Thành phố trong nước mắt". Tập thơ lấy cảm hứng từ xã hội nghèo đói, và rõ ràng tác giả chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác-Xít, đồng thời lại đặt nhiều hi vọng vào chế độ mới ở Mạc-Tư-Khoa. Lúc bấy giờ, cộng sản mới chiếm chính quyền được 3 năm. Sau tập thơ, Seifert được kết nạp vào đảng cộng sản. Nhưng càng trưởng thành, ông

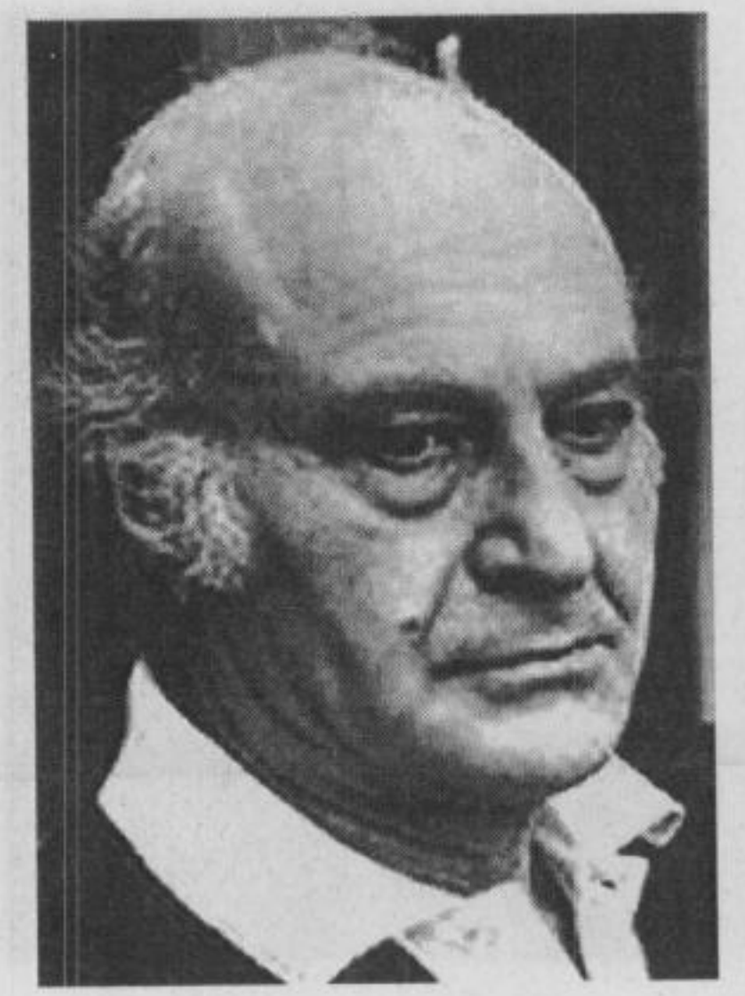

Odysseus Elytis (1911-1996)

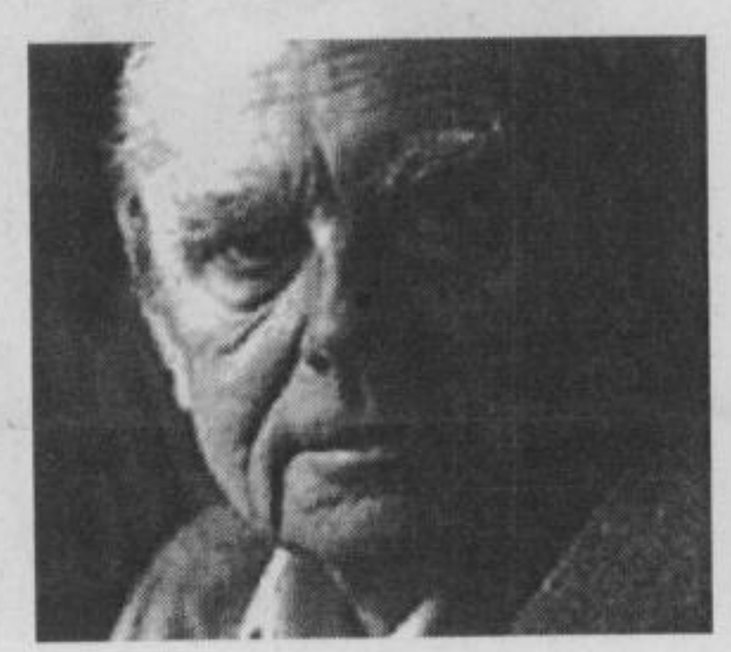

Czeslaw Milosz (1911)

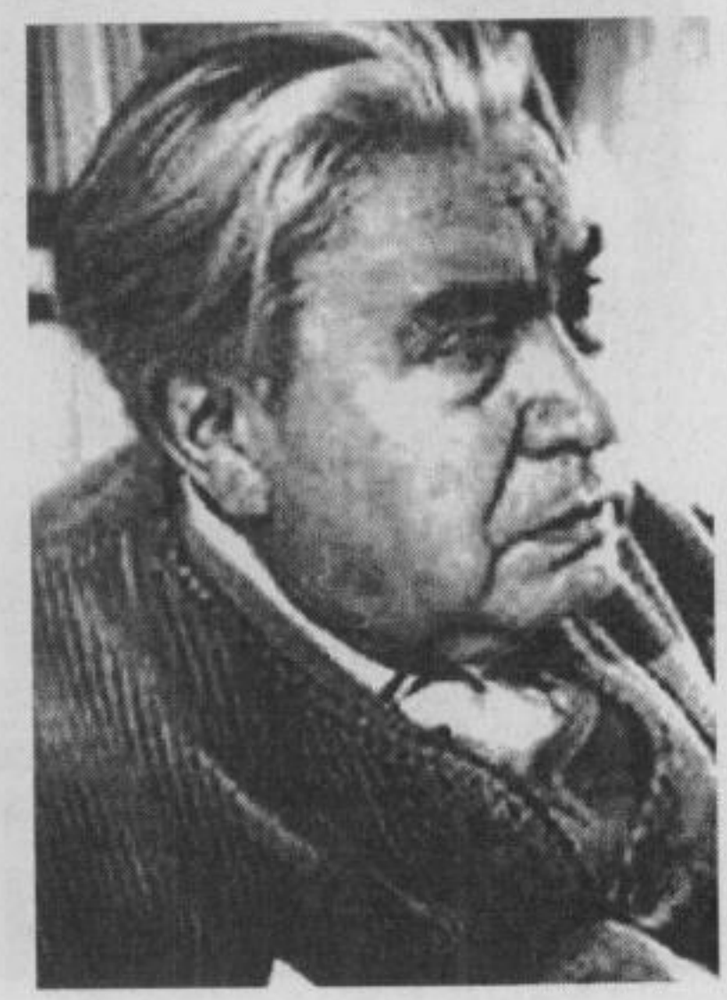

Jaroslav Seifert (1901-1986)

càng ít bị cộng sản mê hoặc, và thơ của ông cũng khởi sắc hơn. Tập "Những làn sóng vô tuyến" xuất bản năm 1925, tập "Con họa mi ca lạc điệu" xuất bản năm 1926, được các nhà phê bình hoan nghênh hơn. Họ nói: Đây mới đúng là thơ.Và, đến năm 1929, thì nhà thơ ly khai đảng cộng sản.

Seifert là một trong những người cầm bút đã mạnh mẽ tố cáo Liên-Xô xâm lăng Tiệp-Khắc năm 1968.

Seifert viết được khá nhiều. Riêng về thơ, có hơn 30 tập.

Năm 1986, Wole Soyinka: Người Nigeria, sinh năm 1934; sau khi học hết các chương trình tại quê nhà, sang Anh học tiếp, và lấy được bằng tiến sĩ tại đại học Leeds, năm 1973.

Soyinka viết bằng tiếng Anh. Ông viết nhiều thể loại: Kịch, tiểu thuyết và thơ. Tất cả chừng 20 tác phẩm. Nhưng ngoài việc sáng tác, Soyinka còn là một nhà nghiên cứu về kịch nghệ và ca vũ châu Phi, đồng thời cũng là một giáo sư chuyên dạy văn chương và lịch sử văn học.

Riêng về thơ, Soyinka có tất cả 5 tập. Riêng tập *Poems from Prison* (Thơ làm trong tù), xuất bản năm 1969, đã được báo chí tiếng Anh trích dẫn rất nhiều. Soyinka đã bị nhà cầm quyền Nigeria bắt giam trong 2 năm (1967-69) về tội chống đối.

Soyinka là người da đen đầu tiên đoạt giải Nobel Văn-Học.

Năm 1987, Joseph Brodsky: Người Nga, về sau nhập quốc tịch Mỹ; sinh năm 1940, mất năm 1996; nhà nghèo, không được đi học nhiều, phải rời trường từ năm 15 tuổi; năm 18 tuổi, bắt đầu làm thơ, trong khi phải làm đủ công việc để kiếm sống; nổi tiếng có thi tài trong thành phố Leningrad; nhưng vì có tư tưởng tự do, không chịu được những công việc đều đặn; năm 1964, bị cộng sản ghép vào tội "ăn bám xã hội" và phạt 5 năm khổ sai và đày đi xa; về sau, thời hạn thụ hình được giảm bớt, nhờ sự can thiệp của các bạn nhà văn có thế lực trong chính quyền; đến năm 1972, bị trục xuất, phải sang Ao, Anh, rồi sang Mỹ; năm 1977, nhập quốc tịch Mỹ.

Thơ của Brodsky là thơ tình cảm, nhắm đối tượng cuộc sống và cái chết. Phong cách vừa trầm tư, vừa mạnh mẽ. Những thi phẩm đầu tiên của ông được viết bằng tiếng Nga. Về sau, khi sống ở Mỹ, ông viết bằng
tiếng Anh.

Brodsky là một người cầm bút không có bằng cấp cao, mà văn nghiệp cũng không đồ sộ lắm, nhưng lại được thiên hạ kính phục và trọng dụng. Thơ của ông đã được dịch ra hơn 10 thứ tiếng, ngoài tiếng Nga. Khi ra sống ở ngoại quốc, ông đã được nhiều đại học danh tiếng ở Anh và Mỹ mời đến giảng về văn chương. Năm 1978, ông được đại học Yale trao bằng tiến sĩ văn chương. Năm 1979, người Mỹ đưa ông vào Hàn-Lâm-Viện Nghệ-Thuật và Văn-Chương.

Brodsky được giải Nobel Văn-Học năm 47 tuổi, là người trẻ nhất trong lịch sử 100 năm của giải này.

Năm 1990, Octavio Paz: Người Mễ-Tây-Cơ gốc Da Đỏ; sinh năm 1914, mất năm 1998; xuất thân từ

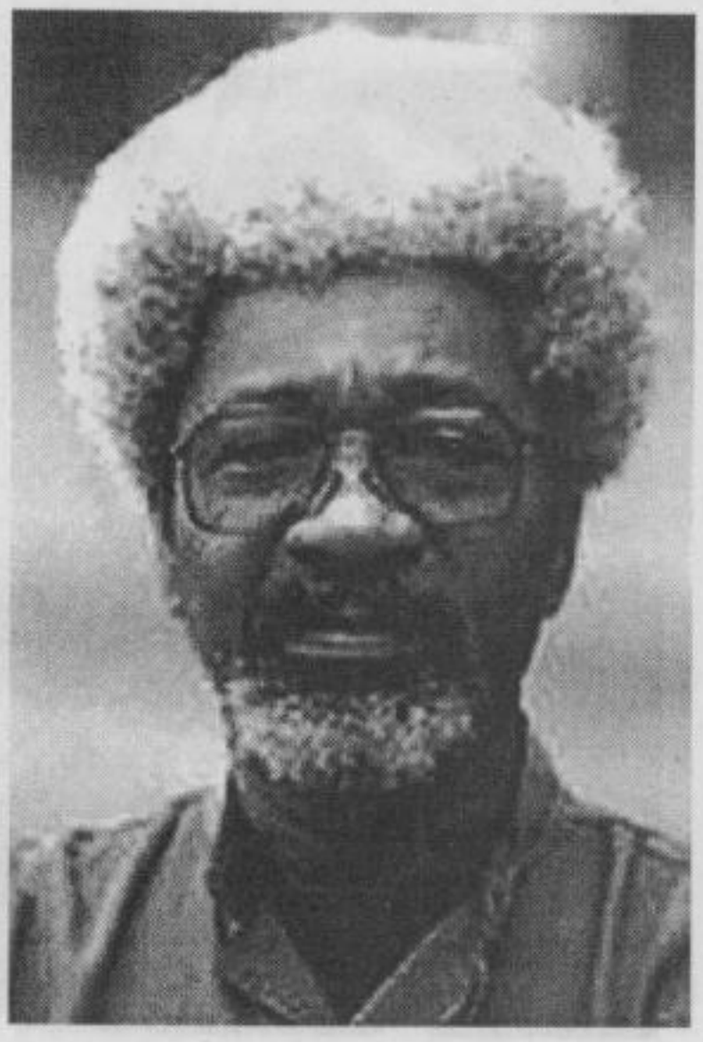

Wole Soyinka (1934)

Joseph Brodsky (1940)

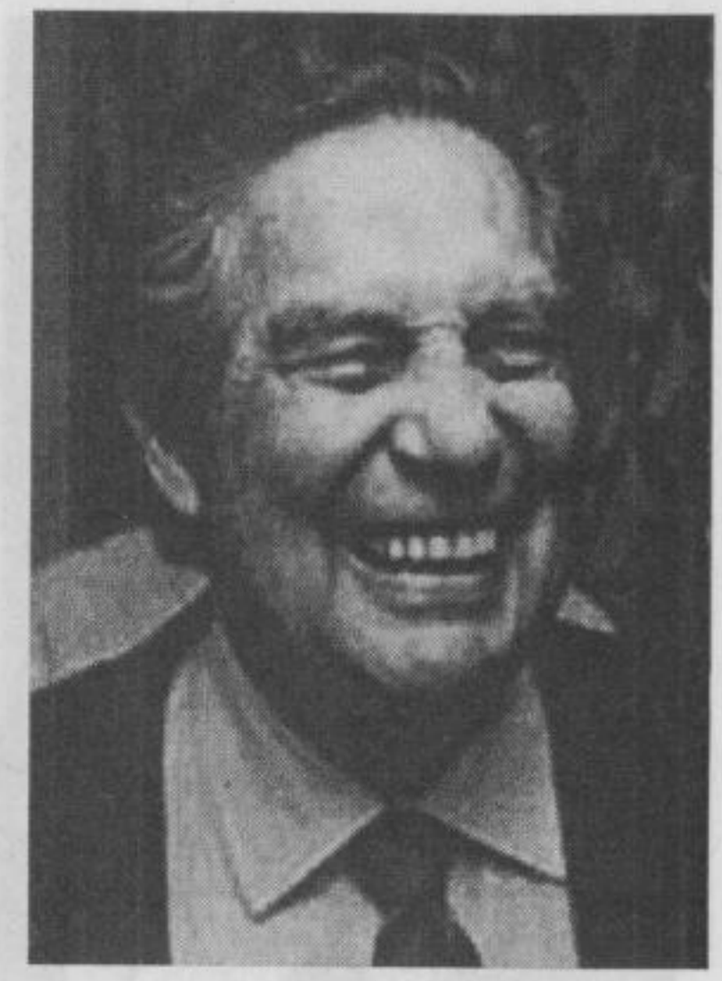

Octavio Paz (1914-1998)

một gia đình có truyền thống ham chuộng văn học, có thư viện, nên học hỏi được nhiều; dòng họ bị phá sản trong cuộc nội chiến, nhưng cũng được học hành đầy đủ; có nhiều khả năng và sống cuộc đời rất năng động.

Octavio Paz là một trong những khuôn mặt lớn của nền văn học châu Mỹ La-Tinh, sau Thế-Chiến II. Ông viết được khá nhiều, về thơ cũng như về nghị luận văn học và chính trị. Ông viết bằng tiếng Tây-Ban-Nha.

Paz có tập thơ đầu tiên, tập "Trăng Rừng", xuất bản năm 1933, năm ông chỉ mới 19 tuổi. Từ đó về sau, ông viết đều đều, dù có những năm bận rộn với chức vụ ngoại giao, hoặc làm chủ báo. Tất cả được trên 20 tập. Về nghị luận, và phê bình, ông viết được nhiều hơn. Về nghiên cứu, ông có cuốn "Thi ca Hoa-Kỳ và Tây-Ban-Nha trong thời cận đại".

Riêng về thơ, Paz chịu ảnh hưởng của nhiều chủ nghĩa và tôn giáo: Mác-Xít, Siêu-Thực, Hiện-Sinh, Phật-Giáo, Ấn-Giáo ... Đến khi tài năng chín mùi, thơ của ông trở về với phong cách siêu thực và những vấn đề siêu hình. Nhưng nổi bật, vẫn là chủ đề "con người có khả năng khắc phục sự cô đơn hiện sinh bằng tình yêu và sáng tạo nghệ thuật".

Về mặt chính trị, năm 1946, Octavio Paz đi vào ngành ngoại giao, làm việc trong ngành này trên 20 năm. Khoảng 1962-68, ông làm đại sứ Mễ-Tây-Cơ tại Ấn-Độ. Năm cuối, ông từ chức để phản đối chính phủ đàn áp phong trào sinh viên cấp tiến.

Năm 1992, Derek Walcott: Người đảo Saint Lucia, trong quần đảo Antilles, Trung-Mỹ; sinh năm 1930; tổ tiên là nô lệ; cha là một họa sĩ Bô-Hê-Miên, qua đời lúc Walcott chỉ mới vài tuổi; mẹ dạy tiểu học; tốt nghiệp đại học ở Jamaica.

Walcott viết bằng tiếng Anh. Ông có thơ xuất bản rất sớm, năm 18 tuổi đã có một tập, nhan đề "25 bài thơ" (25 Poems), nhưng chỉ thực sự nổi tiếng năm 1962, khi tập thơ "Trong một đêm xanh" (In a Green Night). Đồng thời, ông cũng đã bắt đầu viết kịch. Năm 1959, ông lập một đoàn kịch riêng chuyên diễn những vở do chính ông soạn.

Walcott đi du lịch rất nhiều, nhưng lại nặng tinh thần địa phương. Ông luôn luôn hoài bão một trường kịch bản xứ của vùng Ca-ri-bê, với ít nhiều ảnh hưởng của châu Phi, châu A, châu Âu. Khi tới tuổi trung niên, ông cất nhà ở đảo Trinidad (ngoài khơi xứ Venezuela, Nam-Mỹ) để trở về làm thơ viết kịch, trong thời gian không bận dạy ở đại học Boston về sáng tác và lịch sử văn học.

Walcott hoạt động mạnh trong lãnh vực sân khấu, viết kịch cũng nhiều, nhưng nổi tiếng là nhờ thơ, mặc dù ông sáng tác không nhiều lắm.

Năm 1995, Seamus Heaney: Người Ai-Nhĩ-Lan; sinh năm 1939; gia đình sống ở nông thôn, cha có một nông trại nhỏ, tự canh tác đủ sống, mẹ gốc thành thị; lớn lên ở nông thôn, chịu nhiều ảnh hưởng của thôn dã.

Heaney bắt đầu làm thơ sớm, nhưng đến khoảng giữa thập niên 1960, mới có thơ xuất bản. Khi mới nổi tiếng, ông được coi như một nhà thơ Ai-Nhĩ-Lan tiếp nối "trường phái Bắc" của nhóm nhà thơ trẻ muốn canh tân nền văn học, đặc biệt là thi ca, của xứ sở. Nhiều nhà nghiên cứu đã nhận định rằng ông là nhà thơ Ai-Nhĩ-Lan nổi tiếng hơn hết, kể từ sau Yeats (1865-1939).

Thơ đã xuất bản, Heaney có 10 tập. Ngoài thơ, ông còn viết tản văn: Kịch và phê bình văn học.

Danh vọng đến với Heaney khá sớm. Chỉ mới ngoài 30, ông đã được đại học Berkely (Cali, Mỹ) mời sang thuyết trình về thi ca. Về sau, ông trở thành giáo sư thỉnh giảng về văn chương của nhiều đại học Anh và Mỹ. Hiện nay, ông là thành viên của Hàn-Lâm-Viện Ai-Nhĩ-Lan, và là thành viên hải ngoại của Hàn-Lâm-Viện Nghệ-Thuật và Văn-Chương của

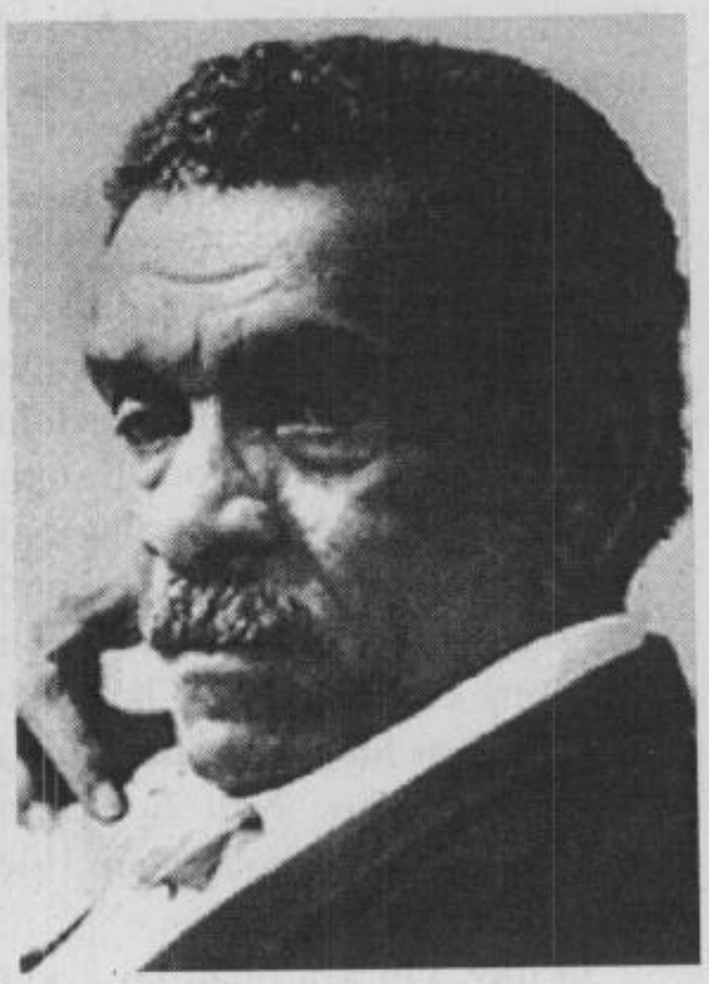

Derek Walcott (1930)

Seamus Heaney (1939)

Mỹ.

Năm 1996, Wislawa Szymborska: Người Ba-Lan; sinh năm 1923; ở đại học, theo hai ngành văn học và xã hội học; năm 1945, lần đầu tiên, có thơ đăng báo, từ đó chuyên làm thơ.

Szymborska viết bằng tiếng Ba-Lan. Tập thơ đầu của bà ra đời năm 1952, rồi bà viết đều đặn trong hơn 40 năm, đến năm 1996, có 16 tập thơ xuất bản. Ngoài thơ sáng tác, bà cũng có thơ dịch từ thơ Pháp.

Riêng về mặt được dịch sang tiếng ngoại quốc, thơ của Szymborska có thể được xếp hàng đầu. Thơ của bà đã được dịch sang các thứ tiếng Anh, Pháp, Đức, Y, Thụy-Điển, Do-Thái và nhiều ngôn ngữ Trung-Âu.

Về nội dung, thơ của Szymborska được chú ý ở quan niệm nhân sinh lạc quan và tích cực. Về hình thức, thơ của bà có phong cách ung dung, đôi khi khôi hài và lập dị.

Ngoài giải Nobel Văn-Học, Szymborska còn nhận được các giải thưởng: Giải Goethe, năm 1991; giải Heder , năm 1995. Năm 1995, bà được đại học Poznan trao bằng tiến sĩ văn chương danh dự. Năm 1996, bà lại nhận được giải thưởng của Văn-Bút Ba-Lan.

Wislawa Szymborska (1923)

Mở đầu một thế kỷ giải Nobel Thơ, là nhà thơ nam Sully Prudhomme. Đóng lại, là nhà thơ nữ Wislawa Szymborska. Với người mở, tôi đã trích dẫn một bài. Vậy, để cho cân xứng, với người đóng, tôi cũng xin trích dẫn một ít.

Szymborska viết bằng tiếng Ba-Lan. Tôi không biết tiếng Ba-Lan, và nghĩ rằng đa phần bạn đọc cũng vậy, nên tôi chỉ chép ra đây những lời dịch tiếng Anh.

Szymborska có một bài thơ, dịch ra tiếng Anh với nhan đề *"Possibilities"* (Có thể), dài trên 30 câu, câu nào cũng bắt đầu bằng hai chữ "I prefer" (Tôi thích ... hơn). Tôi đọc không cảm thấy hay, nhưng lại thích đọc, vì tò mò. Bài thơ mở đầu bằng 2 câu: -Tôi thích coi phim hơn; -Tôi thích những con mèo hơn ... Và cứ thế, nhà thơ nhảy từ cái "thích hơn" này sang cái "thích hơn" khác, ngang nhiên như một cô gái bụi đời thứ thiệt. Nhưng ở giữa bài, tôi bắt gặp một câu hay: *I prefer leaves without flowers to flowers without leases* (Tôi thích những chiếc lá không hoa hơn những đóa hoa không lá).

Và đây là một bài thơ ngắn, ý nghĩa khá đặc sắc:

The Three Oldest Words

When I pronounce the word Future,

the first syllable already belongs to the past.

When I pronounce the word Silence,

I destroy it.

When I pronounce the word Nothing,

I make something non-being can hold.

(Ba từ cổ nhất. Khi tôi đọc chữ "tương-lai", thì âm đầu của nó đã thuộc về dĩ vãng. Khi tôi đọc chữ "im lặng", thì tôi đã phá tan im lặng. Khi tôi đọc chữ "hư không", thì tôi đã khiến cái không có trở thành hiện hữu).

Kiểm kết: Trong 29 nhà thơ được giải Nobel Văn-Học thế kỷ vừa qua, chỉ có 2 nhà thơ nữ. Kể ra thì hơi ít. Mong thế kỷ này, tỉ lệ sẽ tăng lên. Tính theo lục địa, thì châu Âu có 21 người, châu Mỹ có 6 người, châu Phi có 1 người (Nigeria), và châu A cũng 1 người (Ấn-Độ). Tính theo nước, thì Pháp, Y và Thụy-Điển có nhiều nhất, mỗi nước được 3 người; hạng nhì, là Anh, Ai-Nhĩ-Lan, Tây-Ban-Nha, Hi-Lạp, Hoa-Kỳ, Chí-Lợi, mỗi nơi được 2 người. Chí-Lợi là trường hợp rất đáng để ý: Nước nhỏ, dân ít, và nghèo, nhưng cũng được 2 người, lại có một người là đàn bà. Nghĩ cũng đáng hãnh diện.

Luận kết: Xin nêu một câu hỏi: Có bạn nào nhận thấy có nhà thơ nào đó sống trong thế kỷ XX vừa qua, xứng đáng được giải Nobel Văn-Học hơn 29 người vừa kể không? Nếu có, xin đừng bực bội, và xin nghĩ "ở đời cái gì cũng chỉ là tương đối". Các bực thức giả và quần chúng văn học trên thế giới đã dị nghị nhiều rồi, bạn chỉ cần nghe cũng đủ, không cần góp lời.

Năm nào, số người được đề nghị cũng nhiều hơn số người được giải. Và năm nào, những người đề nghị, và được đề nghị, mà thất bại, thì cũng đều nghĩ rằng hội đồng chấm giải không công bằng. Nhưng suốt 100 năm, hội đồng chấm giải vẫn làm việc, mặc kệ mọi lời nặng nhẹ. Tôi rất đồng ý với họ. Nếu họ không "mặc kệ", thì không làm việc được.

Ở đây, chỉ xin nhắc lại 2 giải, đầu (1901) và cuối (1996): Năm

1901, khi hội đồng chấm giải công bố nhà thơ Pháp Sully Prudhomme được giải, báo chí châu Âu, nhất là của Pháp, và của Nga, đã có nhiều bài chỉ trích quyết định của hội đồng rất kịch liệt. Họ bảo có người xứng đáng hơn Sully Prudhomme. Họ nêu tên những người được đề nghị lúc bấy giờ, trong đó có Leon Tolstoi. Và Leon Tolstoi nghe chuyện, chỉ cười ruồi. Năm 1996, với người được giải là nhà thơ nữ người Ba-Lan Szymborska, cũng vậy. Báo chí Tây-Âu cũng làm rùm beng một dạo. Lời dị nghị còn khó nghe hơn. Có tờ báo nêu câu hỏi: Szymborska là là ai vậy? Được giải là vì cái gì vậy? Đó là thơ hay sao?

Nhưng nghĩ cho cùng, báo chí có quyền của báo chí, hội đồng chấm giải có quyền của hội đồng. Đánh giá văn chương là loại nhận định chủ quan. Làm sao biết cái chủ quan nào "ít chủ quan" hơn cái chủ quan nào? ●

Bệnh Than
(Anthrax)

BS Nguyễn Đức An

LTS.-Trong tháng qua, vấn-đề quan-tâm hàng đầu của mọi gia-đình ở các nước Tây-phương, là bào-khuẩn Anthrax do quân khủng-bố quốc-tế gửi đi khắp nơi qua hệ-thống Bưu-điện. Chúng tôi xin trình làng bài viết cập nhật của BS Nguyễn Đức An về vấn-đề liên-hệ, như sau đây (LV).

I-Bệnh học:

Bệnh Than, còn có tên là Bệnh Thán Thư do vi trùng Bacillus Anthracis gây ra. Đây là loại trực khuẩn, có bao bọc ngoài (spores), sống hiếu khí (aerobies), thuộc loại Gram (+).

Bệnh thường thấy ở: trâu, bò, ngựa, cừu, dê. Vi trùng Bệnh Than truyền từ súc vật vào máu người qua chỗ da, màng nhầy bị xây xát; qua phổi khi bệnh nhân hít phải vi trùng có sẵn trong đất, bụi bẩn chứa vi trùng do động vật thải ra; hoặc qua đường tiêu hoá do ăn thịt thú vật bị bệnh.

Những người hay mắc bệnh này là thú y sĩ, nông dân, chuyên viên thuộc da, chuyên viên cắt lông thú vật.

II- Triệu chứng

Khoảng 7 ngày sau khi nhiễm bệnh, bệnh nhân nóng sốt, nhức đầu, bải hoải như bị cảm cúm. Dần dần các triệu chứng chính xuất hiện:

1. Trên da (Cutaneous - Anthrax = Malignant Pustules). Thoạt đầu mọc các mụn nhỏ, ngứa. Các mụn này lớn dần, mưng mủ, rồi đổi màu tím hoặc đen (như than, nên gọi là Bệnh Than). Chung quanh mụn lớn, da sưng tấy lên, có mụn nhỏ. Mụn lớn như mụn đậu mùa sẽ trở thành khô, cứng dần, đóng vẩy. Khi vẩy bong ra, để lại một hố sâu chảy máu. Máu, mủ, vẩy khô chứa vi trùng Bacillus Anthracis sẽ theo đường máu lây lan rộng ra khắp cơ thể tạo tình trạng nhiễm trùng tổng quát và suy tim, thận, hoặc sưng màng óc cấp tính. Bệnh nhân chết vì trụy tim mạch.

2. Trong phổi: Bệnh nhân sẽ ho khan, ho ra đàm, máu, khó thở, nặng ngực, nóng lạnh. Bịnh Anthrax qua đường hô hấp gây tử vong cao nhất.

3. Trong hệ thống tiêu hoá: Bệnh nhân cảm thấy buồn nôn, không muốn ăn, sốt cao, đau bụng, ói ra máu, tiêu chảy. Khoảng 25% đến 60% trường hợp bị tử vong.

III- Xét nghiệm

Cấy vi trùng từ các mẫu nghiệm: vẩy, da, màng nhầy, mủ, máu, nước tủy sống... đều nhận được cùng kết quả.

IV-Điều trị:

PNC-G:10 triệu đơn vị, truyền thẳng vào tĩnh mạch mới đủ mạnh để tiêu diệt vi trùng Bacillus Anthracis.

Nếu việc chẩn đoán tiến hành sớm (bệnh còn nhẹ): có thể dùng Tetracycline viên 500mg, uống ngày 4 lần. Thuốc mới: loại Quinolones như Cipro, Floxin, Le-vaquin. Tequin , v.v. hiện đang được dùng để thay thế PNC-G.

Nếu việc chẩn đoán và điều trị chậm trễ: bệnh sẽ lây lan vào phổi, màng óc khiến việc chữa trị trở nên khó khăn vì các biến chứng sưng phổi, viêm màng óc và nhiễm trùng toàn diện (Septicemia) ●

Sân Khấu Mới, Đào Kép Cũ

Sơn Tùng

*T*hế là Hoa Kỳ, với sự trợ lực của Anh, đã tấn công Afghanistan (A-phú-hãn), không đầy một tháng sau khi bị đánh trộm một đòn "tối tăm mày mặt".

Chiến dịch trừng phạt bọn khủng bố Osama bin Laden và phe nhóm Taliban nắm quyền tại Afghanistan đã khởi đầu kể từ ngày 7.10 với những cuộc oanh tạc dữ dội, mới đầu chỉ diễn ra vào ban đêm, sau cả đêm lẫn ngày, và nay đã bước vào đợt hai với sự tham chiến của Lực lượng Đặc biệt và các "pháo đài bay" AC-130 có gắn đại bác 105 ly, bích kích pháo 40 ly và những đại liên bắn cực nhanh. Các căn cứ quân sự, phi trường, phòng không, trại huấn luyện... của Taliban và căn cứ của bin Laden đã bị đánh phá tan hoang, và Chiến dịch Tự Do Bền Lâu (Enduring Freedom) sẽ còn kéo dài cho đến bao giờ chính quyền Taliban sụp đổ và bắt được Osama bin Laden cùng đồng bọn, hay có bằng cớ là chúng đã chết để đền tội.

Chưa bao giờ dân Mỹ yêu nước và đoàn kết như lúc này. Có lẽ đúng như nhận định của Tổng thống Nga Putin: "Bọn khủng bố đã tính sai một nước cờ". Mấy năm nay, sau nhiều lần đánh Mỹ những đòn nặng mà không thấy bị đánh trả cú nào đích đáng, bin Laden yên chí Mỹ chỉ là con cọp giấy và đã làm tới, tung ra cuộc đánh trộm điên rồ ngày 11.9 vào New York và Washington, giết được hơn sáu ngàn thường dân, làm Trung tâm Mậu dịch Thế giới sụp đổ và một góc Ngũ-giác-đài bị cháy. Bin Laden chưa kịp ăn mừng chiến thắng đã phải kéo nhau vào hang núi trốn bom.

Dân Mỹ không xuống đường hò hét đả đảo bin Laden và đốt hình nộm của y. Họ không bộc lộ một sự thù hận nào. Họ khóc. Họ cầu nguyện. Họ hát quốc ca. Họ chào quốc kỳ. Hai tiếng nổ kinh hồn và các cơn bão lửa nóng hàng ngàn độ tràn ngập hai tòa nhà chọc trời ở New York đã lay động nước Mỹ, đã làm thức tỉnh dân Mỹ. Trong lúc quân đội ra tay diệt trừ đầu não bọn khủng bố tại Afghanistan, dân Mỹ ở nhà đã tăng cường cảnh giác nhưng không nhát sợ. Đời sống đang dần dần trở lại bình thường. Người ta kiên nhẫn chờ đợi các thủ tục kiểm soát an ninh ở các phi trường trước khi lên máy bay. Vài người có những hành động khả nghi trên máy bay, trên xe bus đã bị hành khách tức thì phản ứng, bắt giao cho an ninh. "Nhờ" bin Laden, dân Mỹ đã sống lại tinh thần thời lập quốc "miền Tây hoang dã" khi dân chúng tự tay bắt cướp để bảo vệ sinh mạng, tài sản của mình. Trò không tặc nay đã trở nên lỗi thời, không còn là một món thời thượng của quân khủng bố nữa - nhờ bin Laden!

Các đào, kép, minh tinh Hollywood với lối sống thác loạn, chuyên nhạo báng "bọn nhà binh" và những người yêu nước, nay bỗng yêu nước hơn ai. Họ xuất hiện trên các "Sô", khoác cờ sao sọc làm áo và hát những bài ca ái quốc để gây quỹ giúp thân nhân những người tử nạn ngày 11.9 - nhờ bin Laden!

Tại các trường học trên khắp nước Mỹ đang dần dần áp dụng lại thủ tục "Tuyên hứa" với tổ quốc (Pledge of Allegiance) mỗi buổi sáng trước giờ học đầu tiên. Thủ tục này đã bị loại bỏ khỏi trường học từ hơn 30 năm nay, do ảnh hưởng của "phong trào phản chiến" thời Chiến tranh Việt Nam. Nay, thủ tục đọc lời tuyên hứa một lần nữa đã trở thành thời thượng tại các trường học ở Mỹ - Nhờ bin Laden!

Ông Bush đã trở thành tổng thống được dân Mỹ ủng hộ nhất trong lịch sử - nhờ bin Laden!

Trong không đầy một tháng, Tổng thống Bush đã vận động thành lập một liên minh hơn 60 nước để cứu đời sống tự do, nền văn minh của nhân loại. Ông Bush đã "lớn lên" từng ngày, kể từ ngày 11.9. Tối 11.10, đúng một tháng sau, "tháng dài nhất" trong

lịch sử nước Mỹ, Tổng thống Bush đã mở một cuộc họp báo vào giờ chính của các hệ thống truyền hình (9 giờ tối) tại Bạch Cung. Tất cả các hệ thống truyền hình tại Mỹ đã ngưng các chương trình thường lệ để trực tiếp cuộc họp báo của ông, và 42 phần trăm khán giả truyền hình đã theo dõi. Cuộc họp báo loại này lần cuối cùng tại Bạch Cung là vào tháng 4 năm 1995 của ông Clinton, chỉ có một hệ thống trực tiếp truyền hình và chỉ được 6 phần trăm dân Mỹ coi. Tại cuộc họp báo tối 11.10, ông Bush đã cho dân Mỹ biết chính phủ do ông lãnh đạo có một kế hoạch rõ rệt để loại trừ nạn khủng bố. Với những lời lẽ đanh thép, ông gọi bọn khủng bố là những "ký sinh trùng", những tên "gian phi", những "ác quỷ". Trong đúng 45 phút, ông Bush đã trả lời rõ ràng mọi câu hỏi của báo chí. Khi một phóng viên hỏi ông có muốn kêu gọi dân Mỹ hy sinh thêm nữa để đánh bại bọn khủng bố hay không, ông Bush đã ứng khẩu trả lời liền, không suy nghĩ, rằng dân Mỹ đã và đang hy sinh, rằng: "Có một sự hy sinh nhất định khi bạn mất một mảnh của linh hồn." Một câu trả lời như vậy chỉ có thể phát xuất từ một tâm hồn có chiều cao, chiều sâu, và chiều rộng. Gloria Borger, đặc phái viên CBS, một đài không ưa ông Bush, đã viết trên tạp chí *U.S. News & World Report*: "Ai đã có thể nói hay hơn như vậy?"

Theo các cuộc thăm dò công luận mới nhất (được phổ biến ngày 19.10), sự tín nhiệm của dân Mỹ đối với chính quyền đang trên đà gia tăng. Riêng ông Bush, tỉ lệ ủng hộ đã từ 57 phần trăm vào tháng bảy đã tăng lên 83 phần trăm.

Trong một nước dân chủ tự do như Mỹ, tỉ lệ ấy là một hậu thuẫn lý tưởng. Và, những người ở bên ngoài nước Mỹ khó thể tưởng tượng rằng trong tình trạng an ninh bị đe dọa trầm trọng sau ngày 11.9, nhà chức trách nước này vẫn tôn trọng quyền tự do phát biểu của công dân, kể cả những phát biểu có lợi cho kẻ thù. Ngày 30 tháng 9, giới chức cảnh sát thủ đô Hoa Thịnh Đốn đã cho phép những kẻ nhân danh phản chiến tổ chức một cuộc biểu tình chống cuộc hành quân trừng phạt bọn khủng bố. Cuộc biểu tình này được những người tổ chức cho biết sẽ có 100, 000 người tham dự và diễn ra ngay bên ngoài Bạch Cung. Rốt cuộc, theo giới chức cảnh sát, chỉ có khoảng 3,000 người tham dự vào lúc cao điểm và đã bị một số người biểu tình chống lại.

Chính phủ Mỹ cho phép công dân biểu tình chống... chính phủ đã đành, chính phủ Mỹ còn cấp chiếu khán cho cả những người dân các nước khác vào Mỹ để biểu tình chống Mỹ! Và vụ ồn ào nhất trong số người này là Thiền sư Thích Nhất Hạnh.

Ông Nhất Hạnh đã từ Làng Mai ở Pháp đáp máy bay sang New York, biểu tình tuyệt thực để kêu gọi hòa bình, kêu gọi chính phủ Mỹ đừng đánh trả bọn khủng bố, đừng thả bom xuống Afghanistan. Đồng thời ông Thích Nhất Hạnh còn bỏ tiền để thuê đăng quảng cáo trên tờ *New York Times* những lời kêu gọi liên quan đến vụ khủng bố ngày 11.9.

Nếu người Mỹ (cả chính phủ và giới truyền thông) không dành cho hành động của ông Thích Nhất Hạnh một quan tâm nào, dư luận người Việt tại Mỹ và Canada đã mạnh mẽ chỉ trích việc làm vừa kỳ dị vừa bất chính của nhà tu Thích Nhất Hạnh.

Kỳ dị, vì một nhà tu thiền đã bước ra khỏi phạm vi của mình,

Thủ-đô Hoa-thịnh-đốn, biểu-tình "phản-chiến" (bên trái); và chống "phản-chiến" (bên phải)

can dự vào một vấn đề thời sự sôi bỏng của một quốc gia khác. Hành động ấy càng kỳ dị hơn nữa khi được diễn ra một cách ồn ào chỉ nhằm mục đích quảng cáo. Người ta thắc mắc về nguồn gốc số tiền đài thọ cho chuyến đi rao giảng hòa bình của ông Thích Nhất Hạnh, từ chi phí di chuyển, cư trú, đến tiền thuê Nhà Thờ River-side, đến tiền thuê đăng nguyên trang quảng cáo trên tờ *New York Times* (từ 45 ngàn tới 80 ngàn Mỹ-kim). Nếu cần rao giảng và thành tâm cầu nguyện cho hòa bình, Làng Mai là nơi thích hợp hơn cả, cần gì phải kéo nhau sang New York, gây ồn ào và tốn kém mà chẳng tạo được một ảnh hưởng nào vào các phe liên hệ, hay đóng góp được điều gì vào việc ngăn ngừa một thảm kịch khác sẽ xảy ra như ngày 11.9. Số tiền chi phí cho vụ đi "cầu nguyện cho hòa bình" vô bổ này nếu được dùng vào những công tác từ thiện nhân đạo chắc sẽ cứu giúp được nhiều người đang nghèo đói ở khắp nơi.

Bất chính, thứ nhất là ông Thích Nhất Hạnh đã cố ý gán ghép một việc được cho là đã xảy ra trong chiến tranh Việt Nam vào với vụ khủng bố ngày 11.9 tại Mỹ. Ông Thích Nhất Hạnh kể lại rằng ông đã "đau nhói bởi sầu não và sân hận" khi nghe tin phi cơ Mỹ "dội bom hủy diệt thành phố Bến Tre với ba trăm ngàn dân" sau khi bảy anh du kích bắn vài phát súng vô hại lên một chiếc phi cơ. Hai vụ này hoàn toàn không có liên hệ gì với nhau nhưng ông Thích Nhất Hạnh cho chúng vào một bài với ý đồ bất chính là tạo ra trong đầu người đọc một sự so sánh giữa tội ác của Mỹ (dội bom giết ba trăm ngàn thường dân) và tội ác của bọn khủng bố ngày 11.9 (giết 6000 người). Ai tàn ác hơn ai? Nhưng câu chuyện về phi cơ Mỹ dội bom "phá hủy thành phố Bến Tre" là một câu chuyện hoàn toàn không có thật.

Bất chính, thứ hai là ông Thích Nhất Hạnh biết câu chuyện về vụ "Mỹ ném bom hủy diệt thành phố Bến Tre" là vô căn cứ, vô lý, và bịa đặt nhưng vẫn cứ dùng để đánh lừa những ai nhẹ dạ cả tin. Bằng cớ của sự bịa đặt là con số được thổi phồng quá đáng (300 ngàn dân), vượt xa khỏi dân số thực sự của cả tỉnh-lỵ Bến Tre. Ông Thích Nhất Hạnh cũng không cho biết vụ ném bom này đã xảy ra ngày nào. Một tội ác kinh thiên động địa như vậy chắc chắn cả thế giới phải biết, nếu xảy ra thật, và đã có vài quân nhân Mỹ phải ra tòa lãnh án.

Bằng cớ của sự bịa đặt còn thấy trong một số chi tiết được nói đến trong bài kêu gọi ngày 20.9 và trong bài phỏng vấn ngày hôm sau (21.9). Theo bài kêu gọi ngày 20.9, phi cơ Mỹ ném bom "hủy diệt thành phố Bến Tre với ba trăm ngàn dân cư". Theo cuộc phỏng vấn ngày 21.9, phi cơ Mỹ ném bom "hủy diệt làng Bến Tre với ba trăm ngàn căn nhà". Tất cả những điều này đều đã được nói ra từ mồm ông Thích Nhất Hạnh.

Trong bài phỏng vấn, ông Thích Nhất Hạnh đã khai triển thêm những điều đã được nêu ra trong lời kêu gọi ngày hôm trước. Ông nói, nguyên văn:

"Nếu được có cơ hội tiếp xúc đối mặt với Osama bin Laden, việc đầu tiên tôi làm là lắng nghe. Tôi sẽ tìm hiểu tại sao ông ta đã hành động bằng cách tàn bạo như vậy. Tôi sẽ tìm cách thấu hiểu những đau khổ đã dẫn dắt ông ta tới bạo động. Không phải là chuyện dễ dàng để tìm hiểu qua cách đó, vì vậy mà tôi sẽ giữ tâm tĩnh lặng. Tôi cần có một số bạn đồng hành với mình, với những người đã từng thực hành biết lắng nghe sâu thẳm, nghe không phản ứng, không phán xét, không lên án. Bằng cách đó,

diệt khủng bố

Mấy ngàn người chẳng lời trăn trối
Lần ra đi vĩnh biệt không về
Để lại đây bầu trời u tối
Cảnh hãi hùng kinh tởm, gớm ghê!

Đây những kẻ làm ăn lương thiện
Sao nỡ lòng trút hận không đâu.
Toà cao ốc từ nay vĩnh viễn
Đi vào lòng thế giới thương đau.

Khắp năm châu hướng về New York
Máu hận thù cuồn cuộn trào dâng
9.11, ôi ngày chua xót!
Sóng gió vào đất nước bình an.

Nghĩ tội Việt-nam chịu nhiều khủng bố
Mấy chục năm rồi. Ai chú ý đâu?
Hai triệu người bỏ quê cha đất tổ
Ba triệu người uất ức dưới tầng sâu.

Nhà giàu đứt tay, ăn mày đổ ruột!
Nhưng cái đau nào cũng giống như nhau
Diệt khủng bố mong rằng tận gốc
Quê hương tôi, bọn chúng sống từ lâu.

phan long yên

một bầu khí trợ lực sẽ tạo cho ông ta cùng với các cộng sự có thể chia sẻ hoàn toàn, cho họ tin tưởng rằng họ đã được lắng nghe."

Đây lại là một bằng cớ khác của sự bất chính. Osama bin Laden là kẻ đã chủ mưu gây ra tội ác tày trời ngày 11.9. Ông Thích Nhất Hạnh cũng biết như vậy. Nếu muốn "láng nghe", để tìm hiểu và để ngăn ngừa y gây ra những tội ác khác, nơi ông Thích Nhất Hạnh cần phải đến là Af-. ghanistan chứ không phải New York. Ông đã dắt đệ tử tới New York để tố cáo "tội ác" của Mỹ chứ không phải để "lắng nghe" Osama bin Laden. Hành động như vậy, ông Thích Nhất Hạnh đã chỉ lặp lại việc mà những người nhân danh "phản chiến" đã làm trong Chiến tranh Việt Nam. Họ gào thét kêu gọi "cho hòa bình một cơ hội" trên đường phố Washington, Paris, London, Sài-Gòn..., thay vì tới Hà-Nội - nơi xuất phát cuộc chiến tranh, để kêu gọi. Họ cứ kêu gọi hòa bình ở Washington, Paris, London, Sài-Gòn... cho đến khi xe tăng Liên-Sô do bộ đội Bắc Việt lái tiến vào Sài-Gòn, có thứ hòa bình mà họ mong muốn.

Ông Thích Nhất Hạnh rất hãnh diện về hành động bất chính ấy và đã khoe trong phần mở đầu bài phỏng vấn là *"người đã hoạt động không biết mệt mỏi cho hòa bình trong suốt chiến tranh Việt Nam"* và năm 1967 đã được Martin Luther King Jr. đề cử làm ứng viên Giải Nobel Hòa Bình. Dân tộc Việt Nam đã là nạn nhân của thứ "hòa bình" ấy và vẫn còn đang rên siết vì thứ "hòa bình" ấy.

Về vụ khủng bố ngày 11.9, thật ra không có gì cần phải "lắng nghe" để "tìm hiểu" Osama bin Laden. Cả thế giới đều biết y là một ông hoàng Ả-Rập giàu có, cầm đầu một tổ chức khủng bố quốc tế gồm những tín đồ Hồi giáo cuồng tín đã gây tội ác hàng chục năm nay ở nhiều nơi. Hoặc là ông Thích Nhất Hạnh quá "ngây thơ", đã đem một lý thuyết trong tu thiền để giải quyết những vấn đề cá nhân, áp dụng vào một cuộc tranh chấp lớn có tính cách quốc gia hay quốc tế. Hoặc ông nghĩ rằng những người nghe ông đều "ngây thơ" sẵn sàng tin mọi điều ông ta nói, dù đó chỉ là những hành động nối dáo cho giặc.

Thiền sư Thích Nhất Hạnh cũng không bỏ qua cơ hội dùng cuộc "phỏng vấn" để nhắc lại một lần nữa "tội ác" của người Mỹ tại Việt Nam:

"Tôi đã từng bị mất mát những đứa con tinh thần trong chiến tranh khi họ đã đi vào những vùng giao chiến để cứu những nạn nhân còn sống sót dưới những trận bom. Một số người bị chết vì chiến tranh, nhưng cũng có một số bị giết vì đã bị hiểu lầm là họ đã đứng trong phe đối nghịch. Khi nhìn đến bốn thi thể những đứa con tinh thần của tôi chết bằng hình thức bạo hành như vậy, tôi đau đớn sâu xa."

Ông Thích Nhất Hạnh chỉ nói về những người đã chết vì "những trận bom" (của Mỹ) và những người đã bị (Quốc gia) giết oan vì "đã bị hiểu lầm" là họ đã đứng trong phe đối nghịch (Việt cộng). Toàn là tội ác của phía bên này. Không có tội ác nào của phía bên kia. Không có ai bị chết vì pháo kích, gài mìn xe đò, nén lựu đạn vào chợ, bắn hỏa tiễn vào trường học, không có năm ngàn người bị tàn sát ở Huế...

Lương tâm và sự công bằng của một "thiền sư" để đâu?

Vì việc làm bất chính của ông Thích Nhất Hạnh quá lộ liễu, và sợ rằng một số người sẽ tin những gì Thiền sư Thích Nhất Hạnh nói, ngày 14.10 vừa qua, Hội Ký giả Việt Nam Hải ngoại và Hội Ái Hữu Bến Tre tại Nam California đã tổ chức một cuộc họp để tìm hiểu sự thật và làm sáng tỏ những vấn đề do ông Thích Nhất Hạnh gây ra. Khoảng 600 người đã tham dự cuộc họp này, và nhiều người đã tham gia ý kiến, mổ xẻ vụ "phi cơ Mỹ ném bom hủy diệt thành phố Bến Tre với ba trăm ngàn dân" để sự thật được sáng tỏ là vụ này đã không hề xảy ra trong Chiến tranh Việt Nam. Thiền sư Nhất Hạnh giảng dạy đệ tử phải biết "lắng nghe" nhưng đã không có ai đại diện cho Thày tới để lắng nghe xem sự thật ở đâu!

Có vẻ như những "vận động cho hòa bình" diễn ra lẻ tẻ tại Mỹ sau vụ khủng bố ngày 11.9 là một cố gắng có liên kết của những phần tử ngụy hòa trong thời Chiến Tranh Việt Nam. Jane Fonda cũng đã lên tiếng, nói rằng muốn tìm hiểu động cơ của những kẻ khủng bố. Một số giáo sư cựu phản chiến của thập niên 1960 cũng đang xúi giục sinh viên tại các trường đại học biểu tình chống lại cuộc chiến tranh do Mỹ lãnh đạo để diệt trừ khủng bố.

Ông David Horowitz, một tên tuổi lớn trong phong trào phản chiến thời Chiến tranh Việt Nam, mới đây đã lên tiếng trong một bài viết(*), kêu gọi những sinh viên tại các trường đại học hãy suy nghĩ hai lần để đừng lặp lại những sai lầm mà thế hệ của ông ta đã phạm phải, kết quả là đã đưa đến sự chiến thắng của bạo lực, và làm Việt Nam mất vào tay Cộng sản.

Một sân khấu mới đang được dựng ra cho những đào kép cũ. ●

(*) LTS: Xin xem phần Tài-liệu trong số này.

Cánh Rừng Ngủ Quên

Hoàng Nga

*N*gôi làng nhỏ. Dân cư không đông lắm. Nằm cách xa thành phố lớn độ nửa giờ lái xe. Một ngôi làng vắng, và buồn. Ngoại trừ ngôi nhà thủy điện nằm ở hạ nguồn con suối, chỗ có độ dốc thật sâu, nước chảy mạnh như thác, với vòng bánh xe quay bằng gỗ khổng lồ, và một nhà máy xay lúa bằng sức gió như thời Don Quichotte, sang đến đầu thế kỷ thứ hai mốt chỉ còn lại như một nơi để khách phương xa đến xem; ở đấy, có thể nói, hoàn toàn chẳng có gì đặc biệt.

Ở đấy, giống hệt như hàng trăm, hàng vạn ngôi làng khác ở Âu châu, gần như lúc nào cũng yên ắng, lặng lẽ. Nhất là vào những chiều cuối tuần, hoặc những ngày mùa đông tuyết rơi nhiều, ngoài đường chừng như không có người lai vãng. Một đôi ba âm thanh thỉnh thoảng có vang lên, nếu không là tiếng động cơ xe chậm rãi, đơn độc lướt qua trên mặt đường, thì cũng chỉ là những hồi chuông nhà thờ ngân nga trong gió đến não ruột.

Cửa ngõ chính dẫn vào làng là hai cánh rừng, mọc toàn thông ba lá. Chen thêm dăm loại cây thân nhỏ, cao ngất ngưởng và thẳng tắp. Mùa đông, không kể thông, những loại cây này, cành thân trơ trụi ra trong không, tuyết phủ đầy hàng lớp. Đến hè, mới đây đó xanh màu, rợp bóng mát. Nhưng thay cho sự tươi tắn, rộn rã bất mắt toả ra từ những hàng cây xanh lá đó, thì cái vắng vẻ, tịch mịch lại càng bị tô đậm thêm lên. Ở giữa lưng chừng rừng, một con suối chạy ngoằn ngoèo, len lỏi loanh quanh, nước trong vắt, thỉnh thoảng có những chỗ sâu, xiết, nhưng thường thì hẹp và nông, sóng lăn tăn, chỉ cần vài ba sải tay bơi là có thể sang được bờ bên kia. Các con đường mòn chạy dọc theo giòng suối được rải sỏi, thỉnh thoảng thêm lác đác chút đá cuội trắng gần ven bờ, nơi cỏ dại và cúc rừng mọc chen lẫn nhau, bên cạnh những bụi cây lớn thuộc họ tử kinh tạo thành những triền dốc xanh.

Căn nhà anh, nằm trên một ngọn đồi xanh thoai thoải, nhìn xuống con suối, hẳn nhiên cũng đìu hiu vô kể. Đứng từ xa nhìn tới, cái dáng chênh vênh trên con dốc, lưng chừng đồi của nó, có vẻ

như lơ lửng, mất thăng bằng lắm giữa không trung. Một căn nhà kiểu cổ, xây từ cuối thế kỷ thứ mười tám. Mái ngói đỏ sậm. Tường vôi vàng màu ngà. Chung quanh được rào bằng gỗ. Từng súc nặng nằm chồng lên nhau, được buộc chặt bởi những sợi dây lòi tói lớn. Một góc sát cạnh bên hông nhà, có che thêm ra một mái chứa, chất đầy những đoạn gỗ ngắn đã được chẻ đôi và xếp rất cẩn thận, dùng để đốt cho mùa đông. Chính những súc gỗ nặng đầy này và chiếc lò sưởi lớn trong phòng khách đã làm anh quyết định lưu lại nơi này.

Lúc mới quen với anh, nghe anh kể lể về nơi anh cư trú, nàng cứ thắc mắc không hiểu tại sao anh lại chọn làm gì một chỗ ở buồn thảm đến như vậy. Sau biết anh làm thơ và vẽ, nàng trêu anh:

- Có những ông thi sĩ ở ngay quận Cam, California, hoặc ở ngay giữa phố xá Sài Gòn, lúc nào cũng rộn ràng đông đúc, mà vẫn sáng tác được hàng tá tuyển tập thơ tình, cũng vẽ được hàng trăm bức tranh làm choáng ngợp mắt thiên hạ.

Anh không biết trả lời sao, đành cười:

- Thì họ giỏi, anh dở.

Thiên hạ giỏi, anh dở. Anh hay nửa đùa nửa thật, bảo điều khác biệt giữa con người và con người với nhau, chỉ nằm ở chỗ giỏi, dở, hơn, kém. Anh cũng đùa thêm, với người chung quanh, với thiên hạ, thì ngay từ căn bản, anh đã nhận lãnh phần thua thiệt, mà anh với nàng, anh cũng phải xếp ở hạng sau cùng. Anh nói anh là buổi chiều cuối ngày ở ngôi làng, còn nàng là bình minh nơi đô hội. Sự sống động, sôi nổi của nàng, hoàn toàn chẳng chút gì tương đồng, hay có thể so sánh với những lặng lẽ, u buồn của anh. Đời sống riêng của nàng, từ công ăn việc làm, chỗ đứng trong xã hội, tình cảm gia đình, đến quan niệm về hôn nhân lứa đôi..., tất cả mọi thứ, mọi thứ đều khác hẳn anh. Đều vượt lên trên anh đến hằng trăm dặm.

Nàng cười với anh:

- Đời sống em gắn bó, dính liền với những điều có thật của loài người, em đi bằng hai chân vững vàng trên mặt đất do lực hấp dẫn của địa cầu, và dĩ nhiên, chẳng bao giờ lấp lửng trên chín tầng mây, ngả nghiêng xiêu vẹo giữa lưng chừng trời như anh.

Một lần, đọc xong mấy cuốn tiểu thuyết của Mai Thảo, nàng nhận xét, bảo anh có vẻ giống như những gã nhân vật chính lang bạt, lãng tử trong truyện. Nàng nói khơi khơi, không biết đùa hay thật, nhưng đã làm anh băn khoăn rất lâu. Anh không hiểu ý nàng muốn nói anh đang có một cuộc sống cà lơ phất phơ, chẳng nghĩ ngợi gì đến tương lai; hay nàng muốn "ngợi ca" kiểu cách lãng tử, và sở dĩ có đôi chút dây dưa với anh chỉ vì ưa thích cái "mơ màng", "huyền thoại" của các chàng vô công rồi nghề, tiền bạc chẳng biết lấy ở đâu ra nhưng đời sống lúc nào cũng phong lưu, nhàn nhã, rượu và đàn bà lúc nào cũng sẵn sàng, kề cận bên mình như vậy...

Anh là người Việt duy nhất trong ngôi làng. Thêm hai gia đình châu Á, một Tàu, một Nhật, lạc lõng, chơ vơ giữa một chốn gần như chỉ có người dân bản xứ và một số gốc Đông Âu da trắng sắp sửa bị đồng hoá. Mãi về sau này, mới thêm nàng, tuần năm ngày đến làm việc cho một chi nhánh ngân hàng đối diện với nhà ga đầu làng (nơi cũng đìu hiu dăm ba chục phút mới nghe được tiếng còi, tiếng xình xịch của một con tàu nào đó chạy qua). Họa hoằn lắm, thỉnh thoảng lắm, một chiều tan sở, hay một trưa thứ bảy vội vã trước giờ siêu thị đóng cửa, cả ba "nước láng giềng hữu nghị" mới có dịp gặp gỡ, nhìn thấy nhau ở bãi đậu xe, gần quầy tính tiền, hoặc trên sân ga.

Rồi cũng có lần nàng cười cười, bảo anh chỉ muốn lôi nàng vào đời sống muôn vạn không bình thường của anh. Sau đó nàng trêu thêm, anh phải cám ơn nàng hết sức, bởi vì ở một chốn đồng không mông quạnh, hắt hiu buồn thảm đến như vậy, mà dưng không lại được dịp quen biết với nàng. Dĩ nhiên là anh đã cười trả lại, nhưng thật lòng anh áy náy biết bao nhiêu.

Chỗ anh ở, cái chỗ mà nàng hay trêu, cũ rích như anh, như trong truyện cổ tích, trong khu rừng nhỏ, có hai lối, một dẫn vào lâu đài của một vị lãnh chúa được xây từ mấy thế kỷ trước, lối khác dẫn ra lộ chính, băng sang khu rừng nhỏ khác, nhưng thơ mộng và thú vị hơn phía bên anh. Mùa hè, hoa hướng dương nở rộ ngay lối đi, trên đầu con dốc dẫn vào rừng. Hết nắng, câu thơ Từ Trẩm Á, *gió thu hoa cúc vàng rồi*, có lẽ không được đọc, vì ở đấy cúc sực nức tím. Quanh co phía bên trong rừng, anh cứ thắc mắc không biết ai đã ra công chăm sóc, mà khi lốm đốm violet xanh màu mây trời cuối ngày, khi vàng đỏ tulip, rồi lại lia tia hồng cẩm chướng, tùy theo từng tháng, từng mùa trong năm, rực sáng cả một khoảng không gian rất rộng.

Anh than thở với nàng, rằng có nhiều lần, đầu hết sức cố gượng không nghĩ ngợi gì, vậy mà cuối cùng anh vẫn cứ lẩn quẩn, có khi lọt tõm vào trong cái ước mơ, hôm nào đó sẽ được cùng đi với nàng giữa những sợi nắng lấp lánh trên con đường mòn lác đác đá cuội trắng ở cánh rừng phía

bên này, hoặc dọc theo những chùm sắc màu của đủ loại bông hoa phía bên kia. Anh nói cái ước mơ, giản dị, và hiền hòa như hai bàn tay nắm vào với nhau, như những sắc màu tự nhiên của bông hoa anh nhìn thấy, nhưng anh mơ mãi, mơ mãi mà vẫn chưa thấy ở đâu. Nàng ngồi lặng yên không trả lời, nhưng cuối cùng, nàng nhìn anh, hóm hỉnh hỏi:

- Có thật là chỉ đi thôi không?

Anh gật đầu:

- Chỉ đi thôi.

Nàng bật cười, im hồi lâu. Mãi sau, nàng mới nói:

- Cái ước mơ của anh, nghe hạnh phúc quá. Nhưng có vẻ hơi giống trẻ con thèm được có ngày nằm trong một ngôi nhà chứa đầy kẹo sô cô la.

Anh làm thinh. Hơn ai hết, anh biết "thân phận" mình, một tuần làm việc năm ngày, họa hoằn lắm, thỉnh thoảng lắm, nàng mới dư ra độ nửa tiếng, hoặc nhiều hơn, bốn mươi lăm phút đồng hồ rỗi rảnh dành cho anh. Thường, hai người chỉ đủ thời gian ngồi uống với nhau một ly cà phê ngay ở cái quán bánh ngọt sát bên cạnh chỗ nàng làm; nhưng cũng có khi nghe nàng gọi, giữa đường thình lình kẹt xe, ra đến nơi, chỉ vừa vặn cầm tay nàng, xin lỗi đến trễ, là phải đưa nàng sang bên kia nhà ga cho kịp chuyến xe chiều. Thời khóa biểu của nàng, dường như lúc nào cũng ăm ắp, đầy kín. Nàng bảo về đến nhà, lắm lúc nàng không còn hơi để thở, dẫu anh chưa bao giờ dám hỏi nàng làm những gì.

Nàng nói với anh, bằng nụ cười tươi tắn hằng ngày:

- Đừng nằm mơ hái sao trời. Đừng nghĩ đến những điều... mission impossible cho đỡ cực lòng.

Anh vuốt tóc, cười theo nàng. Anh hỏi nàng biết thơ của Nguyễn Tất Nhiên không. Nàng hỏi bài nào. Anh ngó bâng quơ ra ngoài đường, đọc:

- Em còn nhỏ làm sao mà biết được. Ta oằn mình trong những khổ tâm riêng. Em còn nhỏ, làm sao mà biết được. Đời buồn thiu như lá rụng, ban đêm....

Nàng bật cười. Lát sau nàng trêu anh:

- Đã buồn còn bày đặt đọc thơ của ông thi sĩ rầu đời.

Anh chặc lưỡi làm thinh. Giữa hai người, cái khoảng cách, không chỉ xuất phát đơn phương từ phía nàng. Bởi chính anh, có những nỗi khổ tâm riêng, anh cũng không thố lộ được với nàng. Em còn nhỏ, hay dẫu nàng không còn nhỏ nữa, những điều có thật của anh -những điều, mà khi đi bằng hai bàn chân trên mặt đất như nàng, trĩu nặng cõng trên vai, anh lại gần như hoàn toàn giấu kín, mặc dù thật lòng, anh chẳng muốn giấu nàng điều gì. Anh đã không biết bắt đầu với nàng ra sao, ở đâu, và vào thời điểm nào.

Bởi chẳng lẽ, anh sẽ nói với nàng, kể cho nàng nghe rằng, cái ngôi làng nhỏ, không có gì đặc biệt như vậy, mà đã giữ chân anh đến gần năm năm, đã níu anh lại, cầm nắm đời anh lại giữa lưng chừng, chỉ vì ở xa xa, tận cuối làng, có một cái nhà thương - cái nhà thương rất lớn, gần như lớn nhất nước Đức; chuyên trị bịnh lao, đủ loại, đủ kiểu, từ phổi, đến ruột, đến xương, đến dạ dày...; cái nhà thương, nằm ẩn sau cánh rừng vắng lặng, cắt ngang phía bên anh ở, bằng con đường chính dẫn ra hồ vua Ludwig đã trầm mình, chênh chếch trên một sườn đồi yên tĩnh, buộc anh phải tới lui, trở đi trở lại nhiều lần, là lý do khiến anh không rời được nơi này? Bởi chẳng lẽ anh sẽ làm như vậy, kể lể thương tâm như vậy, để kêu gọi lòng thương hại của nàng hay chăng?

Và cái tự ái của thằng đực rựa, tự ái của một kẻ không muốn nhận được bất cứ sự xót xa, thương cảm nào của người khác phái, đã đẩy anh lùi lại phía sau..

Trước đây, mỗi năm anh phải có mặt tại bịnh viện hai lần để kiểm tra tình trạng sức khoẻ. Trước nữa, anh nằm sáu tháng. Lao thành ruột. Thật ra, căn bịnh của anh, đến thế kỷ này, nhất là ở cái đất nước này, đã không còn là một điều gì ghê gớm nữa. Có nghĩa là sau khi đã được chữa lành, anh có thể ra về, sinh hoạt bình thường, hết sức bình thường như mọi người. Vậy mà không hiểu sao, ở anh, có điều gì đó, một trục trặc nào đó vẫn cứ ngang nhiên hiện diện. Bụng anh, thỉnh thoảng bỗng chai cứng lại và sưng lên như người ta bị chai gan cổ trướng. Nhưng dĩ nhiên, căn bịnh chai gan ấy chẳng dính dáng gì đến anh, mà những cơn đau, những dấu hiệu lạ, lâu lâu lại xuất hiện, lại đột ngột làm tình làm tội anh. Anh phải tới lui tái khám, vào ra nhập viện nhiều lần...

Ban đầu bác sĩ đoán anh bị ung thư, về sau bảo không. Nhưng lui tới mãi, mà cuối cùng hội đồng y khoa vẫn không khẳng định được anh mang chứng bịnh gì. Cũng không đoan chắc anh đã khoẻ mạnh bình thường hay chăng, mà lại khiến anh rơi vào một trường hợp đặc biệt. Nếu không nói là khá kỳ quặc. Bởi dưng không, anh lại trở thành một bịnh nhân cần phải được theo dõi nghiêm chỉnh và đều đặn.

Từ chỗ anh ở hiện nay, đi đến nơi anh không muốn đến ấy, mất khoảng độ hơn mười lăm phút lái xe. Từ cổng bịnh viện vào đến phòng khám thêm mười lăm phút đi bộ nữa. Năm đầu tiên, sinh sống tận trên miền bắc, mỗi bận

tái khám, anh đã phải trọ lại nhiều ngày trong cái khách sạn duy nhất của ngôi làng, cạnh bên chỗ nhà băng nàng làm việc hiện nay. Và lần nào cũng vậy, chờ chẩn đoán, chờ lấy máu, chờ xem kết quả..., cũng đều làm anh tối tăm mặt mũi. Anh gần như kiệt quệ từ tinh thần cho đến tài chánh. Nhiều bận, chán ngán đến tận óc, đến độ anh đã định bỏ luôn, mặc số phận ra sao thì ra, bịnh tình nguy hiểm đến đâu thì đến.

Nhưng sang lần tái khám thứ ba, hay thứ tư gì đó, khi vị bác sĩ điều trị anh hỏi han anh về tình hình gia cảnh, bỗng đột ngột đưa ra cho anh một đề nghị. Ông có người bạn đồng nghiệp có căn nhà ven suối cần người vào ra trông coi, cây cối ngoài vườn, nhánh lan nhánh huệ trong nhà khi người này đi giảng dạy, làm việc ở nước ngoài. Một công việc có thể nói hết sức nhàn hạ, dễ dàng, không ai hoạnh hoẹ, dòm ngó, cũng không phải chung đụng, bị làm phiền, trói buộc vào với người cộng sự chung quanh; cứ thế như làm việc, như sống trong nhà của chính mình. Mọi thứ, mọi điều, đều rất dễ dàng và thuận lợi cho anh. Chỉ trừ ra chuyện, là chẳng biết được đến bao giờ thì thất nghiệp, vì ngay cả chính chủ nhân ngôi nhà cũng không thể khẳng định được ông sẽ vắng mặt bao lâu, một, hai, hay năm, bảy, thậm chí mười, hai chục năm, mà phải tùy thuộc vào hợp đồng sẽ được ký...

Một việc làm chẳng phải là việc làm, một đời sống chẳng phải là đời sống; một kiểu tạm bợ, qua ngày, một lối sinh hoạt, lối sống chưa hề từng trải, kinh nghiệm trong đời, lúc đầu đã làm anh bối rối không ít. Có nhiều đêm nằm vắt tay lên trán nghĩ tới hướng đi tới không có, tương lai cũng rỗng không, đang có nơi lưu trú, chỗ tựa, thình lình người chủ nhà hết hợp đồng trở về lại hắn bản xứ, bắt buộc anh phải xách gói ra đi, bắt đầu lại từ đầu bằng những con số không, anh đã có phần khá hoảng hốt. Nhưng dần dà về sau, như quen với tình cảnh, anh bỗng quên đi.

Mỗi năm người chủ nhà không vợ con này, chỉ về thăm nhà một lần vào dịp lễ giáng sinh, nghỉ ngơi ở ngay tại căn phòng của mình độ một, hoặc hai đêm; ăn uống, chuyện trò với anh một bữa như thể ông là khách đến thăm anh. Ông có vẻ hoàn toàn yên tâm khi có một người quản gia như anh. Nhưng hẳn nhiên, ông chưa bao giờ đề nghị, hay đề cập đến chuyện nhận anh làm công việc này cho đến ngày chính ông hoặc anh hưu trí. Ông cũng không hề hỏi anh buồn vui thế nào trong công việc, mà chừng như điều lưu tâm nhất của ông đối với anh, chỉ là căn bịnh hơi có phần bất bình thường của anh mà thôi. Lúc nói chuyện với anh, ông luôn luôn cân nhắc cẩn thận và cặn kẽ từng câu, từng chữ, mắt chăm chú nhìn vào anh, thỉnh thoảng giúp anh vài từ ngữ y học khó hiểu để nghe anh diễn tả căn bịnh, nhưng đâu đó, lại có vẻ như sợ anh không thấu đáo, hay không hiểu hết điều ông nói. Anh có cảm giác ông chỉ muốn chẩn đoán, muốn vận dụng kiến thức của mình khi chuyện trò cùng anh là để xem xét bịnh tình anh như thế nào, hơn là thuần túy hàn huyên trao đổi, hoặc nghe anh tâm sự.

Và cũng bỗng dưng như thế, anh lại gần như bị đánh bạt ra khỏi đời sống thường tình. Áo cơm ràng buộc hàng ngày bất chợt hết còn là nỗi vướng bận, trĩu nặng trên vai. Ngày qua ngày, thiên hạ cứ thấy anh đủng đỉnh hệt như con ốc sên trong vườn nhà. Bè bạn anh, những kẻ ban đầu từng xúi anh đi nhận cái job trên trời rơi xuống này, về sau thấy anh nhẹ nhàng, khoẻ khoắn, lại quay ra xầm xì, mai mỉa anh có số chuột sa hũ nếp, khiến có nhiều lúc anh đã phải bật cười một mình, mường tượng nếu người chủ của anh là một phụ nữ, chắc có lẽ đã lắm điều dèm pha, nghi ngờ.

Chính anh, nhiều lúc mà cũng thấy mình nhàn hạ ra hẳn, nếu như không có những ngày chẳng cần phải bước chân ra ngoài mua sắm thức ăn, hay đồ dùng lặt nào đó, anh bất chợt giật mình, cảm tưởng như mình là một Robinson giữa rừng già. Quanh đi quẩn lại chỉ đất đai, cây cối và dĩ nhiên, chỉ với chính mình, anh bỗng thấy chừng như anh không còn hiện diện trên thế giới có con người nữa. Vào lúc sáng sớm hoặc xế chiều, khi dăm ba đứa học trò đạp xe đi, về, ngang qua trước ngõ nhà, nghe tiếng đối đáp rầm rì ở bên ngoài, mà anh đã tưởng mình nằm mơ.

Hầu hết thì giờ của anh, ngoại trừ những lúc trông coi đám cây cỏ, anh chỉ dùng để vẽ và làm thơ. Ban đầu, cả tranh lẫn thơ anh đều rất buồn. Đều toát ra những nét ảm đạm, chen lẫn chút hoang mang, xao xác, thể hiện rõ rệt cái tâm tư xao xác của anh trước cuộc sống lình thình đổi khác ấy. Ở nhiều bức, cái buồn, cái não lòng, cái u uất không chỉ xuất hiện trong tổng thể nội dung mà trên từng đường cọ, từng nét màu. Nhiều bức khác, mặc dầu anh đã dùng toàn màu sáng, tươi mắt, nhưng không hiểu sao người xem vẫn cảm nhận ra được, thấy được có điều gì đó không ổn, không vui trong tranh của anh. Mùa đông ở chỗ anh, rừng đổ tối rất nhanh, bóng đêm chỉ chờ có dịp để ập xuống, vội vã; khung cảnh chung quanh nhà anh vốn đã ảm đạm, lại

càng ảm đạm hơn, không khí vốn đã đùng đục buồn lại càng thấy đục hơn, buồn hơn; cái dáng anh ngồi cạnh lò sưởi giữa vùng ánh sáng lờ mờ bên ngoài, chập chờn củi lửa bên trong, với vẻ mặt buồn rầu, mất hờ hững rơi rớt vào hư không, trông thật chẳng khác gì một bức họa tối màu. U ám.

Tuy nhiên dần dà về sau, những nỗi buồn, những nỗi hoang mang ấy, bỗng từ từ biến mất. Đến như không còn chỗ đứng nữa. Nhìn bề ngoài, hẳn thiên hạ rất dễ thấy anh đã bằng lòng lắm, an phận lắm với cuộc đời. Ngày hai buổi qua đi với anh, chừng như đã không còn khúc mắc, trở trăn, mà hệt giòng nước chảy trên con suối trước nhà anh, lờ lững theo chiều. Nhưng thật sự, tất cả những nỗi buồn, nỗi u sầu xao xác này, đã chẳng hề biến mất cách hờ hững, chẳng để lại dấu tích gì trong anh, mà vì chúng đã đông cứng lại, hóa thạch, như chính anh đã hoá thạch, đã bị ngừng lại quá sức đột ngột, bất ngờ ở ngay giữa tuổi trung niên. Bạn bè anh, người quen của anh, có khi chừng cũng quên mất anh. Họ bỏ anh lại phía sau. Chẳng cưới xin, tiệc tùng, lễ lộc gì mà có người còn nghĩ tới anh để gửi cho anh tấm thiệp báo tin. Lại càng không ai chợt nhớ đến những con số điện thoại anh đã từng thận trọng viết cho mọi người, để gọi cho anh đôi câu...

Thiên hạ chắc có lẽ coi như anh đã chết rồi. Chính anh, vào đúng ngay thời điểm cũng tự coi như mình đã chết rồi, thì bỗng dưng nàng xuất hiện. Anh quen nàng, mà hoàn toàn chẳng do tình cờ, chẳng bởi một bất chợt nào cả. Khởi đầu cũng như mọi người, đi gửi, rút tiền ở ngân hàng nàng làm, nhưng chỉ hơn người khác ở chỗ, nàng đã sinh ra và lớn lên ở ngay cái đất nước anh bỏ trốn, nên anh thân ngay với nàng. Anh nhớ nàng đã kêu lên một tiếng vui mừng khi nhìn thấy tên anh trên tấm ngân phiếu, bật ra ngay với anh cái thứ tiếng anh chỉ được sử dụng khi gọi điện thoại về cho người thân còn ở lại quê nhà, hay cùng lắm là với người nhân viên bán hàng tạp hóa Á châu ở thành phố cách xa nơi anh ngụ mấy chục cây số. Còn riêng phần anh, chỉ vừa chợt thấy tên họ nàng gắn trên ngực áo, "Nguyễn"...; một cái họ, mà ngay cả người ngoại quốc đọc lên cũng biết thuộc về xứ sở nào, là đã bồi hồi đến choáng ngợp cả mắt.

Lắm khi anh đã thường tự hỏi, không biết là anh đang tự đùa với chính mình, đang bước thấp bước cao chênh vênh bên một vực thẳm không biết sẽ sa chân rơi xuống vực khi nào; hay nàng đang đùa với anh, đang muốn thử một trò chơi, trò đùa nghịch nào đó với cuộc đời. Bởi có lần nàng bảo, có lẽ nàng sẽ lấy một anh chồng không biết ghen, không dám cầm súng bắn ai, cho dù là bắn con... kiến đi chăng nữa, để chẳng bao giờ phải lo sợ những sự cố bất thường xảy đến cho mình; và khi anh trả lời nếu nàng chung thủy, thì sợ gì "sự cố", thì nàng lại bật cười, hỏi không lẽ anh tin nàng chung thủy hay sao! Sau đó, nàng còn nhìn tới nhìn lui vẻ mặt chừng như sường sượng, bán tín

---

tháng chín ôi buồn như tháng giêng

Bỗng dưng tôi nói như người điên:
Tháng Chín ôi buồn như tháng Giêng!
Có lẽ vì mây bay thấp quá?
Lá vàng mấy chiếc rớt bên hiên...

Lá vàng mấy chiếc. Chưa nhiều lắm
Chưa đủ cho nhen bếp lửa hồng!
Ở Mỹ, tháng Giêng là tháng lạnh,
Bây giờ, tháng Chín... cũng mùa Đông!

Bởi tôi nghe lạnh, rồi tôi thở
Nhìn khói và sương trước mặt bay
Nhớ quá sông Tiền trong trí nhớ
Đò ngang buổi sáng lướt trong mây!

Quê Hương ơi! Chỉ là sương khói
Và đám mây mù trong mắt sao?
So mãi hai vai mà nhức nhối
Tay đưa không tới nhánh hoa đào...

Là thôi không kịp mùa Xuân hẹn
Là mất từ lâu những tháng Giêng
Cái ấm cái nồng trong tóc biếc
Tôi không về nữa để hôn em!

Tháng Chín, bây giờ, tôi ướt mắt
Đò xưa đang lướt giữa mưa dông
Em quang gánh bó hai đầu gối
Buổi chợ mai còn kịp, phải không?

Tháng Chín, ôi buồn, như tháng Giêng
Anh không ngồi cạnh sát bên em
Anh đang ngồi giữa mùa Thu mới
Nhìn lá vàng bay trước mái hiên...

trần vấn lệ

bán nghi của anh, rồi vẫn cười, khẳng định mình chẳng hề chung thủy chút nào cả. Nàng nói:

- Đó là sự thật một trăm phần trăm, nhưng anh muốn tin cũng được, không tin cũng chẳng sao!

Hẳn nhiên, anh làm sao có thể tin, hay"muốn" tin những điều nàng nói. Tuy nhiên điều làm anh bận tâm hơn, không dám tin hơn, hoặc cố không tin, chính là tình cảm của nàng dành cho anh. Anh chẳng bao giờ muốn nghĩ nàng chỉ đùa chơi, chỉ "qua đường", vơ vẩn trong chốc lát, hoặc chỉ "yêu cho vui", cho đời sống vốn đã nhiều màu sắc của nàng thêm phong phú, lấp lánh. Nhưng cũng có bao nhiêu bận, đi lên đi xuống con dốc một mình, nghĩ suy đến một đời sống có hai người, đến một nhân dáng cận kề ngày hai buổi bên anh, dầu đã hết sức vận dụng sự tưởng tượng vốn khá lớn của mình, vậy mà vẫn không cách gì anh vẽ nên một hình ảnh nàng, một kiểu cách "có" thật, "giống" thật của nàng. Suốt thời gian quen biết với nhau, chưa bao giờ anh dám nêu lên một đôi câu hỏi, hoặc gợi ra những thắc mắc tương tự, về tình cảm của nàng. Anh cũng không dám thắc mắc về những cuộc tình đã qua đi trong đời nàng. Lại càng không dám nghĩ đến những người đang theo đuổi nàng hiện tại.

Anh sợ những sự thật đau lòng. Anh sợ phải khám phá ra những điều anh không muốn khám phá. Sợ phải đối diện những điều anh không muốn đối diện. Dầu anh vẫn hay nghĩ, hay tự nhủ, hẳn phải có một sợi dây liên hệ mật thiết giữa anh và nàng, hẳn phải có một tên gọi đàng hoàng nào đó cho thứ tình cảm mà anh (và nàng?) đang cưu mang.

Hẳn phải có, anh nghĩ thế. Lắm lúc, anh thấy nàng gần gũi, thân cận như nàng đã hoàn toàn thuộc về anh; tuy nhiên có khi anh lại thấy mình như chẳng hiểu gì cả về người thiếu phụ đồng hương ấy. Nàng hay bảo nàng bao giờ cũng đơn giản như trời mưa nắng, tâm tư giống như giòng nước luân lưu, xuôi ngược trên một con sông, giòng suối, tự nhiên, không rắc rối, xao động. Nhưng anh, dầu cố gắng lắm, vậy mà điều nàng nói cũng vẫn làm anh bối rối.

Ngôi làng anh ở, những cánh rừng có vẻ như luôn luôn ngủ quên, chẳng bao giờ chịu thức giấc vào mùa đông. Trời thường nhá nhem tối ngay giữa lưng chừng chiều. Thoảng lắm, mới có một đôi tia nắng yếu ớt dọi xuyên qua các kẽ lá, đổ xuống đám sỏi trắng dọc các con đường mòn. Anh vẫn thường đi đi lại lại dưới những tàn nắng hanh hanh như muốn đánh thức nàng công chúa rừng trễ tràng, lười biếng, nhưng những tiếng chân anh vang trên đám sỏi, đám lá khi khô cong, khi ướt đẫm sương đêm hoặc tuyết trắng, chỉ như những tiếng lách tách trở mình của đám củi trước khi biến hoàn toàn thành than hồng trong lò sưởi ở nhà anh.

Cánh rừng yên ắng, buồn bã vậy, thế mà bỗng dưng có một hôm, anh nói với nàng, anh tưởng chừng trời chợt bừng bừng chuyển sang mùa, không biết xuân hay hạ, nhưng nắng ấm tràn lên giữa những cơn mưa tuyết rơi rớt không ngừng những bông nhỏ trong không.

- Mặt đất lúc ấy chắc mới nở chiêm bao.

Nàng bật cười:

- Nghe có vẻ hơi giống cải lương!

Anh gồng mình nghiêm chỉnh trả lời:

- Người ta chỉ cải lương khi nào người ta đang yêu thôi.

Và vì người ta đang yêu, nên người ta trở nên dạn dĩ. Anh nói thêm, anh vừa với tay hái được tới sao trời, anh là thằng con nít được ngồi giữa ngôi nhà chứa đầy kẹo sô cô la, bởi vì nàng đã đến thăm anh, giữa một cơn mưa tuyết giăng ngang trời. Nàng ngồi im ngó anh một lúc, sau đó nàng phì cười, hỏi ngày xưa anh có biết đoàn tân cổ giao duyên "Sao Ngàn Phương" hay không. Anh ngạc nhiên:

- Làm sao em biết được đoàn cải lương đó?

Nàng trả lời ba má kể. Anh gật gù:

- Ừ, chứ lúc đó em còn nhỏ.

Lúc đó em còn nhỏ, cả bây giờ nàng vẫn còn nhỏ, nhỏ thua anh, những gì thế hệ anh trải qua, đều ít dính dáng đến nàng, và những gì nàng trải, thế hệ nàng đang đi qua, cũng vượt quá tầm tay anh. Giữa anh và nàng, tất cả những dính líu đều mỏng manh như một sợi tơ nhện, rất dễ dàng tan biến bởi những lý do rất đơn sơ. Tất nhiên anh hoàn toàn chẳng bao giờ mong muốn có sự gãy đổ, nhưng anh biết đâu muốn hay không, đâu cố gắng hay bỏ mặc chuyện đời đưa đẩy, anh vẫn ở trong tư thế của một kẻ đang ngồi đợi chờ những điều xấu nhất, tệ hại nhất sẽ xảy đến cho mình.

Anh hay tự nhủ, chắc không xa lắm đâu, không lâu lắm đâu, hoặc nàng sẽ nói với anh, rằng nàng đang có quan hệ với một người người đàn ông khác, chính thức yêu một gã nào đó trong số những gã theo nàng. Hoặc một hôm nào đó, nàng tuyên bố đã chán ngấy tất cả những tới lui không đâu vào đâu như thế này với anh. Và anh cũng hay tự đùa, nghĩ đó là chính ngày phán xét cuối cùng của anh. Anh thường tưởng tượng, chắc có lẽ, rồi anh sẽ ngồi đâu đó trong quán nước với nàng, nhìn khuôn

mặt không biết sẽ buồn rầu hay tỉnh bơ như không có gì xảy ra, thẳng thắn nói với anh lời chia tay vĩnh biệt. Hay chưa chừng sẽ tệ hơn nữa, là ở ngay chỗ anh hay đứng với nàng trên sân ga những buổi chiều được nàng cho phép tiễn đưa, nàng sẽ lạnh lùng bảo anh đừng bao giờ gặp nàng, rồi sau đó chúc anh bình an, chúc anh một buổi chiều, một ngày, một cuối tuần vui vẻ, cách hết sức máy móc như nàng vẫn thường hay chúc khách hàng của nàng mà anh đã nghe đến hằng trăm bận khi có việc tạt ngang chỗ nàng làm.

Nàng thường không hay có thói quen kể lể về chính nàng. Nhưng anh đoán đời sống nàng, có lẽ rất ít khi gặp sóng gió, ít gay cấn, đau buồn. Nếu không nói, những lúc tình cờ, hoặc khi đùa trêu anh, nhắc đến một đôi nhân vật cận kề nàng hàng ngày - mà anh đã và chắc chắn sẽ khó có cơ hội được hân hạnh nhìn thấy hay được làm quen - giọng nàng thường có vẻ rất vui, rất chộn rộn. Mọi chuyện chung quanh nàng, theo giọng kể, kiểu kể ấy của nàng, đều có vẻ rất xuôi buồm thuận gió. Cũ cũng như mới; xưa cũng như nay, nội dung có sao đi chăng nữa, anh cũng cứ nghe bên tai mình những cung bậc trong trẻo phát ra từ phía nàng. Anh nhớ lần nàng kể chuyện ngày xưa bị má la và giận oan điều gì đó, và mới đây, giữa nàng và bạn đồng nghiệp có chuyện chẳng lành xảy ra, mà câu khởi đầu của nàng lại là "trời ơi, tếu dễ sợ...", rồi ngay sau đó, không khác gì một câu chuyện tiếu lâm, một pha giễu trên đài truyền hình, một đoạn văn hài hước trong tiểu thuyết, nàng... hớn hở kể tiếp bằng những loạt âm thanh vô cùng rộn rã và tươi tắn.

Nàng thường rộn rã, và tươi tắn. Tươi tắn đến nỗi dưng không tất cả những chuyện đau ốm, bịnh hoạn lẫn cái công ăn việc làm kỳ quái của anh, anh bỗng chẳng làm sao đem ra kể lể được với nàng. Sự gắn bó mà anh đã thấy quá mỏng manh, sự cảm thông giữa hai người lại càng như chỉ xuất phát từ một phía, phía anh mà thôi. Anh thường luôn biện hộ, chỉ vì anh không chịu nói, không chịu kể lể những đoạn trường mình đang trải, những nỗi khổ tâm mình đang gánh trên vai, nên nàng không chia xẻ được với anh điều gì. Em còn nhỏ, nàng còn nhỏ, anh hay nghĩ, anh còn thừa thì giờ, còn nhiều cơ hội để tỏ bày với nàng.

Và cứ thế, mãi cho đến một hôm, mặc dầu đã mường tượng rất nhiều về những sự cố sẽ xảy ra cho mình vào một lúc nào đó, dầu đã nghĩ lơ mơ đến những cuộc chia tay giữa hai người; vậy mà anh vẫn không thể nào tin được, sau hai tuần không nghe nàng gọi điện thoại, đi ngang qua nhà băng nàng làm, không thấy nàng đứng ở sau quầy như thường lệ, gồng mình, lấy hết can đảm, bước vào bên trong hỏi người bạn đồng nghiệp của nàng về nàng, anh lại được nghe một câu trả lời hết sức lạ lùng:

- Cô ấy đổi việc lâu rồi.

Lâu rồi! Lâu rồi, có nghĩa là mọi chuyện đã được nàng dự định từ trước. Từ mấy tháng trước, hay có khi cả năm. Có nghĩa là, nàng đã không hề muốn kể cho anh nghe, hay nàng chẳng thèm để ý đến anh, không hề muốn phát ra một báo động nào cả, để anh chuẩn bị làm đám táng cho cuộc tình của mình. Có nghĩa là, nàng chẳng cần nói lời chia phôi, từ tạ với anh. Chẳng mất công vào quán cà phê, chẳng bỏ thì giờ đứng trên sân ga, dĩ nhiên cũng chẳng phải cười, hay phải khóc (đâu là những giọt nước mắt giả dối, những nụ cười gắng gượng đi chăng nữa). Nàng chỉ đi. Vậy thôi.

Nàng chỉ đi. Như đi ra khỏi một quán nước, ra khỏi một siêu thị, chợ búa nào đó. Hoặc như ra khỏi một rạp xi nê, hí trường. Anh hoàn toàn chẳng thể nào tưởng tượng nàng đã nghĩ ngợi gì, hay cảm giác ra sao khi bỏ lại sau lưng mình như vậy. Không biết nàng đã hân hoan, nhẹ nhõm, thoải mái... khi chấm dứt xong trò chơi của mình. Hay bình thường, chẳng có gì để bứt rứt, khó chịu.

Nàng đi, mà không hề lưu lại một vết dấu nào cả. Nhưng còn anh, khi bước ra khỏi nơi nàng làm việc, hai mắt gần như mờ hẳn đi trước những cụm mây đang xuống thật thấp, chân gần như lao chao muốn ngã trước cơn gió tình cờ bật qua trên chỗ anh đang đứng; anh đã bật cười lên một tiếng nhỏ rất khô khan. Lúc con tàu vẫn đưa nàng về thành phố lớn mỗi chiều xình xịch đỗ lại, rồi chạy đi, anh đã thẫn thờ nhìn theo, cái cảm giác như mình vừa làm rơi mất những đồng tiền cuối cùng cho bữa ăn tối. Anh đã bàng hoàng. Ở đó, không có tiếng còi hụ lên như những bài văn ngày xưa anh học, không có những cụm khói bay lên trắng xóa một khoảng không gian, nhưng giữa lòng anh, một tiếng kêu phát ra, một cụm khói trắng tỏa mờ, làm cay cả mắt anh.

Anh đã đứng lặng rất lâu trong buổi chiều mùa đông trên sân ga, hoang mang nghĩ đến chuyện anh đã mường tượng nhiều thứ, nghĩ đến nhiều thứ, vậy mà không hiểu sao lại chẳng mường tượng nổi, nghĩ không ra nổi, về một ngày chính mình giống như cánh rừng ngủ quên trước mặt nhà, chẳng bao giờ thức giấc giữa mùa đông. ●

Khi Người Yêu Tôi Khóc

Tôn Nữ
phóng tác

*M*ọi chuyện bắt đầu từ buổi tiệc rượu tại nhà bác sĩ Bào vào hồi tháng bảy năm nay. Tôi đã quyết định không tham dự và thay vào đó tôi sẽ đi xem chiếu bóng. Lâu lắm rồi mới có một truyện phim hay. Nhưng vào lúc sáu giờ chiều, Mai Hương gọi điện thoại cho tôi và nói tôi đến đón nàng đến nhà bác sĩ Bào.

- Anh Minh muốn đưa em đi - nàng nói với tôi, nàng vẫn thật thà như vậy - nhưng rồi anh ấy lại có cái hẹn khác về chuyện làm ăn. Em thì muốn đến đó, vậy anh Thanh ơi, anh hãy tỏ ra là một người thật dễ thương và đến nhà đón em nghe.

Tất nhiên là tôi nhận lời. Tôi sẽ là một người dễ thương hay là một người bất kể ra sao cũng được miễn là như người nàng mơ ước vì tôi yêu nàng đã lâu rồi. Một tình yêu say mê nhưng tuyệt vọng. Nàng biết chuyện đó và tất cả mọi người quen biết chúng tôi đều biết chuyện đó. Nhưng đối với Hương, tôi chỉ là một kẻ để cúi đầu nhận những sự sai bảo của nàng, là đôi mắt biết thông cảm thương yêu khi thấy nàng mệt mỏi hay chỉ là một kẻ thay thế cho Minh, cho Dũng, cho Bái những khi mấy chàng này bận việc mà nàng lại muốn đi chơi. Tôi thù ghét vai trò đó nhưng nghĩ lại thà như vậy còn hơn không được Hương chiếu cố đến chút nào.

Vào khoảng hơn bảy giờ tối thì tôi đến bấm chuông nhà nàng. Nàng ra mở cửa. Tôi đứng sững người nhìn ngắm. Mai Hương thật đẹp. Mỗi lần gặp nàng tôi đều tưởng như đó là lần đầu tiên gặp gỡ. Nàng đẹp quá, tôi nín thở nhìn nàng, nhưng nàng đối với tôi xa vời quá, tôi thấy tim mình như thắt lại.

- Anh đúng là một thiên thần.

Nàng nắm nhẹ tay tôi thầm thì.

- Hương ơi, hãy bằng lòng làm vợ anh đi. Chúng mình sẽ đi xa và sẽ có một tá con, đứa nào cũng sẽ đẹp như em và dễ bảo, dễ thương như thiên thần... giống anh.

Nàng cười và trả lời:

- Em sẽ sẵn sàng ngay... - vừa nói nàng vừa cúi xuống vuốt nhẹ cái áo dạ hội rất đơn sơ mà thật khêu gợi. Tôi mỉm cười.

Buổi tiệc rượu của bác sĩ Bào cũng giống hệt các buổi tiệc rượu khác vào mùa Hè năm đó và của những mùa hè đã qua. Cũng những khuôn mặt quen thuộc, những câu chuyện mưa nắng hàng ngày và càng lúc càng ồn ào khi lượng rượu tăng lên trong người và những chai không chất càng lúc càng nhiều dưới quầy rượu. Nhưng dù sao tối hôm đó cũng có sự đặc biệt: Hoàng Trường.

Chủ nhân Nguyễn Bào đưa tôi và Mai Hương đi băng qua phòng khách ngay khi chúng tôi vừa đến.

- Thanh, ở đây có một người tự xưng là bạn thân của cậu ngày trước.

Chúng tôi dừng lại trước một nhóm đông đang cười lớn vì một câu nói đùa của một người nào đó. Tôi nhìn ra ngay Hoàng Trường. Anh ta đứng giữa nhóm

đó, ngay trước mặt tôi. Anh ta vẫn như cách đây mười lăm năm trước khi tôi quen biết anh: cao lớn, lịch sự, tự tin. Tóc anh đã nhuốm màu muối tiêu ở hai bên màng tang nhưng bụng anh vẫn thon và hai má không bị xệ.

- Thanh!

Anh đi vòng quanh nhóm người và đến cạnh tôi, hai tay anh đưa ra và một nụ cười thật tươi nở trên môi bày ra cả hàm răng trắng muốt.

- Trần Thanh, anh bạn xưa thân mến của tôi!

Hai tay anh chụp lấy tay tôi và xiết mạnh nhưng mắt anh không rời khỏi Mai Hương.

- Trường, lâu quá không gặp anh... (tôi xoay lại phía Hương) Đây là cô Mai Hương, tôi xin giới thiệu anh Hoàng Trường.

- Bạn ở Đại học, ở chung phòng và cố tri - Hoàng Trường tiếp lời tôi - Tôi rất vui mừng được biết cô Mai Hương.

Chuyện bắt đầu ngay từ phút đó mặc dù tôi không để ý lắm vì tất cả mọi người đều nhìn Hương như vậy. Chẳng ai thay đổi được gì.

Sau tiệc rượu, chúng tôi cùng ăn cơm tối với Hoàng Trường và một vài người nữa. Anh ngồi cạnh Hương và nói cho chúng tôi nghe về anh ta. Anh đến thành phố này để mở thêm một hãng xưởng cho công ty của anh, và khi xưởng này xây xong anh sẽ ở lại đây với tư cách là giám đốc vùng của công ty. Tôi nhớ lại Hoàng Trường đã cưới vợ là con gái của Trần Nhã, chủ tịch công ty thuốc tây có nhiều cổ phần và lợi nhuận nhất tiểu bang Cali. Hoàng Trường, người luôn luôn được sự thành công mời đón, đã leo nhanh trên những nấc thang danh vọng.

Chúng tôi biết là anh đang cư ngụ tại khách sạn Impérial. Anh mời tôi trưa mai đi ăn trưa với anh, tối hôm đó anh chẳng bao giờ đề cập đến vợ anh với chúng tôi.

Có lẽ chẳng bao giờ tôi biết đến câu chuyện tình ái lãng nhãng của Hoàng Trường và Mai Hương nếu cô này không kể lại cho tôi nghe. Hương sử dụng tôi như một cái máy ghi âm để nàng tâm sự với chính nàng. Hai tuần sau buổi gặp gỡ đó, tôi và Hương cùng ngồi uống cà phê tại một tiệm trên đường Bolsa vào một buổi trưa. Trước đó Hương gọi điện thoại đến văn phòng và nói muốn gặp tôi.

Hai đứa tôi sau đó đã ngồi trước mặt nhau với hai ly cà phê bốc khói, Hương tươi cười nhìn tôi, mắt nàng long lanh vì hạnh phúc.

- Chắc không phải vì đang ngồi với anh mà em có khuôn mặt đầy hạnh phúc như thế này. - Tôi nói với nàng - Vậy thì em có chuyện gì muốn khoe với anh vậy?

Nàng cười nho nhỏ và đặt tay lên bàn tay của tôi. Xong nàng rút ngay tay lại và xoay tròn cái ly cà phê của nàng trên bàn.

- Em đang yêu anh Thanh ơi! Em yêu một người đàn ông tuyệt vời nhất trên cõi đời này.

Tôi yên lặng nghe, tôi vẫn nghe tất cả những gì Mai Hương muốn kể cho tôi. Nhưng tôi rất thẳng với nàng.

- Anh rất buồn khi nghe em nói vậy vì anh biết Hương không dùng những lời khen đó cho anh. Vậy ai là người có cái diễm phúc to lớn đó thế?

- Trường!

Giọng nói nàng thật cộc lốc khi nàng trả lời tôi nhưng sau đó nàng lại dịu giọng xuống.

- Em xin lỗi anh, anh Thanh. Em biết những tình cảm của anh....

- Em khỏi rào đón. - Tôi ngắt lời - Người nào vậy?

Tôi cầm ly cà phê lên và chợt thấy bàn tay mình đang run rẩy. Tôi vẫn luôn luôn lo sợ mất Hương! Chuyện này thật khùng. Tôi đâu có thể mất nàng được vì có bao giờ nàng là của tôi đâu? Trên ba mươi tuổi, nàng vẫn độc thân vì nàng muốn như vậy. Vậy mà không cần đánh cá tôi cũng biết rằng những người đàn ông quen nàng đếu đã có lần muốn hỏi nàng làm vợ. Tôi cũng biết rằng một người đàn bà đẹp và quyến rũ như nàng thì không thể nào ở độc thân mãi được. Một ngày kia, một người sẽ đến...

Một lần nữa, khuôn mặt nàng lại sáng ngời:

- Trường! - Nàng nói lớn - Hoàng Trường!

Tôi mở to mắt ngạc nhiên nhìn nàng. Tôi đặt mạnh cái ly xuống bàn khiến làm đổ hết nước cà phê còn lại ra bàn và cả lên người tôi.

- Hoàng... Trường? Nhưng anh ấy có gia đình rồi mà! Hương, em cũng biết chuyện đó chứ? Tại sao em lại dính tới một chuyện như vậy được?

Bỗng nhiên nàng nổi giận.

- Nè, em nghĩ anh đâu có phận sự theo dõi em! Vậy thì anh khỏi cần tỏ ra đạo đức giả với em làm gì.

Mai Hương không phải là một cô gái mới lớn, ngây thơ, nhưng tôi nghĩ nàng phải khôn ngoan hơn thế chứ.

- Anh không đạo đức giả, anh chỉ thực tế thôi. Em nghĩ anh ấy sẽ làm gì? Ly dị vợ để lấy em à?

- Đúng vậy. Anh ấy có thể làm chuyện đó.

- Cô ơi (tôi ra hiệu cho cô chiêu đãi viên đem cho tôi ly cà phê khác), Hoàng Trường không thay đổi chút nào. Vẫn là một tên ưa nói láo.

Mai Hương đứng ngay dậy,

cầm lấy chiếc ví.

- Đủ rồi, anh Thanh. Chào anh.

Tôi kéo tay nàng để giữ lại.

- Đừng bỏ đi, Mai Hương. Anh xin lỗi. Chỉ tại vì anh...

Nàng lại ngồi xuống và chúng tôi im lặng trong khi cô bồi bàn lau chỗ cà phê bị đổ và đem đến cho tôi một ly khác. Khi cô ta đi khỏi, tôi cầm tay Hương và dịu dàng nói:

- Anh rất thận trọng khi nói chuyện này Hương ạ. Anh hiểu nhiều về Trường. Hắn ta là một người ích kỷ, không bao giờ nói thật và ưa chiếm đoạt.

- Anh Thanh, em nghĩ là chúng mình nên đổi đề tài câu chuyện. Đáng lẽ em không nên nói cho anh nghe. Em cứ tưởng đâu anh sẽ hiểu.

- Rồi em sẽ đau khổ vì hắn. Rất đau khổ. Và anh không muốn chuyện đó xảy ra.

- Anh tưởng đâu anh biết nhiều về anh ấy - Mai Hương nói bằng một giọng kẻ cả - tại vì anh và anh ấy đã cùng học chung với nhau. Nhưng anh hỏi thử lại chính anh mà xem, anh có còn là anh của những ngày xa xưa đó hay không? Đó, anh chẳng biết gì về anh ấy hết!

- Anh biết là hắn ta đã cưới vợ vì gia tài của gia đình bà ấy và anh ta sẽ không bao giờ nhả nó ra đâu. Không Hương ơi, anh ta không bao giờ bỏ vợ , ngay cả để được lấy em.

Nàng rút từ trong ví ra ống son và bắt đầu chăm chú kẻ lại vành môi. Đó là thói quen mỗi khi nàng cảm thấy bối rối.

- Em có biết chút gì về trị giá cái gia tài đó hay không? - Tôi hỏi nàng.

Nàng giận dữ nhìn tôi:

- Em đánh giá anh không tốt lắm. Em nghĩ anh đang ghen.

Câu trả lời đó chạm mạnh vào tự ái của tôi, có lẽ nàng thấy được nên cắn vội môi dưới và nói nhanh:

- Em xin lỗi, anh Thanh. Đáng lẽ em không nên nói thế.

- Không, em hoàn toàn đúng. Anh ghen thật! Anh ghen với tất cả những người đàn ông nhìn em! Nhưng anh biết rất rõ Hoàng Trường.

Lần này thì nàng đứng lên và tôi không làm sao cản nàng lại được. Nàng cầm ví và chào tôi. Tôi nhìn nàng đi xa dần. Nơi quầy rượu mọi con mắt đều nhìn theo nàng. Nàng mở nhanh cửa và đi ra ngoài đường đang tràn đầy ánh nắng.

Lần này nàng đã phạm một lỗi lầm, một lỗi lầm thật nặng, tôi chắc chắn như vậy.

Sau ngày hôm đó tôi không gặp lại nàng trong một thời gian khá lâu. Không phải là tôi không có ý tìm nàng. Mỗi ngày tôi đều gọi đến tiệm áo quần thời trang nơi nàng làm việc như là một nhà vẽ kiểu và buổi tối thì tôi gọi về chung cư của nàng. Không hiểu nàng giận vì phản ứng của tôi hay tại vì tôi đã nói đúng về chuyện Hoàng Trường mà nàng không đến gặp tôi hay rủ tôi đi chơi chung nữa.

Thật khó thể nào chịu đựng được cách nàng đã đối xử với tôi. Một vài giờ đồng hồ khi cùng đi dự tiệc chung,hay đi xem triển lãm hay là hộ tống nàng đi dự tiếp tân, đó là tất cả những gì nàng đã cho tôi mặc dù những đặc ân đó chỉ là những dịp cho nàng sử dụng để hành hạ tôi mà thôi. Có lẽ trong mỗi người chúng ta đều có sẵn... "cái thú đau thương" thích bị người yêu đày đọa như vậy. Tôi không biết có đúng với tất cả mọi người hay không, riêng tôi thì nó như vậy.

Thỉnh thoảng tôi vẫn gặp Hoàng Trường khi thì ở sân tennis, khi thì trong một buổi tiệc rượu có tính cách ngoại giao hay một vài nơi khác nữa. Xưởng thuốc của công ty Trần Nhã mỗi ngày một tiến triển thì ảnh hưởng của Hoàng Trường trong cộng đồng người Việt ở quận Cam mỗi ngày mỗi lớn thêm. Ông ta đem lại tiền bạc và công ăn việc làm cho một thành phố chỉ mong càng ngày càng phát triển. Một người quen chung của chúng tôi cho biết (Trường đã lờ tôi sau khi biết được tôi chỉ là một thằng điên không địa vị xã hội và cũng không có ảnh hưởng nào) là anh ta vừa mua một căn nhà thật lớn ở Irvine và vợ con của anh, hiện đang nghỉ hè ở ngoại quốc, sẽ về ở chung với anh trong sáu hay tám tuần nữa. Tôi tự hỏi không hiểu Mai Hương sẽ nằm chỗ nào trong bức tranh gia đình sum họp đó. Chẳng người nào có thể thấy gì trong cách cư xử hàng ngày của Hoàng Trường là ông này đang có ý ly dị vợ cả.

Sau cùng, vào một buổi trưa Mai Hương bằng lòng gặp tôi. Tôi nghe giọng nàng có vẻ xúc động. Dù vậy nàng vẫn rất bình tĩnh trong suốt thời gian chúng tôi gặp nhau ở tiệm ăn Moulin Rouge, mới được mở ra chừng một tháng nay. Tôi gọi đồ uống. Khi hai ly rượu vang Pháp được đưa ra, Hương vớ lấy chiếc ly và uống ngay hết một nửa xong nhìn tôi, hỏi tới tấp:

- Anh có gặp anh ấy không, anh có nói chuyện với anh ấy không?

- Chỉ lâu lâu anh mới gặp ở câu lạc bộ. Anh ấy... ở cao hơn giới của anh, em ơi!

- Nhưng anh cũng có nói chuyện vậy! Anh nói gì với anh ấy?

- Không chuyện gì dính dáng đến em hết nếu chuyện đó làm em lo lắng.

Nàng có vẻ lo lắng thật:

- Anh hiểu em muốn nói gì rồi. Anh có biết anh ấy dự định chuyện gì hay không?

- Anh nghĩ là em biết hết rồi - Tôi trả lời nàng - Em cho tôi hay là anh ấy sắp ly dị vợ... (tôi xoay xoay cái ly trong tay) Căn nhà anh ấy mới mua ở Irvine không phải là một căn lều tranh cho tuần trăng mật, Hương à. Vài tuần nữa gia đình Hoàng Trường sẽ đến ở với anh ấy.

- Anh ấy có nói với em chuyện đó!

- Anh ấy có nói? Mai Hương, em là ai vậy? Một cô học trò mười tám tuổi mới biết yêu à? Hắn nói với em làm sao? Là hắn yêu em điên cuồng và gặp nhau lén lút không còn đủ cho hắn ta nữa và vì vậy hắn sẽ xin ly dị và chối bỏ không biết bao nhiêu là triệu Mỹ kim nữa hay sao?

Tôi ngừng lại để uống một ngụm rượu.

- Anh nghĩ là em đã tự cho mình nhiều ảo tưởng quá.

Nàng cúi đầu, hai tay ôm lấy cái ly và khóc nhè nhẹ, thật im lìm.

- Anh không muốn nhìn thấy em đau khổ - Tôi nói tiếp - nhưng em đang bị khổ rồi đó.

Tôi cầm lấy tay nàng.

- Tại sao em không cắt đứt sự liên lạc ấy đi? Lời cầu hôn lần chót sau hơn một tá trước đây của anh vẫn còn hiệu lực. Em biết vậy chứ?

- Anh Thanh ơi, nhưng em yêu anh ấy. Em không thể chối bỏ chuyện đó được.

- Vậy thì em nên bàn chuyện đứng đắn với anh ta. Nếu hắn có hứa hẹn em điều gì thì em nói hắn thực hiện liền bây giờ đi.

- Anh ấy nói là anh sẽ bị thiệt hại rất nhiều nếu có người biết được sự liên lạc của em và anh ấy. Chưa ai biết được chuyện này. Chưa một ai, trừ anh ra. Em không thể nào giấu anh được.

- Làm sao em biết là chuyện này không có người nào hay?

Nàng lo lắng nhìn tôi:

- Bộ anh có nghe ai nói đến hay sao?

Tôi lắc đầu:

- Không!

- Không bao giờ chúng em gặp nhau trong thành phố. Khi nào cũng ở một khách sạn ở thật xa.

- Chuyện này không giống tính em chút nào.

Nàng cười:

- Anh đừng cổ hủ quá anh Thanh ơi! Chúng em chẳng làm gì bậy, chúng em chỉ yêu nhau. Đó mới là cái chính.

- Hoàng Trường chỉ yêu Hoàng Trường... và tiền bạc.

Hình như Mai Hương đang nghĩ đến chuyện gì khác nên không để ý đến câu trả lời của tôi. Sau vài phút, nàng nhìn đồng hồ đeo tay, thoa lại môi son và đứng lên:

- Để em đi nói chuyện với anh ấy. Rồi anh xem, anh sẽ thấy rằng em nói đúng. Em biết như vậy!

Điện thoại nhà tôi reng vào lúc nửa đêm. Mai Hương gọi tôi.

- Anh Thanh! Anh Thanh! Em cần phải nói chuyện với anh hay với một người nào đó...

Tôi đang ngồi trên giường, với tay lấy một điếu thuốc từ trong gói ra và làm đổ gần nửa gói xuống mặt nệm.

- Chuyện gì vậy? Cái gì đã xảy ra?

- Anh... anh có muốn em đến nhà anh ngay bây giờ hay không?

- Để anh đến đón em. Em đang ở đâu vậy?

- Thôi... để em đi taxi. Em không làm phiền anh chứ?

- Nhất định là không rồi. Anh chờ em. Và em nên nhớ rằng, dù chuyện gì đã xảy ra, em cũng không nên quá lo lắng. Em hứa với anh vậy nhé?

Nàng lúng búng trả lời rồi gác máy. Tôi ngồi im một vài giây nghe tiếng o o của chiếc điện thoại, điếu thuốc lá chưa châm lửa vẫn còn nguyên trên tay.

Khi mở cửa thì tôi nhận thấy ngay là khuôn mặt Hương đầm đìa nước mắt. Tôi hôn nhẹ lên trán nàng và đi lại cái quầy rượu nhỏ pha cho nàng một ly rượu khá mạnh.

Mai Hương đến ngồi trên cái ghế dài, vẻ mặt câm nín, hai tay xoay tròn ly rượu một cách nóng nảy.

- Anh nói đúng, anh Thanh! Anh đã nói đúng hết mọi sự. Hoàng Trường chẳng bao giờ có ý ly dị, hắn cũng chẳng bao giờ nghĩ đến!

Nàng nhìn tôi chăm chăm, cặp mắt vô hồn như còn đang trong cơn xúc động.

- Hắn nói... hắn sẽ giết em nếu em không chịu ngưng làm phiền hắn.

Tôi ngồi thẳng dậy.

- Hắn nói... sao?

Nàng nhanh nhẹn gật đầu xong nở một nụ cười yếu ớt và đưa hai tay lùa vào mái tóc:

- Chuyện đáng cười và đáng ngạc nhiên là em vẫn cứ yêu hắn, có lẽ còn hơn trước.

Nàng uống hết ly rượu xong đứng lên đến quầy tự rót cho mình một ly khác. Tôi ngồi im nhìn nàng. Hương lại ngồi xuống.

- Bây giờ em đã trở thành một sự đe dọa cho hắn. Tôi lên tiếng - Em có thể làm đảo lộn tất cả mọi kế hoạch mà hắn đã sửa soạn một cách công phu. Vậy thì em chỉ còn một cách: Quên hoàn toàn hắn ta đi. Quên hết! Nếu cần, em cứ đi khỏi chỗ này nhưng em hãy gạch Hoàng Trường ra khỏi đời em.

- Cái mà em không hiểu... -

Nàng nhẹ nhàng nói với tôi - là Hoàng Trường đúng như con người mà anh đã nói cho em nghe; vậy mà sao em vẫn cứ yêu hắn. Làm sao anh giảng cho em nghe chuyện này được không?

- Anh không thể nào giải thích nó được. Anh chỉ có thể vắn tắt là em đang ở vào cuối một đoạn đường xấu của cuộc đời.

Chúng tôi tiếp tục nói chuyện như vậy trong hơn một tiếng đồng hồ. Mai Hương uống rượu nhiều hơn mọi lần. Theo tôi nghĩ thì câu chuyện chưa có gì là chấm dứt cả. Nàng chỉ đến với tôi, cũng như mọi lần khác, để tìm một người tâm sự, khuyên bảo, như một máy thu âm để nghe và để trả lời. Nàng cứ tiếp tục rót rượu uống và sau cùng nằm xuống ngủ ở chiếc ghế dài. Tôi dọn lại chiếc giường trong phòng xong bế nàng vào ngủ trong đó. Phần tôi, tôi ngủ trên cái ghế dài.

Khi tôi tỉnh dậy vào sáng hôm sau thì Mai Hương đã ra khỏi nhà. Nàng có để lại cái thư nhỏ xin lỗi và lời tái bút sẽ nói chuyện với tôi sau này.

Nhưng vào buổi trưa hôm đó, tôi có việc phải rời khỏi thành phố trong một tuần. Vừa về đến nhà, tôi gọi điện thoại ngay cho Hương. Tôi nghe nói lại là nàng đã không đi làm từ bốn ngày nay rồi và không gọi điện thoại thông báo cho sở làm hay cho người nào cả. Tôi liền gọi số riêng của nàng. Cũng không có người trả lời. Tôi liền đến hỏi ông gác cửa nơi chung cư nàng ở. Ông nói đã mấy ngày rồi ông không gặp Mai Hương. Sau đó tôi gọi điện thoại cho tất cả bạn bè của nàng và bạn bè chung của hai chúng tôi, mọi người đều trả lời không có tin tức gì của nàng cả.

Tôi thực sự ngạc nhiên. Lẽ đâu Mai Hương với Hoàng Trường đang ở chung với nhau ở một nơi chốn nào đâyhay sao? Biết đâu Mai Hương đã nghĩ đúng về anh chàng này. Tôi lại nhấc điện thoại và gọi số của Hoàng Trường, nơi văn phòng tạm thời trong khi chờ đợi xưởng thuốc hoàn thành. Cô thư ký trả lời cho tôi là Hoàng Trường đang có mặt ở đó và hỏi tôi là ai để nàng trình cho ông chủ. Nghe đến đó, tôi nhẹ nhàng gác máy. Tự đáy lòng, tôi cảm thấy thật lo sợ. Tôi hiểu Mai Hương, có lẽ nhiều hơn nàng và bạn bè chung của chúng tôi tưởng, nàng không phải là loại người chịu bỏ ra đi mà không một lời giải thích. Có chuyện gì đã xảy ra? Một chuyện xấu, thật xấu. Tôi chợt nhớ tới lời đe dọa của Hoàng Trường nhưng rồi tôi vội vàng xua đuổi nó ra khỏi trí óc.

Tôi đến nhà Mai Hương. Người gác cửa biết tôi nên mở cửa cho tôi vào. Ao quần của nàng vẫn còn nguyên mặc dù tôi không dám chắc chắn lắm. Cả căn chung cư cho ta cảm tưởng chủ nhân của nó mới đi ra ngoài mua bao thuốc lá hay đi xem chớp bóng rồi sẽ về ngay không biết lúc nào.

- Nếu cô ta về, ông nhớ báo tin ngay cho tôi nhé. -Tôi dặn người gác cửa.

Bây giờ thì tôi thật tình lo sợ. Tôi đi về nhà và dùng điện thoại gọi tất cả các bệnh viện, ngay cả nhà tù, nhà xác. Không có dấu vết gì của Mai Hương.

Tôi đang tính gọi cho văn phòng chuyên lo tìm những người mất tích thì câu nói đe dọa của Hoàng Trường lại trở về một lần nữa trong trí tôi. Sự cương quyết của Hương trong việc không chịu cắt đứt liên lạc với Trường chắc chẳng hề giảm sút trong khi tôi đi vắng. Tôi nghĩ là tự ái của nàng đã bị va chạm khá nặng nề. Mai Hương không quen cảnh bị người khác xua đuổi. Chắc chắn là nàng đã trở lại thăm Trường, đã hăm

cụm lục bình

Vừa khi lầm lũi bước qua cầu
Ngoảnh lại trường đình thoắt bể dâu!
Vũ trụ bỗng xoay vòng ảo giác
Chênh vênh sóng nước, gió giang đầu.

Cụm lục bình trôi giạt chi đây?
Giữa nơi bến lạ, nước vơi đầy.
Vẫn xanh sắc lá, màu hoa tím
Thanh thản soi mình đọ sắc mây.

Ôi mùa khói lửa dễ quên đâu?
Tội nghiệp trang thơ nặng khối sầu
Sỏi đá cựa mình đau thác loạn
Trăng về chìm bóng đáy sông sâu.

Nơi đây nước cũng nhớ phù sa
Sao vẫn vô tình nở tím hoa?
Mới biết cỏ cây loài bất trị
Ngậm ngùi đâu chỉ có riêng ta?

vân nương

---

dọa hắn là sẽ nói hết sự thật và biết đâu Trường đã hoảng sợ và thực hiện lời đe dọa của hắn?

Tôi chờ thêm một tuần nữa. Trong thời gian đó tôi không thể nào ngủ được. Tôi gầy đi. Một đêm kia, nằm nhìn vào bóng tối, tôi chợt nhớ lại khuôn mặt của Mai Hương, giọng nói của nàng và tôi có ngay một quyết định. Tôi sẽ đến gặp thẳng Hoàng Trường và hỏi anh ta đã làm gì.

Ngày hôm sau, trong khi bận công việc sở ở một thành phố bên cạnh, tôi đi mua một khẩu súng lục. Một cái súng nhỏ loại 22.Tôi chưa bao giờ bắn súng trong đời. Tôi liền mua thêm nhiều hộp đạn và đi vào một cánh rừng nhỏ nằm bên đường để tập bắn. Sau đó tôi đi về nhà.

Tôi nghĩ sẽ sử dụng khẩu súng này cho Hoàng Trường biết là tôi không đùa. Dĩ nhiên tôi muốn gặp

hắn một mình và gây sự ngạc nhiên cho hắn. Tôi biết mỗi ngày Hoàng Trường đều đi bộ từ sở về khách sạn. Tôi cũng nghe là hắn sẽ dọn vào nhà mới ở Irvine vào tuần tới sau khi những nhà trang trí hoàn thành xong việc của họ. Cái hên nhất của tôi nằm vào khoảng thời gian trước khi dọn nhà đó.

Hoàng Trường rời chỗ làm việc vào lúc 5 giờ chiều. Tôi đậu xe trước văn phòng hắn và chờ đợi. Ngày đầu có người đi cùng với hắn. Ngày hôm sau, hắn đi ra một mình và về hướng khách sạn.

Tim tôi đập mạnh trong lồng ngực khi tôi cho xe chạy rề rề theo bờ lề đến cạnh hắn ta. Tôi cười và nói qua cửa kiếng đã được hạ xuống:

- Trường, leo lên, tôi đưa anh về.

Hắn lưỡng lự một giây xong đi đến gần tôi:

- Chào anh Thanh. Lâu quá tụi mình không gặp nhau.

Hắn leo lên và đóng mạnh cửa.Tôi cho xe rời bờ lề.

- Tôi nghe nói gia đình anh sắp qua ở với anh tại thành phố này phải không?

Tôi nói và không biết hắn có thấy gì lạ trong giọng nói của tôi như tôi đang cảm thấy hay không.

- Đúng vậy!

- Tôi sẽ rất vui khi được gặp mặt mọi người.

Tôi đưa bàn tay vào trong áo khoác ngoài và thong thả sờ vào cái báng súng tôi nhét trong lưng quần.

- Đúng vậy sao?

Hắn ta rõ ràng không có hứng nói chuyện.

- À mà này anh Trường, - Tôi vừa nói vừa nhận thấy giọng mình hơi run - Mấy lâu nay anh có gặp Hương hay không?

Tôi nhẹ xoay đầu lại để xem phản ứng của hắn. Môi hắn đang ngậm một điếu thuốc. Tay hắn chợt ngừng lại - chỉ một giây thôi - khi hắn định bấm nút cái bật lửa trong xe. Nhưng rồi hắn bình tĩnh lại thật nhanh và nở một nụ cười làm như đồng loã giữa những người đàn ông với nhau.

- Hương? Hương nào vậy?

Tôi cho xe quẹo vào một con đường nhỏ dẫn ra khỏi thành phố.

- Mai Hương đó. Bộ anh tính nói với tôi là anh không biết cô ta hay sao?

Khó khăn lắm tôi mới nói ra được câu đó. "Thằng này gan thật, dám hỏi mình Hương nào!"

Hắn xoay ngay mặt lại phía tôi và không còn cười nữa.

- Có phải cái cô gái mà anh đã giới thiệu cho tôi vào một buổi tiệc rượu cách đây mấy tháng hay không? Không, tôi không gặp cô ta. Và tôi cũng ngạc nhiên sao anh lại hỏi tôi câu đó?

- Anh ngạc nhiên à? Anh câm mồm lại đi, đồ...

Chắc hắn đã để ý thấy bàn tay của tôi dưới áo khoác, hay là tôi chỉ tưởng tượng mà thôi. Dù sao tôi cũng quá giận dữ, một cơn giận không kềm hãm được nên tôi rút cây súng ra. Vào đúng lúc Trường đưa bàn tay ra che mặt như để trốn tránh thì tôi bóp vào cò súng. Viên đạn bay qua bàn tay no tròn, giữa ngón cái và ngón út xong chui vào ngực hắn.

Hắn nhìn bàn tay của mình như không hiểu gì cả. Tôi lại bắn tiếp, gần như là dí sát vào người hắn mà bắn trong khi đôi mắt to tròn như của một đứa bé trai nhìn tôi đầy van lơn và kinh ngạc. Tôi bỗng cảm thấy sự hối hận dâng lên.

Nhưng hắn đã giết chết Mai Hương, tôi chắc chắn như vậy. Và cũng vì "kỷ niệm cho Hương" mà tôi đã bắn hết băng đạn vào người Hoàng Trường.

Khi án mạng được phát giác thì không một người nào hiểu chuyện gì cả. Đúng là có phép lạ vì không ai trông thấy tôi và Hoàng Trường đi chung xe. Tôi vứt xác hắn trên một con đường nhỏ ở ngoại ô thành phố xong tôi đi về nhà tôi. Tôi giặt rửa cẩn thận mấy cái bọc ghế bằng nhựa của xe, những chỗ có dấu máu. Xong tôi đem vất khẩu súng xuống biển. Không có một nguyên nhân nào có lý để giết một người như Hoàng Trường. Báo chí viết bài khen ngợi lòng thương người của hắn và cả cái xưởng thuốc mà hắn là đại diện. Vào lúc cuối tuần, dư luận chung cho là có thể hắn ta đã gặp phải những kẻ không tốt và đã bị một hay nhiều người giết chết.

Những gì xảy ra trong những giây phút đó chỉ nằm trong sự sâu thẳm nhất của tâm trí tôi mà thôi. Và với thời gian, tôi nghĩ rằng nó sẽ phai mờ và trôi vào quên lãng vì tôi đã hành động, theo tôi, vì lẽ phải, vì công lý. Chủ nhân chỗ Hương làm việc đã báo cho cảnh sát hay sự mất tích của nàng.

Đang ở trong văn phòng sắp xếp lại những giấy tờ trong cặp như tôi vẫn thường làm sau một chuyến đi công tác xa trở về thì tôi chợt nghe tiếng mở cửa. Ngước mắt lên tôi... thấy nàng! Nàng, Mai Hương! Xinh đẹp, tươi mát, làn da nâu nuột nà đúng thời trang với một nụ cười thật tươi nhưng có chút bối rối trên đôi môi hồng.

- Chào anh Thanh. Em đây nè!

Tôi không nói được một lời.

Nụ cười nàng tắt hẳn.

- Có chuyện gì vậy? Anh có vẻ lạ lùng. Vậy mà em tưởng đâu anh sẽ rất vui mừng khi gặp lại em.

- Em... ở...

Tôi phải ngồi xuống ghế. Tôi không thể nào nói hết câu được.

Mai Hương đến ngồi lên góc bàn làm việc của tôi.

- Không người nào biết em ở đâu... - Tôi cố gắng nói tiếp - Hoàng Trường... Anh tưởng hắn...

- Em xin lỗi anh, anh Thanh. Em không có ý định làm anh lo lắng nhưng em phải bỏ đi để suy nghĩ. Em đã nghe theo lời khuyên của anh. Và anh Thanh ơi, em nghĩ rằng em sẽ mãi mãi nghe lời anh. Em qua ở trong một làng đánh cá ở bên Mễ. Em đọc sách và vẽ tranh. (Nàng mỉm cười). Em đã quên hắn ta. Ngày đó em điên quá, giờ thì hết rồi!

- Nhưng anh lại... tưởng nó...

- Thêm một lần nữa, em hỏi anh, chuyện gì đã xảy ra vậy? Chuyện gì? Mai Hương gằn giọng hỏi.

- Bộ em không biết hay sao? ... Hoàng Trường đã chết rồi.

Nàng từ từ đứng lên:

-Trường?

Tôi gật đầu xác nhận và chăm chú nhìn vào mặt nàng. Sau cùng nàng thầm thì:

- Anh ấy chết ra làm sao?

- Bị giết. Tám viên đạn vào người.

- Hoàng Trường bị giết? Người nào có thể làm chuyện này vậy?

Tôi cũng đứng dậy và sắp lại giấy tờ trên bàn viết.

- Cảnh sát... cũng như mọi người chưa tìm ra được thủ phạm.

Nàng quay lưng lại tôi, bước đến gần cửa sổ. Những tiếng động từ đường phố vọng vào hình như lớn hơn. Thật cao trên thành phố, những chiếc máy bay phản lực lướt qua.

Mai Hương ngẩng đầu lên:

- Anh có bắt đầu nói cái gì đó khi em mới bước vào.

Một sự lo sợ bắt đầu xâm chiếm lòng tôi. Giọng của nàng đã đổi khác, có cái gì đó mà tôi không còn nhận ra. Hai tay nàng buông thõng.

- Anh? Đó là... anh muốn nói, anh rất ngạc nhiên khi trông thấy em. Nhưng anh tưởng... ờ anh nghe em nói là hắn đã đe dọa em...

Nàng quay người thật nhanh và nhìn chăm chú vào mặt tôi. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy nàng có một cái nhìn như vậy. Xa vắng và thật lạnh lẽo.

-Vâng. - Nàng trả lời- Vâng... đúng như vậy, phải không?

Nàng từ từ bước đến trước mặt tôi và bỗng nhiên, tôi thấy nàng khác hẳn, như một người xa lạ. Tôi không thể nào rời mắt khỏi nàng. Có một cái gì vừa lôi cuốn, vừa như thôi miên trong cái nhìn của nàng đối với tôi trong khi nàng đi đến gần tôi, gần tôi hơn nữa. Rồi khi khuôn mặt của nàng còn cách mặt tôi chỉ vài phân, nàng đưa mấy ngón tay lên xoa má và môi tôi.

- Em đã nói với anh là hắn đe dọa em, phải không? Nàng nói thật nhẹ nhàng.

Xong nàng bước lui và xoay người lại. Nàng lấy ống son từ cái ví cầm tay ra. Một lúc sau nàng lại xoay người lại nhìn tôi vừa nói vừa cười thật tươi:

- Cho em cái gì uống đi anh. Em nhớ Bái và cũng nhớ luôn... cả anh, anh Thanh.

Tôi ngập ngừng.Tôi biết là tôi phải trả lời.

- Anh cũng nhớ em, Hương à. Nhưng giờ đây thì anh không biết nói sao...

- Tội nghiệp anh, anh Thanh. - Nàng cầm lấy tay tôi - Nhưng mọi chuyện đều đã qua rồi. Bây giờ thì chúng mình sẽ trở lại như xưa, phải không?

Nàng đứng đó, trước mặt tôi.Nàng cười với tôi. Không còn lý do nào để hỏi nàng đã làm gì. Câu trả lời của nàng đã quá rõ ràng. Nàng không thể nào nói rõ hơn thế nữa.

- Đúng vậy! - Tôi nghe tiếng tôi trả lời Hương - Rồi chúng ta sẽ trở lại như xưa. ●

CHIA BUỒN

Nhận được tin

Anh NGUYỄN NGHI QUÂN

bào huynh của bạn **Nguyễn Duy Khiêm**
đã qua đời ngày 23.9.2001 tại Montréal, Canada

Xin thành-kính chia buồn cùng bạn **Khiêm**
và tang-quyến.

Cầu-nguyện linh-hồn anh Quân sớm về nước Chúa.

- Phạm Tâm Phố, Vancouver, Canada
- Ngô Đình Lân (Long) và gia-đình, Virginia, USA
và một số bạn-bè cũ ở chợ Tạ Thu Thâu, Sài-gòn, hiện đang ở Mỹ

Chúc Thư

Hoàng Du Thuỵ

Chị lặng người nhìn những bông tuyết bay. Tấm mền len đan bằng tuyết trắng phủ lên buổi chiều mùa đông một màu ảm đạm. Cơn gió mùa đông-bắc mang đầy khí lạnh giật giồi trên mái nhà như muốn mang đi cái mái che duy nhất trên đầu chị. Sự sợ hãi làm chị bật khóc.

Cuối tháng hai trời lạnh nhiều và thường xuyên có những cơn bão tuyết. Những mùa đông khác, chị không quan tâm nhiều đến chuyện tuyết rơi hay bão rớt vì đã có anh lo lắng cho chị. Những hôm nào chị nghỉ làm, anh điều chỉnh nhiệt độ trong nhà cho ấm hơn để chị ở nhà khỏi lạnh. Mỗi sáng, anh rời nhà trước chị, anh luôn nổ máy xe chị cho ấm và quét sạch lớp tuyết, hoặc cạo hết lớp băng trên kính xe. Buổi chiều vừa đi làm về tới là anh lo dọn sạch tuyết trên lối đi để chị khỏi trợt ngã. Mỗi đêm, anh còn cho chị hơi ấm của một vòng ôm. Anh là cái máy sưởi vừa ấm áp, vừa dịu dàng. Anh chăm sóc chị chu đáo như thế mà mùa đông này không có anh làm sao chị khỏi hãi hùng? Còn bao lâu nữa chị phải chịu đựng cái lạnh buốt thê lương này? Cái giá băng của đất trời tràn vào tận tâm can chị và không hàn kế nào có thể đo được độ lạnh của cô đơn. Nhưng cái lạnh về đêm mới là khủng khiếp. Chị xoay, trở, hết nghiêng rồi lại ngửa, trên chiếc giường đôi cô quạnh tìm hơi ấm của anh. Ngày nào chị nằm vào giường, lùa tay vào mớ tóc bồng của anh, thủ thỉ vài lời với anh là đã chìm vào giấc ngủ say sưa, giờ chị không thể nào ngủ được. Những viên thuốc ngủ chỉ đưa chị vào những giấc ngủ tạm bợ nửa đêm về sáng và tràn đầy ác mộng.

Chị mất ngủ từ khi chiếc giường trống vắng một chỗ nằm. Nó thênh thang như một mặt đại dượng lạnh buốt. Anh bỏ chị đi đúng hai tuần nay. Anh chắc cũng lạnh lẽo như chị nhưng anh ngủ giấc dài, thanh thản. Phần chị phải chịu đựng tất cả sự nhớ nhung, thương tiếc và giương mắt nhìn bóng đêm quạnh quẽ. Điều làm ấm lòng cả hai là anh chị đã thực hiện đúng lời Chúa dạy: chỉ có cái chết mới tách rời được họ.

Lắm lúc chị cũng muốn chết cùng anh nhưng hai đứa con làm nặng lòng chị. Nếu chị chết đi thì chúng sẽ nương tựa vào ai giữa xứ sở lưu vong này? Thằng con trai lớn đã trở lại tiểu bang nơi nó làm việc ngay sau hôm đưa ma. Còn đứa con gái út cũng vừa mới trở lại nội trú tuần rồi. Chưa bao giờ chị cảm thấy ngôi nhà lạnh lẽo đến như vậy. Ngay cả lúc đứa con gái vừa mới dời vào nội trú, chị tưởng là trống vắng lắm rồi mà bây giờ chị mới thấy lúc đó căn nhà vẫn còn ấm cúng hơn nhiều. Hẳn là vì có anh ở cạnh.

Vẫn biết sớm muộn gì anh cũng sẽ bỏ chị ra đi nhưng khi nhìn anh thở hơi cuối cùng, chị không khỏi bàng hoàng. Lẽ ra anh đã vĩnh biệt chị từ tuần lễ trước nhưng qua cơn hấp hối, anh lại tỉnh táo, sáng suốt như bình thường. Hôm đem anh từ nhà thương về, chị hy vọng anh sẽ bình phục và vui sống với chị thêm vài năm nữa. Thấy chị quá lạc quan, một vài bác lớn tuổi không muốn chị phấn khởi quá đáng sẽ thất vọng, có báo cho chị biết đó chỉ là giai đoạn hồi dương của anh, nghĩa là người chết chỉ sống thêm một khoảng thời gian nào đó thôi để kịp dặn dò, trối trăn với vợ con. Chị không nghĩ như thế vì bác sĩ cho biết mạch anh đập đều, anh ngủ thẳng giấc, ăn nhiều và biết ngon. Đặc biệt anh không nói những điều gì đáng gọi là những lời trăn trối. Nhìn anh lúc này không ai nghĩ rằng anh đã chống chỏi với chứng ung thư suốt ba năm trời nay. Chính vị bác sĩ điều trị cho anh cũng không thể cắt nghĩa tại sao con bịnh bỏ anh ra đi đột ngột như thế. Trong y khoa, những sự nhiệm mầu vẫn thường xảy ra.

Như mới đây báo chí trong và ngoài tỉnh đều bàn đến việc đứa bé gái một tuổi, nửa đêm mở cửa ra ngoài trời hàn độ hai mươi bốn mà trên người chỉ có một tấm tã. Khi mẹ bé tìm ra bé nằm co mình trong tuyết thì bé chỉ còn là một khối thịt đông lạnh. Các ngón tay, ngón chân dính cứng vào nhau, miệng, mắt cũng thế. Đem bé vào nhà thương, các bác sĩ đều phán rằng bé đã chết tuy nhiên họ vẫn tìm cách giúp bé hồi sinh. Mầu nhiệm thay, thân nhiệt bé từ mười sáu độ đã tăng trở lại bình thường, tim đã đập trở lại mà không cần đến máy hổ trợ. Bé như vừa qua cơn ốm nặng, chỉ chờ hồi sức. Từ bác sĩ cho đến y tá, ai cũng không tin bé đã vượt qua tình huống nguy nàn như thế. Với anh cũng vậy, chị tin Trời đã giúp anh thoát khỏi mọi hiểm nguy vì anh vốn hiền lành, hay giúp đỡ mọi người, không làm mất lòng ai. Cứ nhìn số người đi dự đám tang anh là đủ biết anh được lòng bằng hữu đến thế nào. Chị chưa từng thấy đám tang nào mà có đông người đi dự như thế. Sau khi gửi đi những tấm thiệp cảm ơn, chị xếp những phong bì phúng điếu lại ngay ngắn để giữ làm kỷ niệm. Tấm lòng anh làm chị được thơm lây. Mọi người viếng thăm đều tỏ vẻ quý trọng chị như họ đã từng quý trọng anh.

Ở nhà thương về anh vui vẻ hẳn ra. Anh chỉ như người vừa qua cơn ốm nặng, chờ ăn trả bữa là bình phục. Anh thảnh thơi nghe nhạc, đọc sách, và thường ngồi trước máy điện toán. Những lúc anh vui, chị để anh một mình, trọn vẹn. Những lúc nào anh cần chị ở một bên, chị mới ngồi gần nắm lấy tay anh hay đưa cho anh ly nước, đút cho anh viên thuốc, hoặc nói những lời ngọt ngào cần nói với nhau. Chị không hề nghĩ anh sẽ bỏ mình đi mau chóng như thế vì cơn bịnh dữ hầu như đã mất hẳn nơi anh. Những cơn đau xé da, nát thịt đã không còn. Vậy mà anh chỉ sống thêm với chị được một tuần lễ. Anh ra đi bất ngờ và thanh thản như người ngủ giấc trưa. Một hơi thở ra, không có hơi thở vào là xong. Chị không có kịp thời giờ để tâm sự với anh thêm.

Từ hai tháng trước, khi bệnh anh trở nặng, cái chết sẽ đến bất cứ lúc nào, chị xin nghỉ dài hạn không lương để túc trực trong nhà thương với anh. Đó là lúc thể xác anh bị hành hạ đau đớn nhất. Anh không ăn, không ngủ, không biết mình là ai, chỉ biết đau đớn và rên la. Như thế thì làm sao anh hiểu được những lời tâm sự của chị? Ngày đêm chị nguyện cầu Phật, Chúa cho anh lành mạnh, để chị nói hết với anh những lời yêu thương đằm thắm mà hình như trong suốt những năm tháng vợ chồng chị chưa hề có dịp nói, cũng như anh, cứ ngậm tăm mà thương vợ, ít cử chỉ tỏ bày, ít lời đường mật cho chị vui tai. Nhiều lắm là anh ôm nhẹ bờ vai chị hay hôn lướt trên mái tóc đã đổi màu của chị. Lắm lúc chị cũng thèm những lời tình tứ nơi anh nhưng anh vẫn ít lời, không bao giờ tán tụng chị hay nói với chị ba tiếng nồng nàn "anh yêu em." Ngay cả khi anh bắt đầu yêu chị, anh cũng không hề nói. Và mãi cho đến bây giờ, chị vẫn chờ đợi ba tiếng nhiệm mầu đó dù họ đã có với nhau hai mặt con. Nếu anh không tỏ tình với chị thì anh dành ba chữ đó cho ai? Sống với nhau gần tròn hai mươi lăm năm, chị dư biết anh yêu mình biết bao nhiêu nhưng tình anh là mối tình câm! Người đàn bà lại luôn thích nghe những lời mật ngọt. Họ là những con ruồi dại dột và sẵn sàng chết vì giọt mật thơm tho. Chị lấy làm lạ sao anh không nhả cho mình giọt mật nào mà mình vẫn chết vì anh. Chị vui vẻ chết vì một con ong

khô mật, vì một người câm không biết tỏ tình! Chị nghĩ sau khi chết đi sống lại, anh sẽ đổi khác. Anh sẽ ân cần với chị hơn, sẽ bặt thiệp hơn nhưng anh vẫn vậy. Rồi anh nhanh chóng ra đi. Tất cả những gì chị muốn nói với anh và muốn anh nói với mình đã chôn vùi xuống lòng đất. Chị muốn khắc lên bia những lời thương tiếc nhưng mà ai đọc cho chị đây? Thôi chị đành khắc vào tấm bia lòng ngàn năm dựng mãi cho anh.

Mùi trầm hương tỏa nhẹ làm chị buồn mênh mang. Một đời người cuối cùng chỉ còn lại mấy sợi hương bay và một bình tro đổ. Chị sửa lại mấy cây nhang nằm hơi nghiêng và nhìn vào ánh mắt nghiêm nghị của anh từ tấm ảnh trên bàn thờ. Hình như lúc nào anh cũng theo dõi cuộc sống của chị. Hôm nay là ngày thất thứ hai của anh. Chị trìu mến đặt lên bàn thờ anh dĩa dâu tươi mọng đỏ. Những trái dâu đầu mùa thơm ngát, mời mọc như đôi môi thiếu nữ dậy thì. Chị bày thêm những lát bánh mì nóng giòn và chai tàu vị yểu hiệu Maggi là hai món ăn anh ưa thích thuở sinh tiền. Anh lúc nào cũng sống đơn giản như thế, không lấy chuyện ăn uống làm trọng, không có nhu cầu thưởng thức những món ngon, vật lạ.

Kể từ khi còn trong quân đội, bánh mì và mì gói là hai món ăn căn bản của anh. Vừa rẻ tiền, vừa nhanh chóng, không phải mất thời giờ nấu nướng. Trong khi những người khác thích ăn bánh mì giòn với miếng phó-mát con bò cười thơm béo thì anh ca ngợi bánh mì chấm vào những giọt nước tương màu hổ phách chứa đầy chất đạm. Ngày thất thứ hai của anh, chị cúng đơn giản như vậy. Những gì anh thích, chị đều làm vừa lòng anh. Lúc nào chị cũng mong anh được vui lòng dù ở cõi sống hay cõi chết. Chị thấy mình nợ anh mối tình quá lớn mà một kiếp người chị không thể trả xong.

Chị trách anh tiết kiệm lời nói với chị nhưng rồi sáng nay chị mới thấy tình anh yêu thương, lo lắng cho chị quảng đại biết bao nhiêu. Khi người luật sư trao cho

quyển sách ước

thư tình gửi boyfriend

Đã có bao giờ em nói với anh
rằng em là người mang trong lòng quyển sách ước
hàng trăm trang chứa những điều mơ và thực
tự thuở ấu thơ, mới lớn, đến mối tình đầu.

Cô bé nhỏ là em luôn mơ đến phép nhiệm màu
biến lũ búp bê đứng dậy nói cười nhảy múa
biến đổi cả em thành một công chúa
trong vương quốc mênh mông giàu bánh kẹo, hoa hồng...

Em mơ ước lắm những phép lạ dị thường
biến lũ mèo chó cùng cất theo em giọng hát
Em cũng mơ ước tâm hồn mình là những nốt nhạc
chỉ có những âm vui, chẳng có âm buồn.

Người con gái là em mơ đến những môi hôn
của một hoàng tử đến từ cánh buồm rực rỡ
Một hoàng tử của đời thường mà như trong cổ tích
dũng cảm, thông minh, và rất mực đa tình.

Quyển sách ước vẫn ở trong em một góc lặng thinh
mà anh thì ở ngoài tầm tay với.
Nửa quả địa cầu không gian vời vợi
khác cả thời gian ăn ngủ, học hành.

Em lại mở ra trang sách ước của riêng mình
Quyển sách ước cứ dày theo năm tháng
Những trang sách hầu như không giới hạn.
Cho em điều nữa sách ơi, một điều rất nhỏ
biến đổi em, cô gái mộng mơ, thành một con chuột nhí
vừa đủ nằm trong túi áo của riêng anh.

Để em có thể kiểm tra một cách âm thầm
nhịp tim của anh bình yên hay rộn rã
Và sách ơi, cho xin một điều nhỏ nữa
rất nhỏ thôi, vì túi tham của em vốn đã chật như nêm
Giúp em đi, biến cho mùa hè đừng nóng quá
Giúp em đi, biến cho mùa hè... thật lạnh giá
để anh đừng... bỏ quên chiếc áo trên cành hoa sen...

nhí tiểu thư

chị mọi văn kiện và bản chúc thư của anh, chị sững sờ cứ tưởng mình chiêm bao. Anh có bao giờ nói với chị về số tiền bảo hiểm nhân thọ năm trăm ngàn, về căn nhà hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của chị, giờ đã được hãng bảo hiểm trả dứt và về những cổ phần trong công ty của anh đã chuyển sang tên chị? Tại sao những chuyện như thế này anh cũng không thố lộ với chị? Thường ngày anh cứ nhắc chừng chị tiêu pha chừng mực, dành dụm cho tuổi già, không đá động gì đến chuyện mua bảo hiểm. Giờ anh nằm xuống chị mới hay anh đã âm thầm chuẩn bị cho tương lai chị.

Sự chu đáo của anh làm chị nát lòng. Từ hai mươi lăm năm nay, nào chị đã lo được gì cho anh? Lần đầu tiên và sau cuối chị lo được cho anh là cái đám tang anh tươm tất. Chỉ có lần đó, anh để cho chị lo là vì anh đã xuôi tay. Nhưng mà thực ra cũng chính anh tự lo việc tang ma cho mình. Anh ghi ra cho chị danh sách những người cần được thông báo, nhà quàn nào thuận tiện cho thân nhân, bằng hữu viếng thăm và không quá tốn kém cho chị. Anh còn tự viết cả một bài cảm tạ dặn thằng con lớn đọc sau khi hạ huyệt. Lúc anh dặn dò chị, chị cảm thương cứ khóc ròng và không hề nghĩ rằng sự lo toan của anh là cần thiết. Dứt khoát anh sẽ lành mạnh và vui sống với chị. Chị cần anh, cần sự chỉnh chu của anh trong sinh hoạt hằng ngày. Không có anh, chị sẽ làm sao với mớ thư từ, hoá đơn đổ vào thùng thư hàng ngày, hàng tháng?

Ngay trong thời gian nằm bệnh viện, anh vẫn tiếp tục lo toan hết mọi thứ cho chị. Từ tiền nhà góp cho nhà băng hàng tháng cho đến tiền bảo hiểm sức khoẻ, xe cộ, anh đều ký chi phiếu ứng trước. Khi nằm xuống, anh không những chẳng để nợ nần cho chị mà còn để lại cho chị cả một gia tài đủ đảm bảo cho tương lai chị. Chị còn đòi hỏi gì hơn nữa ở một người chồng như thế?

Ngồi trong căn phòng làm việc anh để lại với đầy đủ tiện nghi, nước mắt chị cứ tuôn tràn. Mỗi một món đồ chị sờ mó đến là một sự chăm sóc của anh. Từ chiếc ghế dựa, cái màn hình, giàn máy điện toán, cho đến hệ thống stereo bắt trong phòng đều do anh sắm sửa. Anh muốn chị được thoải mái sau những giờ làm việc mệt nhọc ở phòng thí nghiệm. Những dĩa CD anh chọn, toàn là những bài chị ưa thích. Mỗi một bài nhạc, giờ là một giọt nước mắt chị khóc anh. Chùm đèn pha lê trên trần đổ một màu sữa đục xuống chiếc phong bì to khổ nằm chơ vơ trên mặt bàn. Cái phong bì đó, chị vừa nhận từ văn phòng luật sư sáng nay. Suốt buổi sáng nay, nó như mũi dao xoáy vào tim chị. Mỗi lần nhìn đến nó là chị đau đớn thêm về nỗi đau mất anh. Chị không dám nhìn đến nó mà cũng không biết giấu nó đi đâu. Thấy chiếc phong bì, nghĩ đến anh là chị khóc. Sự có mặt của anh trong đời sống của chị giờ đổi bằng một chiếc phong bì đựng bản chúc thư. Năm trăm ngàn hay một triệu cũng không đổi được sự sống của anh. Chị cần anh, chị có cần số tiền khổng lồ này đâu?

Như người mất trí, chị vừa khóc, vừa xới tung các ngăn tủ, cầm lên những món đồ mà anh đã mó tay vào, nâng niu những quyển sách anh đọc dở còn miếng bìa làm dấu nằm giữa hai trang sách, áp vào lòng những tấm hình anh chụp trong các chuyến công tác xa. Chiếc ghế ngồi như còn ấm hơi anh. Chính chiếc ghế này, anh đã ngồi vào những giờ phút cuối của anh. Trên mặt bàn còn vài mẩu giấy nhỏ với nét chữ anh ghi vội vàng về những công việc phải làm. Trên vách, nổi bật trên tấm bảng trắng là hàng chữ đen anh trích từ quyển kinh Vô Ngã Vô Ưu: *Tình yêu thật sự là tình yêu không có sự sở hữu, được cho mà không mong đợi một sự trả lại.* Xen vào những câu ghi chú về công việc ở sở làm hay đến hạn trả tiền cho tờ tạp chí mua năm là những câu thơ tình không thấy tên tác giả. Chị không hiểu đó là thơ anh viết hay anh góp nhặt từ đâu nhưng đó là những câu thơ làm trái tim người ta mềm đi, làm những sợi tóc bạc trở xanh, làm những người chưa từng biết yêu bỗng khát khao thương nhớ. Giờ chị mới hiểu ra anh nói với chị bằng ngôn ngữ riêng của anh. Tiếng nói của anh không phát ra từ những sợi dây thanh quản mà nó phát ra từ những con chữ chứa đọng ân tình. Thay vì phải đọc tâm tư anh, chị cứ mòn mỏi chờ nghe. Thì anh đã chẳng nói với chị rất nhiều đó sao? Thì anh đã chẳng tỏ cho chị biết tình anh yêu chị đó sao? Chị trách anh câm chứ không biết mình mù. Mỗi người đều có khuyết tật mà chị chẳng nhìn ra khuyết tật của mình, cứ trách móc anh. Chỉ đến khi anh mất đi rồi, chị mới nhận ra điều thiếu sót của mình. Chị yêu anh xót xa nhưng có còn cách nào để hàn gắn, để tạ lỗi với anh?

Khi mở đến ngăn kéo sau cùng, tay chị chạm phải một quyển sổ bìa da nâu bóng. Trái tim chị đập nhanh hơn khi mở quyển sổ tâm tình của anh. Chị tưởng như mình đang mở cửa vào đời sống bí mật của anh, mon men vào thế giới riêng tư của anh. Chị ngần ngừ nửa muốn đọc, nửa muốn trả về chỗ cũ. Chị lật sơ quyển sổ rồi xếp lại suy nghĩ. Những trang chữ không nhiều, chỉ

độ một phần ba số trang. Không biết anh bắt đầu viết từ bao giờ? Và anh viết cho ai? Cho chị? Hay cho chính anh? Nếu cho anh thì anh cũng sẽ vui lòng để cho chị đọc. Nếu cho chị, chị lại càng nên đọc hơn. Chị lần mở những trang chữ, lòng mơ về những lời tình tự anh dấu kín cho mình.

Nhưng trái tim chị thắt lại khi thấy những giòng mở đầu không phải cho chị mà cho một người đàn bà khác. "Gửi Mai những phút cuối của một đời". Chị nhớ Mai là mối tình thời binh biến của anh. Nhưng đó là chuyện của gần ba mươi năm trước, chuyện mà chị tưởng đã thuộc về quá khứ cũng như chuyện mối tình thời trẻ dại của chị. Chị về với anh là mối tình cũ cũng đã vùi chôn. Chị chưa hề nhớ lại mối tình đó của mình. Và trong suốt hai mươi lăm năm chồng vợ, anh chưa hề nhắc đến tên người đàn bà đó như nhắc nhở một người tình. Thảng hoặc anh có kể cho chị nghe về Mai nhưng với giọng kể của một người kể lại câu chuyện tình của một người khác, không liên can đến mình. Thì ra anh là một kẻ đóng kịch tài tình.

Chị đọc những trang nhật ký của một tuần mà lòng tan nát. Xen vào những giòng tâm tình bằng nét chữ run rẩy của mình, anh ghi lại nguyên bản cảm tạ mà anh muốn thằng con đọc trước mộ. Anh viết điếu văn cho chính mình hay cho người đàn bà tên Mai? Suốt bản điếu văn, không một nét tên nào được anh nhắc tới nhưng chị biết anh gửi gấm rất nhiều cho người đàn bà mang tên loài hoa của mùa Xuân. Điều anh gửi gấm là điều gì ngoài một tình yêu thầm kín của anh? Hay là họ đã có với nhau một đứa con? Hay là họ đã có với nhau những kỷ niệm khó phai nào đó? Bây giờ chị mới hiểu ra tại sao mất anh cứ mở trừng trong cơn hấp hối một tuần lễ trước khi anh thực sự ra đi. Vị sư già đứng đọc kinh cho anh bên giường bệnh cố vuốt mắt cho anh nhưng đôi mắt anh không thể nào nhắm. Vị sư có hỏi nhỏ chị, anh ấy còn nuối ai không? Chị mạnh dạn trả lời không vì vợ con đều có mặt cả nơi đây thì anh còn ai để nuối? Và ngay trong phút lâm chung, mắt anh đã hướng về cánh rừng mai trên tờ lịch mà ú ớ điều gì. Giờ thì chị đoán có lẽ anh muốn chị báo cho Mai biết anh đã ra đi. Chị không ngờ anh vẫn nuôi hy vọng sẽ gặp lại người ấy một lần cuối. Anh sống thêm một tuần lễ để kéo dài niềm hy vọng đó. Vậy là tuần lễ cuối cùng của cuộc đời, anh dành cho người đàn bà tên Mai. Còn hai mươi lăm năm chung sống, anh có thực sự dành cho chị hay không? Hai mươi lăm năm thừa thãi thời giờ và một tuần gấp gáp sống cho hết kiếp người, khoảng thời gian nào đáng quý hơn? Nếu mà đổi được, chị có dám trả lại anh hai mươi lăm năm để nhận lấy bảy ngày mỏng manh, thoi thóp?

Chỉ có anh, kẻ cầm cân mới biết cán cân lệch về bên nào. Nhưng lệch về bên nào thì kẻ thiệt thòi cũng chỉ là chị. Người đàn bà kia đã ở ngoài đời sống anh từ lâu lắm rồi, đâu có sớt chia với anh những phút giây sống chết đớn đau như chị đã từng. Còn chị, chị ở trong anh mà chị vẫn ở ngoài anh. Chị thấy rõ ràng chị chỉ là gánh nặng mà anh cưu mang, là một người vợ nhỏ nhoi mà anh vui lòng bảo bọc. Chị chưa được là người tình để anh trải lòng ra thương nhớ. Nhưng chị có điều gì lầm lỗi với anh? Trong cách đối đãi của chị với anh và gia đình chồng, chị có điều chi sơ sót? Với bà mẹ chồng khó tính, chị vẫn vâng dạ trước những mệnh lệnh của bà. Chị làm ngơ với sự ganh tỵ của những cô em chồng về sự lo lắng anh dành cho chị. Chị nghĩ rằng mình được anh thương yêu là quá hạnh phúc rồi, những ghen hờn nhỏ nhặt đến từ phía gia đình anh, chị đều chịu đựng được.

Biết ra anh không trọn tình với mình, chị đớn đau như là kẻ bị phụ tình. Tại sao cho đến khi anh nằm xuống rồi chị mới biết ra lòng anh vẫn hướng về người đàn bà đó? Suốt những năm chung sống, anh là người chồng mẫu mực, chưa hề có một cuộc tình vụng trộm nào để phiền lòng chị. Hễ chị đâu thì anh đó, điều gì chị ao ước, chưa kịp nói ra anh đã nuông chiều. Chị hài lòng với cuộc hôn nhân của mình. Hai đứa con ngoan điểm tô thêm cho niềm hạnh phúc vốn đã rạng ngời của chị. Đợi đến khi anh mất đi chị mới biết rằng anh đã xây cho chị một lâu đài hạnh phúc bằng cát. Lâu đài của chị sụp đổ không vì cái chết của anh mà vì mối tình anh âm thầm nuôi dưỡng, mối tình thật sự mà anh không đòi quyền sở hữu. Còn chị, vì anh có quyền sở hữu nên chị không phải là mối tình chân anh đem cho chẳng mong được đáp đền. Nhưng chị đã đền đáp mối tình hờ của anh bằng hai đứa con xinh đẹp, bằng một dạ phục tùng, bằng sớm hôm kề cận. Anh có chị cả hồn lẫn xác. Chị có anh chỉ xác, thiếu hồn. Anh lo lắng cho chị để bù lại cái phần hồn anh đã gởi đi về tận trời nào. Cái hồn cận kề chị là cái hồn vay mượn nơi đâu.

Mãi đến lúc này chị mới thấy mình thật sự mất anh. Những tưởng anh bỏ chị ra đi từ hai tuần lễ trước, giờ mới hay ra anh bỏ chị đi từ hai mươi mấy năm nay. Suốt những năm chung sống, anh đã cho chị tất cả mà chỉ có một nét tên, giờ cuối anh lại hẹp hòi với chị. Chỉ một nét tên nhỏ thôi mà

thay đổi cả cuộc đời chị! Nếu anh thay tên người đàn bà đó bằng tên chị thì cuộc đời chị toàn vẹn biết bao. Có bao nhiêu người đàn bà trong cõi đời này ở vào hoàn cảnh như chị? Có bao nhiêu người đàn bà một mực tôn thờ chồng, đến khi chồng nằm xuống phải chia xẻ mảnh khăn tang cho một người đàn bà khác? Có bao nhiêu người đàn bà ôm quan tài chồng người khác mà khóc than cho cảnh góa bụa của mình? Ai là người đáng thương? Những người đàn bà còn ở lại hay những người đàn ông nằm im lìm dưới đáy mộ sâu?

Lòng dạ nát tan, chị cần vô cùng một người để tâm sự. Chị còn có ai ngoài anh ra? Chị bỗng muốn điện thoại cho con gái gọi nó về với chị nhưng chị bỏ ý định quấy rầy con. Nó còn kỳ thi sắp tới phải lo, nó còn hình ảnh thần tượng của người cha mà chị không có quyền nghiền ra thành bột. Chị phải gánh vác cái đau này một mình. Chị thấy mình kiệt sức như người phải chống đỡ bầu trời đang sập bằng hai tay yếu ớt của mình. Nước mắt đã khô trên đôi gò má hốc hác vì thiếu ngủ, trái tim đã trở lại nhịp đập bình thường, chị bình tĩnh nhìn lại hai báu vật nằm trước mắt mình. Kìa là chiếc phong bì đựng chúc thư với món tài sản giá trị. Đây là quyển sổ nhỏ nhoi, trị giá chỉ mươi đồng bạc nhưng gói ghém một mối tình vô giá. Nếu phải lựa chọn, chị sẽ lựa món nào? Động sản hay là bất động sản? Bất động sản là món tiền bảo hiểm, là căn nhà thênh thang chị đang ngồi trong đó. Động sản là trái tim anh, là mối tình kỳ diệu anh nuôi dưỡng suốt một đời người. Bất động sản anh để lại cho chị, còn động sản anh đã để lại cho một người đàn bà khác. Bất động sản, anh làm di chúc trao lại cho chị. Còn động sản anh không cần làm văn tự mà tự nó cũng nói lên cái quyền thừa kế. Biết anh không để lại cho mình nhưng chị vẫn ôm ghì lấy quyển nhật ký như sợ nó sẽ bị cướp đi. Tòa án nào sẽ phán xét cho chị quyền kế thừa về món kỷ vật bất động sản này? Người ta tranh nhau cái nhà, giành nhau cổ phần trong thị trường chứng khoán chớ có ai giành nhau một quyển sổ vô tri? Và người đàn bà kia, may mắn được cất giữ nó, biết sẽ tưng tiu nó như chị hay không? Quyển sổ quý giá đối với chị rồi sẽ có một vị trí nào xứng đáng trong căn nhà lạ hay sẽ bị vứt vào sọt rác để bảo vệ hạnh phúc của chủ nhân? Nếu người đàn bà không tự tay vứt bỏ thì biết đâu chồng của nàng cũng sẽ làm mất đi dấu tích của một cuộc tình lãng mạn? Ôi, nếu anh đừng ghi lại những giòng này thì cuộc đời đơn giản biết bao nhiêu. Đơn giản cho cả chị mà cho cả người tình của anh nữa. Chị không phải băn khoăn về cuộc đời của mình và người đàn bà đó không phải bứt rứt, lo âu cho hạnh phúc riêng tư.

Chị đọc lại một lần nữa những điều anh ghi trong nhật ký gửi người tên Mai. Những lời tâm sự của anh làm lòng chị nát tan nhưng chị vẫn muốn giữ nó như một kỷ vật sau cuối mang bút tích của anh. Biết rằng mỗi khi nhìn thấy nó, lòng chị sẽ đau nhưng dù gì nó cũng là tâm huyết của anh, chị muốn giữ gìn. Nhưng sau khi suy nghĩ kỹ, chị thấy mình không có quyền cất giữ bởi nó không thuộc về mình. Dù không có chúc thư nhưng chị biết rõ ai là người có quyền giữ quyển nhật ký của anh. Chị cho quyển sổ vào phong bì gói kỹ và run run ghi xuống địa chỉ của người đàn bà mà chị tìm thấy trong nhật ký. Chị đoán anh định bụng sẽ gửi đi nhưng chưa kịp làm. Chị ôm quyển nhật ký, dứt khoát đi đến nhà bưu điện dù tuyết vẫn rơi trắng trời. Chị muốn tự tay mình gửi bảo đảm quyển sổ này để biết chắc nó sẽ đến tay người nhận. Bằng cách này chị trả ơn anh suốt hai mươi lăm năm cho chị cuộc tình hờ. ●

đày đoạ

Giọt men đắng đưa hồn vào cay đắng
Xót xa dâng từ đáy vực trầm luân.
Hình với bóng mập mờ in đêm vắng
Cơn say vùi quá khứ những mùa xuân.

Nghĩ và nhớ, dòng sóng ngầm ray rứt
Tội tình gì đày đoạ kiếp trăm năm?
Một lần vay, nghiệp duyên quàng không dứt
Cuối cuộc đời, chồng chất những ăn năn.

Hơi thở ngắn, nỗi đau dài vô tận.
Bàn tay nào xoa dịu vết thương sâu?
Vùng oan trái, tối tăm trùm thân phận
Giữa vô minh, kinh khổ tụng đêm thâu.

b.h.t.

xóm cũ

LTS: Để gợi lại, chia-sẻ và giữ-gìn những kỷ-niệm của đời người bên cạnh nét đẹp quê-hương, tòa-soạn mở mục "Xóm cũ" để chào-đón các bài viết về phong-thổ, tập-quán, con người, đặc-tính địa-phương,.. Hãy ghi chép lại trước khi kỷ-niệm chìm sâu. Hãy phơi trải, trước khi lớp bụi thời-gian phủ mờ ký-ức. Viết về một lượm lúa, một cánh vạc, một câu hò, một ngôi miếu, một cảnh chùa, một dòng sông, một trái núi, một bờ kênh,.. nơi bạn đã ra đời, lớn lên hay thắt chặt một mối tình đằm-thắm. Hãy sớt chia, để được gìn-giữ. Hãy cho, và hãy nhận...

Miếu Bà Chúa Xứ

Huy Vũ

Ở núi Sam Châu đốc có một ngôi miếu rất nổi tiếng gọi là Miếu Bà Chúa Xứ. Trong miếu thờ một pho tượng đá, gọi là tượng Bà Chúa Xứ. Hàng năm, từ 23 đến ngày 26 tháng Tư Âm lịch, có tới hàng triệu người đổ về ngôi miếu này để chiêm bái, gọi là ngày lễ Vía Bà Chúa Xứ.

Theo truyền thuyết dân gian, thì bà Chúa Xứ ngày xưa là một cô gái rất xinh đẹp, con của một gia đình rất giàu có đã mấy đời trong vùng Thất Sơn. Một hôm, cô gái xin phép cha mẹ đi thăm một người cô bịnh nặng ở xa. Con đường cô gái phải đi qua, chạy xuyên qua một cánh rừng, mà đó lại là nơi bọn thảo khấu thường mai phục để cướp giựt khách thương buôn. Thấy bóng dáng một phụ nữ lẻ loi, lại không mang theo đồ đạc gì cả, tên thổ phỉ tỏ ra thất vọng vì công trình chờ đợi từ sáng tới giờ. Song khi cô gái đến gần, thì mắt hắn lại sáng lên, vì nhận ra người thiếu nữ này là một cô gái sắc nước hương trời, mà quá nửa cuộc đời giang hồ, hắn chưa bao giờ được thấy. Vốn là một tên gian manh, hắn nghĩ ngay đến việc phải bắt sống cô gái đẹp này mang về sào huyệt, để bắt ép làm vợ. Hắn liền hô hoán thuộc hạ cùng hắn xông ra vây kín cô gái lại. Dù chân yếu tay mềm, cô gái cũng ra sức chống cự đến kỳ cùng. Đến lúc sức cùng lực kiệt, cô gái mới đành chịu để bọn thảo khấu bắt trói dẫn đi. May thay, ngay lúc ấy, có một tráng sĩ đi tới, liền tả xung hữu đột, đánh tan bọn cướp và giải cứu cho cô gái. Tráng sĩ cởi trói và hỏi thăm quê quán, rồi đưa cô gái trở về với cha mẹ của cô. Sau khi nghe kể hết ngọn nguồn, ông bà phú hộ hết sức mừng rỡ, bèn sai bảo gia nhân giết heo, gà làm tiệc lớn để đãi tráng sĩ, và cũng để mừng con gái đã tai qua, nạn khỏi trong đường tơ kẽ tóc. Gần cuối bữa tiệc, phú ông mới ngỏ ý là muốn gả cô gái cho làm vợ tráng sĩ để đền ơn. Tráng sĩ thưa lại rằng, được kết duyên với cô gái đẹp đẽ và đoan trang của ông bà phú hộ là điều thật vinh dự và thực lòng không dám từ chối, song việc hôn nhân là điều trọng hệ, nên tráng sĩ cần phải về nhà xin song thân trước đã, và xin hẹn đến độ này năm tới sẽ trở lại tính chuyện cưới xin.

Sau khi thoát về được đến sào huyệt, tên tướng cướp vô cùng tức giận, vì miếng ăn đã đưa gần đến miệng mà còn bị cướp đi. Do đó, một mặt, hắn ra công tập luyện võ

nghệ, còn mặt khác, hắn sai bọn bộ hạ giả dạng thường dân, toả ra khắp vùng để tìm kiếm tông tích cô gái. Nhiều tháng sau, hắn mới được biết cô gái là con của một phú ông ở khá xa sào huyệt của hắn. Rồi một hôm, hắn tụ tập bọn lâu la, kéo đến vây kín nhà phú ông, và ép buộc phú ông phải gả cô con gái cho hắn, nếu không hắn sẽ giết hết mọi người trong nhà, và đốt phá toàn bộ dinh cơ. Trước áp lực của gươm giáo, phú ông phải dùng lời ngon ngọt để làm kế hoãn binh nên nói với tên cướp rằng, cô gái hiện còn đang phải để tang người cô, và xin hẹn đến ngày này năm sau sẽ cho làm lễ vu quy. Phú ông hy vọng với mưu kế này, con gái của ông sẽ được vẹn toàn, vì cái hẹn của chàng tráng sĩ sẽ đến trước cái hẹn của tên tướng cướp. Song dường như, trời chẳng chiều người, ngày hẹn trở lại của tráng sĩ đã tới, mà bóng dáng của chàng vẫn chẳng thấy đâu. Lo lắng cho số phận hẩm hiu của mình, cô gái than khóc suốt ngày đêm. Buồn cho gia đình đã đến hồi mạt vận, ông bà phú hộ cũng than khóc không nguôi.

Chẳng bao lâu sau, tên tướng cướp và lũ bộ hạ, với quần áo và gươm giáo chỉnh tề, đã kéo đến chật nhà ông phú hộ để xin đón dâu. Vì không muốn bọn cướp giết hại cha mẹ, và đốt phá cơ nghiệp của ông cha, cô gái đã cố nén nước mắt, xin phép ông bà phú hộ để "theo chồng", rồi bước lên chiếc kiệu để mặc cho bọn cướp khiêng đi, trước những giọt nước mắt vấn dài của ông bà phú hộ và gia nhân. Khi về tới sào huyệt, tên tướng cướp vẫn còn lo ngại cô gái sẽ bỏ trốn, nên hắn đã sai nhốt cô gái vào một căn phòng riêng, và bên ngoài xa xa có bọn lâu la canh giữ. Căn phòng này cũng là nơi mà hắn dự định sẽ vùi dập cành thiên hương mà hắn vừa cướp được. Vì không muốn trao thân gởi phận cho tên tướng cướp, nên cô gái đã cắn lưỡi tự tử để bảo toàn tiết trinh.

Khi mở cửa phòng tân hôn bước vào, tên tướng cướp mới phát giác ra rằng, cô dâu mà hắn mới rước về chỉ còn là một cái xác bất động với những dòng máu từ miệng tuôn ra đã đặc cứng tự bao giờ. Lại thêm một lần nữa bị thất vọng, nên hắn tức tối, la hét om sòm, rồi sai bộ hạ quẳng xác cô gái xuống vực sâu sau doanh trại. Là một trinh nữ, lại chết trong một hoàn cảnh rất oan nghiệt, nên thân thể của cô gái đã được thần linh cho biến thành đá.

Sự cố nói trên có lẽ đã xảy ra từ lâu lắm, từ những ngày mà Thất Sơn còn thuộc nước Chân Lạp, chưa được cắt dâng cho triều đình nhà Nguyễn, và pho tượng có thể là di tích của người Khơ-me xa xưa. Mãi cho đến năm 1920, hay những năm sau đó, khi Nguyễn Văn Thoại (1762-1829) làm Trấn Thủ Vĩnh-Thanh (Vĩnh long và An giang), bắt đầu huy động một lực lượng dân chúng làm xâu lên tới cả trăm ngàn người, để đào kinh Vĩnh Tế theo lệnh của vua Gia Long, thì vùng núi Sam Châu đốc trở thành nơi tập trung đông đảo của đám dân công này. Việc đào kinh quá vất vả và khó nhọc, như bài vè đào kinh Vĩnh Tế còn lưu lại rằng, *"việc màn cực khổ, mệt đổ mồ hôi, không dám nghỉ ngơi, cực đà quá cực"*, cộng thêm với thời tiết khắc nghiệt, nên nhiều người trong đám dân công này đã bỏ trốn lên núi ẩn náu để chờ cơ hội tìm về cố hương. Tình cờ, những người bỏ trốn này đã phát giác ra pho tượng, và mới cho dân địa phương biết. Tin tức về pho tượng cứ mỗi ngày một lan rộng ra. Nhiều người hiếu kỳ ở địa phương, đã rủ nhau tìm đến tận hốc núi này, và quả thật họ đã mắt thấy, tay đụng đến pho tượng.

Vốn sẵn lòng tin vào sự huyền bí của trời đất, nên dân chúng địa phương cho rằng, hòn đá giống như thân hình của một người phụ nữ này, chẳng thần thì cũng thánh chi đây. Vì tin như thế, nên một số người khi gặp khó khăn, hoặc muốn cầu xin điều gì, đã lễ mễ nhang đèn, bánh trái, vàng mã tới tận hốc núi để khấn khứa và vái lạy. Không biết do sự trùng hợp nào đó, hay sự linh thiêng thật sự của pho tượng, mà phần lớn những người đến cầu xin không ít thì nhiều đều được như ý.

Tin đồn về sự linh thiêng của pho tượng lại được mau chóng lan truyền, và số người kéo tới lễ bái, cầu xin càng nhiều hơn, dù phải luồn lách qua những mỏm đá cheo leo hoặc phải đi theo những lối mòn quanh co, và những dốc đá lởm chởm. Vì nhận ra sự bất tiện này, nên dân chúng trong vùng mới bàn nhau khiêng pho tượng xuống chân núi để lập miếu thờ. Lúc đầu người ta đưa lên núi nhiều người đàn ông lực lưỡng và khoẻ mạnh, tin rằng việc khiêng pho tượng bé nhỏ kia xuống núi sẽ dễ dàng. Song thực tế, những người đàn ông khoẻ mạnh này dù hợp sức lại cũng không thể nào làm cho pho tượng lay động được, chứ chưa nói gì đến việc khiêng đi. Rồi người ta đã phải dùng tới phương pháp thỉnh đồng để tìm phương kế, và được cho biết phải tuyển chọn mười cô gái đồng trinh, mới có thể di chuyển pho tượng xuống chân núi được. Khi đã có đủ mười cô gái đồng trinh, và đưa các cô nầy lên núi để khiêng pho tượng, thì việc di chuyển xuống núi không còn gặp khó khăn nào nữa. Khi khiêng qua khu đất, mà ngày nay là miếu thờ Bà, bỗng tất cả mười cô gái đều cảm thấy sức nặng của pho tượng

tăng lên gấp bội một cách hết sức đột ngột đến nỗi không còn có thể chịu đựng được nữa, nên đành phải đặt pho tượng xuống. Sau nhiều lần cố gắng di chuyển pho tượng đến một khu đất bằng phẳng và rộng rãi hơn đều thất bại, nên dân làng mới nghĩ rằng, có lẽ pho tượng linh thiêng đã muốn dừng chân ở chốn này. Chẳng bao lâu sau, kẻ góp của, người góp công, nơi đây đã mọc lên một ngôi miếu, tuy bằng cây lá, song cũng đủ trang trọng để thờ cúng pho tượng. Kể từ đấy người ta gọi miếu này là Miếu Bà Chúa Xứ.

Trước năm 1945, những người đến Miếu Bà lễ bái và cầu xin phần lớn là dân cư trong vùng Bảy Núi và trong tỉnh Châu Đốc. Cho tới khi sự đi lại trên quốc lộ 4 và các trục lộ liên tỉnh ở miền tây được cải thiện, về phương diện an ninh cũng như về lưu lượng xe cộ, thì chẳng những dân chúng ở miền lục tỉnh, mà còn cả những người từ Sài Gòn - Gia Định, và miền nam Trung bộ, cũng thường đến núi Sam để lễ bái. Hầu như quanh năm suốt tháng, không lúc nào vắng bóng người hành hương ở Miếu Bà Chúa Xứ. Song đông nhất vẫn là vào những ngày lễ Vía Bà từ 23 tới 26 tháng Tư Âm lịch.

Cửa vào miếu Bà Chúa Xứ

Miếu Bà Chúa Xứ (bên trái) và trường Trung-học Vĩnh-tế (bên phải)

Người ta kéo nhau đến đây để cầu xin van vái, được mạnh giỏi quanh năm, làm ăn khấn khá, và mua may bán đắt, một vốn bốn lời. Đôi khi còn vay mượn tiền bạc của Bà để làm vốn nữa, dù chỉ là tượng trưng vài ba đồng bạc. Một phần có lẽ cũng nhờ miếu Bà có đôi chút linh thiêng, phần khác, là nhờ vào thời kỳ sau năm 1954 chế độ y tế được cải thiện và nền kinh tế tự do ở miền Nam đang phát triển, nên hầu như nhiều người đến đây khấn vái, không nhiều thì ít, đều được toại nguyện cả. Song với lòng mê tín, dị đoan vốn sẵn có trong giới thương buôn, và với sự suy nghĩ giản dị của người dân ở vùng thôn dã, thì việc ăn nên làm ra của họ đều do việc cầu xin tại Miếu Bà Chúa Xứ mà ra. Từ đó, lòng tin tưởng vào sự linh thiêng của Miếu Bà Chúa Xứ được nhân lên và lan rộng ra gấp bội. Những người đã dự lễ vía Bà năm trước, chẳng những đều trở lại vào năm sau, mà còn rủ thêm bạn bè và bà con cùng đi nữa. Những người đã mượn tiền Bà, dù chỉ là một vài đồng, làm ăn phát đạt, đã trở lại để trả tiền vốn, và tiền lời, nhiều khi tiền lời gấp cả mấy nghìn lần tiền vốn, và nhân tiện cũng cầu xin Bà tiếp tục phù hộ độ trì cho họ vào những năm tới nữa. Ngay cả những người làm ăn lỗ lã, họ sẵn sàng quỵt tiền của các bạn hàng khác, hay của khách hàng, song chắc chắn không bao giờ

dám quên trở lại nơi đây, để trả nợ và lời cho Bà, vì tin rằng có làm như thế mới làm ăn khấm khá được, và nếu không Bà sẽ trù yểm đến lụn bại mãn đời.

Kể từ khi ngôi miếu bằng cây lá được dựng lên (1819-1824, tức là trong thời gian kinh Vĩnh Tế khởi công đến khi hoàn tất) cho đến năm 1970, Miếu Bà đã được tu sửa nhiều lần, lúc đầu bằng cây lá, về sau bằng gạch ngói. Việc tu sửa như thế nào, đều do sáng kiến của người dân địa phương hoặc của Ban Quản Trị ngôi miếu. Nói chung thì sau mỗi lần tu sửa hay nới rộng, ngôi miếu tuy có phần khang trang và rộng rãi hơn lên, song vẫn còn mang dáng vẻ quê mùa cục mịch. Sự phối trí giữa ngôi miếu và những căn nhà phụ thuộc của nó, cùng những cảnh vật chung quanh còn khá luộm thuộm. Mãi cho đến năm 1972, khi ngân quĩ của Miếu Bà đã tích luỹ được một số tiền khá lớn và Ban Quản Trị có nhiều vị thức thời, đã mời kiến trúc sư Lê Văn Mãng, là người sinh quán ở Châu Đốc, đứng ra vẽ hoạ đồ chỉnh trang và đại trùng tu Miếu Bà Chúa Xứ. Kiến trúc sư Lê Văn Mãng đã tạo cho Miếu Bà thành một công trình kiến trúc vừa có những nét cổ truyền dân tộc, và vừa có những nét hiện đại tây phương, và cảnh vật nơi đây cũng trở nên hài hoà và sáng sủa.

Để tăng cường tiện nghi đón tiếp khách hành hương từ phương xa tới, Ban Quản Trị còn đề nghị một dự án, phá bỏ dẫy nhà gạch phụ thuộc của Miếu Bà và xây cất thay thế vào đó là một cao ốc 3 tầng có nhiều phòng học để lập trường trung học công lập cho xã Vĩnh Tế. Ngôi trường sẽ đóng cửa vào những ngày cuối của tháng Tư Âm lịch và bàn ghế được xếp gọn vào một góc, để dùng làm nơi tạm trú cho khách hành hương. Đề nghị này được Hội Đồng Bình Định và Phát Triển Nông Thôn Tỉnh hết sức ủng hộ, vì ngoài việc đóng góp mấy trăm bao xi-măng vào dự án, Hội đồng này đã đẩy mạnh được công tác phát triển giáo dục cho một vùng nông thôn rộng lớn, đồng thời chia xẻ được gánh nặng phải xây cất thêm nhiều phòng ốc cho trường Trung học Thủ Khoa Nghĩa trong thị xã Châu Đốc. Do đó, một ngôi trường cao vòi vọi, khá lớn và khá đẹp đã mọc lên, nằm đối diện với Miếu Bà Chúa Xứ. Kể từ đó con cháu của Bà Chúa Xứ ở xã Vĩnh Tế sau khi học hết bậc tiểu học không còn phải đi học xa nữa, và con em của các làng mạc từ các xã Thới Sơn, Nhơn Hưng thuộc quận Tịnh Biên cũng được nhờ cậy. Nghe nói ngôi trường này sau năm 1975 đã bị đóng cửa, và nơi đây đã trở thành nhà Lưu Niệm của miếu Bà.

Hàng năm, không cần phải đợi đến ngày 23, mà bắt đầu từ ngày rằm tháng Tư Âm Lịch là đã có nhiều khách hành hương kéo đến thị xã Châu Đốc, rồi đi núi Sam lễ bái, cầu xin tại Miếu Bà Chúa Xứ. Những ngày kế tiếp lại càng đông hơn lên, và cao điểm là ngày 24, vì ngày này là ngày chính có lễ Tắm Bà vào lúc nửa đêm. Rồi giảm xuống vào ngày 25 và cuối cùng chấm dứt vào tối 26. Lòng mê tín dị đoan của người dân Việt có lẽ đôi lúc đã đi quá lố, nên một số khá đông người đến dự lễ tin rằng phần nước sau khi đã được dùng để tắm Bà cũng linh nghiệm lắm. Do đó khi tới dự lễ Tắm Bà, họ đã mang theo chai lọ để lấy nước tắm này đem về làm thuốc. Vì nước tắm Bà cũng chỉ có giới hạn, mà người xin nước lại quá đông, nên sinh ra cảnh giành giựt nhau, hay mua bán với giá chợ đen, chợ đỏ.

vỗ về

Ngày vẫn cứ khóc cười thương cảm
Ai xưa đứng gọi giữa bờ sương
Chênh vênh mùa xế soi đời xám
Mờ lạnh vào trăng nước tha hương.

Ngày vẫn nắng nơi đầu thu xứ lạ
Mà lòng nghiêng một chút mưa phùn
Từ mọng nước bờ xa rồi vỡ
Rồi thênh thang dõi thuở hoàng hôn.

Ngày đã gió từ bao năm viễn xứ
Mà đời thì mấy đoạn truân chuyên
Thao thức gọi, ngày xưa vẫn cứ...
Lao xao hoài âm hưởng bình yên.

Ngày đã muộn, trầm hương dẫu muộn
Thoáng rung hơi gió khóc điêu linh
Thoáng nghe đời bạc theo màu tóc
Để vỗ về nhau khuya tàn canh.

phan thịnh

Số lượng khách hành hương đến Châu Đốc và núi Sam trong những ngày lễ Vía Bà được ước lượng là có tới hàng triệu lượt người. Có nhiều người chỉ đến để van vái cầu xin rồi trở về ngay trong ngày, song cũng có nhiều người ở lại đây đôi ba ngày. Vào ngày 23 và 24 ở núi Sam chật cứng người là người. Từ chân núi lên đến đỉnh núi, đâu đâu người ta cũng thấy những tà áo xanh đỏ bay phấp phới. Để tránh việc tập trung quá đông người trong miếu Bà vào ban đêm, Ban Văn Nghệ của tỉnh đoàn Cán Bộ Nông Thôn, cũng như các đoàn hát bội hay cải lương do Ban Quản Trị bao thuê đã ca hát để giúp vui cho khách thập phương. Trong dịp này các hàng quán tạm thời cung cấp thức ăn và những tiện ích khác cho khách hành hương và đồ chơi cho trẻ em mọc lên như nấm. Các gia đình buôn gánh bán bưng trong vùng, vào những ngày này, cũng kiếm được chút đỉnh. Đặc biệt là các vựa mắm ở thị xã Châu Đốc đã giàu to vào dịp này, vì hầu như khách hành hương khi trở về thường mua ít nhất vài ba hũ mắm để ăn hay làm quà cho người thân. Hành khất cũng không quên tập trung về đây để nhờ ơn mưa móc của Bà. Những nấc thang từ cổng miếu đi xuống, người ta thấy đủ các loại ăn mày, nhiều khi làm cho việc lên xuống gặp nhiều khó khăn.

Trước năm 1975, vào những ngày này, chính quyền tỉnh rất bận rộn và vất vả trong việc duy trì trật tự và an ninh cho khách thập phương. Ngành Cảnh Sát phải làm việc ngày đêm để điều hoà lưu thông và duy trì trật tự. Tiểu khu Châu Đốc và Chi Khu Châu Phú phải phối trí các đơn vị địa phương quân và nghĩa quân tung ra hoạt động ngày đêm từ gần đến xa, nhất là những khu vực mà Việt Cộng có thể đặt súng cối pháo kích vào núi Sam. Nhiều năm vì tiểu khu Châu Đốc không có đủ lực lượng để đảm nhận công việc này, đã phải xin tăng phái các đơn vị địa phương quân từ các tiểu khu kế cận như An giang, Kiên giang hoặc Kiến Phong.

Vào dịp Vía Bà Chúa Xứ năm 1975, hầu như không một bóng người lai vãng nơi đây. Tuy không có thông cáo cấm đoán chính thức nào được phổ biến trong dân chúng hay trên đài truyền thanh và truyền hình cả, song mọi người đều ý thức được rằng đối với chế độ mới, thì việc lễ bái thần thánh đều là nhảm nhí, và người đến miếu Bà vào dịp này có thể bị kết tội là phản động và bắt đi "cải tạo" nữa. Tới năm 1976, mới có một số ít người gan dạ, đã mon men tới ngôi miếu này vào ngày vía Bà. Vì muốn tỏ ra là chế độ mới vẫn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của người dân, nên công an xã đã cho phép những người này được vào miếu lễ bái, song phải ra về ngay mà không được la cà ở lại. Dân chúng ở xã Vĩnh Tế cũng như thị xã Châu Đốc đã được học tập kỹ lưỡng về việc không được chứa chấp bà con và những người lạ từ xa tới trong những ngày này. Đến Vía Bà 1977, thì khách thập phương đã kéo tới khá đông, và các biện pháp hạn chế đã tỏ ra mất hiệu nghiệm. Bù lại khách hành hương cũng đã cúng kiếng một số tiền lớn cho miếu, và lúc bấy giờ Ban Quản Trị chưa được bầu bán, nên cán bộ địa phương được tuỳ tiện sử dụng. Đến năm 1978, chính quyền và đảng bộ địa phương mới nhận ra rằng, việc lễ bái của dân chúng tuy hoàn toàn trái với lý thuyết duy vật của Karl Marx đi chăng nữa, song nếu cứ ngậm miệng lại, thì chẳng những ngân sách địa phương và gia đình cán bộ cũng kiếm được khá bộn tiền, mà còn được tiếng là chế độ mới hết sức tôn trọng tự do tín ngưỡng của người dân nữa. Vì thế lễ Vía Bà Chúa Xứ, bắt đầu từ năm 1978 trở đi, khách hành hương lại kéo đến núi Sam mỗi năm một đông, không thua kém gì lễ Vía Bà của những năm trước năm 1975. ●

thu hứng

Ngô đồng nhất diệp lạc,
Thiện hạ cộng tri thu!
San Jose phớt sương mù,
Trên sân, giọt nắng, dường như úa vàng.
Nhớ gì? Ôi! Nhớ miên man;
Thương gì? Ai xé ruột gan! Như là.
Thu này, Thu tiếp... đi qua,
Quê xưa, xóm cũ, nhạt nhòa nước non...
Ngô đồng một chiếc héo hon,
Quê người, tôi, một mảnh hồn với thơ!

Anh ơi, tôi khóc bao giờ?
Tóc thề năm cũ đã mờ trắng sương.
Anh, làn mây mỏng đầu non,
Tôi, thân di điểu trên hoang đảo nào...
Thu này, Thu nữa.. .Thu sau,
Lá ngô còn rụng, lòng nào dễ quên?

Máu đào còn chảy về tim,
Sao tôi với bậu hai miền nước mây?
Ngô đồng nhất diệp bay bay...
Tôi giờ một bóng, sáng nay, một mình.
Ngày xưa ta hẹn bên đình,
Đình bao nhiêu ngói, bao tình, tình ơi!
Bây giờ đình, miếu, xa xôi,
Tôi và anh, đó, xứ người lang thang.
Rượu cay ai rót mà tràn?
Đám mây vừa tụ, đã tan mất rồi!

Ngô đồng nhất diệp, ai ơi,
Nhìn trong chiếc lá, thấy thời gian qua...

thảo chi

BẾN TRE XANH THẮM BÓNG DỪA

XUÂN VŨ

(tiếp theo)

Tôi đang tin tưởng ở các cuộc đấu phép trong truyện Tàu, nào Dương Tiễn thất thập nhị huyền công đấu với Tề Thiên Đại Thánh, hai bên quần nhau rung rinh cả trái đất, rúng động tới thiên đình. Binh tôm tướng cá của Long vương tiếp sức với thiên binh thiên tướng nhà trời để bủa vây và tiêu diệt hoặc bắt cho được Tề Thiên nhưng đều vô ích. Các gánh hát diễn tuồng Tàu thiệt hay. Họ làm trời gầm sấm sét và đấu phép y như thiệt, tôi coi mê mẩn quên cả học bài. Nay gặp Thiên Linh Cái, tôi tin là có thật nhưng ông Ba lại hạ nó xuống thành "con mẹ cổ cao nhòng ngồi húp cháo lòng" nghe bẽn tiện làm sao! Tôi lấy làm bất mãn nhưng không dám phản ứng.

Ông Ba phì phà điếu thuốc và tiếp:

- Trên đời hễ có cái thì phải có đực. Thiên Linh Cái đó còn Thiên Linh Đực ở đâu? Con Thiên Linh Cái thì đi húp cháo lòng chớ tiền đâu mà ăn hủ tiếu! Con Thiên Linh Đực thì nằm rầu vì không có tiền trả tiền phòng thuê của tao, tao thưa lính còng đầu. Rồi ông quận sẽ cho moi tận gốc rễ con Thiên Linh Cái, sẽ lòi ra thằng Thiên Linh Đực, lộ luôn cái ngón lừa bịp của tụi nó, có cơ bị phạt vạ hoặc vô tù. Con nít lầm, mua vé không còn tiền ăn bánh đã đành; người lớn cũng đổ đi coi. Rốt cuộc ai cũng tưởng Thiên Linh Cái có thiệt.

Thừa lúc ông Ba rít mấy hơi thuốc liền, tôi hỏi:

- Vậy nó làm sao có cái đầu treo ngược trong cái hộp đó được?

Ông Ba cười:

- Tao nói sợ mầy không tin chớ! Mầy vô hỏi thử thầy mầy coi ổng có đi coi không. Hễ ổng nói ổng không thèm đi thì mầy hỏi tại sao, ổng sẽ nói cho mầy nghe. Học trò thì chỉ tin thầy thôi, tin hơn tin cha mẹ... Tao nói tóm tắt như vầy thôi. Nó dùng những tấm kiếng để trong cái hộp trống đít. Con mẻ ngồi chong ngóc dưới đít ghế, thò đầu vô trong hộp. Mấy tấm kiếng chiếu qua chiếu lại thành ngược đầu. Còn cây gươm đâm xuyên qua cần cổ là hai khúc gỗ hình cây kiếm một khúc để bên nầy một khúc để bên kia cần cổ, người coi tưởng đâu kiếm xuyên qua cổ, thiệt sự hổng có tới lủng da...

Câu chuyện Thiên Linh Cái Thiên Linh Đực rồi cũng trôi qua trong quên lãng như bao câu chuyện khác tôi không hiểu mà không tìm hiểu cũng không dám hỏi thầy. Đời học trò có phải bài học nào mình cũng hiểu hết đâu!

Đời học trò của tôi, những kỷ niệm sâu sắc không phải ở trung học mà ở sơ học, cái tuổi con nít mới bắt đầu tập làm dáng, bỏ cái quần tiều để xỏ chân vào cái quần dài và thấy mình khác khác, giọng nói bể tiếng ồ ề, thấy con gái thì mắc cỡ đỏ mặt nhưng lại thích nhìn, hễ đến gần thì tay chân lọng cọng.

Tôi xin kể hầu quí vị câu chuyện sau đây, như một truyện tình trong đoạn đời của tôi đi xem Thiên Linh Cái.

Bến xe buổi chiều vắng ngắt, không còn chuyến. Tôi đành phải ở lại để sáng mai về nhà. Bãi trường Tết được nghỉ 3 tuần với 4 ngày, phí một đêm cũng không là bao. Với lại từ ngày lên trung học, tôi chưa có dịp trở lại thị trấn thân yêu này: Mỏ Cày, nơi tôi theo học trường Quận 3 năm suốt, không vắng mặt một ngày nào. Cho đến bây giờ, chưa nơi nào tôi yêu mến bằng nơi này. Tôi vào nhà ông Ba Đạt, là nhà tôi ở trọ để đi học trước kia. Nhà ông Ba ở đằng sau chợ chừng 1 cây số, đường đất cát pha đi học vào những buổi trời mưa không lấm chân.

Nhà ông Ba rộng rãi. Ông bà nhận nấu cơm tháng cho 6 đứa học trò con của những người quen chớ không phải học trò nào ông cũng nhận. Dịp bãi trường Tết này, các học trò ở đây cũng sửa soạn về quê vì trường quận nghỉ trễ hơn trường tỉnh 2 ngày. Thấy tôi về, ông bà Ba rất mừng rỡ, vì ông bà xem việc tôi lên trường trên có công sức của nhà này đóng góp. Còn tôi thì áo quần trắng, giầy nón cũng trắng tinh, thấy mình đã là người lớn. Còn các em đang học những lớp tôi đã qua thì có vẻ chiêm ngưỡng đàn anh là thằng tôi.

Ông Ba vẫn làm quản lý cho khách sạn Đồng Chủng là một trong hai khách sạn ở quận lị này. Còn bà Ba vẫn cặm cụi lo việc

bếp núc.

Ông Ba bảo:

- Mầy về đây thiệt đúng dịp. ở lại coi *Tôn Tẫn hạ san* rồi mai đi đám cưới với tao.

- Đám cưới của ai vậy ông Ba?

- Đám cưới của thằng Tư Tô.

- Ảnh cưới chị Bông con ông Cả dưới An Bình hả ông Ba?

- Không. Đám đó trớt rồi, nó kiếm được đám khác ngay.

Anh Tư Tô là con một của phú gia ở Giồng Trên. Ngoại ô Mỏ Cày có ba giồng: Giồng Giữa, Giồng Trên và Giồng Dưới. Cha anh mất đã lâu, anh ở với mẹ. Nhà đơn chiếc nên anh thôi học sớm, ở nhà để trông coi điền sản của gia đình. Anh học trên tôi hai lớp. Hồi còn ở trường quận anh cũng trọ nhà ông Ba nên quen với chúng tôi. Khi nghỉ học, anh cũng đến chơi với tụi tôi luôn. Trong một lần nọ, chị Bông con ông Cả ở An Bình đến thăm em là thằng Nhứt ăn cơm trọ ở đây. Dịp nầy anh Tô cũng đến chơi. Trông thấy chị Bông hạp nhãn nên anh về thưa với mẹ và nhờ ông Ba làm mai. Hai bên rất môn đăng hộ đối, anh Tô và chị Bông rất đẹp đôi. Mọi việc trót lọt, chỉ chờ ngày chính thức làm đám hỏi. Nhưng, theo ông Ba kể lại, thì bên đàng gái đã gạt ngang:

- Số là anh Cả đi lên Bến Tre, đậu xe ở bến bắc Hàm Luông. Thằng Tô cũng đi đâu đó, trông thấy ảnh mà không chào. Ảnh bắt lỗi là con nhà vô giáo dục nên gạt bỏ vụ mai mối của tao. Tao kêu thằng Tô tới biểu xin lỗi, không thôi mất vợ. Nó nói tháng đó ngày đó nó đâu có đi Bến Tre mà gặp ổng ở bến bắc! Chào hỏi mất công mất lênh gì mà không chào! Nó hết sức cải chánh. Tao đem lời thành thật của nó thuật lại cho anh Cả nghe, nhưng ảnh nhứt định là nó không chào... Ảnh nói chính nó chớ không ai khác. Bởi đó mà việc sắp thành rồi tan nát hết. Thằng Tô bực mình không năn nỉ nữa mà đi kiếm vợ nơi khác cho đã nư. Mầy tới coi con nhỏ nầy có bằng con anh Cả không!

- Ai vậy ông Ba? Tôi hỏi.

Ông Ba không đáp. Có lẽ ông cũng buồn, nhưng vì nể tình anh Tư nên ông phải đi dự đám cưới, mặc dầu lần này không phải là công lao của ổng.

Sáng hôm sau bà Ba sửa soạn áo dài khăn đóng cho ông vừa xong thì xe ngựa cũng đến trước cửa nhà.

Nhà anh Tư Tô ở Giồng Trên. Xe chạy qua cầu sắt đi lên Bến Tre đến ngã ba quẹo trái chạy thẳng chừng nửa giờ nữa thì tới nơi. Đây là một nổng cát cao, người dân phải xẻ đường để đi xuống mé sông gánh nước hoặc tắm giặt. Nơi đây trước kia anh Tư có rước chúng tôi đến chơi một lần. Nhà Tư Tô giàu lắm, phông tô nền đúc rất lớn, bàn ghế toàn kiểu xưa lạnh lẽo, bụi bám đầy, cửa chánh đóng im ỉm như chùa. Vườn rộng, nhiều ao mương và cây ăn trái, chồn sóc làm chủ vườn. Chúng tôi trèo hái mận, ổi và trái lý chín thơm ngào ngạt.

Nay trở lại, quang cảnh đã khác xa, đường đi dọn sạch sẽ, nhà mở rộng cửa và những chiếc lồng đèn trái bí nhiều màu treo dọc từ ngoài ngõ vào, trước ngõ vắt vẻo hai dây pháo nổi, cây kiểng trong sân được cắt tỉa tươm tất, tôi mới cảm nhận thêm được cái ý nghĩa trọng đại và huy hoàng của một đám cưới.

Tôi vẫn quần áo giày nón trắng tinh, đi theo ông Ba nên được làm khách lớn ngồi bàn giữa uống trà với bánh khéo, mứt bí. Nhà đang rộn rịp chuẩn bị đón cô dâu về. Đàng trai đã đi rước dâu từ hừng đông, độ chừng giờ ngọ thì về tới với cô dâu mới về nhà chồng.

Bàn thờ chính được trang hoàng rực rỡ. Cặp hạc làm bằng hai trái thơm và lá thơm, mỏ làm bằng hai trái ớt chín, đứng oai nghi đối diện nhau trên bàn thờ. Hai cây đèn cày chạm nổi hình rồng phượng đã cắm sẵn trên chân đèn gỗ mun đen, chiếc lư hương bằng đồng lấp lánh.

Tôi ngồi nghiêm chỉnh như ông cụ non, không dám thở mạnh. Ông Ba phải giục hai ba lần tôi mới ăn bánh và uống từng hớp trà chát ngắt, rán nuốt và sợ sặc. Giờ này đáng lẽ tôi phải được chạy chơi ngoài sân, ra đường ngóng xem đám rước dâu về, chớ đâu phải ngồi khách, nhấp nha nhấp nhỏm như đít có gai.

Bỗng đâu có tiếng người nhà bảo nhau đi treo pháo trước ngõ và sửa soạn rọi (cây đuốc nhỏ, có cán dài) để đốt pháo tre thì tôi biết đoàn rước dâu sắp về tới.

Tiếng pháo bắt đầu nổ xa xa ở đầu đường. Đùng! Đùng!... lơi lơi từng tiếng rồi to và nhặt dần. Rồi tiếng pháo tre nổ ngoài ngõ rung rinh đất. Rồi pháo dây nổ liên hồi lụp bụp như cơm sôi

nhỏ

khi tình cờ cùng nhỏ
chung chuyến buýt mỗi chiều
ngày của tôi lặng lẽ
chợt dậy niềm thân yêu.

khi nắm bàn tay nhỏ
(ôi bàn tay lụa mềm)
dường như lòng tôi đã
rối nghìn sợi tơ êm.

khi cúi hôn vai nhỏ
tim hát từ ngực trầm
những lời tình vô nghĩa
bỗng trở thành hư âm.

nguyễn văn ngọc

dài vô tận thềm nhà. Chao ôi người ta đốt có tới hàng trăm cây pháo tre và hằng chục dây pháo tiểu pháo đại. Xác pháo bay phủ kín khắp đường đi của cô dâu. Nếu như trước kia thì tôi đã xông vào khói pháo giành lượm những cây pháo lép với lũ trẻ trong xóm. Nhưng bây giờ ăn mặc thế này, lại ngồi bàn khách thì làm sao lượm pháo lép được! Đành ngồi mà tiếc ngơ tiếc ngẩn.

Tiếng pháo nổ ngay trước thềm nhà. Thuốc pháo thơm ngát, khói pháo chưa tan thì mấy vị phụ lão bước vào. Tiếng người nhà thì thào: "Cô dâu! Cô dâu! Ra coi!".

Cô dâu đã về tới ngõ, rồi tới trước thềm. Trong nhà đèn đuốc thắp lên sáng choang. Khách khứa ngồi khắp các bàn đã dọn sẵn trà nước...

Rồi cô dâu chú rể tới trước bàn thờ. Có tiếng hô trang nghiêm, dõng dạc:

- Tổ tiên... bái! Phụ mẫu... bái! Phu thê... giao bái!

Cô dâu chú rể lạy bàn thờ, ông bà, cha mẹ, tôi chỉ thấy cái lưng của hai người. Cả hai đều mặc áo rộng thùng thình, tôi không nhận ra cô dâu là ai đã đành, còn chú rể tôi cũng không nhận ra anh Tư nữa. Y phục lẫn vẻ mặt nghiêm nghị đã làm anh Tư trông khác hẳn. Khi nghe xướng "phu thê giao bái", thì cô dâu chú rể quay ngang đối diện nhau, cúi đầu. Tôi nhìn rõ gương mặt nhìn nghiêng của cô dâu. Tôi giật mình tự hỏi: Ai vậy, coi quen lắm! Chỉ trong tích tắc tôi nhớ ra ngay. Cô dâu là con bạn học chung lớp nhứt với tôi, ngồi bàn trước tôi: Xuyến.

Xuyến là con gái lớn của thầy Võ Thành Ký, dạy lớp nhì hai năm B tôi đã học. Lên lớp nhứt A, Xuyến học chung lớp với tôi, thầy Nguyễn Văn Kỳ. Nhà Xuyến ở bên kia sông tàu chạy. Đứng ở cầu tàu phía bên này bờ sông, ngay sau trường, có thể nhìn thấy sân nhà thầy. Buổi sáng thì thấy thầy cỡi xe đạp chạy chầm chậm trên cầu nhà thương để đến trường. Đôi khi thấy Xuyến cắp sách đi học. Xuyến rất giỏi toán, còn tôi thì khá Pháp văn. Ông trời ổng biểu vậy, nên hai đứa ngồi gần nhau. Giờ toán thì Xuyến cho tôi xem đáp số. Còn giờ chính tả thì tôi nhắc Xuyến những chữ khó. Một bữa nọ, vào giờ toán, như thường lệ Xuyến để tập vở qua bên trái của nàng và ngồi né hẳn sang bên để tôi ở đằng sau nhìn tới thấy rõ đáp số trên vở nàng. Hễ nhìn thấy đáp số thì tôi hết "ăn khoai bí" và có thể tìm được cách giải (solution). Còn gặp chữ khó trong chánh tả thì tôi che miệng nói gió là nàng hiểu ngay. Mau lẹ là bản chất của học trò trong lúc "đánh cọp" chớp nhoáng mà. Bữa đó tuy tôi không ăn "canh bí rợ" nhưng cũng nhìn sang đáp số trên vở nàng cho chắc bụng, nhưng lần này tôi không thấy đáp số mà thấy một chữ đậm, viết bằng ngòi bút rông (ronde): "Amour".

Tôi bàng hoàng sững người, nhưng không nói gì những lần gặp nhau ngoài lớp, chỉ thấy hơi bẽn lẽn khi không tránh được, phải chạm mặt.

Lần này trong đám cưới, tôi nhìn nàng nhưng chắc nàng không thấy tôi. Trông nàng khác hẳn xưa... Thế là tôi đã dự một đám cưới vào lúc cận Tết.

Mùa xuân mùa lạnh của trời
Mùa xuân mùa cưới của người dân quê.

Rồi thôi! Rồi tôi đi học tiếp như không có gì lạ xảy ra trong đời. Bỗng một lần nọ, không còn nhớ sau ngày đám cưới Xuyến bao lâu, trong một chuyến qua bắc Hàm Luông, tôi gặp lại nàng đi với chồng.

Khách trên chuyến bắc khá đông, không ai để ý đến ai. Tôi đứng dựa mép tàu, mắt nhìn ra mặt sông làm như không thấy hai người. Bỗng một cái vỗ nhẹ trên vai tôi và một giọng nói bay tản mát trong gió:

- Em đi học trên này hả?

Tôi biết là anh Tư Tô hỏi tôi. Không tránh né được nữa, tôi đành quay lại và đáp gọn:

- Dạ, em học trên Mỹ Tho.

Xuyến đứng cạnh chồng, rất tự nhiên và nói chuyện với tôi không chút e dè, lại gọi tôi bằng "em" nữa chớ.

- Chừng nào em thi Thành-chung?

- Dạ chừng nào... hổng biết. Tôi run run giọng đáp.

Xuyến cười ra vẻ người lớn:

- Học mà hổng biết chừng nào thi! - rồi quay sang nói với chồng - Mình ơi mình! Cậu nầy học một lớp với em nè.

- Vậy hả. Cẩu có tới nhà mình chơi một lần.

Anh Tư Tô cười thân mật.

Tôi nói như máy:

- Hồi đó em có đi đám cưới anh chị nữa.

Xuyến vọt miệng:

- Ủa, vậy sao? Em ngồi ở bàn nào mà "chị" không thấy?

- Dạ em ngồi ở bàn giữa.

- Kỳ nào bãi trường về, ghé nhà chị Tư chơi nghe!

- Dạ, để kỳ lễ Pâques lâu hơn, em sẽ ghé.

- Lý, nhãn, mận chín nhiều lắm, chị không hay ăn, với lại không dám trèo. Anh Tư không cho chị trèo, sợ chị té.

Hai vợ chồng cười với nhau ngặt nghẹo. Tôi chợt thấy cô bạn học cũ của tôi đẹp quá. Chỉ có thế thôi, không dám nghĩ gì hơn. Đã bị người ta gọi là "em" và xưng là "chị Tư", và mình cũng đã nhận người ta là "chị" rồi, còn gì nữa!

Chiếc bắc chạy ra giữa sông, nhảy sóng êm như ru. Nước tạt

hai bên thành tàu như những hạt mưa thưa. Lẫn trong tiếng máy rầm rì hoà với tiếng sóng vỗ, giọng Xuyến êm êm:

- Em đừng buồn! Chị còn một đứa em giống y như chị, mà đẹp hơn...

Tôi làm thinh. Tôi biết Xuyến không có đứa em gái nào, "chị" chỉ có đứa em trai kế ngày nào thầy cũng chở tới trường.

Suốt một thời gian dài, thỉnh thoảng nhớ lại, tôi vẫn không hiểu Xuyến nói câu đó làm chi. Một câu nói như gỡ gạc cho qua truông, không để lại một ngấn nước nào trên mặt ao. Nhưng ngờ đâu 50 năm sau nó lại khuấy động ba đào.

Số là sau khi chiến tranh nổ ra năm 1945, anh Tô đi lính quốc gia, học trường sĩ quan rồi thăng cấp rất nhanh, đến năm 1960 thì anh đã đóng lon trung tá, đại tá gì đó. Khoảng năm 1979, tôi gặp lại Xuyến ở Mỹ. Sau mấy chục năm, chị không thay đổi nhiều, vẫn vồn vã, không có vẻ gì e ngại. Dăm ba câu xã giao rồi chị nhắc lại chuyện cũ ngay:

- Hồi đó em có giận chị không? Xin lỗi nghe, xưng hô như cũ cho thân mật.

Tôi đáp:

- "Em" có giận gì đâu! Hồi đó tôi biết chị nói láo mà.

- Nói láo gì?

Xuyến có vẻ hốt hoảng và hình như muốn tôi trả lời ngay.

- Láo gì thì nhớ lấy. Nói mà quên, ai nhắc được!

- À, phải rồi, cái chữ *Amour* chớ gì?

- Biết đâu đó!

- Chữ nào thì có thể láo chớ chữ đó thì không.

Đối thoại nhát gừng tới đó thì im lặng. Một chốc chị lại tiếp, hỏi tắt ngang:

- Mấy con rồi?

- Năm.

- Hả?

- Năm đứa. Mới có bốn, nhưng sắp sửa năm.

- Giỏi dữ!

- Còn chị?

- Thôi đừng gọi bằng chị nữa!

- Thì người ta đã xưng chị thì tôi phải gọi bằng chị chớ sao, chẳng lẽ là em?

- Hồi đó thì không nên nhưng bây giờ thì được, và cần, nếu muốn... gọi.

- Hồi đó không được thì bây giờ cũng không luôn.

- Còn giận à? Giận dai quá ta! Im lặng. Một chút.

- Ông Lý đình dù lên mấy "sao" rồi?

- Phụ tá Diêm vương lâu rồi.

- Hả? Chị nói gì?

- An Lộc Stalingrad Việt Nam! - Xuyến cười mà nước mắt rưng rưng trên khoé - Stalingrad của người ta thì chiến thắng giữ được nước, còn mình cũng chiến thắng mà mất nước. Nhưng thôi, đừng nói chuyện đó nữa. Ta nên xưng hô cách nào cho phải?

- Tôi vẫn gọi chị là "chị".

- Thì tôi gọi anh là "anh" - Xuyến mím môi cười giả tạo - Anh suôi, chị suôi, không được sao? Được chớ! Anh có mấy đứa con gái? Con anh chắc cùng trang lứa với con tôi và chắc đều đẹp vì chúng ta đều đẹp...

- Thì cứ thử coi sao, biết chúng nó có cơ hội viết lại cái chữ ma quỉ đó nữa không!

- Đúng là cái chữ ma quỉ! Mà tôi cũng ma quái nữa, bỗng nhiên cây bút lại chạy ra chữ đó. Một chữ. Chữ đầu tiên, cũng là chữ cuối cùng! Anh... suôi à.

Xuyến cười qua làn nước mắt.

- Làm sao mà trở lại trường xưa, lớp cũ, mảnh sân cát đó, gốc điệp đó nữa...

- Thôi đừng có vớ vẩn nữa bà suôi ơi!

Tôi gạt ngang để xua đuổi phút mềm lòng sợ không tránh khỏi.

Rồi thôi, ai về nhà nấy. Tôi không còn gặp lại Xuyến lần nào nữa. Cái chữ "suôi gia" nói để mà chơi như chiếc áo giấy thôi, làm sao nó chịu nổi một cơn mưa, một mồi lửa!

Bây giờ tôi vẫn nhớ Mỏ Cày rõ nét hơn bất cứ nơi nào tôi đã sống qua. Nơi đó tôi có nhiều bạn thân, được uống nhiều ly nước đá ngon lạ lùng, không còn tìm ở đâu ra nữa. Nơi đó tôi có thằng bạn tốt bụng, nhà nó bán thuốc tây và sách báo. Nó lấy sách báo trong tủ kiếng ra, đứng trên lầu ném xuống cho tôi mượn. Ôi những tiểu thuyết, những sách Hồng tôi ham đọc như thèm kẹo! Bạn biết không, tôi mê man giở ra vừa đi vừa đọc, có lần té lọt xuống mương chợ mà vẫn chưa thất kinh. Bây giờ già rồi tôi mới viết được câu thơi:

Sắc đẹp, uy quyền đều huỷ diệt
Thế gian còn lại chữ mà thôi.

Ôi chữ nghĩa diệu kỳ biến ảo, nó nối lại thành một con đường dài vô tận râm mát, đất cát ấm lòng bàn chân. Tôi cứ bước đi mãi theo chữ, chữ trong sách, chữ tôi viết ra trên giấy trên đất trên trời. Chứ không ư? Nếu không có chữ thì làm sao có thi sĩ, làm sao tỏ tình? Có chữ nào huyền diệu bằng chữ "amour" đâu! Thi hào Pháp Victor Hugo lúc tóc đã bạc mới viết nổi câu thơ dạy bảo cả loài người:

Aîmons, aîmons nous toujours
Car la chanson la plus charmante
Est la chanson
des amours.
Hãy yêu nhau
Hãy yêu nhau mãi
Vì bài ca say đắm nhất
là bài ca tình yêu.

(còn tiếp)

Truyện dài của một tác-giả đi từ miền Bắc CS

VẬT VỜ

NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG

(khởi đăng từ số 213)

Chương 12

Hai anh em lặng lẽ rời khỏi đám người ở nghĩa trang. Đến lúc này Quang mới thì thào bảo với Khánh rằng đây đúng là nghĩa trang dành cho sinh viên thật. Nó có từ hồi năm 1972, trong chiến dịch đánh phá miền Bắc lần thứ hai của Mỹ. Hầu hết những ngôi mộ ở đây đều là của sinh viên. Một số ít còn lại là của các thầy cô giáo, cán bộ công nhân viên cùng với con em của họ.

Nhiều người cho rằng, kỹ sư ngành xây dựng bên ngoài thì cũng tương đương với các sĩ quan của binh chủng công binh trong quân đội. Nghĩa là cũng có thể chỉ đạo việc đào hầm đào hào, xây cất cầu cống. Và vì là những nơi có khả năng đào tạo ra các sĩ quan công binh trong tương lai nên các trường đại học như Xây dựng, Kiến trúc, Thủy lợi... đã trở thành mục tiêu để các máy bay Mỹ oanh tạc. Chẳng biết có phải thật như thế hay không, nhưng đúng là cái trường Đại học Xây Dựng Hà Nội này đã phải sơ tán đi sơ tán lại hàng ba bốn địa điểm mà cuối cùng vẫn cứ dính đạn.

Nhưng lại cũng có nhiều người cho rằng không phải vậy. Mỹ có đánh phá miền Bắc thật nhưng là để hủy diệt những căn cứ quân sự chứ đâu có phải là cứ nhằm vào nhà thờ, chùa chiền, bệnh viện, trường học, đê điều, cầu cống..., nói chung là những công trình dân dụng, công trình văn hóa, kinh tế như đài báo của ta vẫn tuyên truyền.

Về chuyện máy bay Mỹ ném bom xuống cái trường Đại học Xây Dựng ở nơi sơ tán này đến tận bây giờ vẫn hãy còn rất nhiều bàn cãi. Trong khi những người quá cả tin cho rằng Mỹ cứ nhằm đâu có trường học, có mái ngói, có khói bếp bay lên mà ném bom, thì những người có chút lý lẽ hơn đánh giá sự việc không đến nỗi đơn giản quá như vậy. Cụ thể như trong trường hợp trường Đại học Xây Dựng Hà Nội. Ai chẳng biết là ở nơi sơ tán, ngôi trường này nằm gọn giữa một bên là tổng kho của tổng cục kỹ thuật, một bên là trường dạy lái xe tăng. Đây là hai cơ sở cực kỳ quan trọng của bên Quốc phòng. Vậy nên, nói Mỹ ném bom xuống ngôi trường này thì cũng đúng. Nhưng bảo rằng mấy ông cố vấn cho ban giám hiệu đi chọn địa điểm chẳng có chút kiến thức nào về quân sự đã đem sinh mạng của mấy nghìn sinh viên cùng hàng nghìn giáo sư tiến sĩ và cán bộ giảng dạy đặt vào nơi mũi tên hòn đạn cũng chẳng sai là mấy.

Thì cũng như bao giờ mà đài báo của ta chẳng lu loa lên rằng hôm nay máy bay Mỹ ném bom phá hủy đoạn đê này đoạn đê kia, hôm khác máy bay Mỹ lại ném bom phá hủy cái cầu này cái cống khác. Nhưng có ai biết lúc máy bay Mỹ ném bom khúc sông có con đê, có cái cầu hoặc cái cống ấy dưới sông đang có cái gì xảy ra? Lại không phải là những đoàn xà lan chở đầy vũ khí, không phải là những con tàu đầy ắp súng ống, đạn dược... đang trên hành trình tiến ra cửa biển, để rồi từ đó được vận chuyển vào chiến trường Miền Nam bằng con đường đặc biệt mang cái tên mỹ miều là: Đường mòn Hồ Chí Minh trên biển.

Đài báo của ta cũng chẳng vẫn nói là máy bay Mỹ toàn nhằm vào các bệnh viện mà ném bom. Nhưng có ai biết tại sao họ lại không nhằm vào cái bệnh viện Việt Xô to đùng, nơi chuyên chữa trị cho mấy ông lãnh đạo chóp bu? Có ai biết tại sao bom của Mỹ lại rơi trúng bệnh viện Bạch Mai, cái bệnh viện chuyên chữa chạy cho dân thường không những lớn nhất Hà Nội mà cả Miền Bắc? Phải nói là rất ít người tỏ tường được những chuyện có vẻ khó hiểu ấy. Chỉ có những chiến sĩ thuộc binh chủng tên lửa hoặc những người dân Hà Nội sống gần bện viện Bạch Mai dạo ấy mới có thể biết được phần nào. Chẳng biết vô tình hay hữu ý mà trong những ngày khói lửa chiến tranh ác liệt ấy, quân ta lại được lệnh mang những quả đạn tên lửa dài dằng dặc, cùng những bệ phóng, những dàn ra đa cùng những xe thông tin, xe chỉ huy... tập kết ngay bên cạnh tường rào của bệnh viện Bạch Mai. Mà tên lửa là để bắn máy bay Mỹ. Máy bay Mỹ nếu không muốn tan xác ở miền Bắc thì phải phá hủy những gì dính dáng đến hai chữ tên lửa. Bài toán quá đơn giản, và một vài quả bom đã rơi chệch mục tiêu để một số người thay vì lên án các vị lãnh

đạo nhà nước nham hiểm coi tính mạng nhân dân như rác lại quay sang trách cứ kẻ thù là dã man.

Trường Đại học Xây Dựng nằm ở bên kia đồi, cách nghĩa trang sinh viên khoảng gần một kilomet. Nó phải chiếm đến mấy quả đồi và ngoài một con đường chính ô tô có thể ra vào được thì sự liên hệ giữa các khoa với nhau, giữa khu ký túc xá của sinh viên với các giảng đường chỉ là những con đường mòn do người hoặc trâu bò qua lại lâu ngày mà hình thành. Chỉ có mấy ngôi nhà của ban giám hiệu, thư viện, mấy cái giảng đường là được xây bằng gạch và lợp ngói, còn toàn bộ sinh viên cùng giáo viên đều phải sống trong những nếp nhà tranh vách đất trông rất tồi tàn.

Quang dẫn Khánh đi hết con đường chính khoảng hơn một kilomet, qua một cái sân vận động khá bằng phẳng nhưng lạo xạo đầy sỏi cuội và không có lấy một ngọn cỏ, qua một bờ ruộng ngoằn ngoèo dưới thung lũng mới đến khu đồi mà ông anh họ của gã ở. Điều đầu tiên mà Khánh nhậy thấy là những dẫy nhà lá ở đây nằm rải rác, cái dài, cái ngắn, cái quay dọc, cái quay ngang, cách nhau những khoảng hết sức tùy tiện, trông lôm nhôm không theo một quy hoạch nào.

Nhà ông anh họ của Quang nằm ngay dưới chân đồi. Đấy là một cái nhà lá bốn gian đã cũ lắm và cách hơi xa những dẫy nhà khác. Ở một đầu hồi nhà có cái bể hai ngăn dùng để chứa nước, còn ở phía trước nhà thì có một cái giếng nhỏ. Quang và Khánh đi dọc theo hàng hiên của ngôi nhà rồi dừng lại trước cửa của gian cuối cùng. Một chiếc khóa sắt chắc chắn, hiệu Trung Quốc chính cống đập vào mặt họ. Ông anh không có nhà.

- Ông này lại biến đi đâu không biết! - Quang vừa lẩm bẩm trong miệng vừa quay sang Khánh lúc đó đã hơi hoang mang. - Tính ông ấy thế anh ạ. ít khi nào chịu ngồi im, cứ có cơ hội là biến và biến suốt.

- Vậy anh em mình biết đợi ở đây đến bao giờ? - Khánh hỏi, giọng đã hơi lo lo.

- Anh đừng sợ.

Quang cười. Gã lần theo chiếc đòn tay bằng tre to bằng ống chân ra phía đầu hồi, rồi kiễng chân lên, móc trong ống ra một vật nho nhỏ, vàng choé, sáng lấp loáng.

- Anh trông này!

Quang vừa nói vừa xoè tay ra trước mặt Khánh. Một cái chìa khóa. Mặt Khánh tươi ngay lên, gã cười:

- Sao cậu biết lão để ở đấy? Các cậu quy ước trước với nhau à?

- Vâng! Quy ước. Lão có hẹn với một số người thân thiết một số chỗ giấu chìa khóa. Nếu tìm dưới đầu mấy cây đòn tay không thấy thì tìm ở trên thanh mè thứ hai hoặc thứ ba, chỗ giao nhau với thanh rui thứ tư hoặc thứ năm.

- Như những hộp thư chết của gián điệp biệt kích ấy nhỉ?

- Vâng. Còn nếu vẫn không thấy thì ở đầu cột phía ngoài cùng...

Quang mở cửa. ánh trăng rọi qua những khe cửa, những lỗ thủng nho nhỏ trên mái, trên tường làm căn phòng sáng mờ mờ. Rồi lại sờ soạng moi ở đâu ra một cái bao diêm còn gần chục que, gã vừa bật lửa châm vào chiếc đèn hoa kỳ trên bàn vừa nói với Khánh:

- Lệ của trường này là chỉ có điện đến mười rưỡi đêm thôi anh ạ. Sau giờ ấy, ai muốn học tập, nghiên cứu gì thì bằng đèn dầu.

- Để tiết kiệm chắc?

- Vâng! Nhưng vào lỗ hà ra lỗ hổng. Anh biết không? Lý thuyết là để tiết kiệm dầu nên người ta bắt mấy bà chạy máy phát điện diesel phải tắt máy. Nhưng trong thực tế thì mấy bà này lại lấy số dầu ấy bán hoặc cho bọn sinh viên.

- Nghĩa là của Thiên lại trả Địa.

- Đúng vậy.

- Và tối đến, ai cũng phải thủ sẵn trong nhà bao diêm đề phòng hết điện.

- Vâng! Nhưng với ông anh của em thì chẳng sợ. Vì ông ấy nghiện thuốc nặng. Lão đá cả thuốc lào lẫn thuốc lá nên trong nhà lúc nào cũng phải có bật lửa hoặc có diêm.

Ngọn đèn hoa kỳ đã dần dần sáng lên, soi cho Khánh thấy mọi đồ vật trong nhà. Ông anh họ của Quang chắc là một ông vua mất vệ sinh. Nền nhà lão ở toàn những rác. Giấy lộn, giấy gói hàng, túi nilon... vung vãi khắp mọi nơi. Nhưng có lẽ nhiều nhất vẫn phải là mẩu thuốc. Mẩu thuốc đầu lọc, mẩu thuốc mậu dịch, mẩu thuốc cuốn, bã thuốc lào từ bao giờ không biết đã ngả màu vàng hoặc đen xì. Mà đâu chỉ có mẩu thuốc, bã thuốc. Còn diêm, còn đóm, còn giấy xé ra để châm thuốc. Còn vỏ bao thuốc, vỏ bao diêm, còn giấy gói thuốc, còn lá khoai, lá sắn gói chung vào để thuốc đỡ khô... Còn rất nhiều thứ, thứ này chồng lên thứ kia phủ lên nền nhà một lớp dầy hết sức hôi hám. Trên bàn thì mấy chiếc bát sứt và mấy chiếc thìa sắt cùng mấy đôi đũa, dưới gầm bàn, gầm giường là mấy chiếc chậu nhôm và xoong nhôm méo mó, tất cả đều chưa rửa nằm còng queo.

Quang dọn qua một đống gồm cả áo sơ mi lẫn áo lót, quần dài lẫn quần đùi, cả sạch lẫn bẩn cùng với chiếc chăn chiên đen xì vào một góc giường rồi bảo Khánh:

- Anh ngồi tạm xuống đây một

tí đi. Ông anh em ăn ở luộm thuộm lắm, chẳng ai nói được.

Lúc đã ngồi xuống giường rồi Khánh mới kịp nhận ra là cái giường đầy đất cát. Đây là vùng đồi. Gió rất quẩn. Gió đưa bụi đất bụi cát vào nhà là các chắc. Nhưng có một điều chắc chắn là chưa khi nào ông anh họ của Quang giũ giường giũ chiếu hay quét qua cửa nhà, chắc là lão cũng chưa bao giờ rửa qua chân tay lúc leo lên giường ngủ. Một con người ăn ở bẩn thỉu như vậy mà dám khoác áo giáo viên, ngày ngày lên lớp đứng trước bao nhiêu học sinh thì cũng thuộc dạng dũng cảm lắm.

Nơi đầu giường có một cái tủ sách. Nhưng ngoài mấy cuốn sách tự học tiếng Anh và mấy cuốn tiểu thuyết dày cộp ra Khánh không thấy có sách vở gì khác. Chẳng biết lão này dạy cái quái quỷ gì mà trong tủ không có lấy một quyển sách hay, một tập tài liệu chuyên môn? Khánh phân vân, đang định hỏi thì đã nghe Quang hỏi:

- Anh có đoán được ông anh em dạy môn gì không?

- Anh chịu. Làm sao mà đoán được.

- Lão dạy môn lịch sử kiến trúc anh ạ. Ở trường này có một lý thuyết về môn học này rất hay. Kiến trúc là nghệ thuật. Thầy dạy nghệ thuật là nghệ sĩ. Nghệ sĩ thì phải hiện sinh, tức là phải bẩn. Đến lúc gặp lão ấy rồi anh sẽ thấy.

Vì không muốn bàn đến cái lý thuyết hiện sinh ấy nên Khánh bèn hỏi Quang câu khác:

- Cậu có thể đoán được là lão đi đâu và đi bao giờ về không?

- Em chịu. Đi đâu thì chỉ có mình lão biết. Nhưng em có thể nói với anh chắc chắn một điều là lão không về nhà.

- Vì sao vậy?

- Vì lão với ông già, tức là ông bác họ của em không hợp nhau. Hai người chưa bao giờ ngồi với nhau được đến hết một ấm chè. Cha với con gì mà cứ vừa trông thấy mặt nhau là đã muốn vặc nhau ngay.

- Nhà ông già lão ở đâu?

- Ở Hà Nội anh ạ.

- Ông cụ làm cái gì?

- Cũng khá to... Cụ làm viện trưởng một viện thiết kế xây dựng của bộ...

- Chơi thân với nhau thế, song cậu có đoán được lý do mà cha con lão mặt trăng mặt trời với nhau không?

- Được chứ anh... Và cũng không đến nỗi phức tạp lắm đâu anh ạ. Chẳng là thế này: Viện thiết kế xây dựng của bộ... là một cơ quan lớn gồm rất nhiều cán bộ khoa học kỹ thuật. Nếu không thuộc diện ÂNăm C" Con Cháu Các Cụ Cả thì chỉ những phó tiến sĩ, kỹ sư tốt nghiệp bằng đỏ ở nước ngoài về mới được phân công vào đây. Trong khi đó thì ông bố của lão, tức là ông bác họ của em lại chỉ là một kỹ sư quèn. Mới học hết lớp bảy cụ đã phá ngang để đi trung cấp xây dựng. Ra trường, cụ được phân công về viện làm chân cán in bản vẽ. Rồi cụ được cử đi học chuyên tu ba năm để trở thành kỹ sư. Một người có kiến thức như thế thì làm sao có thể lãnh đạo được cả một viện gồm toàn những tay sừng sỏ. Vậy nên, cứ gặp cụ là lão đề nghị: Thôi bố xin từ chức, hay xin về hưu non đi, để cái chức viện trưởng đấy cho người khác có năng lực hơn.

- Và tất nhiên là ông cụ không nghe?

- Vâng. Tất nhiên. Làm sao mà cụ có thể nghe được. Trời có sập xuống đất thì sập chứ đã leo lên được đến cái chức ấy mà bảo cụ xuống thì đừng có hòng.

- Và thế là hai bố con không nhìn mặt nhau nữa.

- Vâng. Nhưng qua đó thì ông bác họ em cũng biết, nếu chỉ là kỹ sư thôi thì rất khó lãnh đạo đám phó tiến sĩ với kỹ sư bằng đỏ nên cụ cũng ra sức phấn đấu. Anh biết không, bây giờ cụ lại đang học tại chức và nghe đâu cũng sắp sửa bảo vệ luận án phó tiến sĩ rồi.

Quang kể xong, nhìn Khánh, cười:

- Biết tin này lão anh họ em tức lắm. Em đã từng nghe lão chửi đổng rằng: Thời buổi như cái củ c... Ông già nhà tao mà còn được làm viện trưởng thì những công trình ở thành phố này còn là lún, là nứt, còn là xiêu vẹo, là mang tiền của đổ xuống sông xuống biển. Lão lồng lên, nhưng đâu có giải quyết được cái gì.

Khánh cũng gật gù. Gã đánh giá:

- Thế là thằng cha cũng thuộc loại dũng cảm đấy. Còn hơn khối thằng biết bố mẹ tuy quyền cao chức trọng nhưng thuộc loại ngu si hưởng thái bình mà vẫn cứ câm như hến, có dám mở miệng ho he cái gì đâu. Anh thấy thích lão đấy.

- Thì em cũng biết là trước sau rồi các anh cũng sẽ thích nhau. Nếu không thì đưa anh lên làm gì...

Quang nói trong lúc lúi húi thu dọn từ khắp nơi ra một đống nồi xoong bát đĩa cốc chén. Gã muốn đun một chút nước để uống sau khi ăn bánh mì. Nhưng muốn thế thì phải tổng vệ sinh cái đống bẩn thỉu này trước đã.

Chương 13

Trời nóng, nên sau hàng năm sáu tiếng đồng hồ nằm trong ba lô kín như bưng, mấy chiếc bánh mì ba tê của bà Phùng gói cho bọn Khánh đã có mùi ôi. Cái lõi pa tê chảy ra làm phần vỏ bánh

mì bị ướt có chỗ mủn ra như cháo. Dẫu rất tiếc nhưng Quang vẫn quyết định vất đi. Gã mở cửa sổ rồi vèo một cái quẳng cả bọc xuống mảnh ruộng nhỏ có mấy luống rau muống của ai đó ở bên cạnh bờ giếng.

Quang lục lọi một hồi thì tìm thấy cái thùng lương khô bằng sắt tây đựng mì sợi của ông anh họ để ở một xó nhà. Hãy còn đến hơn nửa thùng. Rồi gã lại tìm thấy luôn trong ngăn kéo bàn và một ngăn tủ lọ muối gói mì chính. Lại thêm mấy quả ớt tươi, nửa quả chanh và một củ hành khô ở trên nóc tủ nữa. Như thế này là quá đủ để hai anh em làm một bữa khuya rồi.

Trong khi Quang xách cái gầu được gia công bằng cao su cắt ra từ lốp ô tô hỏng cùng cái chậu nhôm bẹp xuống giếng lấy nước thì Khánh nhìn thấy cái bếp dầu ở dưới gầm giường. Gã lôi ra, nhặt mảnh đóm ở dưới nền nhà, hí húi châm lửa đốt vào mấy cái bấc nhưng mãi mà vẫn chẳng cái nào chịu cháy. Khánh nhấc cái bếp lên, lắc lắc thấy nhẹ tênh. Hết dầu rồi. Gã nhăn nhó. Có mì, có muối nhưng chẳng làm thế nào mà nấu chín được thì có cũng như không.

Khánh ngồi thần người ra, chán nản nhìn cái bếp mất một lúc thì Quang bê chậu nước lên. Gã chỉ cái bếp cho ông em, cười ruồi rất chán đời:

- Anh vừa thấy có con rắn ráo nằm trong này xong. Đúng là khô cong, không còn lấy một giọt nào.

Quang lắc đầu:

- Anh lôi cái của nợ này ra làm gì cho mất công. Lên đây chơi bao nhiêu lần nhưng đã bao giờ em thấy ông anh dùng cái bếp này để nấu nướng cái gì đâu.

- Thế lão ấy nấu bằng cái gì?

- Bằng cái này. - Quang vừa đáp vừa chỉ ba hòn gạch đen thui lăn lóc dưới gầm bàn, viên nằm, viên ngồi, mỗi viên một tư thế. - Cứ dựng ba ông đầu rau này dậy là xong hết anh ạ.

- Thế cũng được, nhưng củi ở đâu?

Khánh hỏi lại. Gã đã kịp nhìn một quanh khắp nhà và không thấy có cái gọi là củi ở bất cứ chỗ nào.

- Anh yên tâm đi, ở đây ai cũng có phép tìm ra một loại chất đốt nào đó. Mà tìm rất nhanh, chỉ trong vòng chốc lát mà thôi.

- Và cậu đã học được?

- Tất nhiên. Anh cứ ngồi đây đợi một lúc nhé, em đi tí sẽ về ngay.

Quang nói rồi mở cửa bước ra ngoài. Và quả nhiên, chỉ một lúc sau đã thấy gã quay lại với trong tay là mấy đoạn nứa dài khoảng hai đến ba mét.

- Bằng này có đủ một nồi mì không anh?

Gã vừa để mấy cây nứa khô như đóm xuống nền nhà vừa hỏi với giọng đắc thắng.

Mặt Khánh tươi hẳn lên:

- Cậu lấy ở đâu ra vậy? Thừa đủ.

- Em rút trên mái nhà của lớp học phía trên kia. Bọn sinh viên ở đây có cách lý giải nghe rất là khoa học mỗi khi rút một cây nứa cây tre nào đó trên mái nhà để làm củi đun. Chúng bảo rằng đấy là những kết cấu thừa.

Khánh bật cười:

- Rất khoa học nhưng cũng rất củ chuối.

- Thì đã bảo là lý sự cùn mà anh.

Quang đập dập những cây nứa, bẻ ra thành từng đoạn ngắn cho khỏi vướng. Xong, gã đổ nước vào xoong đặt lên bếp đun. Lửa cháy rất đượm, chỉ một lúc sau đã thấy những bọt khí lăn tăn từ đáy xoong nước nổi lên. Những bọt khí ấy cứ to dần to dần rồi sôi lên sùng sục. Nhưng đúng lúc Quang thò tay vào thùng lương khô định bốc mỳ bỏ vào nồi thì bỗng cánh cửa kẹt mở. Rồi một người đàn ông lạch xạch dắt cái xe đạp Liên Xô cao lênh khênh bước vào. Lão quẳng cái ba lô lộn xuống nền nhà, gật đầu chào qua Khánh một cái rồi nhìn Quang, cất tiếng bỗ bã:

- Chào thằng em... Vừa lên à?

- Vâng! Bọn em vừa xuống tàu xong.

Quang đáp. Gã bốc mì thả vào nồi, lấy cái thìa quấy lên mấy vòng rồi lần lượt nhìn hai ông anh:

- Giới thiệu với anh Khánh, đây là anh Dũng, giáo viên môn lịch sử kiến trúc. Còn giới thiệu với anh Dũng, đây là anh Khánh, họa sĩ. Hai anh chắc bằng tuổi nhau.

Nhìn Khánh và Dũng, không ai nghĩ lão lại bằng tuổi gã. Trông lão quá già. Nhìn lão, không ai bảo lão chỉ mới hai bảy hai tám. Người có thiện chí nhất cũng phải đoán lão ngót nghét bốn chục. Lão rất thấp. Đã thế lão còn mặc quần ống tuýp và áo sơ mi đuôi tôm chùm quá mông nên trông lại

thực tại

Bới cát dải sông Hằng
Kiếm tìm viên ngọc nhỏ
Ngao du ngàn nội cỏ
Chiêm bái đoá kỳ hoa
Mai ẩn bóng rừng già
Đợi ngải trầm vỗ cánh
Bên cuộc đời suy thịnh
Thao thức chút cội nguồn
Trong chớp giật mưa nguồn
Chợt thấy mình hiện hữu.

cao hoàng nhân

càng thấp hơn. Cái đầu lão bình thường đã rất to, lão lại để tóc dài nên trông càng to như một cái giành tích. Hai mắt lão trố, nhìn qua cặp mắt kính cận vẫn còn trố trông cứ như hai con ốc nhồi. Da lão đen, vừa đen vừa xỉn trông như bùn. Còn trán lão thì đầy nếp nhăn.

Nhưng Dũng hình như không hề để ý gì đến ngoại hình của mình. Bằng chứng là trong phòng của gã tìm khắp nơi cũng không thấy ở đâu có một mảnh gương. Lúc này cũng vậy. Như chẳng nể nang gì thằng em và ông bạn mới quen, lão cứ thản nhiên cởi quần bò và áo đuôi tôm quẳng lên giường. Khi trên người chỉ còn dính có mỗi chiếc quần xà lỏn và cái áo may ô ba lỗ rộng thùng thình trông lão lại càng buồn cười. Cả chân lẫn tay lão đều rất nhỏ. Hai mông lão nhọn hoắt. Bụng lão rất tóp. Còn ngực lão thì lép kẹp.

Dũng ngồi xổm bên cạnh Quang. Lão cầm lấy cái thìa để thỉnh thoảng hớt bọt trong xoong mì đổ xuống đất, chốc chốc lại múc một tí nước đưa lên miệng nếm:

- Giá có quả cà chua hay mấy lá rau cải mà cho thêm vào thì tuyệt vời thằng em nhỉ?

- Nửa đêm rồi, tìm đâu ra những thứ ấy hở anh?

- Là tao nói giả sử như thế thôi mà...

Dũng quan hệ rộng. Lão có nhiều bạn bè. Xa có, gần có. Nhưng nhìn cái xe đạp, Quang nghĩ là lão không đi đâu xa. Về Hà Nội, đi Thái Nguyên hay ngược Việt Trì, Phú Thọ, Yên Bái thì lão phải đi bằng tàu. Đoán là lão chỉ đi loanh quanh gần gần đâu đây nên Quang hỏi:

- Anh vừa đi đâu về vậy?

- Anh vừa ở Vĩnh Yên về thằng em ạ.

- Làm gì trên ấy vậy?

- Thằng em thử đoán xem...

Lão cười hỏi có vẻ bí mật nhưng Quang vẫn đoán ra ngay:

- Anh vẫn đi giao thuốc à?

- Vẫn.

- Có kiếm được không?

- Đủ để hút thuốc thoải mái.

Dũng nói rồi đẩy cái ba lô và Quang:

- Thuốc trong này. Mở ra lấy mà hút.

Quang cởi cái dây dù túm trên miệng cái ba lô lộn ra và thấy đến mấy loại thuốc đang thịnh hành ngoài thị trường: More, A Lào, No 1, Ba số, Du Lịch, Điện Biên, Sông Cầu, thuốc cuốn... Mà nhiều nhất là thuốc cuốn, còn các loại khác thì mỗi loại chỉ chừng dăm sáu bao. Gã hỏi:

- Sao tủn mủn thế này hả anh?

Dũng cười hà hà, nhe hai hàm răng vàng khè khói thuốc lá:

- Thằng em hỏi thế chứng tỏ là chưa đi giao thuốc bao giờ rồi. Thằng em phải hiểu rằng người tiêu thụ ở đây chủ yếu gồm lính tráng, công nhân, sinh viên, học sinh... Nghĩa là toàn loại không có tiền. Năm thì mười họa, trúng mánh lắm, hạng người này mới dám hút thuốc ngon. Còn thì cứ thuốc cuốn mà rít. Vả lại, vốn của những ông, những bà chủ quán ở vùng này còm cõi lắm. Trung du mà. Lại toàn phải bán theo kiểu ký sổ. Không cho ký sổ thì có mà bán được khối. Tháng nào cũng vậy, cứ từ mồng một, mười lăm trở đi có lương hoặc tạm ứng mới thu hồi được một phần vốn. Vậy nên, ngoài thuốc cuốn có thể lấy tương đối nhiều, còn những thứ khác, mỗi loại họ chỉ lấy chừng vài ba bao.

- It vậy nên chắc cũng không giao được mấy anh nhỉ?

Quang nói như có vẻ thông cảm với ông anh.

Nhưng Dũng lắc:

- Thằng em nói thế lại cũng chứng tỏ là rất thiếu thực tế rồi. Tuy mỗi quán lấy có ít thật, nhưng anh lại đi giao cho nhiều quán nên cũng không đến nỗi bấy lắm đâu.

- Hiện nay anh bỏ mối cho bao nhiêu quán tất cả?

- Khoảng mười lăm quán.

Quang lẩm nhẩm tính một lúc rồi nói như vỡ lẽ:

- Vậy là mỗi lần đi như thế này anh cũng giao được hàng mấy chục cây thuốc rồi còn gì nữa?

- Tất nhiên rồi. - Dũng vừa nói vừa chỉ vào cái boocbaga, nơi có buộc một cái túi to như kiểu xắc đựng quần áo và dụng cụ của các vận động viên thể thao. - Sơ sơ, mỗi lần chỉ gần hết một ba lô với một cái túi này thôi.

- Thế thì cũng được đấy chứ. - Quang nói có vẻ hể hả.

- Đúng. Cũng được. Và còn được nữa. - Dũng lại cười khà khà. - Thằng em phải biết là càng ngày anh lại càng nhiều mối hàng. Và nói chung là các ông các bà chủ quán ở đây rất tín nhiệm hàng của anh. Họ truyền tai nhau rồi tìm đến.

- Anh có bí quyết gì không?

- Chẳng có bí quyết gì cả. Hay bí quyết của anh là chỉ cung cấp thuốc thật cho họ thôi. Không có thì nói thẳng là không có, còn đã đưa thì phải thật một trăm phần trăm. Từ trước, các vị toàn lấy phải thuốc rởm, vừa mất khách vừa phải vất đi, nên khi gặp anh, biết cung cách làm ăn của anh thì họ không rời ra nữa.

- Tuần nào cũng đi như thế này mà anh không sợ à?

- Sợ quái gì. Anh toàn đi đêm. Với lại anh đã tăm tia biết chính xác những nơi mà mấy thằng công an với phòng thuế hay đứng khám xét để tránh xa chúng nó rồi.

Quang nấu nồi mì khá to,

nhưng có lẽ vì đã đói ngấu nên ba anh em ăn vèo vèo chỉ một loáng là hết. Có lẽ hãy còn hơi lạ nên Khánh còn hơi làm khách, ăn uống còn từ tốn. Quang cũng không phải là loại ăn sóng nói gió lắm. Chỉ có ông chủ nhà thì xì xà xì xụp hết sức tự nhiên... Ăn xong, Dũng bỏ cả ba cái đĩa sắt và ba cái thìa vào xoong rồi quẳng xuống gầm bàn, bảo để mai rửa. Rồi lão móc trong ba lô ra một bao More hút dở chìa cho Khánh và Quang:

- Hai anh em ông hút đi. Tôi thì chỉ khi ra ngoài mới hút loại thuốc này, còn ở nhà thì cứ thuốc lào Vĩnh Bảo.

Quang móc một điếu More, châm lửa hút. Gã rít mấy hơi thật sâu, nuốt sạch cả khói vẻ rất đã. More là loại thuốc Mỹ, chỉ dành cho người nghiện nặng, vậy mà chỉ trong một lúc Quang đã rít đến hơn nửa điếu. Gã ngà ngà say, gật gù hết nhìn Khánh lại nhìn sang ông anh họ:

- Anh Dũng có tin là anh Khánh đây chưa bao giờ biết đến điếu thuốc lá là gì không? Mà anh ấy là họa sĩ, là nghệ sĩ thứ thiệt, có chân trong hội nghệ sĩ tạo hình...

Dũng trố mắt nhìn Khánh:

- Có đúng thật như thế không ông?

- Đúng thế thật. - Khánh nhẹ nhàng đáp lại lão. - Nhưng như vậy thì cũng có gì là ghê gớm lắm đâu. Đơn giản là tôi chỉ không thích hút...

Nhưng gã chưa nói hết câu thì Dũng đã chắp hai tay vào nhau vái vái:

- Tôi chịu ông! Bản lĩnh... Bản lĩnh...

Rồi bắn thêm một điếu thuốc lào nữa lão mới rỉ rả nói như tâm sự:

- Ông chẳng bù cho bọn tôi một tí. Tôi nghiện ngay từ những ngày đầu tiên bước chân qua ngưỡng cửa trường đại học. Ngày ấy chẳng hiểu vì sao trong giới sinh viên chúng tôi lại có một quan niệm hết sức lạ đời rằng: Bọn sư phạm thì phải mô phạm, bọn nội thương ngoại thương thì phải thực dụng đầy vẻ con buôn, bọn bách khoa thì chỉ biết chúi mũi vào đèn sách..., còn phàm đã là sinh viên xây dựng thì phải có cái gì đấy bụi bặm, bẩn thỉu thì mới trải đời. Mà tôi lại học khoa kiến trúc. Để ra vẻ là mình cũng nghệ sĩ, mình cũng ngược đời, so với sinh viên các khoa khác trong trường, bọn tôi còn phải bụi bặm bẩn thỉu hơn. Ngày ấy chúng tôi có một số tiêu chuẩn để so sánh: Đại để, đã là sinh viên kiến trúc thì phải đầu tóc bờm xơm, răng không đánh, quần áo không giặt... và nhất thiết là phải thức khuya, dậy muộn, thuốc lào, thuốc lá, nước chè đặc.

Quang nhận xét:

- Chẳng phải chỉ là thời các anh. Ngay thời này em cũng vẫn thấy bọn sinh viên xây dựng thằng nào cũng bụi bặm, bẩn thỉu và nghiện thuốc nặng.

Dũng cười. Lão vẫn muốn bộc bạch cùng Khánh:

- Ngày ấy, từ sáng đến đêm, bất cứ lúc nào chúng tôi cũng có thể chè tàu thuốc lá được ông ạ. Có những ngày tính ra tôi phải đi quán đến gần hai chục lần. Hết hội này rủ lại đến hội kia rủ. Mà chúng nó đã rủ thì không thể từ chối được. Vậy nên mới có cảnh vừa ở quán về đến nhà, chưa kịp làm gì đã lại phải ra quán ngồi.

Quang thêm vào:

- Em nghe nói là ở trường anh có những ông suốt ngày ở ngoài quán, có đúng không ạ?

- Đúng. Có rất nhiều thằng như vậy. Hầu như năm nào, khoa nào cũng có. Ngoài giờ buộc phải lên lớp ra mấy thằng này ăn luôn, ngủ luôn ở quán. Chúng nó nghiện đến mức, không được hít thở không khí ở quán thì chẳng thể học hành hay làm bất cứ cái gì được.

Khánh nhìn lên tường nơi có treo một bức tranh đã cũ vẽ bằng thuốc nước trên giấy Croky. Bức tranh duy nhất trong nhà này vẽ một cái gì đó nhang nhác như hệ tiêu hoá của con người trong sách giáo khoa của bọn học sinh phổ thông cấp một. Gã ngắm nghía một lúc rồi hỏi Dũng:

- Của ông đấy à?

- Vâng. Kỷ niệm thời sinh viên của tôi đấy. - Lão cười ruồi. - Giải nhất trong một cuộc thi biếm họa.

- Tôi thấy rồi. - Khánh đáp và đọc to lời phụ đề: Hệ tiêu hóa của sinh viên khoa kiến trúc.

Dũng cười:

- Trong này tôi thể hiện được đầy đủ các cữ chè, cữ thuốc của một tên sinh viên kiến trúc. Cữ nhiều, cữ ít, cữ chính, cữ phụ, khoảng cách giữa các cữ. Lại xen được với cả các bữa sáng, bữa trưa, bữa chiều, các giờ phải lên lớp... Và chính vì thế mà đạt được giải nhất đấy ông ạ.

Câu chuyện quanh nồi mì của ba anh em về cái sự ăn sự uống, sự hút của sinh viên một thời có thể còn kéo dài nếu họ không quá mệt. Ngồi với nhau được một lúc nữa thì cả Dũng cả Quang cả Khánh đều thỉnh thoảng đã phải đưa tay lên che miệng mà ngáp. Cuối cùng, Dũng phải nói:

- Thôi, khuya lắm rồi. Hai anh em ông sửa soạn giường chiếu mà ngủ đi. Còn tôi thì nằm trên cái bàn này.

Quang cũng đồng ý ngay. Gã vừa mắc màn vừa nói:

- Vâng. Ngủ thôi các anh ạ. Anh Khánh chuẩn bị tư tưởng để mai anh Dũng dẫn đi xem các kỳ quan ở đây nhé.

(còn tiếp)

TÌNH HẬN

TỐNG MINH
LONG QUÂN

(khởi đăng từ số 202)

Chương 20

Căn phòng appartment của Frank lộn xộn, đồ đạc văng tung toé khắp nơi như vừa bị một cơn bão thổi qua. Mấy ngăn tủ trong nhà đều bị lục tung lên, đồ đạc bị moi ra vất đầy dưới sàn nhà.

Thám tử Nick nhìn khung cảnh hiện trường rồi nhìn lại xác của Frank nằm bất động dưới đất với vẻ mặt suy nghĩ. Ông quay sang người cảnh sát tên Steve hỏi:

- Có tìm ra vũ khí giết người không?

- Không có.

- Cậu đã điều tra mấy người hàng xóm xem ai có biết hung thủ hay không?

Người cảnh sát chép miệng than:

- Ôi, trong buyn đinh này người nào người nấy hỏi gì cũng lắc đầu nói không thấy, không biết. Đủ thứ sắc dân ở đây, nghe động tới chính quyền là ai nấy sợ hãi, lo thủ thân. Tôi theo hồ sơ lý lịch của nạn nhân và liên lạc với gia đình thì gặp được vợ của ông ta. Bà ấy đang trên đường trở về đây. Tòa nhà này sáu tháng trước có hai vụ trộm, có báo cáo với cảnh sát. Khu này coi bộ trộm cắp như rươi... Bây giờ lại thêm vụ này, không biết có phải trộm bị bắt quả tang rồi giết người để thoát thân hay không?

Thám tử Nick nói bằng giọng lạnh lùng:

- Tôi không tin đây là vụ trộm thông thường.

Người cảnh sát tròn mắt hỏi lại:

- Trung úy nói vậy với ý gì?

- Anh ký giả này mấy hôm trước có xuống văn phòng cảnh sát để nhận di vật của cậu Paul Yerby. Tôi thấy anh ta có vẻ sững sờ khi lục đống đồ của cậu bé nhưng hỏi thì anh ta không nói. Tôi muốn biết anh ta đang viết bài điều tra gì về cái chết bí ẩn của cô gái ở khách sạn Monroe Arms. Anh rán lục kỹ mọi ngăn kéo xem có giấy tờ, bài vở gì để lại không?

- Không có.

- Lạ thật. Không có một chữ nào sao? Anh ta là nhà báo thì trong nhà thế nào cũng có bài vở đang viết dở dang chứ? Lạ thật nhỉ?

Người cảnh sát gục gặc đầu:

- Không có một mẩu giấy bài vở hoặc vài chữ gì cả. Thám tử Nick nhíu mày nói một mình:

- Thế này thì chỉ có hai giả thuyết: một là anh ký giả này thuộc loại siêu ngăn nắp, kỹ lưỡng. Còn không, nhất định có kẻ thứ hai đã làm nhiệm vụ thu dọn giấy tờ cho anh ta.

Vừa nói Nick vừa đi đến bàn giấy ở góc phòng. Trên bàn trống trơn không có gì, ngoài một sợi giây cáp nằm trơ trọi dưới gầm bàn. Nick cúi xuống nhặt sợi giây lên và hỏi người cảnh sát thuộc hạ:

- Sợi dây gì đây?

- Đó là sợi dây cáp nối vào máy điện tử để vào mạng lưới thông tin. Như vậy có lẽ có một máy điện tử nằm ở đây để nối dây cáp. Ai đã lấy máy đi mất rồi.

Thám tử Nick cảm thấy hồi hộp, ông nhìn người cảnh sát:

- Mình cố gắng tìm mấy đĩa chữ xem sao, thế nào anh ta cũng lưu trữ vào đĩa để cất riêng. Tôi muốn biết anh ta đang điều tra, viết bài gì?

Người cảnh sát gật đầu biểu đồng tình:

- Có lý lắm. Đâu hai chúng ta hãy cố gắng tìm hết mấy đĩa chữ đem về sở cảnh sát mở ra xem. Dù không có đĩa chữ thì nạn nhân cũng in ra, lưu trữ ở hồ sơ để làm tài liệu. Nhà báo mà không có bài vở ở nhà thì kể cũng lạ.

Hai người lục lọi khắp nhà nhưng không tìm thấy một chút vết tích gì. Cuối cùng người cảnh sát ra xe của Frank thì tìm thấy một xách tay với một xấp đĩa chữ cất trong đó. Anh ta mừng rỡ đem vào đưa cho thám tử Nick:

- Tôi tìm ra được một số đĩa ở xách tay nạn nhân, cất trong cốp xe. Trung úy hãy mang hết về sở cảnh sát để mình dò hết tài liệu trong đó. Có thể cần mật mã để mở nhưng mình có nhiều chuyên viên điện tử phá mật mã.

Vừa lúc đó cửa ra vào mở mạnh ra. Rita, vợ của nạn nhân hấp tấp bước vào với khuôn mặt nhợt nhạt vì lo âu. Người đàn bà dừng chân lại khi thấy hai người đàn ông lạ mặt trong nhà. Nàng lắp bắp:

- Mấy ông... là ai?

Thám tử Nick tiến đến bắt tay và tự giới thiệu:

- Tôi là trung uý Nick ở sở cảnh sát, lo việc điều tra án mạng. Còn đây là người bạn đồng nghiệp, trung sĩ Brown.

Rita vừa bắt tay vừa nhìn chung quanh nhà, lắp bắp hỏi:

- Ủa.. ở đâu..

Như hiểu ý Rita muốn hỏi gì nên Nick chen vào nói:

- Tôi đã cho mang xác ông nhà đến bệnh viện để mổ thử nghiệm. Thưa bà, chúng tôi xin chia buồn về tai nạn xảy ra. Tôi biết tâm trạng bà lúc này đang bối rối, nhưng xin phép bà cho chúng tôi hỏi một vài câu có được không?

Rita ngước mắt nhìn thám tử Nick, đôi mắt thất thần như sợ hãi chuyện gì. Nick không ngạc nhiên cho lắm trước thái độ này. Người đàn bà đang sợ chuyện gì? ít ra người chồng cũng nói gì cho vợ biết nên bà ta mới tỏ vẻ lo sợ đến như vậy. Nick nói thật dịu dàng:

- Chắc bà cũng biết ông nhà đang viết loạt bài phóng sự điều tra gì đó, phải không?

Nghe hỏi, trong đầu Rita nhớ lại tiếng nói của chồng lúc trước khi đi: "Anh đang điều tra để viết một bài báo, có thể làm tiêu tùng sự nghiệp của một vài người - ý anh muốn nói là một nhân vật cao cấp. Đây là một vụ án mà anh chưa bao giờ thấy hứng thú và hồi hộp như lần này". Trời đất, có phải vì chuyện này mà người ta giết chồng nàng không?

Thấy mặt người đàn bà xanh dờn, thẫn thờ giống như tâm trí ở tận đâu đâu, thám tử Nick nhắc lại:

- Thưa bà, bà có biết không?

Người đàn bà vội lắc đầu, khuôn mặt vẫn còn vẻ kinh hoàng:

- Không.. tôi không biết gì hết!

- Bà không biết ông nhà đang lo điều tra việc gì à?

- Không. Anh ấy không bao giờ nói chuyện ở sở làm cho tôi biết.

Nhìn đôi mắt chớp nhanh và nhìn lảng đi chỗ khác, thám tử Nick biết người vợ nạn nhân như đang có tâm sự gì nên nói dối. Với đôi mắt nhà nghề, Nick đâu thể bỏ qua cử chỉ này. Ông hỏi tới:

- Thế bà có biết ông nhà có thù oán với ai để bị họ giết trả thù không?

Rita nhìn về phía mấy hộc tủ trống trơn không có gì trong đó, nàng lúng túng lập lại:

- Anh ấy đâu có thù oán với ai. Chắc chỉ là ăn trộm hay ăn cướp vào nhà, lỡ tay bắn chết chồng tôi mà thôi..

Nick và người cảnh sát thuộc hạ đưa mắt nhìn nhau. Khuôn mặt người đàn bà pha lẫn nét đau khổ lẫn sợ hãi. Nàng nói mếu máo:

- Xin lỗi các ông.. Tôi mệt quá. Các ông có thể ra về cho tôi được nghỉ một chút không. Thật là dễ sợ..

- Vâng. Xong việc chúng tôi xin về ngay. Bà có cần chúng tôi giúp gì không?

- Không. Mời các ông đi ngay dùm tôi.

Nick nhìn người đàn bà:

- Chào bà. Chúng tôi sẽ trở lại ngày khác để điều tra thêm.

Người đàn bà im lặng không nói gì cả, chỉ mong mấy người cảnh sát cút đi cho rồi.

Thám tử Nick trở về sở cảnh sát. Việc đầu tiên là ông ta gọi ngay cho tòa soạn *Washington Tribune* xin nói chuyện với chủ bút Matt Baker.

- Tôi là thám tử Nick ở trụ sở cảnh sát trung ương, phụ trách điều tra về cái chết của ký giả Frank. Ông có thể cho tôi biết anh ta đang lo điều tra về vấn đề gì cho tờ báo của mấy ông?

- Vâng, Frank đang điều tra về cái chết của cô Louise Houston ở khách sạn Monroe Arms.

- Thì ra vậy. Ông có hồ sơ của loạt bài của anh ta đang viết đó không?

- Không. Chúng tôi đang chờ bài. Đáng lý anh ta đưa bài đến sáng nay thế mà..

Nói đến đây Baker ngưng bặt lại. Thám tử Nick buông tiếng thở dài.

- Vâng. Thôi cám ơn ông chủ bút nhiều.

- Khi nào ông điều tra được chuyện gì mới lạ, làm ơn điện thoại cho tôi biết nhé.

Thám tử Nick nói giọng chắc chắn:

- Khi nào tôi tìm ra chuyện gì, người đầu tiên tôi sẽ gọi là ông, yên chí đi.

Sáng hôm sau, Dana vào văn phòng nói chuyện với ông chủ phòng tin tức:

- Tôi muốn làm một phóng sự về cái chết của Frank. Tôi muốn đi gặp vợ của nạn nhân để hỏi thêm chi tiết sự việc.

Ông chủ phòng tin chấp thuận:

- ý kiến này hay đó. Để tôi cắt một nhóm nhân viên thu hình theo cô để quay cuộc nói chuyện.

Buổi chiều hôm đó, Dana cùng hai người quay phim đến tòa buyn đinh nơi cư ngụ của vợ chồng người bạn ký giả đồng nghiệp. Dana ngần ngại trước khi đưa tay bấm chuông. Thật ra đi phỏng vấn, thu hình những trường hợp như vậy Dana không muốn chút nào. Điều tra một tội ác để khêu gợi thêm nỗi sợ hãi và đau khổ của gia đình nạn nhân.

Cửa mở, Rita ló đầu ra ngoài sẵng giọng hỏi:

- Mấy người muốn...

Dana lên tiếng cắt ngang lời Rita:

- Xin lỗi, tôi là Dana Evans, phóng viên của đài truyền hình WTE. Tôi xin được phỏng vấn để biết phản ứng của bà như thế nào...

Rita đứng lặng người nghe, bỗng dưng hét to lên, cắt ngang lời của Dana:

- Đi hết đi! Mấy người là một lũ giết người.

Nói xong nàng ôm mặt khóc òa, chạy vào trong, quên cả đóng cửa lại. Dana đứng chết trân không biết phải làm gì hơn. Nàng quay sang anh ôm máy quay phim:

- Anh đứng chờ tôi bên ngoài đi. Tôi vào trong nói chuyện với bả một chút.

Dana nhẹ nhàng đi vào buồng ngủ, nơi Rita vừa mới chạy vào trong. Đứng trước cửa buồng, Dana thấy người đàn bà rũ người xuống gối mà khóc thổn thức với tất cả sự đau khổ. Dana lên tiếng dịu dàng:

- Thưa bà..

Rita ngẩng mặt lên, khuôn mặt đầm đìa nước mắt nhưng đôi mắt có vẻ hận thù. Nàng nói như quát:

- Đi ra. Chính tụi bây đã giết chồng của tao.

Dana chớp mắt với vẻ bối rối:

- Bà nói vậy với ý gì?

Rita như được dịp trổ hết cơn giận vào Dana:

- Tụi bây bắt chồng tao làm công tác nguy hiểm. Anh ấy biết trước nhưng không nói cho tao nghe, biểu tao đi lánh mặt một thời gian... Anh ấy sợ cho sinh mệnh của tao.. Ai dè..

Dana nói lắp bắp, tim đập cách hồi hộp:

- Anh Frank.. đang điều tra về chuyện gì vậy?

Rita im lặng như cố kềm cơn khủng hoảng. Nàng khóc thút thít vài phút mới dịu giọng nói:

- Anh ấy làm cái gì, đâu có nói cho tôi biết đâu. Anh ấy chỉ nói là đang viết một bài báo quan trọng rất nguy hiểm. Anh ấy nói chuyện này dính đến nhiều ông bự... và ảnh còn nói đến giải văn chương toàn quốc gì đó nếu bài viết của ảnh đăng lên..

Nhìn khuôn mặt người đàn bà tột cùng đau khổ khiến Dana thấy xúc động. Nàng tiến đến ngồi cạnh giường, quàng tay lên vai Rita an ủi:

- Tôi thành thật xin chia buồn với bà. Thế bà không biết ảnh đang viết bài gì à?

Rita lắc đầu:

- Tôi không biết. Ngày hôm qua thình lình ảnh về nhà vào giờ bất thường, tôi đang sửa soạn nấu ăn. Anh khuyên tôi nên đi lánh mặt thời gian trong lúc bài của ảnh tung ra sẽ tạo nhiều tiếng vang và kẻ thù. Tôi nghe lời ảnh nên đi cho ảnh vui lòng. Ảnh chở tôi đến nhà ga xe lửa, bỏ tôi ở đó, ảnh nói sẽ đi gặp người nào đó, hình như là một nhân viên ở khách sạn thì phải.

- Khách sạn nào vậy?

- Hình như Monroe Arms thì phải!

Từ giã vợ người bạn đồng nghiệp xấu số, Dana đi thẳng đến khách sạn để điều tra. Quản lý Jeremy nghe Dana ngỏ ý muốn phỏng vấn vài chi tiết thì anh chàng la lên:

- Trời ơi, Frank đã hứa với tôi là nếu tôi hợp tác với anh ta thì hắn sẽ không viết bài về khách sạn của tụi tôi. Độc giả mà biết một án mạng xảy ra tại đây thì ảnh hưởng đến công cuộc làm ăn của chúng tôi. Bị mang tai tiếng thì có nước ế khách.., mọi người thất nghiệp cho coi.

Dana nghiêm mặt nói:

- Nhưng Frank đã chết rồi. Tôi chỉ cần một ít tin tức cho cuộc điều tra, thế thôi.

Jeremy vẫn ngoan cố lắc đầu quầy quậy:

- Rất tiếc, tôi không biết gì hết.

Dana vẫn nhìn thẳng vào mắt của anh quản lý:

- Anh nói hợp tác với Frank, vậy anh đã nói gì vậy, để Frank không viết về khách sạn?

Jeremy nhăn mày nghĩ ngợi một giây rồi nói:

- Hắn chỉ hỏi tôi địa chỉ nhà riêng của Carl, người nhân viên làm việc ở đây. Tôi cũng đã cho Frank biết.

- Nhưng rồi Frank có đi đến đó không?

- Tôi đâu có biết.

Dana gật đầu:

- Được rồi, anh cho tôi địa chỉ nhà Carl đi.

Jeremy lại nhìn đăm đăm vào mặt Dana với vẻ nghĩ ngợi, sau cùng quyết định:

- Được rồi, tôi cho cô biết.. Carl ở chung với gia đình bà chị. Địa chỉ là..

Vài phút sau Dana đã cầm mảnh giấy có ghi địa chỉ nhà người nhân viên tên Carl. Nàng hăm hở từ giã Jeremy rồi quay lưng đi ra. Quản lý Jeremy nhìn theo dáng Dana đi khuất sau cánh cửa mới nhấc điện thoại lên quay số tòa Bạch ốc. Jeremy không hiểu tại sao cái chết xui xẻo của một cô nữ sinh mà lại được nhiều người chú ý đến như vậy.

Trong lúc đó, ở Tổng nha cảnh sát, chuyên viên điện toán tên Alan hấp tấp bước vào văn phòng thám tử Nick, trên tay cầm đĩa chữ và một xấp giấy tờ. Khuôn mặt anh ta có vẻ căng thẳng tột cùng. Nick thấy thái độ anh chàng có vẻ kỳ lạ với toàn thân run rẩy như có chuyện gì kinh khiếp lắm nên mới hỏi:

- Anh đã tìm được gì ở đĩa chữ vậy?

Ngực của Alan lên xuống phập phồng. Anh chàng hít vào một hơi thật mạnh mới nói:

- Trời đất, bạn mà đọc xong tài liệu ghi chép trong đĩa chữ này của người ký giả báo *Washington Tribune* vừa chết thì chắc đầu bạn cũng muốn nổ tung luôn. Đây này, tôi đã in ra bài viết của anh ta...

Nick chụp vội những tờ giấy trên tay Alan và đọc ngấu nghiến. Khuôn mặt Nick từ từ đổi sắc và trở nên khích động không thua gì Alan. Đọc xong, Nick hạ xấp giấy xuống, nhìn Alan nói:

- Trời đất thiên địa ơi! Thật tôi không thể nào tưởng tượng được chuyện như vậy. Để tôi vào báo cáo sự việc cho đại úy Miller biết mới được.

Nick đứng dậy hấp tấp đi đến phòng làm việc của người chỉ huy. Ông đưa xấp giấy ra và chờ đợi. Đại úy Miller cầm những tờ tài liệu lên đọc. Đọc đến đâu thì khuôn mặt

ông thay đổi dần đến đó. Giống như Alan và Nick, ông xếp cảnh sát cũng có vẻ khích động vô cùng. Giọng ông ta run run:

- Thiệt tình, cả cuộc đời làm cảnh sát của tôi chưa bao giờ thấy một chuyện như vậy xảy ra. Tôi nghĩ, mình phải đem tài liệu này trình lên bộ Nội vụ mới được.

Buổi họp bất thần được triệu tập tại phòng làm việc của văn phòng bà Chánh thẩm Barbara. Nhìn qua những khuôn mặt trong phòng gồm có giám đốc cơ quan FBI, ông trùm cảnh sát vùng Hoa Thịnh Đốn, giám đốc cơ quan tình báo CIA cùng vị Chủ tịch Tối Cao Pháp viện. Sau khi nhìn quanh mọi người, bà Barbara mới hắng giọng mở đầu buổi họp:

- Hôm nay tôi triệu tập quí vị đến đây để dự buổi họp đặc biệt vì tôi cần ý kiến của tất cả mọi người trong một vấn đề rất là hệ trọng. Nói thật với quí vị, trong vụ này, tôi không biết phải xử trí và tiến hành công việc điều tra như thế nào. Cả cuộc đời nghề nghiệp của tôi, chưa bao giờ tôi phải đối phó với một trường hợp độc nhất vô nhị này. Chắc quí vị đọc báo cũng biết tin anh chàng ký giả tên Frank, cộng tác với báo *Washington Tribune* mới bị ám sát chết chớ gì? Anh ta chết bất đắc kỳ tử trong lúc đang lo việc điều tra cái chết bí ẩn của cô nữ sinh Louise Houston ở khách sạn Monroe Arms. Để tôi đọc bài phóng sự của Frank đang viết nửa chừng mà cảnh sát đã tìm được trong một đĩa lưu trữ hồ sơ mà Frank cất giấu trong cốp xe.

Bà ngưng lại, lấy lên xấp giấy in với những hàng chữ chằng chịt trên đó và bắt đầu đọc to lên:

- "Tôi có đầy đủ lý do để tin chắc rằng tổng thống Oliver Russell của chúng ta có liên hệ đến cái chết của cô nữ sinh Louise cùng 3 vụ tương tự khác...

Ông giám đốc FBI buột miệng thốt lên:

- Cái gì? Chuyện quái đản..

Bà chánh thẩm khoát tay nói:

- Chưa hết đâu, để tôi đọc tiếp bài phóng sự điều tra cho quí vị nghe...

"Tôi đã thu thập đủ chứng cớ từ những nguồn tin khác nhau. Chính Leslie Stewart, chủ nhiệm tờ *Washington Tribune*, ngày xưa đã từng là nhân tình của ông tổng thống Oliver này. Bà sẵn sàng đứng lên làm nhân chứng, cho biết chính cá nhân bà trong lúc còn bồ bịch với người đàn ông này, đã bị ông ta dụ cho uống thuốc kích thích Ecstasy nhưng bà đã từ chối.

"Khi Oliver Russell ra ứng cử ghế thống đốc ở Kentucky, cô thư ký làm việc ở tòa đô sảnh tên Lisa đã dọa sẽ thưa ông ta ra tòa về tội quấy nhiễu tình dục. Lúc đó Oliver có nói với một số bạn bè là sẽ đi gặp cô gái để nói chuyện phải quấy để cô ta đừng quậy phá cho công cuộc ứng cử của ông ta. Nhưng vài ngày sau đó nhà chức trách đã tìm ra thi thể cô gái ở bờ sông Kentucky. Khám nghiệm tử thi, bác sĩ cho biết cô gái chết vì uống quá liều thuốc kích dâm, trước khi bị ai mang ra để trên bờ sông.

"Chuyện chưa hết, lúc Oliver

*đường lên ukiah**

Đường phía trước khuất đèo và núi
Lộ hai mươi ẩn giữa tàn cây
Dăm chỗ lô nhô hàng rào chận
Ngơ ngác mắt rừng lũ hươu nai.

Đường trắc trở dốc cao và hố
Bảng hai bên huấn thị điều răn
Một bước lỡ không đường quay lại
Chốn sơn cùng thuỷ tận vách ngăn.

Cây vẫn mọc xanh tình của núi
Giữa hoang vu ai vạch lộ trình
Trong vạn nẻo hư phù khuất lối
Có con đường về của chúng sinh.

Đường lên Ukiah có hồ Tinh Khiết
Khách dừng chân giũ lớp bụi đường
Thiên nga vỗ cánh bên hồ nước
Bóng hạc bay về phía chân non.

Tiếp độ chúng sinh, mười ngàn bồ tát
*Ao lam nâu phô sắc Vạn Phật Thành***
Khách hành hương về xin ơn phước
Có ta làm gã hành khất: tình.

phạm hồng đậm

*Ukiah: quận hạt cách Sacramento khoảng 160 dặm về hướng tây bắc.
** Nơi hoà thượng Tuyên Hoá thành lập và viên tịch.

Russell còn làm thống đốc tiểu bang Kentucky, chính cô thư ký làm việc cho ông ta tên Miriam cũng bị trường hợp tương tự. Người ta đã tìm thấy cô gái nằm bất tỉnh trên ghế đá một công viên. Lý do: uống thuốc Ecstasy quá độ! Cô gái mê man, không bao giờ tỉnh lại. Các cảnh sát chỉ chờ ngày cô gái tỉnh để kết thúc cuộc điều tra nhưng không được. Sau mấy tháng trời Miriam sống như người thực vật, chính Oliver đã điện thoại cho bệnh viện, yêu cầu bác sĩ gỡ máy nuôi Miriam, nêu lý do nhân đạo là cô gái mê man lâu quá, thần kinh bị hủy hoại, dù một ngày có tỉnh lại, thần kinh cô gái sẽ bị ảnh hưởng. Miriam sống trơ trọi không thân nhân, lấy ai lo chăm sóc cô gái đây? Các bác sĩ không nghe theo lời yêu cầu của Oliver. Nhưng mấy ngày sau đó thì cô gái cũng đã chết trong cơn mê man không bao giờ tỉnh.

"Tai nạn mới nhất, cô gái Louise Houston, con gái của bà Thống đốc Colorado vừa mới chết ở khách sạn Monroe Arms vì uống thuốc kích thích Ecstasy quá độ! Theo cuộc điều tra riêng, tôi được biết là buổi tối hôm đó, có một cú điện thoại từ căn phòng khách sạn nơi cô gái có mặt, gọi về tòa Bạch ốc. Nhưng khi tôi đến khách sạn để xem cuốn sổ ghi chép những cú điện thoại gọi đi hay nhận được trong ngày đó thì ngay trang của ngày định mệnh đã bị ai xé mất!

"Tôi có đến tòa Bạch ốc để tiếp xúc với cô thư ký lo việc xếp đặt thời khóa biểu công việc của Tổng thống Oliver thì cô ta cho biết tổng thống bận họp trong ngày xảy ra án mạng. Nhưng tôi đã điều tra sâu vào chi tiết thì khám phá ra là buổi họp đêm đó đã bị hủy bỏ. Không ai làm chứng được đêm đó tổng thống đang làm gì, có mặt ở đâu.

"Trong vụ án này, cảnh sát đã nghi ngờ bạn trai của Louise tên Paul Yerby nên đã bắt giữ cậu bé ở sở cảnh sát để điều tra nhưng qua một đêm ở nhà giam, sáng sớm người ta khám phá cậu bé đã dùng sợi dây nịt của mình thắt cổ tự tử. Nhân viên an ninh phải cắt đứt sợi dây nịt mới mang được thi thể của Paul xuống. Theo lời yêu cầu của gia đình cậu bé, tôi đã đến sở cảnh sát nhận những tư vật của Paul để lại để gởi về cho thân nhân người quá cố. Nhưng trong đám đồ vật của cậu Paul còn để lại khách sạn mà cảnh sát thu thập, tôi đã tìm thấy một sợi dây nịt còn nguyên vẹn. Thế mới kỳ lạ! Điều đó chứng tỏ cậu Paul không dùng sợi dây nịt của chính mình mà có thể là bàn tay sát nhân của kẻ thứ hai dàn cảnh, giết cậu bé để bịt miệng.

"Với những điểm nghi ngờ trong hai cái chết liên tiếp, tôi đã đi sâu vào cuộc điều tra. Một người bạn của tôi làm ở cơ quan tình báo FBI tiết lộ cho tôi biết: có một lá thư tống tiền đã gởi đến tòa Bạch ốc. Cố vấn văn phòng tổng thống đã đích thân đến nhờ cơ quan này truy tầm dấu tay trên lá thư. Nội dung lá thư bị bôi xóa nhiều chỗ nhưng với những kỹ thuật hiện đại, chuyên viên cũng đọc được một phần đại ý của lá thư là tống tiền một nhân vật cao cấp trong chính phủ về một tội phạm nào đó đã xảy ra. Kết quả cuộc truy tầm, chuyên viên cho biết dấu tay đó của một nhân viên tên Carl, từng làm việc ở khách sạn Monroe Arms. Theo sự suy đoán, tôi nghĩ nhân viên này là người biết rõ nhân vật nào ở tòa Bạch ốc đã đặt phòng ở khách sạn, nơi cô gái Louise đã chết một mình tại đây.

"Tên tuổi của Carl trong bản điều tra đã được gởi đến tòa Bạch ốc, trong lúc chàng thanh niên này đang đi nghỉ hè ở một trại câu cá. Tôi truy lùng địa chỉ nơi nghỉ hè của Carl, định đến để điều tra về tên của người khách hàng đã đặt phòng trong đêm cô gái Louise chết. Nhưng tiếc rằng tôi đã đến chậm một bước. Vừa đến nơi, tôi lại chứng kiến cái chết của Carl do tai nạn gây ra, không biết có phải vậy không?

"Có nhiều chi tiết nối kết những cái chết lại với nhau. Ở đời chẳng lẽ có nhiều sự trùng hợp, ngẫu nhiên đến như vậy sao? Tôi nhất định phải điều tra tới nơi, tới chốn để tìm ra sự thật. Nhưng tôi sợ cho tánh mệnh của tôi và của vợ tôi. Bởi vậy tôi cho vợ tôi đi về nhà cha mẹ vợ tôi để lánh mặt trong lúc bài báo tôi sẽ được đăng trên báo trong những ngày sắp tới, như một trái bom, sẽ làm sụp đổ danh vọng, sự nghiệp của kẻ đã và đang nhúng tay vào tội lỗi.

"It ra là tôi đã có bài viết này lưu trữ trong đĩa chữ. Ngày nào nếu có chuyện gì xảy đến cho tôi thì ít ra người ta cũng có thể đoán được ai ra tay để bịt tiếng nói của tôi.

"Tôi sẽ viết tiếp khi thu thập thêm những dữ kiện trong vụ án này..."

Bà chánh thẩm Barbara chấm dứt bài điều tra của ký giả Frank. Mọi người trong phòng đều im lặng nghe, mắt mở to như không thể tưởng tượng được. Ông giám đốc tình báo CIA buột miệng nói to:

- Trời đất quỉ thần ơi! Thật.... dễ sợ!

Một người khác lên tiếng:

- Tôi không thể nào tưởng tượng được chuyện này có thể xảy ra.

Ông Bộ trưởng Tư pháp phát biểu:

- Anh chàng ký giả Frank này nhất định đã điều tra ra ai là thủ phạm trong mấy cái chết. Có thể vì lý do đó mà người ta giết anh ta để bịt miệng cũng không chừng. Bây giờ chúng ta phải làm gì bây giờ? Chẳng lẽ chúng ta đi tới gặp tổng thống để hỏi ông ta có giết một nửa tá người trong quá khứ cho đến bấy giờ?

Ông tư lệnh cảnh sát gật đầu đồng ý:

- Ông nói đúng. Mình có thể câu lưu tổng thống hay giam ông ta vào tù, như vậy có được không?

Bà chánh thẩm Barbara đưa ý kiến:

- Trước khi chúng ta hành động, tôi đề nghị nên gởi bài điều tra này đến tổng thống để ông ta đọc và giải thích những câu hỏi trong bài viết này. Cho ông ta cơ hội để trần tình, giải thích coi chuyện ra làm sao.

Mấy cái đầu trong phòng châu lại nhau, xì xào bàn tán. Sau cùng mọi người đồng ý với đề nghị của bà Barbara.

- Trong lúc này, tôi soạn sẵn trát câu lưu tổng thống trong trường hợp cần đến.

Trong đám người họp buổi nay, có một người đàn ông nghĩ trong đầu: "Chuyện tày trời như vậy, một lát về mình sẽ điện thoại báo tin gấp với ông cố vấn Peter mới được".

Ông cố vấn Peter đặt máy điện thoại xuống, ngồi thừ người ra suy nghĩ. Ông cảm thấy bị dao động mạnh khi được người ta điện thoại đến báo tin kinh khủng. Thế rồi Peter hấp tấp đi về phía văn phòng tổng thống. Bà phụ tá nghe Peter muốn vào gặp tổng thống, bà ta nhăn nhó:

- Dạ không được đâu ông cố vấn. Tổng thống đang họp. Nếu ông cố vấn có thể..

Peter nóng nảy cắt ngang:

- Tôi phải gặp tổng thống ngay bây giờ. Có chuyện tối khẩn cấp. Bà báo tin cho tổng thống lè lẹ dùm tôi đi!

Bà phụ tá nhìn khuôn mặt của Peter, bà biết phải là chuyện gì quan trọng lắm nên chính ông cố vấn cũng có vẻ khẩn trương, mất bình tĩnh đến như vậy. Bà gật đầu:

- Để tôi thử coi.

Nhấn nút điện thoại liên lạc intercom, bà phụ tá hấp tấp nói:

- Xin lỗi đã quấy rầy tổng thống. Bên ngoài có ông cố vấn Peter, ông ta nói muốn gặp tổng thống ngay lập tức, có chuyện tối khẩn.

Bà im lặng nghe tổng thống nói gì ở bên kia đầu giây, sau cùng chỉ thấy bà ta nói cám ơn và đặt máy xuống. Nhìn cố vấn Peter, bà ta nói nhanh:

- Chờ năm phút.

Năm phút sau, Peter đã ngồi trong văn phòng của tổng thống. Oliver nhìn ông ta mỉm cười theo thói quen:

- Có chuyện gì quan trọng vậy hở Peter?

Peter thở một hơi dài trước khi nói:

- Văn phòng biện lý và cơ quan FBI nghi ngờ tổng thống có liên quan đến sáu cái chết.

Oliver vẫm mỉm cười như không có gì đáng bận tâm:

- Đúng là thiên hạ thích đùa giỡn.

Khuôn mặt Peter nghiêm nghị hẳn ra:

- ồ, họ không giỡn đâu. Mọi người đang trên đường đến đây để gặp ông đó. Họ nghi ngờ ông có liên quan đến cái chết của cô gái Louise Houston và...

Đến lúc này thì khuôn mặt của Oliver bắt đầu tái đi. Chàng nói lắp bắp:

- Hả? Ông nói cái gì?

Peter nuốt nước bọt cách khó khăn trước khi nói:

- Tôi biết... chuyện hơi có vẻ điên khùng. Nhưng một người quen của tôi vừa mới điện thoại cho tôi biết. Họ có những bằng cớ liên hệ vào những cái chết của mấy cô gái, nhất là cô Louise, con của thống đốc Colorado mới chết đây. Tôi tin rằng tổng thống có thể chứng minh là trong đêm cô gái Louise bị chết, tổng thống đang ở đâu?

Oliver im lặng không trả lời. Peter ngồi im chờ nghe những lời giải thích của Oliver nhưng thấy chàng vẫn im lặng và có vẻ suy nghĩ, ông ta nóng ruột nói:

- Ông không thể chứng minh được trong đêm đó ông ở đâu à?

Oliver cúi mặt, hai lằn gân xanh trên thái dương nổi hằn lên. Chàng bối rối nói:

- Không. Tôi không thể nói.

Từ văn phòng làm việc của tổng thống đi ra, Peter đi thẳng đến văn phòng của nghị sĩ Davis. Thấy Peter đến không có hẹn trước, lại thêm khuôn mặt nghiêm trọng như có chuyện gì khó xử ghê lắm, nghị sĩ Davis bèn hỏi ngay:

- Có chuyện gì quan trọng mà ông đến bất thình lình như vậy hở Peter?

- Tại vì.. có chuyện.. liên quan đến Oliver.

Đôi lông mày của nghị sĩ Davis cau lại ngay:

- Hắn ta làm cái gì?

- Cơ quan FBi và văn phòng biện lý cho rằng Oliver là kẻ giết người!

Nghị sĩ Davis ngồi thừ người, mắt mở tròn xoe như nghe một chuyện kinh dị. Môi ông ta mấp máy:

- Ông nói chuyện khùng điên gì vậy hở?

Mặt Peter nhăn nhó như có vẻ khổ sở khi phải nói những chuyện tày trời như vậy:

- Mấy người này họ tin là Oliver có liên quan đến mấy cái chết từ xưa đến giờ. Tôi có người bạn thân làm ở cơ quan FBI nên họ điện thoại nói riêng cho tôi biết. Họ đang trên đường đến văn phòng tổng thống để gặp ông ta nói chuyện.

Sau đó Peter kể hết mọi chi tiết về bài phóng sự của ký giả quá cố, người có nhiệm vụ điều tra về cái chết bí ẩn của cô nữ sinh Louise

vừa rồi. Bài này được cất trong đĩa chữ, chưa được đăng báo nhưng anh chàng ký giả có linh tính mình sẽ chết vì những khám phá này.

Nghe Peter kể xong, nghị sĩ Davis nghiến răng nói với vẻ tức giận:

- Thằng chó đẻ, khốn nạn! Đồ ngu như con bò! Ông có biết hắn làm như vậy hậu quả sẽ như thế nào không?

- Vâng, tôi biết. Có nghĩa là kể từ nay Oliver...

Nghị sĩ nóng nảy văng tục:

- Đù má cái thằng Oliver! Tôi đã bỏ ra bao nhiêu công lao, tiền của để đặt hắn vào địa vị ngày hôm nay. Hắn chỉ là con rối của tôi mà thôi. Hắn làm gì mặc kệ hắn, có đi tù tôi cũng không cần biết. Chỉ kẹt một cái bây giờ tôi nằm bên trong, điều khiển, giật giây hắn làm theo ý tôi. Chính tôi mới là kẻ có quyền hành thật sự. Tôi không thể để cho thằng chó đẻ đó làm những điều khùng điên mà phá vỡ hết mọi kế hoạch của tôi. Người khác lên làm tổng thống, kể như tôi xôi hỏng, bỏng không. Tốn bao nhiêu công sức để lo cho hắn mà bây giờ thằng cốt đột phá hư hết mọi chuyện.

- Tôi nghĩ ông không còn cách nào...

Davis chồm người về phía trước hỏi bằng giọng gay gắt:

- Ông nói là người bạn ở FBi cho biết họ có bằng chứng cho những hành động của hắn?

Peter nhăn nhó với vẻ khó chịu:

- Đúng vậy. Bằng cớ hiển nhiên thì họ không có. Nhưng họ đặt nghi vấn về sự vắng mặt của Oliver trong đêm cô gái Louise chết. Oliver thì nói không thể nói được là đêm đó ông ta ở đâu.

Đôi mắt ông nghị sĩ long lanh sáng lên, ông ta nói nhanh:

- Bây giờ tổng thống đang ở đâu vậy?

- Tổng thống đang có mặt ở văn phòng Bầu dục.

Nghị sĩ Davis hấp tấp đi về văn phòng tổng thống. Khi đã ngồi đối diện với Oliver trong văn phòng đóng kín cửa, ông nghị tuôn một hơi những lời chua như giấm vào mặt chàng rể:

- Ba vừa nghe được những chuyện đồn đãi làm ba khó chịu lắm, con có biết chuyện gì không hở? Đúng là điên khùng. Ba không tưởng tượng được là có người nghĩ rằng con...

Nói đến đây Davis ngưng lại như để lựa lời mà nói. Oliver nói tiếp theo:

- Con cũng nghĩ vậy. Con không có làm chuyện gì bậy bạ đến như vậy đâu ba!

- Ba biết là con không làm. Nhưng nếu tiếng đồn lan ra đến tai tụi báo chí là người ta nghi ngờ con nhúng tay vào những chuyện tày trời như vậy... thiệt tình.. con có biết chuyện này ảnh hưởng đến địa vị của con như thế nào không?

Oliver vẫn điềm nhiên trả lời:

- Con biết chứ. Nhưng con ...

Ông nghị khoát tay chận không cho Oliver nói, ông ta nói bằng giọng mỉa mai:

- Địa vị của con rất là quan trọng, con không thể để những vụ xì căng đan này xảy ra. Văn phòng của tổng thống Mỹ điều khiển cả thế giới. Con không thể để những tai tiếng xấu này lan truyền ra ngoài. Ba không muốn con bỏ cuộc nửa đường.

Khuôn mặt Oliver lúc này bắt đầu biến sắc nhưng chàng vẫn mở to mắt như kẻ vô tội:

- Ba, con không có làm chuyện gì tội lỗi như vậy.

Thấy thằng rể vẫn cứng đầu không nhận tội, Davis cau giọng nói:

- Nhưng người ta nghĩ là con có nhúng tay vào. Người ta cho ba biết là con không thể chứng minh được cái đêm cô gái Louise chết con đang ở đâu, có phải vậy không?

Oliver im lặng một hồi lâu, sau cùng mới buông thõng:

- Vâng. Con không thể nói là đêm đó con làm cái gì, đang ở đâu.

Nghị sĩ Davis nhếch môi mỉm cười. Nụ cười có vẻ như dễ dãi thân thiện, nhưng trong lòng ông chỉ muốn dộng cho thằng rể một cú đấm cho đã nư, ông nhìn sâu vào mắt Oliver hỏi:

- Con mất hết trí nhớ rồi hả? Đêm đó con ở đằng nhà ba chứ đâu. Đêm đó hai cha con mình bàn bạc công chuyện tới khuya, con quên rồi sao?

Oliver nhìn ông cha vợ với vẻ bối rối thật sự:

- Ba nói cái gì?..

- Đúng. Ba là người chứng minh sự có mặt của con trong đêm đó. Không ai dám chất vấn ba để xem ba nói thật hay không. Nói thiệt đó, không ai dám đâu. Ba làm vậy để cứu con đó, Oliver!

Sau câu nói, cả hai ngồi im lặng một hồi lâu. Cuối cùng Oliver ngẩng lên hỏi cha vợ:

- Ba giúp con, sau đó điều kiện đánh đổi của ba là gì?

Nghị sĩ Davis không cần che giấu, ông gục gặc đầu:

lạnh lùng

Quí báu chi
một nụ cười
Mà người keo kiệt
mím môi lạnh lùng.
Ta về
hỏi
chín tầng không
Chiêm bao mấy độ
chỉ ngần ấy thôi?

lê hữu minh toán

- Chúng ta bắt đầu bằng hiệp ước Trung đông. Con phải huỷ bỏ cuộc thương thuyết này. Sau đó, chúng ta còn nhiều chuyện để bàn. Ba có nhiều kế hoạch cho cả hai chúng ta. Mình không thể để những chuyện như vậy làm hủy diệt cả con đường công danh của con.

Oliver nhìn thẳng vào mắt ông cha vợ, trả lời bằng giọng đanh thép:

- Con không hủy bỏ hiệp ước hòa bình Trung đông mà trái lại con cho xúc tiến đến thành công.

Đôi mắt ông nghị nheo lại như không thể tưởng tượng được thằng con rể dám nói những câu trái ý ông như vậy:

- Con nói sao?

- Con nói là con không hủy bỏ hiệp ước trung đông. Ba coi, nhiệm vụ quan trọng của một người tổng thống không phải là thời gian dài ở tại chức vụ mà là những việc làm ích nước, lợi dân trong nhiệm kỳ đó.

Khuôn mặt ông nghị lúc này đỏ rần vì giận dữ:

- Con có biết là con đang nói gì đó không?

- Dạ con biết!

Nghị sĩ Davis ngồi chồm người về phía trước, nghiến răng nói:

- Tao không nghĩ là mày biết. Mày có biết là mọi người đang trên đường đến đây để điều tra, kết tội mày là kẻ giết người đó không? Lúc đó còn gì nữa mà hiệp ước với thương thuyết hở thằng khùng? Mày thương thuyết trong tù à? Mày đạp đổ cả một tương lai xán lạn của mày đó, đồ ngu!

Mặt Oliver đỏ bừng lên không hiểu vì giận hay xấu hổ. Vừa lúc đó có tiếng bà phụ tá vang lên trong máy intercom:

- Thưa tổng thống, bên ngoài có một nhóm người đến đây, xin vào diện kiến tổng thống với công chuyện quan trọng, khẩn cấp. Dạ, thưa đó là ông xếp cơ quan FBI, bà Tổng biện lý Barbara, dạ... ông Tổng trưởng Tư pháp... và..

- Cho họ vào đi! Oliver ra lệnh.

Nghị sĩ Davis nghe đến đây bèn hấp tấp nói gọng đay nghiến:

- Có lẽ tao nên ở lại đây để xem người ta phân thây, xẻ thịt mày ra làm sao. Tao đã làm một lầm lẫn nhất trên đời là chọn mày để đưa mày lên chiếc ghế tổng thống ngày hôm nay. Còn mày, mày vừa làm một lầm lẫn lớn không kém là đã từ chối đề nghị của tao. Tao nói cho mày biết, mày chống mắt mà coi, chính tao sẽ hủy diệt cả cuộc đời của mày.

Cửa mở ra, nhóm người lục tục kéo vào. Ông Tổng trưởng Tư pháp thấy nghị sĩ Davis bèn chào hỏi:

- ồ, chào ngài nghị sĩ..

Davis chỉ gật đầu chào nhẹ tất cả mọi người rồi đi thẳng ra ngoài. Bà Barbara vói tay đóng kín cánh cửa lại, sau đó cùng mọi người kéo đến bàn sa lông, gần bàn giấy làm việc của tổng thống và ngồi xuống. Ông Tổng Trưởng tư pháp mở lời:

- Thưa Tổng thống, thật là khó xử cho chúng tôi khi phải đến đây đường đột để hỏi thăm Tổng thống một việc, mong Tổng thống thông cảm, chúng tôi chỉ làm phận sự... Chúng tôi chỉ có vài câu hỏi để hỏi Tổng thống mà thôi.

Oliver nhìn thẳng vào mặt mọi người, trả lời bằng giọng nghiêm trang, rành mạch:

- Tôi đã được báo trước lý do các ông đến đây. Dĩ nhiên, tôi không có gì để giấu giếm. Tôi không dính dáng gì đến mấy cái chết, mới đây cũng như trong quá khứ.

- Chúng tôi nghe như vậy cảm thấy nhẹ người đi. Không một ai trong chúng tôi có thể tin Tổng thống liên can đến mấy tội kinh khủng như vậy. Nhưng lệnh câu lưu đã ký xong, chúng tôi bắt buộc phải điều tra.

Oliver gật đầu:

- Tôi hiểu.

Đến phiên bà Barbara đặt câu hỏi:

- Thưa tổng thống, hồi đó tới giờ có bao giờ Tổng thống dùng thuốc kích thích "ngất ngây" Ecstasy không vậy?

- Không.

Mọi người trong phòng đưa mắt nhìn nhau. Bà Barbara lại tiếp tục:

- Tổng thống có thể cho chúng tôi biết, đêm 15 tháng 10, cô gái Louise Houston chết trong khách sạn Monroe Arms. Lúc đó Tổng thống đang ở đâu?

Trong phòng im lặng, Oliver không trả lời. Chờ một hồi, bà Barbara sốt ruột nhắc lại:

- Tổng thống có nghe câu hỏi vừa rồi không?

Oliver ngần ngừ thêm một hồi rồi buông thõng:

- Tôi không thể nói.

- Dĩ nhiên là Tổng thống có thể nhớ lại đêm đó Tổng thống đang ở đâu, làm cái gì? Chuyện xảy ra mới đây mà?

Oliver lại mím môi giữ im lặng. Chờ hai ba người lên tiếng giục giã, Oliver mới ngập ngừng nói:

- Tôi ... tôi không thể nghĩ gì ngay bây giờ được. Mời quý vị chốc nữa trở lại, tôi sẽ trả lời.

- Chốc nữa là bao lâu hở tổng thống?

- Khoảng 8 giờ tối.

Mọi người đứng dậy, chào Oliver và lục tục kéo nhau ra ngoài. Chờ mọi người đi khỏi, Oliver hai tay chống cằm suy nghĩ dữ dội. Sau cùng, Oliver đứng dậy, bước vào phòng trong, nơi có bàn giấy của Jan, vợ chàng đang làm việc. Jan ngẩng đầu lên nhìn chồng mỉm cười. Oliver nhìn Jan bằng đôi mắt van lơn:

- Jan, anh muốn thú tội với em, mong em hiểu và tha lỗi cho anh..

Oliver hít một hơi thật mạnh trước khi thu hết can đảm nói...

(còn tiếp)

Bút Chì phụ-trách

Làng Văn mở mục "Độc-giả thắc-mắc" để giải-đáp những nghi-vấn của bạn đọc về các lãnh-vực: văn-học nghệ-thuật, khoa-học, xã-hội, chính-trị, kinh-tế, nhân-văn, v.v.

Trong mục-đích học-hỏi, Bút Chì hoan-nghênh mọi ý-kiến đóng-góp về câu trả lời.

Vì khuôn-khổ hạn hẹp của một tiểu-mục, xin vui lòng hạn-chế mỗi lần hỏi tối-đa ba câu. Đa tạ.

Ai giàu nhất hiện nay?

Hỏi: 1) Trong số vua chúa và các lãnh tụ quốc-gia hiện nay, những người nào giàu nhất? So với các "phó thường dân" giàu nhất thì có ai? Và so với các đại công-ty?

2) Còn về tôn-giáo, đạo nào đông tín-đồ nhất?

3) Tôi thấy trong tên các nước chung quanh A-phú-hãn đều có chữ "stan", như: Afghanistan, Pakistan, Karakhstan, Turkmenistan, Uzbekistan, Kyrgyzstan, Tajikistan,.. Như vậy họ đều là anh em với nhau cả, thảo nào Pakistan nhất quyết không góp quân tấn công Afghanistan như ngày trước họ đã từng làm khi Liên-sô xâm-lăng nước này.

Lê Văn Kim
Canada

Đáp: 1) BC chưa có thống-kê 2001. Theo con số của năm 2000, 10 vua chúa và tổng-thống giàu nhất là:

- Hassanal Bolkiah của Brunei, tài-sản 30 tỉ mỹ-kim.
- Fahd Abdulaziz al-Saud, Saudi Arabia: 28 tỉ.
- Sheikh Zayed bin Sultan al-Nahyan của United Arab Emirabs (Abu Shabi): 20 tỉ.
- Amir jaber al-Ahmed al-Jaber al-Sabah, Kuwait: 17 tỉ.
- Sheikh Maktoum bin Rashid al-Maktoum, United Arab Emirabs (Dubai): 12 tỉ.
- Saddam Hussein, Iraq: 6 tỉ.
- Nữ-hoàng Beatrix, Hoà-lan: 5,2 tỉ.
- Amir Hamad bin Khalifa al-Thani, Qatar: 5 tỉ.
- Hafez al-Assad, Syria: 2 tỉ.
- Nữ-hoàng Elizabeth đệ II, Anh-quốc: 450 triệu (không kể 16 tỉ của cải quốc-gia mà nhà vua được giữ, được dùng nhưng không được bán).

Những nhà giàu khác, không phải vua chúa hay lãnh-tụ quốc-gia, có:

- Bill Gates, Mỹ: 90 tỉ mỹ-kim.
- Warren Buffett, Mỹ: 36 tỉ.
- Paul Allen, Mỹ: 30 tỉ.
- Steven Ballmer, Mỹ: 19,5 tỉ.
- Phillip Anshutz, Mỹ: 16,5 tỉ.
- Michael Dell, Mỹ: 16,5 tỉ.
- S. Robson Walton, Mỹ: 15,8 tỉ.
- Hoàng tử Edward bin Talal al-Saud, Saudi Arabia: 15 tỉ.
- Theo & Karl Albrecht, Đức: 13,6 tỉ.
- Li Ka-shing, Hương-cảng: 12,6 tỉ.

Lợi-tức thu-nhập của các đại công ty:

- General Motors, Mỹ: 161,3 tỉ mỹ-kim.
- Chrysler, Mỹ: 154,6 tỉ.
- Ford Motor, Mỹ: 144,4 tỉ.
- Wal-Mart, Mỹ: 139,2 tỉ.
- Mitsui, Nhật: 109, 3 tỉ.
- Mitsubishi, Nhật: 107,1 tỉ.
- Exxon, Mỹ: 100,4 tỉ.
- General Electric, Mỹ: 100,4 tỉ.
- Toyota, Nhật: 99,7 tỉ.

2) Số tín-đồ các tôn-giáo như sau:

- Thiên-chúa giáo: 1,9 tỉ tín-đồ.
- Hồi-giáo: 1,1 tỉ tín-đồ.
- Ấn-độ giáo: 780,5 triệu tín-đồ.
- Phật-giáo: 323,8 triệu tín-đồ.
- Đạo thờ tổ-tiên (Khổng-Lão): 225 triệu tín-đồ.

3) Chữ "stan" ở phần sau trong tên các nước ấy có nghĩa là "nước" hay "quốc-gia." Phần đầu, chỉ giống dân. Thí-dụ: Tajikistan có nghĩa là quốc-gia (stan) của người Tajik. Ubekistan là quốc-gia của người Ubek.

"Cách Mạng Tháng Mười" diễn ra tháng Mười Một

Hỏi: 1) Tại sao Cách Mạng 1917 ở Nga diễn ra vào tháng 11 mà lại gọi là "Cách Mạng Tháng Mười"?

2) Nếu tôi sống ở Canada được hơn 10 năm, và trong suốt thời gian định cư ở Canada, tôi không đi làm một ngày nào, không đóng tiền hưu CPP và không có tiền để dành RRSP, tôi có được trợ-cấp khi được 65 tuổi không? Và trợ cấp bao nhiêu?

Con tôi ở Canada, đi làm từ 18 tuổi, lương trung-bình 30.000 (ba mươi ngàn) một năm, đóng tiền hưu CPP đầy-đủ và sẽ về hưu năm 65 tuổi, nó sẽ lãnh được bao nhiêu một năm?

Nếu con tôi để dành được 75.000 gia-kim tiền RRSP, khi về hưu nó lãnh ra 6000 gia-kim một năm để tiêu, thì nó sẽ lãnh được tất cả bao nhiêu?

3) Hiện giờ trên trái đấy có bao nhiêu nước?

Lê Văn Trinh
Montréal

Đáp: 1) Cuộc cách-mạng của Lenine và cộng-sản Bolsheviks xảy ra ngày 7.11.1917 theo lịch Gregorian chúng ta dùng hôm nay, nhưng vào thời đó, Nga còn dùng lịch Julian cổ. Ngày 1.11.1917 theo lịch Gregorian là ngày 25.10.1917 theo lịch Julian.

Năm 1918, Nga đổi sang dùng lịch Gregorian, nhưng vẫn gọi ngày 7.11 là "Cách Mạng Tháng Mười."

2) Ông sẽ lãnh trợ-cấp cao-niên 13.400 (mười ba ngàn bốn trăm) gia-kim một năm.

Con ông sẽ lãnh 7200 gia-kim tiền hưu CPP (Canadian Pension Plan) + 8388 gia-kim trợ-cấp một năm, tổng cộng 15.588 gia-kim.

Nếu con ông có 75.000 gia-kim tiền RRSP và lấy ra mỗi năm 6000 gia-kim, cậu ấy sẽ lãnh: 7200 gia-kim tiền hưu CPP + 6000 gia-kim tiền RRSP + 4900 gia-kim trợ-cấp cao-niên, tổng cộng 18.100 gia-kim mỗi năm.

3) Con số chính-thức, nếu lấy số hội-viên của Liên-hiệp-quốc hay số hội-viên của Nghiệp-đoàn Bưu-điện Toàn cầu làm chuẩn, là 189 nước.

Theo CIA World Fact Book, có 267 nước và vùng tự-trị.

B.C. và A.D.

Hỏi: 1) Trong tiếng Anh, người ta gọi những năm trước khi Thiên Chúa ra đời là B.C., tôi hiểu B.C. là Before Christ viết tắt. Còn những năm sau Thiên Chúa, viết là A.D.; có phải A.D. viết tắt từ After Dieu?

2) Người ta bảo, trong Tây-lịch hồi xưa không có năm 0, chỉ có từ năm 1 trở đi. Đúng không? Và tại sao?

3) Người ta lại bảo, đáng lẽ đệ tam thiên-niên-kỷ bắt đầu vào lúc hết năm 1995 bước qua 1996, có lý không? Và căn-cứ vào đâu?

Trần Hạnh
Washington

Đáp: 1) A.D. là chữ viết tắt từ Anno Domini (Năm Của Chúa Tôi).

2) Chúa ra đời trong triều-đại văn-minh La-mã, và người La-mã không có số 0, nên không có năm 0.

Năm Chúa ra đời là năm 1 A.D., rồi 2 A.D., 3 A.D., cho tới nay, là năm 2001 A.D., hoặc chỉ cần gọi "năm 2001" là đủ (hai chữ A.D. được hiểu ngầm). Năm trước khi Chúa ra đời là năm 1 B.C., rồi lui lại 2 B.C., 3 B.C., v.v.

Về sau người Ấn-độ sáng-tạo ra số 0, người A-rập cải-biến nó, đưa vào hệ-thống chữ số A-rập, và người Âu bắt đầu sử-dụng từ năm 1000 cho tới nay.

3) Người ta bảo có lý, tuy nhiên biết để ...biết thôi.

Năm 525, Đức Giáo-hoàng St. John I sai giáo-sĩ Dionysius tính lại lịch, và giáo-sĩ đã tính nhầm.

Người ta suy-luận như sau: theo Tân-ước, thánh Giuse và đức mẹ Mary mang Chúa hài-đồng tị-nạn sang Ai-cập để khỏi bị Đại-đế Herod sát hại. Đại-đế Herod chết vào năm 4 B.C. Như vậy khi Chúa cùng cha mẹ đi tị-nạn, Ngài đã được 5 tuổi, và như vậy, năm sinh của Ngài phải là năm 5 B.C., và vào năm 1 A.D., Ngài đã được 5 tuổi.

Cờ nửa trụ

Hỏi: Tôi thấy sau vụ khủng bố ở World Trade Center, nhiều nước cho treo cờ tang bằng cách kéo lên tới đỉnh rồi kéo xuống nửa trụ, cột lại. Phong-tục kéo cờ xuống nửa trụ để chịu tang, bắt đầu từ bao giờ?

2) Còn tục "một phút mặc niệm" của người Việt mình bắt đầu từ bao giờ?

Tôi thấy nước Anh và Gia-nã-đại không nói phút, mà nói "a moment of silent" (im lặng một lát); Mỹ thì hai phút, còn người Việt mình, nói là "một phút" nhưng không canh giờ, mà tùy theo ban nhạc chơi bài "Hồn tử sĩ" của Lưu Hữu Phước, nhanh hay chậm, chơi cả bài hay một đoạn. Vậy thì đúng ra, phải mấy phút?

Hoàng Nguyên
Texas

Đáp: 1) Theo sách *Flags of the World*, tục này có từ thế-kỷ 16. Sách không giải-thích gì thêm.

Tự-điển *Oxford* ấn-bản năm 1708, bắt đầu ghi sự kiện "cờ nửa cột" này: "The Ships Flags, which were haf-staff high..."

2) Tục mặc-niệm bắt đầu từ Thượng-viện Bồ-đào-nha, và kéo dài 10 phút.

Tháng 2 năm 1912, Chủ-tịch Thượng-viện Bồ-đào-nha khi nghe tin Ngoại-trưởng quốc-gia này qua đời, đã yêu-cầu đồng viện đứng lên im-lặng cầu-nguyện trong 10 phút.

Đúng 12 giờ trưa ngày 16 tháng 3 năm 1912, lần đầu-tiên Mỹ áp-dụng nghi-thức mặc-niệm cho thủy-thủ-đoàn 260 người thuộc chiến-hạm Maine, nổ là chìm tại hải-cảng Havana, Cuba, 14 năm trước đó.

Tháng 4 năm 1912, Mỹ lại mặc-niệm 1500 nạn-nhân tàu du-lịch Titanic, va vào băng sơn và chìm trên Đại-tây-dương.

Theo BC, mặc niệm mấy phút cũng được, miễn là nghiêm-trang; nhưng đã gọi là "mặc niệm" (tưởng nhớ trong lặng-lẽ), thì không cần nhạc đệm. ●

diễn-đàn

Đọc Sách "Tổ Quốc Ăn Năn" của Nguyễn Gia Kiểng

Trần Xuân Ninh

Khi tới nhà một người bạn trong một chuyến đi dài, tôi thấy quyển *Tổ Quốc Ăn Năn* trong đống báo chí và sách vở bừa bộn trên bàn làm việc. Chỉ quyển sách, tôi hỏi: "Mới mua hả? Đọc thấy sao?". Người bạn trả lời: "Mua đâu. Có người gửi cho thì để đó. Nhưng mới lướt qua vài chương thì ngưng". Quyển sách còn mới, nhiều trang còn dính nhau. Trang đầu có giòng chữ đề tặng: "Đọc cho biết. Có những điều không thấy trong những sách khác". Người bạn tôi nói: "Nếu không có gì khác để giết thì giờ trong những thời gian di chuyển, và nếu không dị ứng với cái tên Nguyễn Gia Kiểng, thì cầm lấy mà đọc".

Lời đầu, ông Nguyễn Gia Kiểng đã viết về "lý do ra đời của cuốn sách khiêm nhường này". Ở trang 326 tác giả cho biết rằng *"tất cả các cuốn Tứ Thư, Ngũ Kinh nếu gộp chung lại và in thành một cuốn sách thì cũng chỉ vài trăm trang thôi, nghĩa là chỉ bằng một nửa cuốn sách mà các vị đang cầm trong tay thôi"*. Người đọc nhờ thế biết được rằng Khổng Tử thuyết giảng cả đời gom góp lại không nhiều bằng lời ông Nguyễn Gia Kiểng từ khi nhảy vào làm chính trị. Cuối trang III, Lời đầu, tác giả viết *"Nhiều độc giả sẽ thấy nhiều điều nói ra trong những trang sau là sai và đánh giá tác giả là dở. Tôi chấp nhận sự kiện đó. Tôi cho rằng nói ra những điều mình nghĩ là đúng dù biết rằng sẽ có nhiều người cho là sai và đánh giá thấp mình là một thái độ khiêm tốn. Đó là cách khiêm tốn của tôi."*

Vì sự khiêm tốn của tác giả, chấp nhận sự kiện *"nhiều người cho rằng những điều mình nói ra là sai"*, mà tôi viết bài nhận định này. Tuy nhiên, tôi sẽ không chú trọng nói về những điều sai đúng trong cuốn sách, vì nếu thế thì phải viết một hay hai cuốn sách cũng đầy như cuốn *Tổ quốc ăn năn* để dẫn chứng là sai hay đúng. Tôi chỉ nêu lên một số đặc điểm của cuốn sách và tác giả.

A. Những đặc điểm của cuốn sách

1/ Căn bản lý luận của tác giả đã chỉ dựa trên những khẳng định tùy tiện hay trên những sự kiện có tính giai thoại. Những khẳng định tùy tiện có thể làm xuôi tai một số người, nhưng không chính xác hay không có qiá trị gì đối với những người hiểu chuyện. Những sự kiện có tính giai thoại cũng vậy. Những kết luận rút ra từ những điều không có tính phổ quát này đĩ nhiên là không có bao nhiêu trọng lượng.

1.1.Thí dụ về những khẳng định tùy tiện.

. Tác giả viết *"Tất cả các nhà bác học về nhân chủng, y khoa, tâm lý đều đã đồng ý với nhau về một kết luận: chỉ có một giống người trên thế giới này mà thôi và mọi dân tộc đều có những khả năng như nhau hay ít ra gần như nhau."*

Người có chút hiểu biết phải thấy rằng đây là một nhận định "phải đạo chính trị" (politically correct). Nhận định phải đạo chính trị này không phản ảnh thực tế khoa học. Thực vậy, chỉ cần nhìn ngay quanh mình, ai cũng có thể thấy ngay rằng anh em cùng cha mẹ chưa chắc đã có những khả năng như nhau hay gần như nhau, chưa cần nói tới người ngoài và các dân tộc khác nhau. Lấy một nhận định "phải đạo chính trị", để khẳng định như ông Kiểng rằng *"Chỉ có những phần tử cực đoan và kỳ thị, thường thường vô học, mới phủ nhận kết luận này"* không thể có sức thuyết phục nào đối với người hiểu biết.

. *"Trong khi ở mọi nước phát triển môn địa lý được coi là tối quan trọng thì tại Việt nam nó lại bị coi thường quá đáng"* (trang 26)

Không hiểu bên Tây là nơi tác giả học và sống ra sao, nhưng bên Mỹ là nước phát triển và giàu có nhất thế giới, địa lý không được coi là tối quan trọng như tác giả nói. Ai biết học trình tiểu và trung học, và nghe những chế giễu trên truyền thông về sự hiểu biết không nhiều lắm về địa lý và sử ký của các nhân vật lãnh đạo quốc gia đều thấy như thế.

Theo một thăm dò các học sinh từ 11 đến 18 tuổi được học lịch sử ít nhất cho tới năm 14 tuổi đăng trên báo *Daily Telegraph* ngày 18

tháng 1.2001, thì đại chiến thế giới thứ nhất là một bí mật đối với 2/3 học sinh trung học Anh quốc. Một vài học sinh nghĩ Hitler là thủ tướng Anh trong thế giới đại chiến II. 1% nghĩ Oliver Cromwell dính líu vào trận đảo Falklands.

Bằng chứng thêm là cuộc điều tra năm 1997 của National Public Radio (Mỹ) cho biết 15% người Mỹ không chỉ được nước Mỹ ở đâu trên bản đồ thế giới, 42% không chỉ được Nhật-bản ở đâu. Điều tra của National Science Foundation năm 1995 cho biết 53% người Mỹ nói trái đất đi vòng quanh mặt trời trong 1 ngày hay trong 1 tháng (nghĩa là chỉ có 47% câu trả lời đúng là 1 năm; 21% cho rằng mặt trời đi vòng quanh trái đất (National Illinois University).

. *"Kinh nghiệm của tôi tuy chẳng bao nhiêu những cũng đủ để khẳng định về môn kinh tế chính trị nó rất dễ. Một người bình thường với trình độ tú tài, hay hơn một chút nữa càng hay, nếu tự tin và quyết tâm có thể nắm vững những kiến thức cơ bản của môn kinh tế chính trị trong vòng một năm, dĩ nhiên với điều kiện có được sách tốt hoặc thầy tốt."* (trang 462)

. *"Vai trò quản lý kinh tế của nhà nước thực ra không có gì phức tạp"* (trang 468). Nếu thực sự như thế thì nước nào kinh tế cũng đều phồn thịnh hết. Jeffrey Schwartz, kinh tế gia giám đốc Chương trình phát triển quốc tế của Harvard, đã không thất bại trong vai trò cố vấn phát triển kinh tế cho Nga sô. Các định chế tài chánh thế giới như IMF, World Bank cũng đã không thất bại nâng cao kinh tế ở Phi châu.

. *"Kẻ sĩ là gì nếu không phải là một mẫu người tồi hèn, vong thân"* (trang 312)

. *"Một dân tộc gồm toàn những người khôn là một dân tộc rất đần độn"* (trang 354)

. *"Chữ hiếu của Khổng tử không những bệnh hoạn mà còn bất lương"* (trang 296). *"Chữ nhân của Khổng Tử dứt khoát không phải là chữ nhân chúng ta thường hiểu..."*

. *"Khổng Tử xứng đáng được tôn làm ông tổ của tị nạn kinh tế"* (trang 284). *"Cái triết lý ở ẩn, tránh khó khăn và gian nguy của ông về bản chất là một thái độ thấp hèn.... Nguyễn Khuyến đáng được coi là tiêu biểu cho cái đạo lý tồi tàn này."*

. *"Đó cũng là vì chúng ta không biết đọc lịch sử"* (trang 191)

. *"Từ bao đời rồi lịch sử chỉ được coi là một diễn đàn để hạ nhục đối phương và tâng bốc mình lên."* (trang 183)

vân vân...

Những khẳng định kể trên có thể không sao giữa một nhóm quen thuộc đã nhận người phát biểu làm lý thuyết gia hay trong một cử toạ xã giao vì lịch sự mà im lặng. Nhưng khi đọc thấy trong cuốn sách, tôi không khỏi nghĩ tới những khẳng định của cán bộ CS sau năm 1975. Tại trường y khoa đại học Sài gòn, cán bộ tiếp thu nói với chúng tôi rằng trong mười năm nước ta sẽ tiến hơn Nhật Bản. Trong trại cải tạo, quản giáo khẳng định "thay trời làm mưa, biến sỏi đá thành cơm gạo", "xuất khẩu tre sang Liên sô để đổi lấy tên lửa, về cải tiến để đánh máy bay Mỹ". Báo *Nhân dân* tường thuật bác học Tôn Thất Tùng mổ gan, mổ tim trong mấy phút... Trong một số *Văn nghệ quân đội* năm 1976 (nhà xuất bản Xunhaxaba) tả người tiếp viên hàng không ưu việt của CHXHCNVN được dạy lấy bộ ngực che vết nứt của máy bay phản lực đang trên cao để tránh mất áp lực trong thân máy bay làm nguy hiểm cho hành khách. Người dân nghĩ gì về lối khẳng định này và về người nói, tôi thấy không cần ghi lại ở đây.

1.2. Thí dụ về những sự kiện có tính giai thoại

Tác giả đã

. Lấy chuyện bà mẹ hai cán bộ VC về miền Nam sau 1975 biết chùi bu-gi máy đuôi tôm để khẳng định *"sự khéo léo và nhanh trí của nông dân ở đây."*

. Lấy chuyện người bộ đội miền Bắc giải ngũ, nhanh chóng sửa và làm máy tàu, lấy nòng súng đại bác thay bạc sếch măng, để ca tụng: *"Hơn tất cả mọi tài liệu sách báo, chính những tiếp xúc với thực tế, với những con người đã cho tôi nhìn thấy rõ sự sáng dạ và khả năng thích nghi nhanh chóng của người Việt."* (trang 44)

. Lấy một chi tiết về chương trình huấn luyện quân sự học đường ở miền Nam năm 1956 để kết luận về người Việt *"Thật là bắt chước một cách ngu ngốc."* (trang 47)

. Lấy một câu chuyện huấn luyện quân sự công tư chức sau tháng 3 năm 1975 để kết luận: *"Có khi nước đến chân họ vẫn không biết cách thích ứng."*

. Lấy chuyện nuôi heo miền Bắc để nói: *"Điều đó tố cáo sự thiếu óc sáng tạo và đổi mới của người Việt nam."* (trang 46)

. Lấy chuyện thân mẫu phát cháo thí năm 45 để kết luận *"tình người và tình đồng bào"*.

. Lấy chuyện bà Năm đảng viên CS nuôi đứa con gái người dì của ông NGK bị tố khổ chết *"để tự hào làm người Việt."* (trang 112)

. Lấy chuyện những bài báo của mình bị phê bình nặng nề, để *"kiểm chứng cái tính ghét nhau của người Việt"*. (trang74)

. Lấy chuyện có người đồng ý với mình mà không lên tiếng, để giải thích rằng *"trong bản năng của họ, họ đều nghĩ rằng sự độc ác của người Việt trong cách đối xử với nhau là một chuyện thường"*...

. Kể chuyện hai người bạn công kích nhau kịch liệt, một người bênh một người chê tác giả NGK, để viết: *"Người VN chúng ta trong tiềm thức không ưa nhau, chúng ta có sẵn một bản năng tiêu diệt lẫn nhau, chỉ đợi cơ hội là bùng phát."* (trang 76). *"Chỉ vì một ý kiến không hợp ý mình, người ta có thể công*

kích nhau một cách thậm tệ dữ dằn" (trang 133).
vân vân...

Trong khoảng vài chục trang, tác giả vừa khẳng định *"sự sáng dạ và khả năng thích nghi nhanh chóng của người Việt"*, *"sự khéo léo và nhanh chí của nông dân"*, vừa chê bai *"sự thiếu óc sáng tạo và đổi mới của người Việt nam"*, *"nước đến chân vẫn không biết cách thích ứng"*, *"bắt chước một cách ngu ngốc"*. Từ một trường hợp cá nhân, ông Kiểng biến thành "chúng ta" rồi đi sang "cả nước", "cả dân tộc", tuỳ tiện theo cảm hứng. Cái lối sử dụng giai thoại để biện luận cho quan điểm này được thấy trong toàn bộ cuốn sách và đã dẫn đến những kết luận mâu thuẫn nhau.

Đây là xảo thuật mà các ứng viên dân cử Hoa kỳ hay dùng. Họ lấy một trường hợp thương tâm hay một sự việc hư hỏng để quảng cáo cho lập trường của mình hay để tấn công đối thủ và chính sách của đối thủ. Xảo thuật này có thể gây những phản ứng xúc động nhất thời cho một quần chúng không quan tâm theo dõi tình hình và không có thói quen suy nghĩ, khi ngồi trước truyền hình hay trong khung cảnh của một cuộc hội thảo nghe tác giả nói. Nhưng lối này không có tác dụng, nếu không nói là gây phản tác dụng, khi dùng trong một cuốn sách, mà người nào đã đọc thường là người ít nhiều hiểu chuyện và để tâm suy nghĩ.

2/ Lý luận lệch lạc là kỹ thuật đã dùng trong cả cuốn sách. Nếu ông Nguyễn Gia Kiểng đã đưa ra rất nhiều những sự kiện sai, hay những giai thoại không có giá trị phổ quát (trên đã trích dẫn một số điển hình), thì ông cũng có nêu ra một số sự kiện đúng (một số hiển nhiên hay kiểm chứng được là đúng hay đúng một phần, và một số không kiểm chứng được nhưng có thể suy diễn là đúng từ thực tế kinh nghiệm sống). Nhưng, ông lại đã lý luận lệch lạc để phục vụ cho những định kiến của mình.

2.1. Khi biện giải cho sự cần thiết của dân chủ ông Nguyễn Gia Kiểng đã đưa ra trường hợp của một số nước A châu để chứng minh. Nhưng những lý luận này dựa trên những dữ kiện chỉ đúng biểu kiến, hay đúng một phần và không có tính thuyết phục chút nào đối với những người hiểu chuyện và làm cho vấn đề rối mù đối với những người không quen lý thuyết dông dài. Tôi không nêu ra ở đây vì tốn giấy và làm mất thì giờ người đọc. Nhưng cũng phải nói rằng sự rối mù này có thể làm cho một vài người đọc phục người viết cao thâm.

2.2.Ông Nguyễn Gia Kiểng đề cao thương mại và ca tụng những đức tính chọn lọc của thương giới. Sự đề cao này có thể là nhằm đạp đổ quan niệm coi thường thương giới trong trật tự "sĩ nông công thương" và có lẽ cũng vì ông cho rằng người VN hiện nay vẫn còn nghĩ thế. Tuy nhiên, nếu ông biết số học sinh trong nước nhào vào học các ngành thương mại và kinh tế như thế nào, và số người VN đổ xô vào buôn bán khắp ngóc ngách đường phố từ tỉnh đến quê trong nước ra sao thì có lẽ ông sẽ không thấy cần đề cao thương mại như vậy.

"Thương mại đòi hỏi và làm phát triển nhiều đức tính tốt... Người làm thương mại sống bằng chữ tín nên phải thực thà, nếu không muốn bị tẩy chay và phá sản. Người làm thương mại cần khách hàng nên phải thực sự quí trọng người khác vì không có sự giả dối nào có thể kéo dài. ... Chính vì thương mại không phát triển mà con người trong các xã hội Khổng giáo thường rất thô lỗ..." (trang 456)

Trong những câu trên, tác giả đã dùng một nửa sự thực để dẫn tới những kết luận theo ý riêng. Thực thế, thương mại đã làm phát triển nhiều đức tính tốt mà cũng sinh nhiều tính xấu. Buôn bán cần tín nhiệm thì có mà thực thà thì chưa chắc; xã giao mềm mỏng thì có mà thực sự quí trọng thì chưa chắc...

2.3. Ông Nguyễn Gia Kiểng đã tiếp nhận được một số quan niệm lý thuyết về quốc gia của Tây phương. Những quan niệm này có tính từ chương, sử dụng cho các trường học để hướng dẫn sinh viên nhận định. Nhưng cho rằng nhờ đó mà người Việt nam có ý thức quốc gia, có lòng yêu nước thì là một sai lầm lớn. Tuy người bình dân (chiếm tuyệt đại đa số dân tộc) không biết gì về những ý niệm lý thuyết này, nhưng đơn giản hiểu rằng "giặc đến nhà đàn bà phải đánh" hay là "quốc gia hưng vong thất phu hữu trách" hay là như Trần Bình Trọng "thà làm qui nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc". Trong khi ông Kiểng với mớ lý thuyết sách vở đó, và với sự choáng ngộp vì đời sống ở Pháp đã lâm vào tình trạng: *"niềm tự hào dân tộc giảm đi, nhường chỗ cho một sự hoang mang và sau cùng là một sự chua xót và thẹn thùng về sự thua kém của đất nước Việt nam và con người Việt nam"*.

3/ Về mặt hình thức, ông Nguyễn Gia Kiểng đã dùng rất nhiều lối văn khoa trương hoa mỹ (rhétorique, rhetoric). Nhưng đã không giấu được hay làm cho dễ nghe hơn những nội dung mâu thuẫn, sai lầm hoặc chỉ phản ảnh một phần sự thực. Cũng không thể tăng thêm tính thuyết phục của các lý luận lệch lạc ông dùng. Mời quí vị duyệt những giòng khoa trương hoa mỹ điển hình dưới đây, luận về tổ quốc.

Đầu tiên là những khái niệm căn bản của ông Kiểng về tổ quốc, quốc gia, không có gì đáng bàn:

"Quốc gia trước hết là một khái niệm tinh thần và tình cảm, trong đó nguyện ước chia xẻ một tương lai chung có tầm quan trọng quyết định. Đồng nghĩa với quốc gia là

nước, là đất nước, non sông hay tổ quốc, được dùng tùy trường hợp".(trang 477)

"Tổ quốc cũng tình cảm như đất nước, non sông, nhưng nhấn mạnh hơn về lịch sử và di sản văn hoá".

Ông Kiểng biết rằng *"Tổ quốc, quốc gia trước hết là một khái niệm tinh thần và tình cảm"*. Nhưng trong cơn say khoa đại, ông đã biến tổ quốc thành một nhân vật, phải thế này phải thế nọ. Trong cơn say này, ông đồng hoá (hay lẫn lộn) chế độ (quốc gia hay cộng sản), chính sách, người cầm quyền... với tổ quốc. Dường như ông có nhận ra điều này, và có biện giải một cách yếu ớt (trang 573), để giữ nguyên những khoa đại mà có lẽ ông rất lấy làm đắc ý. Và rất có thể từ đó lấy cái tên nổ cho cuốn sách là "Tổ quốc ăn năn". Người đọc có thể hiểu được cái tâm trạng "văn mình" (tức là tự mê) này của người viết. Nhưng ấn tượng gây nên nơi người đọc nhiều lắm thì cũng tương tự như khi đọc loại văn chương cà-phê-thuốc-lá-ghế-đá- công-viên. Bởi không phải vì mình tự mê mà người khác cũng mê mình. Xin quí vị đọc mấy giòng trích dẫn dưới đây để thấy sự lẫn lộn đã nói.

Người cộng sản VN *"nhân danh tổ quốc để tàn sát lẫn những người không chấp nhận chủ nghĩa của họ" . "Tổ quốc trở thành đao phủ"* (trang 570)

"Toàn thắng rồi, tổ quốc xã hội chủ nghĩa quên phắt cam kết thực hiện hoà giải và hoà hợp dân tộc. Tổ quốc bỏ thù và hạ nhục hàng triệu người. Tổ quốc đánh tư sản, tống cổ con cái "nguỵ quân nguỵ quyền" ra khỏi trường học và lùa đi vùng kinh tế mới. Tổ quốc không chế và hăm doạ bằng công an thành, công an tỉnh, công an huyện, công an phường...."(trang 571)

"Đối với những người ra đi, tổ quốc là sóng gió là hải tặc là cái chết trong bụng cá..." "Đối với những người ở lại tổ quốc đổi tiền mấy lần để cướp giật, tổ quốc sách nhiễu từng ngày. Tổ quốc nói trắng cũng được, nói đen cũng xong..."

"Tổ quốc của phe "quốc gia" chắc chắn không kém phần hiểm độc bằng tổ quốc xã hội chủ nghĩa, nhưng cũng không kém phần nhảm nhí..." (trang 571)

"Tổ quốc của phe Cộng sản là một tổ quốc gian ác, trong khi tổ quốc của các chính quyền quốc gia là một tổ quốc tầm phào. Mặc dầu vậy, hai cái tổ quốc đó đã làm chết gần bốn triệu người trong một cuộc chiến kéo dài gần ba mươi năm." (trang 573)

"Ngôn ngữ của tổ quốc Việt nam đối với người dân là 'mày phải yêu tao và phục tùng tao tuyệt đối, còn tao không có bổn phận nào đối với mày cả'. Tổ quốc xấc xược và thô bạo." (trang 579).

"Sau đó, chính tổ quốc phải nhận lỗi về những đày đọa đã gây ra cho các con mình, và tự sửa đổi. Tổ quốc phải rời bỏ bàn thờ thiêng liêng, tối cao và vô trách nhiệm để thân thiện đến với mọi người. Tổ quốc phải lột xác..." (trang 585).

Để kết luận khi đọc xong những câu khoa đại ở trên, có lẽ phải mượn đến lời bà già Mỹ trong một quảng cáo bánh kẹp thịt (hamburger) mà ứng viên tổng thống Hoa kỳ, ông Mondale, đã dùng để đặt dấu hỏi về thực chất của những kế hoạch rất nổ của ứng viên đối thủ, là *"where is the beef?"* (thịt bò ở đâu?).

Sau chót xin mời quí vị đọc câu sau ở trang 355: *"Người dân chủ" cũng cần khẳng định: người dân không có bổn phận phải yêu nước; chính nhà nước và thành phần ưu tú của đất nước, nghĩa là thành phần trí thức, phải làm cho đất nước trở thành đáng yêu"*.

Người dân không có bổn phận phải yêu nước? Tôi không khỏi nghĩ đến những cán bộ bộ đội khi vào đến miền Nam tuyên bố: *mọi sự có nhà nước no*. Cái khác là CS coi giai cấp công nông ưu việt chịu trách nhiệm biến đất nước thành thiên đường Cộng sản, còn ông Kiểng (người dân chủ?) thì coi trí thức là thành phần ưu tú phải làm cho đất nước đáng yêu.

4/ Ngoài đặc tính khoa trương hoa mỹ, lối văn ông Kiểng còn mang tính yếm thế mỉa mai khuyển nho (cynical, cynique). Xin hãy lướt qua mấy giòng sau đây:

"Chúng ta thiếu một cách tuyệt vọng tự hào dân tộc. Một người có niềm tự hào thực sự bao giờ cũng kính trọng những người giống mình." (trang 63)

"Chúng ta chưa biết cách quản lý tổ tiên" (trang 152)

"Tôi chỉ giận cái tâm lý kẻ sĩ của Khổng Giáo không chịu cút hẳn khỏi tâm hồn người Việt" (trang 322). Ông Kiểng viết câu này khi kể chuyện hai người trí thức bỏ không hợp tác với ông sau khi một nhà tướng số cho biết ông Kiểng "không có tướng của một minh chủ".

"Hệ thống giá trị áp đặt cho phụ nữ rất mọi rợ và vô nhân đạo. Nó hạ giá người phụ nữ xuống hàng một nô lệ và một vật dụng.... Rồi lại còn có cái chữ trinh cực kỳ đểu cáng". (trang 294)

"Người chồng VN là một trong những người chồng thô bỉ nhất thế giới." (trang 295)

5/ Sự tràn ngập tính khoa trương hoa mỹ, tính khuyển nho trong cách diễn tả, lối khẳng định tuỳ tiện cộng với ám ảnh muốn khoe hiểu biết và khả năng biện luận đã làm cho ông Kiểng đi đến những lẫn lộn về ngay những điều ông phân biệt và mâu thuẫn với ngay những khẳng định của mình.

5.1. Điển hình sự mâu thuẫn là trong chủ đề lớn của ông về lòng yêu nước:

"Muốn làm lại đất nước chúng ta không thể thiếu lòng yêu nước và tinh thần trách nhiệm. Đó là chìa khoá của vấn đề. Nhưng làm thế nào để phục hồi lại lòng yêu

nước?" (trang 584). Điều mâu thuẫn là: cứ như những khẳng định nhiều lần của ông Kiểng về lòng yêu nước thì người VN có lòng yêu nước đâu mà phục hồi?

Điển hình sự lung tung lẫn lộn là trong lý luận phê bình Khổng giáo:

5.2. Ông Kiểng phân biệt Khổng giáo và Khổng tử, Khổng giáo ban đầu, Hán nho, Nho giáo xuống cấp, Khổng giáo sơ đẳng, Khổng giáo nhân bản hoá, Khổng giáo khi vào VN... nhưng lại lẫn lộn ngay sau đó, làm người đọc không biết ông khen Khổng giáo nào chê Khổng giáo nào. Xin quí vị đọc những giòng dưới đây.

"Khi Khổng Giáo bắt đầu được phổ biến tại VN thì cái hào quang của mùa xuân tư tưởng Xuân Thu Chiến Quốc đã qua rồi. Khổng giáo thành Hán nho, tức là thứ Nho giáo đã xuống cấp, đã bị tước bỏ hết mọi tinh hoa của các Mặc Tử, Tuân Tử, Hàn Phi... để chỉ còn thứ Nho giáo thui chột." (trang 304)

"VN cũng chịu ảnh hưởng nặng nề của Khổng Giáo dưới dạng sơ đẳng và cằn cỗi nhất. Chính vì vậy mà văn hoá của VN thấp kém và bất dung hơn Trung quốc." (trang 305)

"Văn hoá Khổng giáo trở thành độc hại không phải nó sai ngay từ đầu mà vì nó đã không biết đổi mới." (trang 331)

"Khổng giáo là một hệ thống giá trị khe khắt, máy móc và vô nhân đạo được các vua chúa đem áp đặt vào cuộc sống. Người dân đành phải chấp nhận và vì không thể chấp nhận nguyên vẹn nó, người dân đã phản ứng lại bằng cách thay đổi nội dung của nó để bớt đi phần nào sự khe khắt do đó mà Khổng giáo đã phần nào được nhân bản hoá". (trang 300)

"Tuy vậy ông (Khổng tử) *dạy học trò nên cư xử trung thực, giữ tín nghĩa với bằng hữu, phải phụng dưỡng cha mẹ, giúp đỡ người già sống yên ổn, yêu trẻ thơ. Tất cả những đức tính đó đều đáng quí cả nhưng là những cũng chỉ là những đức tính thông thường đã được nhìn nhận từ lâu"* (trang 280). *"Hiếu, nhân, lễ, tín, trí... là những giá trị của mọi xã hội và mọi nền văn minh chứ không phải của riêng Khổng giáo"* (trang 294).

Chỉ hai trang sau, ông Kiểng viết:

"Chữ hiếu của Khổng tử không những bệnh hoạn mà còn bất lương." (trang 296). *Chữ nhân của Khổng Tử dứt khoát không phải là chữ nhân chúng ta thường hiểu...*

Người có thì giờ rảnh rỗi và thích tranh luận thì có thể đọc *Tổ Quốc ăn năn*, để mỗi trang là có thể viết một hay nhiều trang phản bác. Thực tế theo tôi có lẽ là không mấy ai phí thì giờ làm chuyện vô ích này.

Người đơn giản thì có thể bảo "ông Kiểng không biết mình đang nói gì". Người thích ông Kiểng có thể đặt câu hỏi: Biết đâu tạo rối mù chẳng là một kỹ thuật ông Kiểng dùng để làm cho người đọc khâm phục vì không hiểu hết những điều ông nói?

6/ Thử tìm nguyên nhân của những khuyết điểm và sai lầm trong lý luận của cuốn *Tổ quốc ăn năn*.

6.1. Có lẽ một nguyên nhân quan trọng là ông NGK là một người làm chính trị *rất thiếu thì giờ* (chính ông khẳng định). Thiếu thì giờ nên không thể nghiên cứu kỹ lưỡng (ông nói thẳng ông không là nhà nghiên cứu). Vì làm chính trị nên ông thấy cần tạo chú ý bằng cách viết nổ. Vì cho rằng *"người Việt nam không biết đọc, không biết viết và không biết nói"*, nên có thể ông đã nghĩ rằng những kiến thức tổng quát phơn phớt mà thì giờ ít ỏi của ông thu gom được có thể tạo sức nặng lý thuyết cho những ý kiến chủ quan của ông được trang điểm bằng lối văn huê dạng.

6.2. Một nguyên nhân khác có thể là tiềm thức nể vì người ngoại quốc của ông Kiểng. Khi ông phủ nhận những giá trị Việt nam - do ảnh hưởng Khổng giáo *"độc hại"* (chữ dùng ở trang 331), và khi ông choáng váng trước đời sống vật chất Tây phương để thú nhận rằng *"chua xót và thẹn thùng về sự thua kém của đất nước Việt nam và con người Việt nam"* thì đây chỉ là điều dễ hiểu. Sự nể vì này biểu hiện ra trong sự kiện ông Kiểng luôn luôn viện dẫn ý kiến người ngoại quốc (từ đồng nghiệp trong sở đến nhân vật trong sách) cho lập luận của mình. Xin tạm lấy một trường hợp:

Ông Kiểng khẳng định *"lực lượng Tây sơn không mạnh"* dựa trên báo cáo của một "chuyên viên" người Anh tên là Chapman (không rõ có biết rành tiếng Việt hay không) sau một chuyến đi "quan sát tỉ mỉ khắp nơi" rằng *"chỉ cần một đạo quân 100 người mà có kỷ luật cũng đủ đánh tan toàn bộ quân Tây sơn một cách nhanh chóng"* (trang 164). Một trăm người, dù võ khí tối tân và kỷ luật đến mấy cũng không thể nào thắng được cả một đám đông quần chúng Việt-nam *"dù không yêu nước và chỉ biết tuân lệnh chủ"* (như ông Kiểng nói), kém võ khí nhưng được điều động hiệu quả để xông lên tấn công (như trong trường hợp chiến thuật biển người của Mao Trạch Đông ở Cao Ly mà Võ Nguyên Giáp y. theo ở Điện Biên Phủ). Nguyễn Huệ, mà ông Kiểng khinh miệt và chê trách, có khả năng (tàn bạo) này, theo như chính tác giả viết trong sách. Ngoài ra, kết luận này khó có tính thuyết phục đối với những người đã từng nghe những khẳng định tương tự và sai bét của các chiến lược gia, các tướng lãnh ngoại quốc về khả năng đánh thắng Việt nam trong lịch sử hiện đại.

7/ Những lý luận của ông Kiểng có thể khiến cho người phân tích nghĩ đến lối lý luận tranh thắng tại chỗ theo trường phái những nhà quỉ biện (sophiste) của Hi lạp, cổ khoảng giữa thế kỷ thứ 5 trước

Thiên chúa tại Athens. Những người quỉ biện này dạy cách hùng biện và tranh thắng, dựa trên hai đặc tính mà Plato gọi là: tạo tranh cãi (eristic, éristique) và phản hợp lý (antilogique, antilogic). Plato đã coi những người quỉ biện là chỉ cốt lý luận tranh thắng bất chấp sự thực. Ngày nay chữ quỉ biện (sophisme, sophism hay sophistry) được hiểu là lý luận hay chủ trương lý luận chỉ đúng trên biểu kiến hoặc hình thức nhưng thật sự là sai; nhằm lừa dối hoặc để khoe mình thông minh. Phương pháp này ngày nay được áp dụng nhiều trên kỹ thuật bán hàng. Đó là phóng ra những lời cùng hình ảnh, màu sắc thật nổ, thật nhanh và không ngừng làm cho người nghe rơi từ choáng váng này đến ngạc nhiên khác mà không kịp suy nghĩ trái phải, về sự hợp lý hay kiểm chứng bằng những kinh nghiệm đã tích lũy của mình. Dĩ nhiên lúc đầu người nghe có cảm giác không ổn nhưng sau một thời gian bị giằng kéo giữa việc phải bám theo ý của người nói rất nhanh và phản xạ đòi suy nghĩ của chính mình, tâm trí người nghe nhanh chóng mệt mỏi, và để mặc cho người bán hàng dẫn đi. Kỹ thuật này cũng được khai triển trên truyền thanh truyền hình, bằng cách dùng những diễn tả ngắn gọn hay những hình ảnh của một góc toàn cảnh để tạo ấn tượng và phản ứng muốn có lên một quần chúng không có thói quen suy nghĩ và không có khả năng tập trung lâu.

B. Những đặc điểm về tác giả

1/ Người đọc kỹ cuốn *Tổ Quốc ăn năn* có thể nhận thấy từ đầu đến cuối sự sôi nổi tuôn trào cảm tính của tác giả qua lối dùng chữ, đặt câu và diễn tả - vừa khoa trương hoa mỹ vừa khuyển nho yếm thế mỉa mai - như trên đã nói. Bên cạnh đó là sự quan tâm tạo một ấn tượng về mình của ông Kiểng. Ấn tượng một người như thế nào?

: một người bị ám ảnh bởi nhu cầu khẳng định sự khách quan của mình bằng lập trường không chống cộng: *"Độc giả đừng vội nghĩ rằng tôi đang chống Cộng và kể tội người Cộng sản"* (trang 4).

. một người thù ghét bạo lực...

. một người bị ám ảnh vì sự công kích và phản đối của nhiều người đối với cá nhân mình và nhóm mình để cố tìm cách cắt nghĩa thái độ này bằng văn hóa, bằng lịch sử...

. một người thích nổ, thích khác biệt, thích mới, như trang 72: *"Sự kiện nhiều người không đồng ý với mình chứng tỏ ý kiến mình là mới. Tôi quan niệm đưa ra mười ý trong đó chín ý sai và một ý đúng vẫn còn hơn nói mười điều đúng cả mười nhưng chỉ là những ý cũ."*

. một người nói cho sướng miệng, cho hả dạ, bất chấp dữ kiện nêu ra sai đúng. Dẫn chứng:

Trang 150 ông viết *"Vào cuối thập niên 80, một tổ chức chính trị lưu vong, MTQGTNGPVN của ông Hoàng Cơ Minh đã tung ra cả một đợt học tập qui mô về Quang Trung Hoàng đế. Thôi thì đức của vua Quang Trung, phép trị nước của vua Quang Trung, mưu thuật Quang Trung vân vân... Nguyễn Huệ trở thành một đề tài học tập, một thứ cẩm nang hành động"*.

Là người đoàn viên MT từ đầu thập niên 80 luôn luôn chú trọng đến vấn đề học tập, chưa bao giờ tôi được nghe biết đến một thảo luận nào về Quang Trung, đừng nói đến học tập qui mô. Nếu ông NGK có thể công khai cho mọi người biết đợt học tập này xảy ra ở đâu, bao giờ thì thật quí hoá. Sự dựng đứng về một điều dễ dàng kiểm chứng như việc này làm tôi đặt câu hỏi về sự chính xác của những sự kiện ông Kiểng nêu ra trong cuốn sách để làm căn bản lý luận. Thành thực mà nói, tôi đã phải cố gạt đi ý nghĩ về một bịa đặt bất lương, vì tự nhủ dù sao ông Kiểng cũng là người "có học".

Cũng để cho hả cái dạ của mình, ông Kiểng viết ở trang 97: *"Tôi sang Pháp lúc ông Hoàng Cơ Minh nổi như cồn. Tôi đã nói chuyện với rất nhiều người, và không ai, kể cả những người ủng hộ ông, tin là ông có chiến khu thực sự cả. Vậy thì làm sao có thể nói là đã bị lừa gạt? Nói như vậy là không thành thực. Sở dĩ người ta ủng hộ ông là vì ông đã có công tạo ra một ảo tưởng bạo lực, và ảo tưởng đó là giấc mơ của đa số người tị nạn thời đó. Họ đóng góp cho ông Hoàng Cơ Minh vì ông cho phép họ nuôi dưỡng giấc mơ đó. Họ đóng góp cho ông để ông diễn tuồng kháng chiến võ trang cho họ xem."* Và:

"Ông Hoàng Cơ Minh đã thiệt mạng. Nhiều người khác đang mòn mỏi trong các nhà tù. Họ là những nạn nhân đáng thương của tâm lý tôn sùng bạo lực Việt nam".

Rồi trở lại với nhóm của ông: *"Nhóm Thông Luận đã bị phản đối dữ dội vì chủ trương từ bỏ bạo lực, và do đó đụng chạm tới một sự sùng ái lâu đời."*

"Một dân tộc không nhiều thì ít cũng xứng đáng với số phận của mình. Sở dĩ ngày hôm nay đất nước chúng ta kiệt quệ thế này cũng vì cái tâm lý tôn sùng bạo lực ấy. Tất cả chúng ta đều có trách nhiệm. Chúng ta tôn sùng bạo lực và ngạc nhiên thấy mình là bạo lực."

Nói mà không nghĩ trong một cơn xúc động thì có thể hiểu được. Viết mà không nghĩ như trên cho một cuốn sách là điều khó tưởng tượng nổi ở một người làm chính trị và tự cho là khác với dân tộc Việt nam mà ông mô tả là *"không biết đọc, không biết viết và không biết nói"* (trang 105). Tôi là một đoàn viên Mặt Trận kỳ cựu và cũng là người có biết chút đỉnh về triết lý Phật giáo nên không mấy động tâm về lời xúc phạm của ông Kiểng đối với người chiến hữu tiên phong lãnh đạo đã hy sinh của tổ chức chúng tôi là ông Hoàng Cơ Minh. Bởi lẽ lời ông Kiểng không thể làm thay đổi bản chất việc làm của chủ tịch MTQGTNGPVN Hoàng Cơ Minh. Và cũng vì mình làm gì thì

cũng có người chê, theo kinh Pháp cú: Làm người mà không bị chê, thật là chuyện khó ở thế gian này.

Ông Kiểng có thể ghét Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt nam và chủ tịch Mặt Trận là ông Hoàng Cơ Minh, cũng như Việt cộng ghét Mặt Trận, và vì thế miệt thị ông Minh và những người đã hy sinh cho cuộc đấu tranh giải phóng Việt nam. Nhưng nhân đó ông miệt thị luôn cả dân tộc là tôn sùng bạo lực chỉ vì có đông đảo quần chúng ủng hộ ông Minh và Mặt Trận thì người đọc không tránh khỏi quan tâm đến sức khoẻ tâm trí của nhà chính trị Nguyễn Gia Kiểng.

2/ Sau chót, bỏ sang bên sự sai đúng trong cách lý luận và sử dụng sự kiện của ông NGK như trên đã nói, ta có thể thấy rằng cả cuốn sách ông Kiểng chỉ có kết tội Khổng giáo, kêu gọi từ bỏ bạo lực và hãy đi buôn cả nước. Nhưng trong suốt cuốn sách, ông Kiểng đã phạm đúng những điều ông công kích. Ông đã làm kỹ sư mà không đi buôn như là ông kêu gọi mọi người. Ông đã đặt câu hỏi *"Tại sao hàng ngàn hàng vạn trí thức lỗi lạc đã phục vụ cho họ* (CS), *và còn hết lời tâng bốc họ, làm biết bao nhiêu người khác tưởng họ là những thần tượng và chạy theo họ?"* (trang 310). Câu hỏi này có thể đặt ngay cho ông Kiểng. Trong chương *"Thằng nào đây"* ông NGK đã viết về những câu không thành câu, những thói sính tiếng tây của cựu tổng thống Thiệu, mà ông Kiểng biết từ thời còn làm ngân hàng VNCH. Câu hỏi cho ông Kiểng là: Nếu quả thực điều này quan trọng cần nói thì tại sao ông Kiểng không nói ra cho công chúng biết ngay lúc đó, mà chờ đến ngày nay mới viết lại với giọng khinh thị, tuy ông Thiệu không có những biện pháp trấn áp bịt miệng như CS, và vì thế thời VNCH không thiếu gì người phê bình chỉ trích ông Thiệu một cách công khai? Ông NGK khác gì những trí thức trong chế độ CS mà ông chê trách là đã im tiếng?

"Chúng tôi đã gặp những đả kích gay gắt, hằn học từ đủ mọi phía. Người ta mạt sát chúng tôi ..." (trang 147). *"Chỉ vì một ý kiến không hợp ý mình, người ta có thể công kích nhau một cách thậm tệ dữ dằn"* (trang 132). *"Chúng ta đặt quá nhiều đam mê và xúc động vào một lịch sử không chính xác"* (trang 183). Nhắc lại chính những điều ông kết án để xin ông Kiểng và các độc giả, hãy xem lại những câu, những đoạn ông Kiểng viết về lịch sử, về Khổng giáo, về những bất đồng ý kiến với ông hiện nay trong cuốn sách xem sao.

Câu của Nguyễn Trãi *"Chấp nhất kỷ chi kiến, giá hoạ ư tha nhân"* mà ông Kiểng lấy làm tên cho một chương và nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong cuốn sách có thể làm cử toạ chú ý khi nghe trình bày trong một phỗng hội. Nhưng khi để vào cuốn sách với những chương khác đầy những mâu thuẫn lý luận, những khẳng định tùy tiện, và bằng lối sử dụng ngôn ngữ thậm từ như những dẫn chứng ở trên cho thấy, thì người đọc khó tránh khỏi nghĩ rằng tác giả chính là người *"Chỉ biết ý kiến mình mà thôi, lúc nào cũng sẵn sàng buộc tội người khác"* (lời dịch của ông Kiểng)

Thực thế, tác giả tỏ ra rất bực bội về những phê bình và thái độ của những người không đồng ý với mình, mà tác giả cho là tàn tệ, hay là đã vu cáo tác giả. Tôi không rõ người ta đã vu cáo cho tác giả những gì, nhưng tôi biết rằng chủ trương hoà giải hoà hợp của tác giả có nhiều người không đồng ý. Tôi cũng là một người không đồng ý khi đọc bài "Cơ sở lý luận" đầu tiên của ông Kiểng. Những sửa chữa lý thuyết của ông Kiểng tiếp theo sau đó tuy có giải thích "hoà hợp hoà giải" khác với "hoà giải hoà hợp", phân biệt nhóm lãnh đạo CSVN ra khỏi đám đảng viên và quần chúng vân vân... nhưng cũng không làm gia tăng bao nhiêu số người ủng hộ ông. Không phải chỉ vì những quanh co biện giải này không làm cho người ta đồng ý với ông, mà còn vì những hành động chính trị của ông tương tự như hành động "sửa giép vườn dưa", tạo nghi ngờ và khiến người ta đặt câu hỏi. Điều ngạc nhiên là một người có học như ông Kiểng mà lại không hiểu rằng khi những luận điểm lý thuyết không có tính thuyết phục và hành động không những không gây tin tưởng mà còn tạo nghi ngờ thì chống đối, hay công kích chỉ là điều khó tránh. Sự tàn tệ trong ngôn từ chỉ là biểu hiện một mặc cảm yếu kém, một ám ảnh bị tấn công và ngược đãi (paranoiac), và một chỉ dấu bất lực từ trong tiềm thức.

3/ Có lẽ điều đáng chú ý nhất trong cuốn sách là ông Nguyễn Gia Kiểng đã nhận rằng: *"Những nhược điểm của người Việt một phần lớn, nếu không muốn nói là tất cả, tôi có thể tìm thấy ở chính mình."* (trang 109). Nhưng, dù cho ông Kiểng có phần lớn những nhược điểm, hay đúng hơn là những "tồi tàn" dưới ngòi bút khoa đại và khuyến nho của ông, thì cũng chỉ là một trường hợp cá biệt và không thể từ đó suy ra rằng đó là những nhược điểm của người Việt nói chung, như ông Kiểng khẳng định.

C. Kết luận

Ông NGK trong cuốn *Tổ Quốc ăn năn* đã chê người Việt không có khả năng truyền thông. Không rõ ông Kiểng có hiểu rằng truyền thông giỏi không phải là nói những điều mình thích nói và bất chấp người nghe, mà là nói những điều lọt tai để ảnh hưởng người nghe. Với những luận điệu và cách diễn tả lấy được trong cuốn sách như lược trích ở trên, ông Kiểng phải có phương tiện trấn áp như CS để bắt mọi người phải đọc. Nếu không, e rằng chẳng mấy người bỏ công xem tiếp sau khi lật qua những trang

đầu.

Ở phần mở đầu, ông Kiểng nói *"Tổ quốc ăn năn không phải là một tuyển tập những bài nghị luận mà là một cuốn sách."* Tuy nhiên, những mâu thuẫn giữa các bài viết đã cho người đọc thấy thực sự cuốn sách chỉ là một tuyển tập các bài được viết ra một cách khoa trương hoa mỹ để đưa ra một số định kiến và cảm tính chứ không phải là một cuốn sách có giá trị lý luận lớp lang hay dựa trên những dữ kiện nghiên cứu vững chắc, như ông Kiểng muốn. Tuyển tập này được gọi là một cuốn sách vì có thêm chương mở đầu để gán ý nghĩa cho từng phần và chương kết luận để cho cuốn sách có chủ đề.

Về sự khẳng định mình là nhà chính trị rất thiếu thì giờ, thì xin góp ý với ông Kiểng một chút: Chính trị là vấn đề liên hệ đến cả nước, đầy những phức tạp, khó khăn, nhất là trong thời đại thế giới thu nhỏ ngày nay những vấn đề Việt nam không còn chỉ liên quan đến người Việt. Không có thì giờ theo dõi, nghiên cứu thì khó thể có những suy nghĩ đúng đắn để là một nhà chính trị đúng nghĩa. Có lẽ vì thế mà ông Kiểng hễ nói ra là có quá nhiều người chỉ trích chăng? Xin mạn phép kể ông Kiểng nghe một chuyện nhỏ. Ngày xưa có Ninh Thích lúc hàn vi đi chăn trâu thì đàn trâu luôn luôn béo tốt khoẻ mạnh. Có người lấy làm lạ hỏi bí quyết. Ninh Thích chỉ nói ngắn ngủi "Vì tôi lúc nào cũng nghĩ đến trâu". Nếu mà Ninh Thích thiếu gì giờ, chắc hẳn đã không giữ yên được chân chăn trâu cho chủ, mà cũng không thể trở thành một tể tướng tài ba.

Ông Nguyễn Gia Kiểng viết quyển *Tổ quốc ăn năn* để tặng ba người, trong đó có con gái đầu lòng của ông là Nguyễn Hoàng Quốc Phái, chết ở tuổi 6 tháng, khi cả cha mẹ bị giam giữ. Ông viết *"Tôi cần một thắng lợi để làm quà tặng và xin lỗi Quốc Phái"*. Vì Quốc Phái là *"Con gái xinh đẹp của một kỹ sư và một bác sĩ, một đứa bé mà cuộc đời hứa cho tất cả, nhưng đã chết như một đứa trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ và được chôn cất sơ sài trong một nghĩa trang tiều tụy"*, ông Kiểng viết. *"Và thắng lợi đó phải thực quảng đại, xứng đáng với Quốc Phái và xứng đáng với nỗi đau không bao giờ nguôi trong tôi"* (trang VII).

Nghe ông Kiểng kêu gọi hoà giải hoà hợp, thì người ta hiểu rằng trong ông không có, hay không còn hận thù. Nhưng ông lại cho người ta biết ông có nỗi đau không bao giờ nguôi, tuy rằng diễn tiến tự nhiên của cuộc đời là theo luật 3Q: cái gì cũng qua, cũng quen và cũng quên. Rất nhiều người cũng trải qua những biến cố bi thảm tương tự hay hơn, và vì thế họ không thể quên được. Ai cũng hiểu điều này. Nhưng những người này hoặc đã chọn thái độ dứt khoát đi vào đấu tranh chống tội ác, hoặc ủng hộ những cuộc đấu tranh nhắm vào những tội phạm hay những kẻ đồng loã. Mục đích đơn giản chỉ là để cho công bình sòng phẳng và để không cho tội ác tiếp tục hay tái diễn. Nhưng với "nỗi đau không bao giờ nguôi", ông Kiểng lại không hề làm thế mà ngược lại, ông còn công kích tất cả những người đấu tranh này. Có lẽ vì vậy mà ông đã không thắng lợi từ khi đi vào hoạt động chính trị. Ông đã chỉ có thể tạo những phê bình chỉ trích, và nhận lãnh những hậu quả của dư luận, khiến buồn bực bất mãn trào dâng trong cuốn sách. Quả thật khó cho người đọc có thể nghĩ cuốn *Tổ quốc ăn năn* sẽ đem lại một thắng lợi quảng đại cho tác giả khi cảm tính không kìm giữ được đã khiến tác giả coi tất cả mọi người, từ cổ chí kim là nghịch lại với mình, để đả phá tất cả.

Tôi sợ (và không dám tin) những người làm chính trị vì động cơ cá nhân, dù động cơ đó là cảm tính, tiền bạc hay danh vọng. Tôi cũng e ngại những người lòng nghĩ một đàng, miệng nói một nẻo. ●

Cộng-Sự-Viên và Thân-Nhân của Cố Thủ-tướng Trần Văn Hữu Lên Tiếng

LTS.- Trong loạt bài mục "Đi Tìm Nhân Vật Việt Nam Thế Kỷ 20", Làng Văn số 199, tháng 3.2000, đề-cập trường-hợp ông Trần Văn Hữu, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Quốc gia 1950-1952. Nay chúng tôi nhận được thư đề ngày 15.8.2001 của ông Huỳnh Văn Bi, nguyên Bí-thư của Thủ-tướng Trần Văn Hữu, lên tiếng về bài viết này, và bổ-túc một số chi-tiết liên-hệ. Để rộng đường dư-luận, chúng tôi đăng tải bức thư và xin cám ơn ông Huỳnh Văn Bi. (LV)

Mùa hè năm nay, nhân chuyến thăm con ở Montreal, tôi tình cờ có dịp đọc một bài viết của ông Sơn Tùng về cựu Thủ tướng Trần Văn Hữu trong bài *Đi tìm nhân vật thế kỷ 20* đăng trong *Làng văn* số 199, tháng 3.2000. Là cựu bí thơ của ông Trần Văn Hữu (tôi năm nay tôi 87 tuổi), tôi xin hân hạnh được đóng góp cùng ông vài tài liệu mà tôi biết được để ông có dịp sử dụng khi cần.

Về tiểu sử của ông Trần Văn Hữu: ông Trần Văn Hữu sinh ngày 9 tháng 3 năm 1896 tại Vĩnh Long

và mất năm 1984 tại Paris. Sau khi học xong trường tiểu học ở Vĩnh Long, ông sang Mỹ Tho học ở Collège de Mytho rồi tiếp tục học ở trường Chasseloup Laubat. Nhờ đậu tú tài hạng ưu, ông được cấp học bổng sang Pháp du học và tốt nghiệp kỹ sư Canh nông (Ecole coloniale d'Agriculture de Tunis).

Trở về nước, ông làm việc ở Cần Thơ rồi làm Phó Giám đốc Crédit Foncier ở Sài gòn.

Ông bắt đầu tham gia chánh phủ Lê Văn Hoạch trong thời gian 1946-1947 với chức vụ Bộ trưởng Tài chánh (đúng như tài liệu ông đã ghi).

Năm 1949, trong thời gian làm Phó Thủ tướng, Thủ hiến Nam Việt, ông Trần Văn Hữu đã vận động với Pháp để sát nhập Nam kỳ, vốn là thuộc địa của Pháp, vào lãnh thổ Việt-nam.

Hoàng thân Bửu Lộc, trong buổi tang lễ cựu Thủ tướng Trần Văn Hữu ngày 25 tháng1 năm 1984 tại Val de Grâce (Paris) đã đọc điếu văn, nguyên văn như sau:

"Năm 1949, Trần tướng công thuyết phục Hội đồng Nam kỳ biểu quyết việc sát nhập Nam kỳ, vốn là thuộc địa Pháp, vào lãnh thổ Việt-nam, tiến tới việc thống nhất quốc-gia và đồng thời huỷ bỏ Hoà ước Nhâm Tuất 1862".

Cũng trong bài điếu văn này, ở một đoạn khác, Hoàng thân Bửu Lộc đã viết:

"Tháng 7 năm 1951, Trần thủ tướng lãnh đạo phái đoàn Việt-nam tham dự hội nghị Quốc tế Hoà bình Nhật Bản, họp tại San Francisco. Tại đây, Trần thủ tướng đã long trọng tuyên bố sự toàn vẹn và bất khả xâm phạm của lãnh thổ Việt-nam, kể cả hai quần đảo Tây Sa và Hoàng Sa trước sự hiện diện của 51 phái đoàn tham dự hội nghị, mà chẳng có quốc-gia nào phản đối cả."

Về công và tội của các nhân vật lịch sử, xin để cho lịch sử phán xét, chúng tôi không dám lạm bàn. Duy có điều như ông đã viết: "Có công với người Pháp trong mưu đồ trở lại Đông Dương" (tr. 29), với tư cách một cộng sự viên của cựu Thủ tướng Trần Văn Hữu và có dịp tiếp xúc thường với ông lúc ông hưu trí ở Neuilly, tôi nhận thấy sự kết án này không phù hợp với tâm tư và sinh hoạt của cựu Thủ tướng Trần Văn Hữu trong tuổi về chiều. Tôi xin được đóng góp cùng ông những điều hiểu biết của tôi trong chiều hướng tìm về sự thật.

Huỳnh Văn Bi
Pháp

Xác-nhận:

Tôi là em cùng cha khác mẹ với ông Trần Văn Hữu, tôi xác minh những điều ông Huỳnh Văn Bi viết cũng giống như những gì tôi biết về ông Hữu.

Trần Xuân Thu
Montreal

tài liệu

Mohamed và Hồi Giáo

Trương Tuần

Người Việt chúng ta, hình như không biết gì nhiều về vùng Trung Đông, xứ của dầu hỏa và của đạo Hồi. Thỉnh thoảng sách, báo có đề cập nhưng ít người để mắt tới, cho đến khi có vụ khủng bố trong tháng 9, 2001 vừa rồi mới kinh hoàng tự hỏi "Đạo gì mà chuyên khủng bố, giết chóc, ghê quá!"

Trong những sách tiếng Việt, dịch hoặc nghiên cứu về Trung Đông, chúng tôi thấy quyển *Bán Đảo Ả Rập* của Nguyễn Hiến Lê, xuất bản năm 1968, tuy không đầy đủ nhưng ngắn gọn, rất tiện trích đăng cho chúng ta có một ý niệm về Mohamed và Hồi Giáo. Phần sau, kể từ khi Mohamed chinh phục được cả một đế quốc ở vùng Trung Đông cho đến khi dầu hỏa được tìm thấy, Anh Mỹ thò tay vào và xáo trộn bắt đầu để nẩy sinh ra những phần tử quá khích, sau này có dịp, chúng tôi sẽ trình bày tiếp.

A. Mohamed sáng lập Hồi giáo

Mohamed, thuộc giòng dõi Abdallah, sanh năm 570 ở quanh vùng La Mecque, trong một gia đình nghèo. Thuở nhỏ ông chăn cừu rồi làm hướng đạo cho các thương đội qua sa mạc, đi khắp nơi này nơi khác. Về sau giúp việc cho một quả phụ giàu có, buôn bán lớn, và may mắn được cô chủ để ý tới, thế là nghiễm nhiên thành ông chủ. Từ đó ông chấm dứt cuộc phiêu lưu, nhưng vẫn sống tầm thường như mọi người, chưa tỏ dấu hiệu gì siêu quần. Mãi tới năm bốn mươi tuổi, ông mới có những cử chỉ khác thường và đề xướng thờ một thần

duy nhất. Ông có ý thống nhất dân tộc Ả Rập, mà muốn vậy thì bước đầu phải thuyết phục các bộ lạc thờ chung một vị thần, cùng tuân lời một vị giáo chủ thôi. Tôn giáo trong tay ông sẽ là chất hồ gắn các bộ lạc rời rạc lại thành một khối.

Luôn trong mười năm, ông bỏ công việc làm ăn buôn bán mà lo thực hiện mộng đó, đi khắp nơi thuyết phục đồng bào. Bọn phú hào La Mecque thấy ông gây được ảnh hưởng trong đám dân nghèo, có ý lo sợ, biết ông giảng đạo đâu thì sai người phá đám, chửi mắng, hành hung nữa. Lúc ấy tình hình thị trấn Médine không được yên, các cuộc xung đột thường xảy ra. Dân chúng, khi đến hành lễ ở La Mecque, nghe ông thuyết, muốn theo ông, bỏ lối thờ cúng đa thần và mời ông tới Médine. Ông không đi vội, luôn trong hai năm chỉ phái tín đồ tới thôi.

Hồi nhỏ, vì dẫn thương đội qua Syrie, ông gặp một giáo sĩ Ki-tô và theo đạo này; khi tới Médine, gần người Do Thái, ông chịu thêm ảnh hưởng của người Do Thái. Thành thử Hồi giáo là sự hỗn hợp của hai đạo Ki-tô và Do Thái, cũng thờ một vị thần duy nhất mà ông gọi là Allah. Giáo điều căn bản tóm tắt trong câu: "Chỉ có một đức chúa duy nhất là Allah và một vị tiên tri của ngài là Mohamed", tức là chính ông. Tín đồ phải phục tòng ý muốn của Allah, sự phục tòng ấy gọi là Islam, cho nên Hồi giáo có tên là Islam. Khi chết, con người chịu sự phán quyết của Allah.

Giáo lý Hồi giáo gồm nhiều cuộc đàm thoại của ông do tín đồ chép lại trong thánh kinh Coran. Kinh nầy không những giảng về đức tin, mà còn dạy về khoa học, luật pháp và vệ sinh nữa. Cách cúng tế cũng giản dị như giáo điều. Tín đồ chỉ cần theo bốn điều: mỗi ngày cầu nguyện năm lần; phải tắm rửa trước khi cầu nguyện (ở sa mạc không có nước thì tắm bằng cát); trong đời ít nhất phải hành hương ở La Mecque một lần; phải cữ rượu và thịt heo.

Điều đặc biệt nhất, trái hẳn với Ki-tô giáo, nhưng rất giống Do Thái là điều này: người nào chịu chiến đấu vì Allah thì được lên Thiên Đàng. Kinh Coran, lời Mohamed "Ta sẽ gieo khủng bố vào lòng những kẻ không thừa nhận (tôn giáo ta) vì những kẻ ấy gán cho Chúa (Allah) những ý xấu mà họ không đưa ra được bằng chứng" (H.G Wells dẫn trong *Histoire universelle*, Payot-1948); "Hễ tụi dị giáo tấn công các ngươi thì các ngươi sẽ tắm trong máu của chúng" (Pierre Gerbert dẫn trong *Les Organisations internationales* - P.U.F) Cho nên ông phân biệt hai hạng người: một hạng là người Ả Rập thờ Allah, được Allah khải thị; một hạng là bọn không thờ Allah. Bổn phận của hạng người thứ nhất là phải thuyết phục hạng thứ nhì cải giáo mà thờ Allah, nếu không thì diệt cho hết chứ đừng thương xót. Mohamed bảo tín đồ rằng cầm khí giới diệt ngoại đạo là bổn phận thiêng liêng đối với Allah. Chỉ trừ đàn bà, con nít, còn thì hết thảy phải ra trận, dù đui mù, tàn tật cũng không được miễn. Mà đàn bà cũng phải cầm gươm chực sẵn, hễ thấy một tín đồ (Hồi giáo) nào đào tẩu thì phải đâm cho lòi ruột ra. Vì trong các tội, không tội nào nặng bằng tội đào tẩu. Kinh Coran đã bảo: "Thiên đường ở trước mặt các ngươi, mà Địa ngục ở sau lưng các ngươi!" Cứ xông tới chiến đấu với địch, nếu thắng thì sẽ chiếm được đất cát, vườn tược, dê bò, vợ con của địch, mà được hưởng ngay cảnh thiên đường ở hạ giới; nếu bị địch giết thì sẽ được hưởng cảnh thiên đường bên cạnh Allah, còn sướng hơn tất cả những cảnh ở hạ giới nữa: sữa thì ngọt, mật thì thơm, hoa quả không thiếu thứ gì mà các nàng tiên thì mắt đen lay láy, môi như san hô, yểu điệu thướt tha trong những chiếc áo long lanh vàng ngọc, nửa kín nửa hở, trông mà mê hồn. Tiến tới phía trước thì sẽ sung sướng như vậy, mà lùi lại phía sau thì nhất định không đứt đầu cũng lủng ruột mà thây sẽ liệng cho kên kên, cả nhà đều mang nhục. Thiên đường ở trước mặt sẽ ra sao? Chiến lợi phẩm sẽ chia làm năm phần: bốn phần dành cho chiến sĩ, một phần cho các thi sĩ, luân lý gia, giáo viên nào có công ca tụng chiến công anh dũng của sĩ tốt, khơi lòng căm thù quân ngoại đạo, nức lòng hy sinh tất cả cho Allah.

Ông lại định rõ kỷ luật trong trại: binh sĩ tuyệt nhiên không được đánh bạc, chơi phiếm, nói chuyện tầm phào. Lúc nào không chiến đấu thì tụng kinh Coran. Ăn uống kham khổ, dĩ nhiên không được uống rượu. Khi nhập ngũ, mỗi kỵ binh phải dắt theo ngựa của mình, đem theo khí giới của mình và lương thực cũng của nhà mình, đủ ăn trong một tuần. Vì nhập ngũ là một vinh dự, những kẻ nào bê bối, thiếu tinh thần hy sinh sẽ bị gạt bỏ.

B. Mohamed thống nhất Ả Rập

Sau mười năm hô hào thánh chiến, năm 621, đã ngoài ngũ tuần, ông mới bắt đầu thực hiện mục tiêu. Ông họp các đệ tử ở tỉnh Akaba, hỏi ý kiến họ, họ thề trung thành với ông và chiến đấu tới chết để truyền bá đạo.

Ông bảo họ: Từ nay ta sẽ sống chết với các ngươi. Ai chết vì ta sẽ được lên thiên đường. Khoảng bốn chục đệ tử thành lập một "Ikwan", một đoàn chiến sĩ sống chết có nhau. Lần lần số chiến sĩ tăng lên hai trăm.

Hồi đó các bộ lạc đã có khuynh hướng thống nhất rồi. Trước Mahomed, một vọng tộc ở Hedjaz, trong bộ lạc Coréischite, đã bắt đầu thực hiện được một chút thống nhất về chính trị, tổ chức sự cai trị và sự tế tự ở La Mecque, nắm được nhiều địa vị quan trọng trong xứ nhờ một chính sách ôn hòa có tính cách ngoại giao nhiều hơn là chiến đấu: cho mọi bộ lạc tự ý dựng tượng thần

ở Kaaba, tự do thờ phượng, giúp đỡ tiền bạc, phân phối chức tước cho họ.

Mahomed ngược lại, bảo rằng chỉ có một vị thần chung cho mọi người Ả Rập, và chỉ có một vị tiên tri là ông. Bộ lạc Coréischite nổi lên định thủ tiêu ông, ông phải trốn khỏi La Mecque đúng cái đêm thích khách lại ám sát ông. Người Hồi giáo gọi sự bôn tẩu nầy là Hégire và dùng năm đó, năm 622 để mở đầu kỷ nguyên Hồi giáo. Hiện nay lịch của họ vẫn còn dùng kỷ nguyên ấy.

Hai năm sau, thấy đạo quân của mình đã đủ mạnh, ông dất 311 bộ binh và 3 kỵ binh thình lình tấn công bộ lạc Coréischite và toàn thắng ở Beder. Chiến thắng đầu tiên đó làm cho tín đồ càng tin ông, và nhiều người trước kia do dự, nay tình nguyện theo ông, chỉ trong vòng ít tháng ông có được 1500 kị binh...

Từ khắp nơi trong bán đảo, các bộ lạc tại La Mecque, để tỏ lòng trung thành với giáo chủ, các tù trưởng Taif, Hadramaout, Oman, Hasa, Banrein, Hail đều nguyện theo đúng kinh Coran, gửi binh sĩ lại để gia nhập đạo quân Ikwan. Bộ lạc Yemen còn trù trừ, Mohamed phái một tướng đem quân tới trừng phạt.

Tới cuối năm 631, danh vọng ông tới tột đỉnh, quyền hành lan khắp bán đảo, kinh Coran được truyền bá khắp nơi. Mọi người sợ ông như sợ chúa Allah. Chưa bao giờ, ở Ả Rập, một quốc vương được tôn sùng như ông. Sở dĩ ông thành công là nhờ Ả Rập lúc ấy đã tới một trình độ mà tôn giáo đa thần không thích hợp với sự tiến hóa nữa. Các giống dân du mục đã bắt đầu định cư và ranh giới giữa các bộ lạc đã bắt đầu bị xóa bỏ; các giống dân phải hòa hợp với nhau để tạo thành một quốc gia mạnh hơn, có một nền kinh tế thống nhất, một đạo quân hùng cường chống ngoại xâm.

Ngoài lý do xã hội và lịch sử, ta có thể kể thêm tính cách chiến đấu mạnh mẽ của quân Ikwan, họ nhất quyết đánh ngã đối phương bằng mọi phương tiện, kể cả phương tiện khủng bố. Tính cách đó, chính Mahomed tạo ra cho họ.

Lý do thứ ba là tính tình của vị giáo chủ vừa có tài ngoại giao, vừa có nhiều thủ đoạn, biết tùy lúc dùng võ lực hay điều đình, tấn công hay nhượng bộ, nghĩa là có đủ tư cách của một quốc vương Ả Rập. Đối với sĩ tốt, ông dùng thuật tâm lý, những lời lẽ bóng bẩy để kích thích óc tưởng tượng và lòng tin của họ.

Ông sai thảo các bức thư gửi cho các "quốc vương trên mặt đất", bảo họ có muốn khỏi bị tiêu diệt thì mau mau theo Hồi Giáo đi. Nhưng các sứ giả của ông bị coi thường! Choroès II, vua Ba Tư, xé bức thư của Mohamed, Mohamed quát "Vương quốc của nó sẽ tan tành cho mà coi!" Quốc vương Damas cũng đáp bằng một giọng khinh bỉ, bảo có gan thì cứ kéo quân.

Ông lại hành hương ở La Mecque lần cuối cùng rồi trở về Médine, gom tất cả quân đội, được 140.000 người, tính kéo tới Syrie thì bị bịnh và mất năm 632. Trước khi lâm chung một năm, ông đã rót vào lòng tín đồ những lời dạy bảo nhân từ mà nghiêm của một vị giáo chủ luôn luôn lo lắng cho cái trật tự xã hội mà mình mới dựng lên, cần phải củng cố trong một thời gian lâu nữa. Ông bảo họ "Hỡi thần dân, các con hãy nhớ kỹ lời của ta đây, vì không biết năm tới ta còn sống được với các con nữa không. Các con phải biết coi sinh mệnh, tài sản của đồng loại là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Kẻ làm con thuộc quyền sở hữu của kẻ làm cha. Ai xâm phạm đến luật hôn phối sẽ bị trừng trị. Ai nhìn nhận kẻ khác làm cha, coi kẻ khác làm thầy sẽ bị chúa, bị các thiên thần và bị nhân loại trừng phạt. Hỡi thần dân của ta, đàn ông có quyền tuyệt đối với đàn bà và đàn bà cũng có quyền với đàn ông. Đàn ông không được phạm luật hôn phối, làm những việc dâm ô. Nếu đàn bà phạm tội, các con có quyền giam họ trong phòng riêng dùng roi da mà đánh, song đừng đánh mạnh quá. Nếu họ biết giữ mình thì nên cho họ ăn mặc đầy đủ. Con nên trọng đãi vợ con, vì họ là kẻ bị giam cầm trong tay con; họ không có quyền hành gì trong những việc không liên quan đến họ. Con tin lời Chúa mà cưới họ, con dùng lời Chúa mà ràng buộc họ với con. Đối với nô lệ, con dùng thức ăn gì thì cho họ dùng thức ăn ấy; con mặc thứ vải gì thì cho họ mặc thứ vải ấy. Nếu họ phạm một tội lỗi không thể tha thứ được thì con nên bán họ đi, vì họ là nô lệ của Chúa, con không nên làm khổ họ."

Không một thánh kinh nào mà thực tế như kinh Coran. Không một giáo chủ nào mà tổ chức đời sống tín đồ tỉ mỉ như Mahomed, một quốc vương kiêm quân sự gia, luật gia. Trong xã hội hắc ám thời Trung cổ, loài người chỉ chực ám hại lẫn nhau, dân tộc nầy coi dân tộc kia là thù địch, những lời tầm thường, giản dị mà chân thành đó của ông được dân chúng Ả Rập rất tin phục. Họ thấy đức chúa tể Allah ông dạy cho họ thờ phụng tuy đáng sợ mà công bình, bác ái, khác hẳn các vị thần tạp nhạp trước kia họ cúng vái. Mohamed trước khi chết giao lại cho các tướng lãnh trách nhiệm "truyền bá lời dạy của Chúa tới chân trời góc bể". Ông để lại cho họ một xứ Ả Rập thống nhất, một đạo quân cuồng tín, đã có mười năm kinh nghiệm. Ước vọng được lên Thiên đường un đúc trong lòng họ, làm cho nhiệt huyết của họ bừng bừng, và mười mấy vạn quân đó chỉ đợi lệnh của chủ tướng để xông tới chinh phục thế giới...

C. Vài lời nhận xét

Cuộc khủng bố vừa qua có nguyên nhân từ lịch sử Hồi giáo, Osama Bin Laden, tên Hồi giáo quá khích chỉ khêu lại ngọn lửa căm thù phương Tây trước nay còn âm ỷ. Từ

sau thế kỷ thứ 10, đế quốc Hồi giáo bắt đầu suy vi thì phương tây mạnh lên. Đoàn Thập Tự Chinh đầu tiên (năm 1097) đổ bộ lên bán đảo Ả Rập giải phóng các quốc gia Syrie, Palestine, Transjordanie... khỏi ảnh hưởng đế quốc Hồi giáo. Hàng chục cuộc Thập Tự Chinh như vậy đã tạo thành những vết hằn nặng nề trong lịch sử Hồi giáo.

Rồi dầu hỏa được phát hiện thì phương tây lại tìm cách gây chia rẽ giữa các quốc gia Hồi giáo. Đúng ra sức mạnh của dầu hỏa lớn hơn sức mạnh của đức tin nên các nước vì quyền lợi quốc gia mà xung đột nhau. Những người Hồi giáo quá khích lúc nào cũng có một cái nhìn hằn học về Châu Âu nhất là nước Mỹ. Nên khi nước Mỹ, anh khổng lồ bị đánh trộm, nổi sùng, xắn tay áo lên, các nước Châu Âu cũng dẹp tị hiềm mà ra tay tìm kiếm những tên khủng bố còn lẩn quất trên đất nước mình, giúp Mỹ tìm ra manh mối, đúng hơn, đề phòng đến lượt mình. Nga cũng đã nếm mùi khủng bố, nhưng thiệt hại chỉ bằng số lẻ của Mỹ, Trung cộng cũng đang nhức nhối vì mấy vụ đặt bom tại các xứ Hồi giáo miền Tây Bắc đòi tự trị nên cũng lên tiếng ủng hộ. Hóa ra mấy tên liều mạng, đếm trên đầu ngón tay mà quốc gia nào cũng khiếp sợ, nhất là lối đánh trộm, biết đâu mà đề phòng!

Trong khi đó các nước Hồi giáo Trung Đông không dám lên tiếng ủng hộ bọn khủng bố, dù chúng nhân danh Allah mà hy sinh. Lý do đơn giản là không nước nào dám làm kẻ thù của Mỹ. Tấm gương Irak còn sờ sờ ra đấy. Mỹ chỉ đem bom dội cho một trận, người chết của mất, còn lính Mỹ cũng chết một vài, nhưng "phe ta bắn phe mình". Vả lại, ủng hộ bọn khủng bố, chắc gì chúng chừa mình ra! Cứ theo đế quốc Mỹ là chắc ăn, rủi tên hàng xóm Hồi giáo nào chơi xấu, xâm lăng mình, chỉ ới một tiếng là đàn anh can thiệp cấp kì, ngai vàng, giòng họ vững như bàn thạch, cứ vui chơi thỏa mái, dầu lửa giao cho các anh khai thác, hàng hóa mua của các anh, quốc phòng các anh lo.

Có điều kỳ lạ là nghe Mỹ bị khủng bố các đồng chí Việt Cộng lại vui mừng! Đơn giản là các đồng chí quá cay đắng trong cuộc chiến chống Mỹ cứu nước vừa qua. Tuy vũ khí chiến tranh chưa tiến bộ bằng bây giờ, nhưng không phải là không khủng khiếp, nhất là B52 dội bom. Thiệt hại của Việt Cộng là nguyên một thế hệ thanh niên, hơn ba triệu người ngã gục trong bom đạn. Theo chiến tranh qui ước hay theo chiến tranh biển người, những trận đụng độ trực tiếp, thiệt hại bên thua vẫn nhiều hơn bên thắng, ít ra cũng tương đương. Vậy mà bên thua (VNCH) mất ba trăm nghìn, Mỹ mất trên sáu mươi nghìn. Chỉ là số lẻ so với con số trên ba triệu. Sai biệt đó do B52. Dù mỗi khi B52 xuất kích, Nga đều báo động trước, nhưng chạy bộ sao kịp máy bay! Khi Mỹ cuốn cờ bỏ chạy, các đồng chí hô to "Ta thắng, Mỹ thua!" nhưng so sánh tổn thất thì không đồng chí nào mở miệng được! Mỹ giàu quá đâu cần chiếm thuộc địa như thời trước thế chiến, bắn cho hết súng đạn tồn kho, lỗi thời rồi bỏ đi, tên nào dại dột làm tên lính xung kích cho Liên Xô, Trung Cộng chết rán chịu. Cái đau của tên đầy tớ, tay sai Nga, Tàu là hết chiến tranh, số súng đạn đàn anh giao cho để về bắn giết đồng bào mình, đàn anh đòi tiền, hoặc tài sản. Đàn anh Trung Cộng được Phạm văn Đồng giao cho đảo Hoàng Sa, đàn anh Liên Xô thì vịnh Cam Ranh, cao su, cà phê, than đá và các giếng dầu... Tiền mặt thì cứ nhùng nhằng giữa hối suất đô la với đồng rúp!

Tiếng hô "Đánh cho Mỹ cút ngụy nhào" chưa dứt đã lại quay ra ôm chân Mỹ, nằn nì xin thương ước; còn tụi ngụy bỏ chạy ra nước ngoài, bây giờ thành "khúc ruột ngàn dặm". Khúc ruột này mỗi năm thải ra hơn ba tỉ đô la, các đồng chí tranh nhau giành giựt, tố nhau, bỏ tù nhau... Thơm quá mà! ●

LTS.- Dưới đây là lời kêu-gọi của ký giả David Horowitz gửi tới những sinh-viên "phản chiến" Mỹ đang tiếp tay với bọn khủng bố quốc tế, chống lại chính quê hương mình.

Người đưa ra lời kêu gọi là David Horowitz, nhân-vật phản chiến khét tiếng của Mỹ trong thời chiến tranh Việt Nam; ông hiện là chủ bút tạp chí điện-toán FrontPageMagazine.com, và chủ tịch Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa Phổ thông. Ông thường xuất hiện trên chương trình truyền hình Fox News Channel.

Trên mạng lưới thông tin Việt ngữ đã luân lưu một bản dịch với rất nhiều sai lạc, vô tình hay hữu ý. Chúng tôi xin đưa ra bản dịch thứ hai để quí độc-giả đối chiếu, và xin vui lòng phổ biến rộng rãi tới các thế-hệ con em. Phần Anh-văn được ghi lại sau bài dịch.

Tôi nguyên là một nhân vật hoạt động phản chiến, đã từng giúp tổ chức cuộc biểu tình chống chiến tranh Việt Nam đầu tiên của sinh viên tại Đại học Berkeley, California vào năm 1962. Tôi kêu gọi tất cả các bạn trẻ đang tham dự các cuộc biểu tình "phản chiến" tại 150 trường đại học trong tuần này, hãy nghĩ lại và đừng tham dự vào bất cứ nỗ lực "phản chiến" nào nhằm chống lại việc nước Mỹ tuyên chiến với bọn khủng bố quốc tế.

Bài học của lịch sử đã

Những Kẻ Biểu-Tình Phản-Chiến, Hãy Suy-Nghĩ Lại

David Horowitz
Đào Trường Phúc
dịch

cho thấy rằng những nỗ lực của chúng ta trong thập niên 60 nhằm chấm dứt chiến tranh Việt Nam đã mang tới hai hệ quả trên thực tế. Hệ quả thứ nhất là những nỗ lực ấy đã làm cho cuộc chiến kéo dài thêm. Tất cả các tướng lãnh cộng sản Bắc Việt, sau khi chiến tranh kết thúc, đều thú nhận rằng họ biết rõ không thể đánh bại Hoa Kỳ trên trận địa, nên đành phải trông mong vào sự chia rẽ của dư luận dân chúng Hoa Kỳ ngay trên đất Mỹ để tạo chiến thắng dùm cho họ. Còn lực lượng Việt cộng chiến đấu với chúng ta tại Miền Nam Việt Nam thì đã bị tiêu diệt hồi năm 1968. Nói cách khác, cả một cuộc chiến và những chết chóc do cuộc chiến mà chế độ độc tài Bắc Việt gây ra, đã được đặt trên một sự kiện là người Mỹ sẽ chấp nhận bỏ cuộc ở trên chiến trường còn hơn là phải trả cái giá cần thiết để thắng cuộc chiến đó. Đấy là những gì đã xảy ra trên thực tế. Máu xương của hàng trăm ngàn người Việt, và máu xương của hàng chục ngàn người Mỹ, nằm trong tay của những kẻ phản chiến, vì chính họ đã kéo dài chiến tranh, và dâng chiến thắng cho bọn cộng sản.

Hệ quả thứ hai là những nỗ lực ấy đã làm cho Miền Nam Việt Nam rơi vào tay cộng sản. Thế là một nhà nước công an trị cực kỳ tàn bạo được áp đặt lên đất nước Việt Nam, cuộc thảm sát hàng trăm ngàn người dân Miền Nam vô tội đã diễn ra, hàng trăm ngàn người khác bị nhốt vào trong các "trại tù cải tạo", và các kế hoạch kinh tế theo chủ nghĩa Mác xít điên khùng đã mang lại sự nghèo đói xác xơ kéo dài suốt một phần tư thế kỷ và còn tiếp tục đến ngày hôm nay. Đấy cũng là trách nhiệm của cái gọi là phong trào phản chiến trong thập niên 60. Tôi nói "cái gọi là phong trào phản chiến", bởi vì trong lúc nhiều người Mỹ thật tình lo âu về nỗ lực chiến tranh của nước Mỹ, thì những kẻ tổ chức phong trào phản chiến lại chính là thành phần Mác xít và cấp tiến, những kẻ ủng hộ cho sự thắng trận của cộng sản và sự bại trận của Hoa Kỳ.

Ngày hôm nay, cũng những kẻ đó và lớp trẻ đi theo họ đang đứng ra tổ chức các cuộc biểu tình trong trường đại học nhằm chống lại việc chính phủ Hoa Kỳ nỗ lực bảo vệ công dân trước hiểm họa do các lực lượng khủng bố quốc tế và căm thù nước Mỹ gây ra, các lực lượng đã chủ mưu vụ tấn công khủng bố tháng 9 năm 2001. Hơn ai hết, tôi hiểu tầm quan trọng của việc bảo vệ tự do ngôn luận và quyền bất đồng chính kiến của người dân. Nhưng tôi lại cũng hiểu rõ hơn ai hết, rằng chúng ta phải phân biệt giữa sự bất đồng chính kiến chân thực và sự thù hằn hiểm ác, giữa sự phê bình chính sách quốc gia và sự phá hoại nền quốc phòng. Trong các thập niên 60 và 70, sự độ lượng đối với những kẻ căm thù nước Mỹ dâng cao tới mức dần dần xóa bỏ luôn cả ranh giới giữa sự bất đồng chính kiến và sự phản bội. Cùng với hàng ngàn nhân vật "Tân Tả phái" khác, tôi chính là một kẻ đã từng vượt qua lằn ranh giữa bất đồng chính kiến và phản bội đất nước. (Tôi đã đề cập tới vấn đề này trong cuốn tự truyện "Radical Son"). Sở dĩ tôi làm như thế là vì tôi cứ ngỡ mình theo đuổi một mục tiêu cao đẹp nhất: cổ súy cho lý tưởng "công bằng xã hội" và "hòa bình".

Tôi đã sống để thấy được rằng mình đã sai lầm biết bao nhiêu, và bọn (phản chiến) chúng tôi đã tác hại đến mức nào - đặc biệt là tác hại đối với những người mà bọn chúng tôi vẫn rêu rao là mình cùng chia sẻ lý tưởng với họ, những nhà nông chân lấm tay bùn ở Đông Dương, đã gánh chịu biết bao nhiêu đau thương chỉ vì bọn chúng tôi ủng hộ cho kẻ thù cộng sản. Tôi đã dần dần nhận thức được sự quý báu vô cùng của các quyền tự do và các cơ hội mà nước Mỹ cung ứng cho những người dân nghèo nhất và hèn mọn nhất, cũng như nhận thức được rằng những giá trị ấy hiếm hoi tới chừng nào so với toàn thế giới.

Nếu tôi có điều gì ân hận về những năm hoạt động phản chiến của mình, thì đó là xứ sở này đã quá bao dung độ lượng đối với sự phản bội của những kẻ nội thù. Nếu những người Mỹ ái quốc chịu khó cảnh giác hơn trong việc bảo vệ đất nước, nếu họ biết gọi từng sự việc đúng tên gọi của nó, nếu họ bắt bọn chúng tôi phải trả lời cho tầm mức nghiêm trọng của các vụ tấn công mà chúng tôi đã làm, thì có thể họ đã cảnh tỉnh được một số kẻ trong bọn chúng

tôi có ý hướng tốt nhưng bị hướng dẫn hoàn toàn lầm lạc. Và họ có thể đã chận đứng được bọn chúng tôi.

Tôi xin gởi lời kêu gọi này đến các bạn trẻ ngày hôm nay đang tấn công chính quê hương đất nước của mình, các bạn trẻ mà trong thâm tâm tự cho rằng mình thi hành công đạo, nhưng rồi một ngày nào đó có thể sẽ sống với niềm ân hận về những việc đã làm./.

ANTI-WAR DEMONSTRATORS SHOULD THINK TWICE

. by David Horowitz

I am a former anti-war activist who helped to organize the first campus demonstration against the war in Vietnam at the University of California, Berkeley in 1962. I appeal to all those young people who participated in "anti-war" demonstrations on 150 college campuses this week, to think again and not to join an "anti-war" effort against America's coming battle with international terrorism.

The hindsight of history has shown that our efforts in the 1960s to end the war in Vietnam had two practical effects. The first was to prolong the war itself. Every testimony by North Vietnamese generals in the postwar years has affirmed that they knew they could not defeat the United States on the battlefield, and that they counted on the division of our people at home to win the war for them. The Vietcong forces we were fighting in South Vietnam were destroyed in 1968. In other words, most of the war and most of the casualties in the war occurred because the dictatorship of North Vietnam counted on the fact Americans would give up the battle rather than pay the price necessary to win it. This is what happened. The blood of hundreds of thousands of Vietnamese, and tens of thousands of Americans, is on the hands of the anti-war activists who prolonged the struggle and gave victory to the Communists.

The second effect of the war was to surrender South Vietnam to the forces of Communism. This resulted in the imposition of a monstrous police state, the murder of hundreds of thousands of innocent South Vietnamese, the incarceration in "re-education camps" of hundreds of thousands more, and a quarter of a century of abject poverty imposed by crackpot Marxist economic plans, which continue to this day. This, too, is the responsibility of the so-called anti-war movement of the 1960s. I say "so-called anti-war movement," because while many Americans were sincerely troubled by America's war effort, the organizers of this movement were Marxists and radicals who supported a Communist victory and an American defeat.

Today the same people and their youthful followers are organizing the campus demonstrations against America's effort to defend its citizens against the forces of international terrorism and anti-American hatred, responsible for the September attacks. I know, better than most, the importance of protecting freedom of speech and the right of citizens to dissent. But I also know better than most, that there is a difference between honest dissent and malevolent hate, between criticism of national policy, and sabotage of the nation's defenses. In the 1960s and 1970s, the tolerance of anti-American hatreds was so high, that the line between dissent and treason was eventually erased. Along with thousands of other New Leftists, I was one who crossed the line between dissent and actual treason. (I have written an account of these matters in my autobiography, "Radical Son"). I did so for what I thought were the noblest of reasons: to advance the cause of "social justice" and "peace."

I have lived to see how wrong I was and how much damage we did - especially to those whose cause we claimed to embrace, the peasants of Indo-China who suffered grievously from our support for the Communist enemy. I came to see how precious are the freedoms and opportunities afforded by America to the poorest and most humble of its citizens, and how rare its virtues are in the world at large.

If I have one regret from my radical years, it is that this country was too tolerant towards the treason of its enemies within. If patriotic Americans had been more vigilant in the defense of their country, if they had called things by their right names, if they had confronted us with the seriousness of our attacks, they might have caught the attention of those of us who were well-meaning but utterly misguided. And they might have stopped us in our tracks.

This appeal is for those of you who are out there today attacking your country, full of your own self-righteousness, but who one day might also live to regret what you have done. ●

Cầu nguyện

Vợ (trách chồng):

- Ông bà nội, ông bà ngoại, ba má, cô dì cậu mợ chú bác nhà anh đều là đạo giòng. Anh khoe mình là chiên ngoan mà chẳng bao giờ em thấy anh cầu-nguyện...

Chồng (chống-chế):

- Có chứ! Nhưng anh không muốn làm lộ-liễu quá, sợ em la...

Vợ (ngạc-nhiên):

- Sao lại ...la? Mà anh cầu-nguyện lúc nào?

Chồng:

- Thì ... lúc em lái xe và anh ngồi bên cạnh!

Để tưởng nhớ người xưa

Trong một thánh-đường nọ, mục-sư tuyên dương:

- Này các anh chị em, có nhận thấy thánh-đường của chúng ta hôm nay có hệ-thống phóng-thanh mới, kêu to gấp mấy lần hệ-thống cũ không?

Rồi ngài nhìn xuống hàng ghế đầu:

- Đó là quà của ông Tám đây, biếu cho nhà thờ để tưởng-niệm bà Tám Rổn Rảng.

Cứ tưởng đâu...

Trong một phiên xử án tham-nhũng ở Hà-nội, cán-bộ Công-tố nhân-dân hỏi bị cáo:

- Này, đồng-chí hãy thú thật, có phải đồng-chí nhận hối-lộ 2 tỉ đồng để ém nhẹm nội-vụ đi không?

Bị cáo nhìn ra cửa sổ lơ-đãng.

Công-tố nhân-dân nhắc lại:

- Có phải đồng-chí nhận hối-lộ 2 tỉ đồng để ém nhẹm nội-vụ đi không?

Bị cáo quay lại nhìn cán-bộ Chánh-thẩm Toà án nhân-dân, không đáp.

Chánh án phán:

- Yêu-cầu đồng chí trả lời câu hỏi.

Bị cáo hỏi lại:

- Hỏi gì cơ?

Chánh-án nhìn Công-tố nhân-dân. Công-tố-viên nhắc lại lần nữa:

- Có phải anh nhận hối-lộ 2 tỉ đồng để ém nhẹm nội-vụ đi không?

Bị cáo ngạc-nhiên:

- Ủa! Nãy giờ tôi cứ tưởng đồng-chí đang hỏi đồng-chí Chánh án!

Đâu có ngu dữ vậy!

Thời Đổi Mới và Kinh-tế thị-trường, Nhà nước cho nhập-cảng nhiều môn giải-trí của khối tư-bản để dân phe-phẩy vui chơi thoả-thích, khỏi ngồi không sinh chuyện đòi tự-do dân-chủ thứ thiệt. Một trong những thú chơi đó là búp-bê linh-hoạt do diễn-viên nói tiếng bụng điều-khiển.

Chú búp-bê này tóc vàng, mặt mụn, miệng rộng tới mang tai, cứ nói tía-lia đủ thứ chuyện trên trời dưới đất, lâu lâu lại đối-đáp chan-chát với ông chủ của nó, chọc thiên-hạ cười bò ra.

Được một lát bỗng một sĩ-quan bộ-đội dưới hàng ghế khán-giả hùng-hổ đứng dậy, móc K-54 ra lên cò, quát:

- Này này! Tớ bảo cho mà biết nhé! Nãy giờ chú mày cứ mang bộ đội chúng ông ra mà giễu, nào ngu, nào dốt, nào như lũ mọi trong rừng mới ra, chả biết gì cả! Thế là thế nào? Liệu mà giữ mồm giữ miệng không thì... thì...

Tưởng đâu xứ CS Việt-nam bây giờ văn-minh ...gần như Mỹ, bên kia mang tổng-thống ra giễu cũng chả sao, ai ngờ bên này mới đụng tới gót chân bộ-đội đã sinh chuyện rắc-rối, diễn-viên nói tiếng bụng hãi quá, lúng-túng cười cầu hoà, tìm cách chống-chế.

Sĩ-quan bộ-đội ngắt lời, quơ súng chỉ vào con búp-bê:

- Tôi không nói chuyện với anh! Tôi nói là nói với con quỉ này này!...

Cứ tưởng bở

Trong tiệm cắt tóc và làm đẹp, một tay chơi ngồi chổng cẳng cho cô gái cắt giữa móng chân. Trên cao nhìn xuống thấy hàng họ của nàng bày ra khá mát mắt, tay chơi nuốt nước bọt, tán:

- Cô xinh lắm! Chiều nay khi tiệm đóng cửa tôi quay lại mời cô đi ăn tối nhé?

Cô gái:

- Cảm ơn ông, nhưng không được ạ! Em là gái có chồng!

Tay chơi nháy mắt:

- Cô cứ bảo với anh ấy là cô về trễ vì bận đi mua sắm gì đó với bạn gái...

Cô gái (hơi khó chịu):

- Thì ông nói thẳng với ảnh đi. Ảnh đang cạo râu cho ông đó!

Lợi-ích lắm chứ!

Thấy Tư Mập đứng trên cái cân trong buồng tắm, vừa nín hơi hóp bụng, vừa đưa cả hai tay ép những tảng mỡ vào người cho nhỏ lại, bà Tư ngạc-nhiên:

- Trời đất! Ông phải tập thể-dục và kiêng ăn chứ làm như thế có ích-lợi gì đâu!

Tư Mập cãi:

- Ich lợi lắm chứ sao lại không? Nếu không, làm sao tôi trông thấy

mấy con số dưới cái cân?

Nhiều khi lanh trí cũng ...kẹt!

Tám Tàng vác cưa vào rừng cắt cây. Sơ-sẩy thế nào cái cưa rớt xuống con suối Ìờ-mờ nằm sâu dưới vực. Tám buồn rầu đứng nhìn theo cái cưa yêu quí một lúc rồi ôm mặt khóc.

Chợt thần núi hiện lên, hỏi:

- Sao con khóc?

Tám Tàng thút-thít đáp:

- Thưa, con mượn tạm cái cưa kỷ-niệm của ông bố vợ để lại cho bà mẹ vợ, bây giờ nó rớt mất, chắc vợ con nó xé con ra làm hai ba mảnh!

Thần núi mỉm cười, bay xuống vực, lát sau bay lên, cầm theo một cái cưa bằng ngọc, hỏi:

- Phải cái cưa này không?

Tám Tàng thành thật:

- Thưa, không phải ạ!

Thần núi nhìn Tám một cái, rồi lại nhảy xuống, lát sau bay lên, cầm theo một cái cưa bằng vàng, hỏi:

- Phải cái này không?

Tám Tàng vẫn lắc đầu:

- Thưa không phải ạ!

Thần núi lại nhìn Tám, rồi nhảy xuống, lát sau bay lên, cầm theo một cái cưa bằng bạc, hỏi:

- Phải cái này không?

Tám Tàng vẫn lắc đầu:

- Thưa không phải ạ!

Thần núi lại nhảy xuống một lần nữa, rồi bay lên, cầm theo cái cưa bằng kim loại, rất cũ kỹ.

Tám Tàng nhận ra đúng là cái cưa mình đánh rớt, mừng rỡ quì xuống tạ ơn.

Thần núi hài lòng:

- Khá khen cho con là đứa thành thật. Thôi ta tặng cho con cả bốn cái cưa, con bán đi lấy vốn mà kinh-doanh.

Tám Tàng vui mừng tạ ơn lần nữa, mang về khoe với vợ.

Bà vợ nhất định không tin có quỉ thần, nằng nặc đòi Tám Tàng dẫn ra bờ vực để điều-tra.

Cực chẳng đã, Tám phải dẫn vợ đi xem. Đến nơi, bà Tám lụp-chụp thế nào rơi tòm xuống vực, mất tăm.

Tám Tàng buồn rầu bưng mặt khóc than thảm-thiết. Chợt thần núi lại hiện ra hỏi:

- Vì sao con khóc?

Tám Tàng trỏ xuống vực, rấm-rứt kể-lể. Thần núi liền nhảy xuống vực, lát sau mang lên cô ca sĩ bốc lửa Linda Trang Đài, hỏi:

- Có phải vợ con đây không?

Tám Tàng bối-rối nhìn cả hai rồi gật đầu. Thần núi nổi giận:

- Ngươi nói dối! Người sẽ mất vợ vĩnh-viễn.

Nói xong cả vị thần lẫn cô ca-sĩ biến mất. Tám Tàng vội hét lên:

- Thưa linh thần! Linh thần hiểu nhầm rồi! Con... con...

Thần núi hiện ra, hỏi gặng:

- Nhầm? Ta mà nhầm ư?

Tám Tàng tình thật thưa liền một thôi:

- Thưa, con sợ như hồi sáng, khi con không nhận cưa ngọc, linh thần mang lên cưa vàng. Con không nhận cưa vàng, linh thần mang lên cưa bạc, rồi giao cho con cả bốn cái cưa. Bây giờ nếu con không nhận Linda Trang Đài, linh thần sẽ mang lên, biết đâu là Trizzie Phương Trinh. Rồi con không nhận Trizzie Phương Trinh, linh thần biết đâu lại mang lên Như Quỳnh, rồi cuối cùng mới mang vợ con lên, rồi linh-thần giao cho con cả bốn thì con ...chắc chết! Vợ con thì con còn ... rán được. Giờ thêm ba cô kia nữa, ngày nào cũng phải dộng vô mấy viên Viagara... chắc là ná thở... Nên con nghĩ thà gật đại một cái cho xong, vì thế mà con gật đầu...

Chuyện ruồi bu

Ba Gà Mổ đến thăm Tư Chơi, bắt gặp ông bạn quí tay thủ cái đập ruồi, rón-rén đi rảo khắp nhà, chăm-chú rình-rập.

Ba Gà cười hỏi:

- Sao, tóm được mấy thằng "du-kích" rồi?

Tư Chơi cất cái đập ruồi, đáp:

- 5 con, 3 đực, 2 cái.

Ba Gà ngạc-nhiên:

- Sao anh biết con nào đực con nào cái?

Tư Chơi nhún vai:

- Dễ ợt! Ba con đậu hoài trên miệng ly bia, còn hai con bám cứng lấy cái điện-thoại!

Đêm qua có gì lạ không em?

Ba Gà Mổ bị bạn bè rủ-rê mãi, cuối tuần đi nhậu và la-cà tới gần sáng mới về. Về gần tới nhà, Ba Gà tuy say ngất-ngưởng nhưng vẫn nhớ lời vợ đe "về sau 12 giờ thì cấm vào phòng ngủ."

Tai-hại thay, vừa rón-rén mở được cửa vào nhà thì cái đồng-hồ treo tường với hai con chim cúc cu thò đầu ra kêu lên đúng 4 tiếng.

Sợ bà vợ sẻ thức biết được giờ về của mình, Ba Gà chúm môi lại nhại tiếng đồng hồ, kêu thêm 8 tiếng "cúc cu" lảnh-lót nữa, rồi yên chí lớn tà tà chui vào giường nằm cạnh vợ, kéo luôn một giấc tới trưa.

Hôm sau khi bò dậy, Ba Gà Mổ nhìn trộm vẻ mặt của vợ thấy không có vẻ gì khác thường bèn vui-vẻ hỏi:

- Tối qua có gì lạ không em?

Mụ Ba Gà đáp:

- Chẳng có gì lạ cả. Duy cái đồng hồ cúc cu, chắc phải thay đi!

Ba Gà bối-rối:

- Sao ... lại thay?

Mụ Ba Gà đáp:

- Nó chạy thì vẫn đúng giờ như thường, nhưng nó kêu lạ lắm. Nửa đêm hôm qua, nó kêu có bốn tiếng rồi dừng lại một lúc khá lâu, ợ lên một tiếng, kêu thêm ba tiếng nữa, rồi lại dừng, đánh rắm hai phát rõ to, rồi mới kêu nốt năm tiếng còn lại. ●

THƯ ĐI TIN LẠI

Nguyên Hương

Bà Lâm Thị Duyên, Úc: Chút công lao nhỏ mọn của toà soạn không có gì đáng kể, chỉ mong giúp được Nhóm Tương trợ các gia đình có con em bị khuyết tật được phần nào. Chúc bà và toàn nhóm thành công.

Bà Hoàng Việt, San Diego: Đã nhận được địa chỉ mới. Xin bà cho biết địa chỉ cũ (hoặc mã số), tòa soạn mới đổi hồ sơ được.

Nhà văn Vi Khuê, VA: Mừng chị về sống với con gái. Tam đại đồng đường, vui hơn. Xin chị cho biết địa chỉ (hoặc mã số) của cháu, NH sẽ nhập chung hạn báo hai mẹ con lại, gia hạn cho cháu. Kính.

Thi sĩ ý Nga, Calgary: Sẽ chuyển tặng các tập thơ tới các văn hữu ấy, và sẽ cho chị biết cước phí phụ trội để bồi hoàn. Cảm ơn đã giới thiệu độc giả mới. Mong có dịp sinh hoạt chung với anh chị.

Anh Trần Ngọc, Hạ Uy Di: Có ông thần Zyban trợ lực, lo gì không kiêng được thuốc lá. Cái khó, là kiêng xong ít lâu, coi chừng bị khói sương cám dỗ trở lại! Phần sau, muốn "mua trâu", phải có ý chí mạnh để thắng.

Về bài thơ, ông bếp bảo "ngắn hơi quá". Vậy xin anh tiếp hơi (đừng tiếp... khói!).

Thi sĩ Phan Long Yên, CA: Đã gửi sách. Chúc ông chóng khoẻ hẳn để làm thơ và đi câu. Kính.

Anh Tăng Sở Dương, Hương Cảng: Đã nhận được ảnh mới, sen và súng. Nên tìm thêm đề tài, đừng như ông Bếp lười biếng, mỗi lần đi săn ảnh, chỉ chực xách máy ra ... sau vườn!

Nhà văn Thái Bảo, Texas: Đã nhận được sách và thư, cảm ơn ông. Kính chúc ông và bảo quyến mọi sự thoải mái. Kính.

Bà Phan Huỳnh Hạnh, Úc: Đến nay mà số 217 chưa đến tay bà, chắc lại có ai đó đọc giùm rồi giữ luôn. Tòa soạn sẽ gửi bù số khác. NH còn nhớ, cách đây hơn 10 năm, độc giả bên Úc cứ mất báo luôn, mỗi tháng có hàng chục độc giả khiếu nại, khiến tòa soạn phải vin thêm một câu ra ngoài bì báo: *"thỉnh cầu quí vị bưu tá đọc xong xin vui lòng trả lại cho người nhận để tòa soạn khỏi phải khiếu nại lên cấp trên của quí vị."* Câu này viết bằng chữ Việt; và lạ thay, từ đó về sau nạn mất báo chấm dứt hẳn. Bây giờ sách báo chữ Việt lượm đọc không hết, không lẽ bệnh cũ tái phát! NH cho là sự ngẫu nhiên. Kính.

Ông lang Trần, Đức: Đã nhận được 130 đức mã, cảm ơn ông lang về mọi sự. Số báo tháng 9 đi đường không suôn-sẻ, có khá nhiều độc giả nhận được sau báo tháng 10. Trăm sự xin gom lại, mấng ... Bin Laden vậy!

Ông Phạm Tư Thiên, Arlington: Ông mua "sách dọn kho", tổng số tiền mua dưới 30 mỹ-kim, xin vui lòng gửi thêm 50% cho tiền cước theo lệ ghi trong trang quảng cáo (tiền sách 9 mỹ kim, xin thêm 4,5 MK nữa cho tiền cước). Số báo gửi thêm,

TIN VUI

Gia-đình Văn Bút VN Ontario hân-hoan gửi lời chúc mừng đến văn-hữu **Nguyễn Thị Lộc Qui** và phu-quân **Nguyễn Tâm Huy**, đã giới-thiệu tân hội-viên dự-bị, cậu

NGUYỄN HUY KHÔI COLIN

đăng-bộ ngày 5 tháng 10, 2001 - nặng 3,6 kí

Thân-ái chúc mừng văn-hữu và gia-đình.

Văn Bút VN Ontario
Cô chú Nguyên Hương, Nguyễn Hữu Nghĩa
Anh chị Nguyễn Văn Thông & Kim Sinh
Các bạn Nguyễn Đăng Tuấn & Mỹ
Các bạn Bành Công Tín & Bích Giao

để biếu ông, không tính tiền. Kính.

Nhà văn Hoàng Du Thụy, AB: Đã nhận được đĩa chữ và bắt đầu làm. Lu bu quá, cái gì cũng chậm!

Cho NH và Bếp gửi lời chia buồn cùng bạn về tang mẹ. Cho xin địa chỉ vi thư và số điện thoại, khi cần liên lạc, hỏi ông Bếp, ổng ngẩn mặt ra như chúa Tàu nghe kèn, trông phát ghét!

Ôn Huỳnh Văn Bi, Pháp: Toà soạn đã đăng ý-kiến của ông vào mục Diễn Đàn. Cảm ơn ông đã góp thêm tài liệu lịch sử.

Nhà văn Xuân Vũ, TX: Đã sao gửi lại anh mấy trang chót theo yêu cầu. Kính.

Ông Đỗ Phong Châu, Pháp: Ảnh đẹp lắm,sẽ dùng. Xin ông tiếp tục gửi. Kính.

Ông Bảo Hoàng, VA: Sách gửi Bưu-điện đường thủy đi Úc mất 3 ba tháng. Cũng vừa kịp làm quà ... tết. Xin ông nhắn người nhà kiên nhẫn đợi.

Ông Võ Phước Hiếu, Pháp: Đã nhận được thư. Lúc này Làng Văn không dám in thơ nữa. Các thư viện và nhà sách đều không mua thơ, in rồi không biết bán cho ai, thật khổ! Có ai đó nói, dân tộc Việt Nam là một dân tộc thi sĩ. Đúng quá! Đã là thi sĩ, thơ phú nhà nào cũng dư dả, mua về làm gì!

Huỳnh Xuân Khoa: Nhận được đĩa, không thấy bài, chỉ thấy toàn *command*. Xin gửi lại, bằng bưu điện hoặc qua vi thư. Cảm ơn anh.

Ông Lê Văn Thành, Pháp: Bài *Cách làm và thưởng thức món "Nai đồng quê"* của ông viết thật công phu, kèm theo nhiều hình ảnh độc đáo: cách quần cho con thú mệt và đuổi bắt thế nào để làm cho thịt săn lại, cách cắt tiết, hãm tiết, thui lông ra sao, cách làm chả chìa, rựa mận của từng vùng, v.v. *Rằng hay thì thật là hay!* (Càng đọc càng thấy gay gay thế nào!) Rùng rợn quá! Rất tiếc!.. Hỡi ôi!.. NH làm rơi rớt mất "dân tộc tính" lúc nào rồi chăng, không còn hợp "khẩu vị" nữa! Xin cảm ơn ông và xin cất kỹ trong thư viện, để dành làm tài liệu. Kính.

Nhà sách Lê Vũ, Đức: Báo Làng Văn ngồi máy bay đi các nước, mất 7 ngày. Lội bể sang Úc, Tân Tây-lan và các nước Á-châu mất gần 3 tháng (12 tuần); đi tàu sang Âu-châu mất 6 tuần. Đi bộ sang miền Tây Canada cùng miền Tây và Nam Hoa kỳ (Florida, Alabama, Missouri, Louisianna. Texas, New Mexico, Arizona, California, Oregon và Washington) mất 3 tuần. Xin ông bà theo đó mà tính, đỡ sốt ruột vì chờ đợi.

CHÚC MỪNG

Nhận được tin vui, nhà văn và bà **Nguyễn Xuân Hoàng**, Garden Grove, CA, Hoa-kỳ, làm lễ vu-qui cho thứ nữ là

NGUYỄN MAI-KHÔI VIOLET

đẹp duyên cùng cậu

ĐỖ HỮU-MỸ ROBERT

thứ nam của ông bà Đỗ Hữu Việt, Westmister, CA, Hoa-kỳ; hôn lễ cử hành ngày 17.11.2001 tại Garden Grove.

Xin góp vui cùng hai họ Nguyễn & Đỗ; chúc hai cháu Mai Khôi & Hữu Mỹ hạnh-phúc bên nhau trọn đời.

Nguyên Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

BÀI NHẬN ĐƯỢC

(không kể các bài gửi qua email)

Văn: Thái Văn Kiểm, Phan Long Yên, Phan Như Sơn, Tưởng Hồng, Nguyễn Văn Danh, Bùi Hồng Thu, Lê Văn Thành.

Thơ: Phạm Cây Trâm (2), Trần Ngọc, Hoàng Kỳ, Phan Long Yên (7), Văn Lang, Huỳnh Xuân Khoa, Việt Tâm, Hoàng Việt, Trần Văn Thấm, Lê Văn Bản, Nguyễn Minh Văn.

BÀI SẼ ĐĂNG

Văn: Võ ngựa xông pha (TVK), Núi hương bầu hương (PLY).

Thơ: Diệt khủng bố, Vâng lời mẹ, Thu đến (PLY).

CẢM TẠ

Toàn thể gia đình chúng tôi xin chân thành cảm tạ:

- Linh mục Đinh Thanh Sơn, quản nhiệm cộng đồng Công Giáo Việt Nam;
- Linh mục Joseph Lựu Nguyễn văn Mai;
- Quí vị Ủy viên Hội đồng Quản trị và Mục vụ của Cộng đồng Công giáo Montréal;
- Hội viên Hội Phật giáo Quan Âm;
- Hội viên, Hội đồng Quản trị, Ban Cố vấn, Ban Chấp hành Hội Rồng Vàng Montreal;
- Quí bác Hội Ai Hữu Cựu Nữ sinh Gia Long;
- Quí bác "Trung tâm SAiM" và ông bà giáo sư Lê văn Mão;
- Nhóm bạn Cựu Sinh Viên Chính Trị Kinh Doanh khóa 4, Viện Đại học Đà lạt;
- Trung Tâm Người Việt Canada và Ban Biên Tập Tạp Chí Liên Hội;
- Câu lạc Bộ Văn Hữu và Ban Biên Tập Văn Tập Ottawa;
- Ban Cố Vấn và Ban Chấp Hành Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại;
- Ban Cố Vấn và Ban Chấp Hành cùng các văn hữu Trung Tâm Văn Bút Ontario;
- Các văn hữu Văn Bút: Trung Tâm Nam Hoa Kỳ, Trung Tâm Miền Đông Hoa Kỳ, Trung Tâm Bắc Cali, Trung Tâm Sydney, Trung Tâm Âu Châu;
- Tòa soạn Làng Văn (Toronto), Thời Báo (Montreal), Tự Do (Toronto), Thế Giới Mới (Texas);
- Anh em công chức chính phủ liên bang phục vụ ở các Bộ: Thống Kê, Kỹ Nghệ, Công Chánh, Nhân lực và Hội Đồng Tư Vấn;
- Bác Sĩ và Bà Dương Hữu Thành;
- Nhân viên Alimentation Couche Tard;
- Tất cả bạn bè ở Ottawa, Montreal, California cùng thân bằng quyến thuộc

đã dành thời giờ quí báu đến giúp đỡ, phân ưu, phúng điếu, cầu nguyện, dự tang lễ và tiễn đưa linh cữu của Con, Chồng, Anh, Cha và Ông chúng tôi là:

Ông Pierre NGUYỄN NGHI QUÂN

Sinh ngày 15 tháng 12 năm 1947
Từ trần ngày 23 tháng 9 năm 2001 tại Montreal
Hưởng dương 54 tuổi
đến nơi an nghỉ cuối cùng

Trong lúc tang gia bối rối, nếu có điều sơ sót, xin quý vị niệm tình tha thứ.

TANG GIA ĐỒNG BÁI TẠ
(Tống Minh Long Quân)

MÙA KHỦNG BỐ, NẰM NHÀ ĐỌC SÁCH... SALES
VỪA AN TOÀN, TIẾT KIỆM, VỪA MỞ MANG KIẾN THỨC

Mua làm quà Noel, quà Tết tặng nhau: thanh-lịch, ý-nghĩa!

BỚT 50%
TẤT CẢ CÁC TỰA SÁCH SAU ĐÂY:

Bãi gió cồn trăng
Truyện ma quái, Hồ Trường An- 288 trang
US$15.00 - CA$24.00

Câu chuyện của một dân tộc
Truyện dài, Nguyễn Hồng Hoà - 168 tr.
US$10.00 - CA$16.00

Cõi ký ức trăng xanh
Tạp văn Hồ Trường An - 212 tr.
US$10.00 - CA$16.00

Chiến ca
Tập nhạc,
Nguyễn Hữu Nghĩa
US$5.00 - CA$7.50

Chọn hướng nhà và bố trí nội thất theo thuật phong thuỷ
Nguyễn Hà - 96 tr.,
US$10.00 - CA$16.00

Chuyện lạ xứ người
Tạp khảo, Nguyễn Nhạn Sơn - 316 tr.
US$ 16.00 -CA$25.00

Chuyện lành
Truyện ngắn, Nguyễn Văn Thông - 200 tr.
US$12.00 -CA$ 19.00

Đất thiên đàng
Tạp văn,
Trà Lũ - 272 tr.
US$12.00 - CA$19.00

Đêm xanh huyền hoặc
Truyện ngắn, Hồ Trường An - 224 tr.
US$12.00 - CA$19.00

Đi tìm Kinh Dịch nguyên thủy
Biên khảo, Nguyễn Đại Bằng - 270 tr.
US$15.00 - CA$24.00

Đọc kỹ Truyện Kiều
Biên khảo, Hồng Huy
520 tr.
US$24.00 - CA$38.00

Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolo II và trang sử còn giấu kín của thời đại
Tài liệu, Nguyễn Văn Thông - 240 tr.
US$12.00 - CA$19.00

Em học chữ Việt
Sách học, kèm minh hoạ & phiên âm quốc tế, Bút Chì & Nguyễn Nhật Tân
156 trang khổ lớn,
US$12.00 - CA$19.00

Gả thiếp về vườn
Truyện miền Nam,
Hồ Trường An-344 tr.
US$18.00 - CA$28.00

Giai đoạn mới trên chiến trường cũ
Nhận định, Nguyễn Hữu Nghĩa - 200 tr.
US$10.00 - CA$16.00

Hồ Xuân Hương
Biên khảo, Dương Thượng Ngã - 160 tr.
US$8.00 - CA$13.00

Hương sắc quê mình
Biên khảo liệt nữ VN,
Lãng Nhân - 328 tr.
US$18.00 - CA$28.00

Mưa đất lạ
Truyện ngắn, Trần Diệu Hằng - 152 tr.
US$7.00 - CA$11.50

Mười hai hoa cúc
Truyện ngắn, Ngô Nguyên Dũng-272 tr.
US$12.00 - CA$19.00

Ngát hương mật ong
Truyện miền Nam,
Hồ Trường An-260 tr.
US$18.00 - CA$28.00

Nghệ thuật nấu ăn chay
Nguyễn Thị Phụng
144 tr.
US$8.00 - CA$13.00

200 món nấu ăn chay
Trần Văn Quý
160 tr.
US$8.00 - CA$13.00

Quê hương trong ngấn lệ
Truyện ngắn, Thanh Phương - 188 tr.
US$8.00 - CA$13.00

Tại ngục vịnh Kiều
Biếm văn, Hoàng Hải Thuỷ - 212 tr.
US$12.00 - CA$19.00

Tạp chủng
Truyện ngắn, Hồ Trường An - 288 tr.
US$14.00 - CA$22.00

Tình người
Tuyển truyện Na Uy,
Dương Kim - 206 tr.
US$10.00 - CA$16.00

Tuyển tập văn bút VN Ontario 1999
Tuyển tập thơ văn nhiều tác giả -196 tr.
US$12.00 - CA$19.00

Tuyết thư
Tạp văn, Nguyên Hương - 204 tr.
US$10.00 - CA$16.00

Thạch Kiếm
(bộ 4 cuốn, 1416 tr.)
Truyện dài thiền học kiếm đạo Nhật bản, Tự Tỉnh phóng-tác
US$60.00 - CA$90.00

Tham luận thơ, ca dao và tục ngữ
Biên khảo, Khải Chính - 176 tr.
US$9.00 - CA$14.00

Tháp Bà, Tháp Nhạn, giấc hương quan
Truyện ngắn quê hương, Diên Khánh
222 tr.
US$12.00 - CA$19.00

Thơ Nguyễn Chí Thiện
thơ, 176 tr.
US$8.00 - CA$12.00

Thơ văn trên đất tuyết
Tuyển tập của các tác giả thuộc Văn Bút Ontario - 228 tr.
US$12.00 - CA$19.00

Trăng đất khách
Tuyển tập truyện ngắn của 18 nhà văn nhà thơ nữ hải ngoại: Tuý Hồng, Vi Khuê, Trần Diệu Hằng, Lê Thị Huệ, Nguyễn Thị Vinh, Nguyễn thị Ngọc Nhung, Phan thị Trọng Tuyến, Tuệ Nga, Vân Nương, Trần Mộng Tú, Vũ Quỳnh Hương, Trịnh Gia Mỹ...
352 tr.
US$15.00 - CA$24.00

Trong muôn vàn xa cách
Tạp văn, Thanh Phương - 236 tr.
US$10.00 - CA$16.00

Trong cơn vật vã
Tuyển tập thơ văn của 52 tác giả trong Văn Bút VNHN: Sơn Tùng, Ngọc Anh, Minh Đức, Diệu Tân, Cung Vũ, Cao Mỵ Nhân, Đào Trường Phúc, Hoàng Chính, Tống Minh Long Quân, Tuệ Nga, Trần Long Hồ, Việt Phương... - 304 tr.
US$15.00 - CA$24.00

CÁCH MUA

1) Lấy giá trên đây ***bớt đi 50%.***

2) Mua dưới 40 mỹ-kim (50 gia-kim): cộng thêm 50% cước-phí.

Mua trên 40 mỹ-kim (50 gia-kim): miễn cước-phí.

3) Gửi chi-phiếu về:

Làng Văn
P.O. Box 218 Stn. "U"
Toronto, Ontario
M8Z 5P1 - Canada
(hạn chót: 28-2-2002)

ĐT: 905-607-8010
Email:
langvan@home.com
www.tapchilangvan.com

sách mới về

BỔ-TÚC THƯ MỤC 2001 (IN TRÊN LÀNG VĂN 209)

150 món ăn chay
Quỳnh Hương
US$8.00 - CA$13.00

25 năm tiến xuống xã-hội chủ-nghĩa
Nhận-định
Vickie Willis
US$12.00 - CA$19.00

28 ngày đêm quyết-định vận-mệnh Trung quốc
Tài liệu - Thái Nguyễn Bạch Liên
US$15.00 - CA$22.50

55 ngày 55 đêm, cuộc sụp đổ của VNCH
Tài liệu, Chính Đạo
US$21.00 - CA$33.00

Anh hùng trong bóng tối
Hồi ký tập thể của Lực lượng Phục Quốc VN 1975 - 1976
Vinh Sơn Duy Việt
US$14.00 - CA$22.50

Ảo ảnh cuộc đời
Truyện ngắn
Trần Sĩ Lâm
US$12.00 - CA$19.00

Ba sinh hương lửa
Truyện dài
Doãn Quốc Sỹ
US$15.00 - CA$24.00

Bả giời
Truyện dài
Nguyễn Bình Phương
US$9.00 - CA$14.50

Ban-mê-thuột ngày đầu ngày cuối
Truyện ngắn
Trần Hoài Thư
US$15.00-CA$24.00

Bến bờ còn lại
Tạp văn,
Lương Thư Trung
US$14.00 - CA$22.50

Bên dòng sông Hằng
Tâm linh
Viễn Đằng Chu Tác
Nguyễn Văn Thực dịch
US$14.00 - CA$22.50

Binh biến 11.11.1960
Hồi ký
Vương Văn Đông
US$18.00 - CA$29.00

Bí quyết bế tinh
Giáo-dục Sinh-lý
Hoàng Hà
US$15.00 - CA$24.00

Bí-quyết vận khí để trị bệnh
Khí-công,
Phan Chính
US$7.00 - CA$11.50

Bonsai toàn thư
Khổ lớn,
bìa cứng
H. Tomlinson
Phạm Minh dịch
US$22.00 - CA$35.00

Bùa yêu
Truyện dài
Hùng Sơn
US$15.00 - CA$24.00

Bức phù điêu khắc cạn
Truyện ngắn
Nguyễn Thị Thảo An
US$12.00 - CA$19.00

Bước đầu học đạo
Phật học Anh Việt
A. Building
Thích Trí Thủ
US$7.00-CA$11.50

Cẩm-nang cờ tướng
Thiếu Lăng Quân
Nguyễn Tài Bình
US$12.00-CA$19.00

Câu cửa miệng
Ngôn ngữ, bìa cứng
Nhàn Vân Đình
US$14.00 - CA$22.50

Chân dung những tiếng hát I, II
Tạp văn
Hồ Trường An
Mỗi tập:
US$18.00 - CA$29.00

Chân dung và đối thoại
Bình luận văn chương về Tố Hữu, Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Khải...
Trần Đăng Khoa
US$13.00 - CA$20.50

Chìa khoá đại giác ngộ
Phật-học
Linh Thuỵ
US$12.00 - CA$19.00

Chiếc áo mộng mơ
Tiểu thuyết xã hội Trung Hoa
Quỳnh Dao
US$12.00 - CA$19.00

Chiến tranh Việt Nam toàn tập ***(Từ trận đầu đến trận cuối)***
Tài-liệu và nhận-định
TS Nguyễn Đức Phương
gần 1000 trang
khổ lớn, bìa cứng, jacket
US$45.00 - CA$70.00

Chiến tranh Đông Dương III - Biên giới Miên Việt, Hoa Việt 1979
Tài liệu,
Hoàng Dung
US$13.00 - CA$21.00

Chinh-phụ ngâm
Cổ-văn,
Việt Anh Pháp
Hoài Văn Tử
US$12.00-CA$19.00

Chữ nghĩa bề bề
Tạp văn
Đặng Trần Huân
US$12.00 - CA$19.00

Chuyện tình dang dở
Truyện ngắn
Thế Dũng
US$10.00 - CA$16.00

Cờ tướng khai cuộc
Phạm Tấn Hoa
Trần Tấn Mỹ
US$8.00-CA$13.00

Cờ tướng Xa Mã Pháo công sát thần chiếu
Công Sĩ
US$9.00-US$14.50

Cờ tướng tàn cuộc
Trần Tấn Mỹ
Lê Thiện Vị
US$10,00-CA$16.00

Cờ tướng tinh hoa
Tăng ích Khiêm
Nguyễn Tuyết Ngân
US$10.00-CA$16.00

Cố hương
Truyện ngắn
Hà Thúc Sinh
US$12.00 - CA$19.00

Cơn hồng thuỷ biển Đông
Tài liệu về thuyền nhân, Cao Thế Dung
US$13.00 - CA$21.00

Công-giáo, huyền-thoại và tội-ác
Charlie Nguyễn
US$15.00-CA$24.00

Công-giáo trên bờ vực thẳm
Nhận-định tôn-giáo
Charlie Nguyễn
US$15.00 - CA$24.00

Cuối ngày một lần ngồi lại
Truyện ngắn
Song Thao
US$10.00-CA$16.00

Cười là thang thuốc bổ
Truyện cười
Cả Cười
US$7.00 - CA$11.00

Cười lăn
Truyện cười
Cả Cười
US$7.00 - CA$11.00

Cửu Long cạn dòng, biển Đông dậy sóng
Tài liệu môi sinh
Ngô Thế Vinh
US$25.00 - CA$40.00

Dữ hơn rắn độc
Tiểu thuyết phóng tác
Hoàng Hải Thuỷ
US$15.00 - CA$24.00

Đại-đội cũ và trang sách cũ
Tạp-văn
Trần Hoài Thư
US$12.00-CA$19.00

Đặng Tiểu Bình, nhà chính-trị lỗi-lạc Trung-quốc
Biên-khảo
Ngô Thiện
US$18.00-CA$28.00

Đi vào cõi vô cùng
Biên-khảo thiên-văn
Hoàng Dung
US$12.00 - CA$19.00

Điên
Truyện ngắn
Hoàng Liên
US$14.00 - CA$22.50

Điều cần biết khi bạn phải sống với bệnh tiểu đường

BS Ngô Văn Quí
US$12.00-CA$19.00

Đoàn quân mũ đỏ
Truyện dài
Hoàng Ngọc Liên
US$12.00-CA$19.00

Đức tin Công giáo
Bình luận,
Trần Chung Ngọc
US$15.00 - CA$24.00

Giọt lệ tương tư
Tiểu thuyết
Quỳnh Dao
US$11.00 - CA$17.50

Giúp cường dương, trị bất lực bằng Yoga Krya
Giáo-dục sinh-lý
US$15.00 - CA$24.00

Hành hương đất Phật
Tài liệu, khổ lớn
Phan Thiết
US$20.00 - CA$32.00

Hạnh phúc có thật
Truyện ngắn
Bùi Bích Hà
US$10.00 - CA$16.00

Hèn đại-nhân
Truyện ngắn,
Lê Đạt
US$12.00 - CA$19.00

Hoa cỏ
Truyện ngắn Linh Thủy
US$15.00-CA$24.00

Hoá huyết thần công
Võ hiệp 6 cuốn
Trần Thanh Vân - Hàn Giang Nhạn
US$52.00 - CA$83.00

Hoả lò
Truyện ngắn
Nguyễn Chí Thiện
US$15.00-CA$24.00

Hồ Chí Minh, con người và huyền thoại
(1) - 1892-1924
Tài liệu,
Chính Đạo
US$16.00 - CA$26.00

Hồ sơ mật dinh Độc-Lập
Tài-liệu
Nguyễn Tiến Hưng
US$25.00-CA$40.00

Hồng lâu mộng
(3 tập)
Cổ văn, bìa cứng
Tào Tuyết Cần
US$49.00 - CA$78.00

Hùm chết để da
Truyện ngắn miền Nam, Võ Phước Hiếu
US$12.00 - CA$19.00

Kho tàng truyện tiếu lâm VN
Nguyễn Cử &
Phan Trọng Thưởng
US$12.00 - CA$19.00

Không cần đàn bà?
Phiếm,
Kathy Trần
US$14.00 - CA$22.50

Khung cửa nắng
Truyện dài
Ngô Nguyên Dũng
US$10.00 - CA$16.00

Kiến-trúc Phật-giáo Việt-nam II
Tài-liệu
Nguyễn Bá Lăng
US$15.00 - CA$24.00

Kiều
Anh Việt, Hoài Văn Tử
US$18.00-CA$28.00

Kim Vân Kiều
(Anh văn) Bìa cứng
Lê Xuân Thuỷ
US$16.00 - CA$25.50

Kim Vân Kiều
(Pháp văn) Bìa cứng,
Nguyễn Văn Vĩnh
US$22.00 - CA$35.00

Kinh-nghiệm lịch sử và hướng đi tới của VN
Nhận-định chính-trị
Nam Minh Bách
US$14.00-CA$22.50

Kỷ vật đầu tay và cuối cùng I & II -
Tác phẩm của Khái Hưng và các bài tưởng niệm, nhiều tác giả
US$45.00 - CA$72.00

Kỹ-thuật phòng the cao-cấp
Giáo-dục sinh-lý
US$14.00 - CA$22.50

Lan man ngày tháng cũ
Truyện ngắn và bút ký
Nguyễn Mạnh An Dân
US$13.00 - CA$21.00

Lời tỏ tình đã cũ
Truyện ngắn
Hoàng Chính
US$10.00 - CA$16.00

Lư Sơn kỳ nữ
Võ hiệp (3 cuốn)
Tiền Phong Từ Khánh Phụng
US$36.00 - CA$58.00

Lý-thuyết & thực-hành đàn guitar
Ngô Ngọc Thăng
US$14.00 - CA$22.50

Mai hoa dịch tân biên
Bói toán, bìa cứng
Vưu Sùng Hoa
US$19.00 - CA$30.00

Mộng trường so le
Truyện ngắn
Việt Phương
US$12.00 - CA$19.00

Một thời Hoàng tộc tập 2
Biên-khảo, Bảo Thái
US$15.00 - CA$24.00

Năm con rồng Á-châu
Thời-sự kinh-tế
Đỗ Đức Thống
US$12.00 - CA$19.00

Nằm trong cơn gió vô tình
Truyện ngắn
Saroyan Vann Phan
US$10.00-CA$16.00

Ngã tư hoàng-hôn
Truyện dài phóng sự tiểu thuyết - Văn Quang
US$18.00 - CA$29.00

Người Cộng sản đã tin linh hồn có thật?
Tài liệu
Phạm Quế Dương, Trần Phương, Hoàng Hải Thuỷ
US$8.00 - CA$13.00

Người đàn bà bên kia vĩ tuyến
Truyện dài
Doãn Quốc Sỹ
US$17.00 - CA$27.00

Người Mỹ và chiến-tranh Việt-Nam
Liên hệ quân-sự chính-trị 1945-1975
Nguyễn Kỳ Phong
US$18.00-CA$29.00

Nhân chứng một chế độ I, II, III
Hồi ký, Huỳnh Văn Lang
Tập I: US$23 - CA$37
Tập II, III mỗi tập:
US$20.00 - CA$32.00

Nhận diện chân dung nhà văn
Phê bình Huy Cận, Xuân Diệu, Thế Lữ, Tô Hoài, Tú Mỡ, Vũ Trọng Phụng
Lý Hồng Xuân
US$16.00 - CA$26.00

Nhớ Huế
Truyện ngắn
Phạm Thành Châu
US$12.99 - CA$19.00

Những cái dại của người xưa
Lam Giang, Nguyễn Quang Trứ
US$11.00 - CA$17.50

Những cái khôn của người xưa
Lam Giang, Nguyễn Quang Trứ
US$11.00 - CA$17.50

Những người con của đất
Truyện dài Đỗ Bàng
US$14.00-CA$22.00

Những nỗi đau đời
Truyện
Thanh Thương Hoàng
US$14.00 - CA$22.50

Những tên biệt kích cầm bút
Hồi ký lao tù
Hoàng Hải Thuỷ
US$16.00-CA$26.00

Những vụ án ly kỳ đời Tống
Truyện dịch
Đào Thiện Trí
US$14.00 - CA$22.50

Nuôi trồng hoa lan
US$10.00 - CA$16.00

Phía bên kia mặt trăng
Truyện ngắn
Trần Thị Diệu Tâm
US$10.00 - CA$16.00

Phương-pháp trị bệnh huyết-áp cao
TT Thích Tâm Ấn
US$8.00-CA$13.00

Quán ven sông
Truyện ngắn
Hoàng Khởi Phong
US$14.00 - CA$22.50

Quê nội quê ngoại
Truyện miền Nam
Xuân Vũ
US$18.00 - CA$28.50

Quốc ca hay quốc nhục
Tài-liệu
Trần Viết Đại Hưng
US$14.00 - CA$22.50

Sàigòn - Cali 25 năm gặp lại
Bút ký, Văn Quang
US$13.00 - CA$20.50

Sài-gòn tuyết trắng
Hồi ký, Vũ Thuy Hoàng
US$18.00 - CA$29.00

Sau mùa bão biển
Truyện dài xã-hội đỏ
Cao Xuân Lý
US$12.00 - CA$19.00

Sông Côn mùa lũ
Truyện dài
(4 cuốn)
Nguyễn Mộng Giác
US$80.00 - CA$128.00

Tâm lý con người qua nét bút
Quang Bạch
US$12.00 - CA$19.00

Thấm mãi tình nhau
Tiểu thuyết xã hội
Trung Hoa
Quỳnh Dao - Ái Cầm
US$14.00 - CA$22.50

Thập vạn đại sơn vương
Võ hiệp (2 tập)
Hoàng Ly
US$24.00 - CA$38.00

Thế giới tâm linh
Tài liệu
Đoàn Văn Thông
US$15.00 - CA$24.00

Thế-giới Phật-giáo Tây-tạng
Đạt Lai Lạt Ma
US$14.00 - CA$22.50

Thế-hệ chiến-tranh
Truyện ngắn
Trần Hoài Thư
US$12.00 - CA$19.00

Thiền trong nghệ-thuật bắn cung
TT Thích Viên Lý
US$8.00 - CA$13.00

Thiếu Lâm Kiến An Việt Nam
Võ thuật
Nguyễn Văn Đại Nghĩa
US$15.00 - CA$24.00

Thủ-đức gọi ta về
Truyện ngắn,
Trần Hoài Thư
US$10.00 - CA$16.00

Thuở mơ làm văn sĩ
Hồi ký
Nguyễn Thuỵ Long
US$14.00 - CA$22.50

Tiên thiên khí công
Khí công
Phạm Văn Chính
US$12.00 - CA$19.00

Tiền chiến hậu chiến
Võ hiệp - đệ tam truyền kỳ Lục Tiểu Phụng; Cổ Long - Hàn Giang Nhạn
US$18.00 - CA$29.00

Tiếng kèm
(tìm hiểu tiếng Việt)
Phạm Văn Hải
US$25.00-CA$40.00

Tiếng nói Đoàn Thị Điểm trong Chinh-phụ ngâm-khúc
Biên-khảo văn-học
Lê Hữu Mục
Phạm Thị Nhung
US$15.00 - CA$24.00

Tình báo khoa học
Tài liệu, J. Bergier,
BS Bùi Nguyên Hiếu
US$14.00 - CA$22.50

Tình hận
Tiểu-thuyết phóng-tác
Tống Minh Long Quân
US$19.00 - CA$30.00

Tình yêu
Truyện ngắn,
Hoàng Nga
US$10.00 - CA$16.00

Tố-tâm kiếm (2 cuốn)
Võ hiệp, Kim Dung
US$24.00-CA$38.00

Tội ác và quả báo
Đoàn Văn Thông
US$10.00 - CA$16.00

Tôn-giáo đối chiếu Phật giáo, Ấn-độ-giáo
Tài-liệu, Trần Văn Kha
US$23.00 - CA$37.00

Tôn Tử binh pháp trong cờ tướng
Dương Diên Hồng
US$7.00-CA$11.50

Trạch vận tân án địa lý dương trạch
Phong thuỷ
Thẩm Trúc Nhưng
US$18.00 - CA$29.00

Trăm hoa đua nở trên đất Bắc
Tài liệu về Phong trào Nhân Văn, Giai Phẩm tại miền Bắc Cộng-sản năm 1956 của Mạc Đinh Hoàng Văn Chí
US$18.00 - CA$28.50

Truyện cổ Đông phương
Phạm Thăng
US$7.00 - CA$11.00

Truyện cổ nước Lào
Quốc Chính
US$6.00 - CA$10.00

Truyện cổ nước Pháp
Tế Xuyên
US$6.00 - CA$10.00

Truyền thống văn hoá VN trong văn chương đối liễn
Biên khảo
Trần Công Định
US$15.00 - CA$24.00

Tù binh và hoà bình
Bút ký chiến tranh
Phan Nhật Nam
US$13.00 - CA$21.00

Tứ hải quần long
Võ hiệp, (4 cuốn)
Gia-Cát Thanh Vân
Lão Sơn Nhân
US$40.00 - CA$64.00

Từ bi và kẻ thù
Đạt Lai Lạt Ma
US$15.00 - CA$24.00

Tự điển Phật học
bìa cứng, khổ lớn
Chân Nguyên &
Nguyễn Tường Bách
US$28.00 - CA$44.50

Tự điển nhân danh, địa danh và tác phẩm văn học Trung Hoa
BS Hoàng Xuân Chính
US$30.00 - CA$48.00

Tự điển thành ngữ, tục ngữ Hoa Việt
bìa cứng,
Nguyễn Văn Khang
US$16.00 - CA$25.50

Tự điển thành ngữ, tục ngữ Việt Hoa
bìa cứng
Nguyễn Văn Khang
US$15.00 - CA$24.00

Tự học tiếng Anh, luyện nghe và thực hành (sách & 2 tape)
Trình Tiến
US$20.00 - CA$32.00

Tử vi địa lý phong thuỷ dương trạch
(cho 100 tuổi 1904-2003) Phong thuỷ,
Ngô Quốc Phong
US$26.00 - CA$42.00

Tuỳ Đường diễn nghĩa
(3 tập) Cổ văn, bìa cứng, Chủ Nhân Hoạch
US$45.00 - CA$72.00

Tuyển tập Võ Phiến
Truyện ngắn, Võ Phiến
US$25.00 - CA$40.00

Tuyển truyện kinh dị và kỳ dị
Nguyễn Đình Khánh
US$12.00 - CA$19.00

Văn học Việt Nam từ điển nhìn hậu hiện đại
Tiểu luận
Nguyễn Hưng Quốc
US$17.00 - CA$27.00

Vết hằn mùa xuân
Truyện ngắn
Ngô Viết Trọng
US$12.00-CA$19.00

Việt Nam 1920-1945 Cách mạng và phản cách mạng thời đô-hộ thuộc-địa
Tài liệu, Ngô Văn
US$18.00 - CA$29.00

Việt-nam khát-vọng dân-chủ tự-do
Nhận-định chính-trị
Nguyễn Chí Thiệp
US$28.00 - CA$45.00

Việt Nam niên biểu
Tập C: 1939-1975
Tài liệu, Chính Đạo
US$22.00 - CA$35.00

VN qua lăng-kính 24 nhân-vật thời-đại
Phỏng-vấn Lý Tòng Bá, Nguyễn Đình Huy, Stephen Young, LM Nguyễn Hữu Lễ, Thượng-tọa Thích Viên Lý,..
Nguyễn Vạn Hùng
US$15.00 - CA$24.00

Việt-nam quang hoa
Tạp-khảo văn-hoá
Thái Văn Kiểm
US$13.00 - CA$21.00

Vietnamese for you
sách & 2 băng học tiếng Việt
Nguyễn Văn Khôn
US$15.00 - CA$24.00

Vòng quanh thế giới người Việt hải ngoại
I, II
Tài liệu, nhiều tác giả
Mỗi tập:
US$15.00 - CA$24.00

Vũ-trụ và con người
Sách tâm linh (2 cuốn) Võ Hữu
US$30.00-CA$48.00

Yêu chui
Truyện dài
Vũ Kiến An Quân
US$15.00-CA$24.00

Liên-lạc: Làng Văn
Box 218 Station "U"
Toronto, ON
M8Z 5P1 - Canada

Xin xem Thư Mục 2000 in trên Làng Văn số 209 để biết số % được bớt cho độc-giả dài hạn .

Xin hỏi tại các đại lý sau đây

WASHINGTON DC:
- Washington Productions (703) 538-4979
- Vĩnh Hảo Video (703) 534-6422
- Sovina Service & Travel (703) 641-0555

LITTLE SAIGON, NAM CALI:
- TTBN Bích Thu Vân (714) 897-4519
- Đà-Lạt Music (714) 638-0612

S. FRANCISCO, BẮC CALI:
- Nhà sách Mõ Làng (415) 673-8115

ARLINGTON, TEXAS
- TTBN Nhạc Trẻ (817) 274-8499

HOUSTON, TEXAS:
- TTBN Phương Mi (713) 523-1131

KANSAS CITY, MO:
- KIM's (816) 231-2434

EDMONTON, CANADA:
- Lucky 97 Tailor (780) 425-1396

Giá bán: COMPACT DISC: **$12.00** — CASSETTE: **$8.00** — LỜI BÀI HÁT: **$5.00**

Ngoài Hoa Kỳ và Canada, xin thêm $3.00 cước phí (Air Mail/Par Avion)

N.A. PRODUCTIONS

© ℗ 2000 by Nguyệt Ánh - Warning All Rights Reserved

P.O. Box 4003, Falls Church, VA. 22044 USA
Phone: (703) 533-0264 - Fax: (703) 532-7453

LỆ LÀNG

MUA BÁO DÀI HẠN
NHANH . RẺ . NHIỀU QUYỀN LỢI KHÁC

Độc-giả mua báo dài hạn nhận báo gửi về tận nhà, được bớt từ 10% đến 25% khi mua sách do *Làng Văn* phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân-phiếu hoặc bưu-phiếu về tòa-soạn tại Gia-nã-đại (Canada).

GIÁ BÁO DÀI HẠN
(hiệu-lực từ tháng 9 năm 2001, thay thế tất cả các giá trước đó)

. ***Báo gửi trong Canada:*** - một năm 12 số: CA$55gia-kim
- hai năm 24 số: CA$105 gia-kim

. ***Gửi đi Hoa-kỳ:*** **nên mua báo gửi bằng đường bộ**

đường bộ: - một năm 12 số: US$55 (CA$85 gia-kim)
- hai năm 24 số: 105 mỹ-kim (160 gia-kim)

hàng không: - một năm: US$70 mỹ-kim (CA$110 gia-kim)

. ***Các nước khác:***

đường thủy: - một năm 12 số: US$55 (CA$85 gia-kim)
- hai năm 24 số: 105 mỹ-kim (160 gia-kim)

hàng-không: - một năm 12 số: US$85 mỹ-kim (CA$130)

Ghi-chú:
- CA$: gia-kim, tiền Canada; US$: mỹ-kim, tiền Mỹ
- Nếu trả bằng tiền địa-phương, xin theo giá sau (1 năm):

Đức, Pháp, Ý, Hòa-lan, Bỉ, Tây-ban-nha, Bồ-đào-nha, Thuỵ-sĩ, Phần-lan, Lục-xâm-báo, Ai-nhĩ-lan, Ao và Hi-lạp:
đường thủy: 65 âu-kim (EC) - máy bay: 105 âu-kim (EC).

Anh: đường thủy 35 bảng/ hàng-không 55 bảng
Đan-mạch: đường thuỷ 450 krone / hàng không 700 krone
Na-uy: đường thuỷ 550 krone / hàng-không 850 krone
Nhật-bản: đường thủy 6.000 yen/hàng-không 10.000 yen
Úc: đường thủy 110 úc-kim / hàng-không 170 úc-kim

<u>Gửi về tòa soạn Canada</u>: Độc-giả cư-ngụ tại Canada, Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Ý, Hòa-lan, Bỉ, Tây-ban-nha, Thuỵ-sĩ, Phần-lan và Áo xin gửi chi-phiếu cá-nhân bằng tiền địa-phương về tòa-soạn. Độc-giả tại các nước khác xin gửi money-order bằng tiền Mỹ hoặc postal money-order (mua tại bưu-điện) bằng tiền Canada về toà-soạn Làng Văn ở Canada (xem địa-chỉ ở trang 1); hoặc:

Đức:	Na-uy:	Hòa-lan:	Úc-đại-lợi:
Dr. Ngô Việt Dũng	Dương Kim	Hồ Thị Chiến	Nguyễn Văn Tạ
Postfach 104122	Bjorn Bodesvei 153	Bazillehof 36yster 77	3/45 51 Ivy St.
44041 Dormund	1253 Oslo	1628 XD-Hoorn-NH	Greenacre, NSW 2190

Lưu ý: các văn-phòng đại-diện chỉ nhận chi-phiếu, chuyển hồ-sơ; không có dữ-kiện để giải-quyết các vấn-đề giao-dịch.

Quí vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên trong vòng 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) hoặc 12 tuần (nếu mua báo gửi bằng đường thủy) sau ngày tòa-soạn nhận được chi-phiếu. Sau thời-hạn này, nếu chưa nhận được, xin thông-báo cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu trên nhãn địa-chỉ của bạn ngoài phong-bì gửi báo. Xin vui lòng cắt nhãn này để dành. Khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, mua sách, gia-hạn báo, đổi địa-chỉ, v.v.), xin gửi kèm mã-số để tránh nhầm lẫn. Mã-số này gồm ba nhóm số và chữ. Nhóm thứ nhất là mã-số riêng, không bao giờ thay-đổi. Nhóm thứ hai là hạn báo của quí vị, ghi số báo chót sẽ nhận được. Nhóm chữ cuối cùng (nếu có), là cách gửi báo (máy bay, đường bộ,..).

Quí độc-giả mới, hoặc vừa tái hạn, trong vòng 90 ngày, xin vui lòng kiểm-soát lại nhóm số thứ hai (hạn báo). Nếu thấy không đúng với con số do quí vị tính, xin thông-báo ngay cho tòa-soạn.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, tên đệm, tên:.....

Địa chỉ:.....

.....

.....

mua:.....số báo; từ số:.....; kèm chi-phiếu:.....$

Ngân, chi-phiếu xin đề và gửi về:

"LÀNG VĂN"

P.O. Box 218, Station "U", Toronto, ON M8Z 5P1, Canada

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....số báo, kể từ số:.....

để tặng cho:.....

Địa-chỉ:.....

.....

.....

Xin đề: "Do.....tặng

kèm theo ngân, chi-phiếu:.....$

Lưu ý: Khi đổi địa-chỉ, xin quí độc-giả vui lòng báo trước cho tòa-soạn biết. Dùng phiếu đổi địa-chỉ in ngoài phong bì gửi báo; hoặc ghi rõ: tên người mua báo, mã-số và địa-chỉ cũ kèm theo địa-chỉ mới. Tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả lại.

BÀI VỞ

1. Khi gửi bài cho *Làng Văn*, tác-giả đương-nhiên đồng ý cho phép toà-soạn đăng trên báo, in sách, phát-thanh, và phổ-biến trên băng. Nếu tác-giả cần giữ lại cho sách riêng sau khi đăng báo, hoặc giao cho các nhà xuất-bản khác, xin thông-báo cho tòa-soạn để tránh in trùng.

2. Khi in sách, tòa-soạn sẽ trả nhuận bút hoặc tặng sách.

3. Tòa-soạn không hoàn lại bản-thảo, dù kèm tem, xin quí tác-giả vui lòng sao giữ lại.

4. Nếu viết bằng máy vi-tính IBM hoặc tương-đương, xin vui lòng gửi đĩa bài hoặc email bản chữ về tòa-soạn.

5. Ngoại-trừ các bài có tính-cách tin-tức, thời-sự tòa-soạn cần phổ-biến rộng, *Làng Văn* tránh đăng bài trùng. Bài gửi riêng cho *Làng Văn*, xin ghi chữ *"riêng"* ở góc trái, phía trên đầu bài.

6. Nếu không cho phép tòa-soạn nhuận-sắc, xin ghi thêm các chữ *"không sửa"*.

7. Bài đã ghi vào cột *"sẽ đăng"*, muốn gửi cho báo khác, xin vui lòng báo trước.

8. Bài đã đăng trên *Làng Văn*, sau ba tháng, tác-giả có thể gửi đăng lại trên các báo khác.

9. Quí đồng-nghiệp muốn trích đăng lại, xin vui lòng báo trước và chờ sự thỏa-thuận bằng thư hoặc email. Bài trích đăng, xin ghi rõ các chữ: *(Làng Văn số...)* ngay bên dưới tên tác-giả hoặc cuối bài.

Sống trong thời khủng-bố
Đi xa chỉ gánh phiền
Cười là thang thuốc bổ,
Nằm nhà đọc, đỡ ghiền!

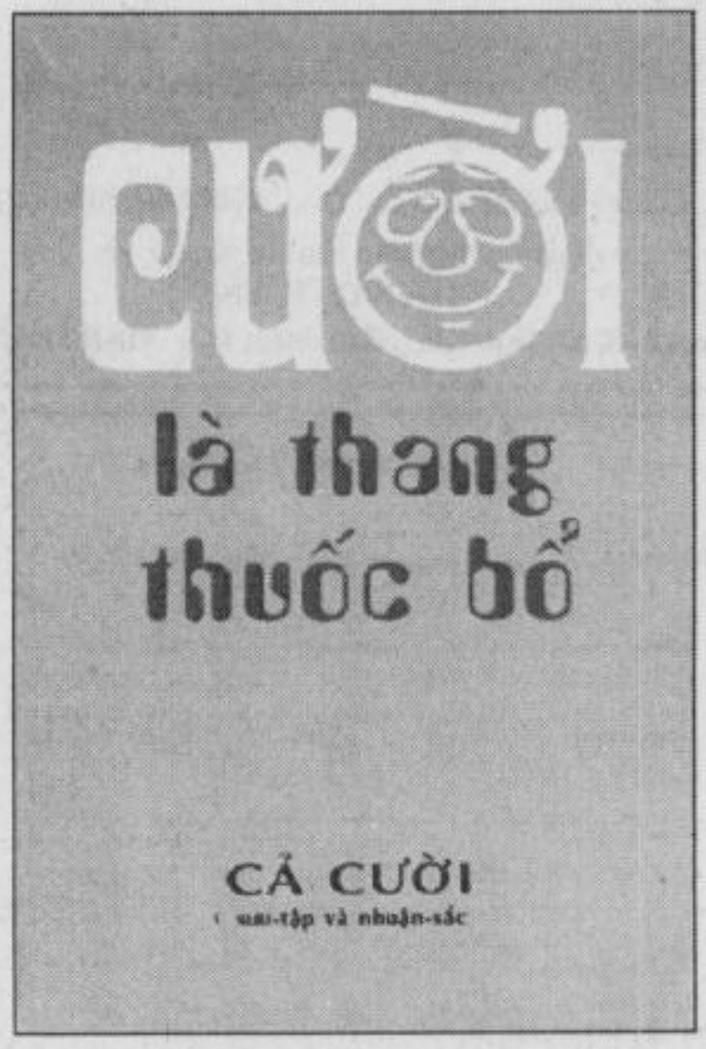

Giá 7 mỹ-kim (11 gia-kim)- Liên-lạc: Làng Văn

HOMELIFE
HomeLife Realty Centre Corp.
2579 Hurontario St., Missisauga, Ont., L5A 2G4

Steven
KIEN TRONG DAO
Sales Representative
(Đào Trọng Kiền)
Bus: (905) 279-8300
Fax: (905) 279-5344
Res: 905) 566-5234
Pager 24/24 qua văn-phòng

Chuyên môn phụ trách mua bán, sang nhượng
Nhà Đất - Cơ Sở Thương Mại ...
trong vùng Mississauga, Brampton, Toronto và phụ cận.

- **Phục vụ tận tâm, uy tín, đứng đắn, tín nhiệm.**
- **Theo dõi thị trường, định giá chính xác.**
- **Giúp đỡ định giá, trả giá và hoàn tất thủ tục.**
- **Giới thiệu tìm vay mortgage dễ dàng.**
- **Giới thiệu Luật sư uy tín tận tâm**

Hai thi-tập mới nhất của Trần Vấn Lệ **thơ hay in đẹp** *do Người Tàu và Người Mỹ xuất-bản*

Giá mỗi tập:
US$10 (CA$16)
Liên-lạc:
Làng Văn
Box 218 Stn. U
Toronto, ON
M8Z 5P1
Canada

BÁO SONG NGỮ VIỆT-PHÁP
ASIE **Tin Tức**
Báo Trào Phúng, Thông Tin

Đỗ vật cổ khai quật chứng minh
Trường sa thuộc Việt Nam

Le Canard enchaîné, tuần báo trào phúng nổi tiếng nhất thế giới, tờ báo lớn Le Monde và nhiều báo chí Việt và Pháp đã từng trích Scoop của Tin Tức: nguyệt san song ngữ Việt Pháp nhiều độc giả nhất Âu Châu - Mua dài hạn 30US$ một năm. Money Order:

Tin Tức, 67 rue Saint Jacques 75005 Paris, France
Phone: 33 1 69 81 75 81 Fax: 33 1 69 53 03 41

Bác-sĩ toàn-khoa
QUẢN ĐỨC MINH
Nha-sĩ, DDS
NGUYỄN THÙY DUNG
2580 Shepard Ave., Unit # 31,
MISSISSAUGA, ON L5A 4K3
ĐT: (905) 615-0468

Nha-sĩ NGUYỄN THANH NHÀN
1280 Finch Ave. W., Suite 707
Downsview, Ont. M3J 3K6
(trong Nor-Am Tower)
ĐT: (416) 663-3200

Nha-sĩ TỪ CHẤN PHONG
3085 Hurontario St., #209
MISSISSAUGA
ĐT: (905) 897-8527

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO,
. TRANG TRONG:
- nguyên trang $120 một kỳ
- nửa trang $70 một kỳ
- 1/4 trang $40 một kỳ

Bớt 20% cho độc-giả dài hạn.
. BÌA LƯNG: 1 ô (3.25"x7") $200 / kỳ
. TRANG BÌA TRONG:
- 1 ô nhỏ: $120 nguyên năm (12 kỳ)
- 2 ô: $200 nguyên năm (12 kỳ báo)
- 15 ô (nửa trang): $100 một kỳ

Nha-sĩ
NGUYỄN THỊ KIM HOÀN
741 Broadview Ave., #201,
Toronto, Ont. M4K 2P6
Subway Broadview Phố Tàu Đông
CHUYÊN GIẢI-PHẪU NƯỚU,
LẤY GÂN MÁU,
TRỒNG RĂNG THẨM-MỸ
CỐ-ĐỊNH VÀ THÁO RỜI
ĐT: (416) 461-5437

A-T SERVICES
VĂN-PHÒNG KẾ-TOÁN
&
KHAI-THUẾ LỢI-TỨC
TRẦN ÁNH TUYẾT
806 College St. (góc Ossington)
(416) 588-4256
Nhận chuyển hồ-sơ trực-tiếp
lên sở thuế qua đường dây điện-tử

NHẬN ĐÁNH MÁY
COMPUTER CHỮ VIỆT

TRÌNH-BÀY VÀ ẤN-LOÁT
SÁCH, BÁO, QUẢNG-CÁO
Phẩm chất cao, giá hạ
Trang: (905) 625-9194
(buổi tối & chủ-nhật)

Có tác-phẩm, có phương-tiện, tìm nhà in?

Hãy gõ cửa Làng Văn,
giao cho nhóm xuất-bản chuyên-nghiệp
. Xếp chữ bằng máy vi-tính, lên trang
. Trình bày bìa và phụ-bản
. In thành sách, gửi đến tận nhà
NHẬN IN TỪ 300 CUỐN TRỞ LÊN, GIÁ RẺ VÔ ĐỊCH

LIÊN-LẠC:
LÀNG VĂN
P.O. BOX 218 STATION "U"
TORONTO, ONTARIO M8Z 5P1 CANADA
ĐT: (905) 607-8010 - FAX: (905) 607-8011
EMAIL: langvan@home.com

LÀNG VĂN GIỚI-THIỆU:
mười cuốn sách của Cả Cười

Thêm hương thêm hoa cho cuộc đời,
tươi mát, lành mạnh, thoải mái
thích-hợp cho mọi hoàn-cảnh, mọi sinh-hoạt:
cộng-đồng, sân-khấu, gia-đình, tiệc tùng, họp bạn, v.v.

Giá mỗi cuốn 7 mỹ-kim (11 gia-kim)

Gửi chi-phiếu về:
LÀNG VĂN
P.O. Box 218
Station "U"
Toronto, Ontario
M8Z 5P1
Canada

NHA-KHOA THẨM-MỸ VÀ GIA-ĐÌNH + IMPLANT (CẤY RĂNG)

DR. MICHAEL
LÊ ĐÌNH HÒA

20 Adelaide St. East, Unit #100
Toronto, Ontario M5C 2T6
Tel: (416) 429-0150 - (416) 971-6956
(giữa các trạm subway King và Queen - có chỗ đậu xe)

BÁC-SĨ GIẢI-PHẪU THẨM-MỸ
NGUYỄN THẾ LẠC

FRCS (C), CSPQ
TỐT-NGHIỆP TẠI CANADA
Nguyên bác-sĩ giải-phẫu tạo hình Tổng Y-viện Cộng-hòa và Bệnh-viện Bình-Dân
Bác-sĩ giải-phẫu thẩm-mỹ tại Sài-gòn

984 Colborne St. E., Brantford, Ontario, Canada N3S 3T4
Điện-thoại: (519) 753-6477
Cell: (519) 755-9285

Làm việc theo hẹn
Thứ Hai tới Thứ Bảy: 9g sáng-6g chiều
Chủ-nhật: theo hẹn

Lấy QEW (hướng Hamilton& Brantford), đổi sang 403 (Hamilton & Brantford), by pass Hamilton, exit Wilson St. West to Brantford (Wilson St. W. là Hwy 2 West cũ), đường này nối vào Colborne St. E.